

# **LIỄU PHÀM TỨ HUẤN**

**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**

**Thời gian: Tháng 4 Năm 2001**

**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**

**Thâm Quyển - Trung Quốc**

## **Mục Lục**

<b>Tập 1 .....2</b>	<b>Tập 11 .....87</b>
<b>Tập 2 .....11</b>	<b>Tập 12 .....96</b>
<b>Tập 3 .....20</b>	<b>Tập 13 .....103</b>
<b>Tập 4 .....28</b>	<b>Tập 14 .....111</b>
<b>Tập 5 .....37</b>	<b>Tập 15 .....119</b>
<b>Tập 6 .....46</b>	<b>Tập 16 .....127</b>
<b>Tập 7 .....54</b>	<b>Tập 17 .....135</b>
<b>Tập 8 .....62</b>	<b>Tập 18 .....143</b>
<b>Tập 9 .....70</b>	<b>Tập 19 .....151</b>
<b>Tập 10 .....79</b>	<b>Tập 20 .....159</b>

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 1**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Minh Tâm**  
**Thời gian: 16.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Hôm nay chúng ta có thể ở trong phòng quay của đài truyền hình Phụng Hoàng, để chia sẻ với mọi người về Liễu Phàm Tứ Huấn.

Cuốn sách này vào năm tôi 26 tuổi, là cuốn sách tôi đọc đầu tiên lúc mới tiếp xúc Phật pháp. Nó đối với tôi có ảnh hưởng rất lớn, có thể nói là ảnh hưởng cả cuộc đời tôi. Tôi vô cùng yêu thích cuốn sách này, thường đọc tụng, cũng từng giảng không ít lần. Trước đây giảng và những gì bây giờ giảng, trên phương diện cảnh giới đương nhiên có nhiều điều khác nhau, nhưng những gì nói trước đây vẫn có thể làm tham khảo.

Liễu Phàm tiên sinh họ Viễn, tên gọi là Hoàng, hoàng của hồng hoàng lam trắng đen, tự là Khôn Nghi, đương thời ông là người huyện Ngô Giang tỉnh Giang Nam. Ông sinh vào thời Minh Thế Tông, Thế Tông là hoàng đế đời thứ 12 của nhà Minh, năm Gia Tĩnh thứ 14, tức năm 1535 của công nguyên. Như vậy quý vị sẽ có một khái niệm rõ ràng hơn, cách chúng ta hiện nay khoảng hơn 500 năm.

Ở sau Liễu Phàm Tứ Huấn có kèm theo một bài viết là Dũ Tịnh Ý Công Ngụ Táo Thần Ký, là một bài viết rất đáng cho chúng ta học tập. Dũ Tịnh Ý sanh vào năm Gia Tĩnh thứ tư, lớn hơn Liễu Phàm tiên sinh 10 tuổi. Vào năm Đinh sửu, họ từng tức là lần thứ hai Liễu Phàm tiên sinh thi tiến sĩ, năm đó ông 43 tuổi, còn Dũ Tịnh Ý 53 tuổi, hai người họ là đồng khoa. Dũ Tịnh Ý thi đậu, Liễu Phàm tiên sinh thi không đậu. Cho đến năm Bính tuất, Liễu Phàm tiên sinh 52 tuổi mới thi đỗ tiến sĩ.

Chúng ta quan sát từ truyện ký về cuộc đời của ông, thay đổi chính mình cũng là một việc rất gian khổ, không phải là điều đơn giản. Đặc biệt là trước đây, 20 năm trước rất gian nan. Đến lúc về già, công phu thuần thực, đoạn ác tu thiện ngày càng dễ dàng hơn. Chúng ta cùng nhau xem trong sách nói gì.

*“Dư đồng niên tang phụ”*. “Dư” là Liễu Phàm tiên sinh tự xưng, “đồng niên” là lúc còn nhỏ. Căn cứ theo *“học thuyết lập mạng”*, chúng ta biết ông mất cha chắc chắn trước năm 15 tuổi. Làm sao biết được? Vì lúc ông gặp Khổng tiên sinh là năm 15 tuổi, bởi vậy chắc chắn là trước năm 15 tuổi. *“Lão mẫu mạng, khí cử nghiệp học y”*. “Cử nghiệp” nghĩa là đọc sách cầu công danh. Mẹ ông nói với ông, không cần đọc sách để cầu công danh, khuyên ông học y. *“Vị khả dĩ dưỡng sanh, khả dĩ tế nhân”*, học y rất hay, có thể tự nuôi thân, cũng có thể cứu tế cho những người bệnh khổ. *“Thả tập nhất nghệ dĩ thành danh, nữ phụ túc tâm dã”*.

Nếu như học thật tốt y học, tương lai có thể trở thành danh y, đây cũng là nguyện vọng của cha con đối với con.

“*Hậu, dư tại Từ Vân Tự, ngộ nhất lão giả, tu nhiệm vĩ mạo, phiêu phiêu nhược tiên, dư kính lễ chi*”. Về sau, “*hậu*” là năm ông 15 tuổi, công nguyện năm 1549, tại Chùa Từ Vân ông gặp được một người. “*Tu nhiệm vĩ mạo*”, tu nhiệm là râu rất dài, tướng mạo vạm vỡ khôi ngô. “*Phiêu phiêu nhược tiên*”, không giống như người phàm, khi ông nhìn thấy, đối với người này rất kính lễ. Do đây có thể biết, Liễu Phàm tiên sinh từ lúc còn nhỏ được giáo dưỡng thật tốt. Tuy tuổi còn rất trẻ, mới 15 tuổi, nhưng rất hiểu quy củ xử sự đối nhân tiếp vật, điều này khiến nhiều người yêu thích, khiến người hoan hỷ.

“*Ngũ dư viết*”, người này nói với ông. “*Tử nhậm lộ trung nhân dã*”, người này hình như rất biết xem tướng, vừa gặp liền nói, cậu có số làm quan. “*Minh niên tức tán học*”, “*tán học*”, tức sang năm ông sẽ thi đậu tú tài. “*Hà tất đọc thư*”, vì sao không đọc sách? Ông đi khắp nơi bên ngoài, vì sao không ở nhà đọc sách? “*Dư cáo dĩ cố*”, ông liền đem những điều mẹ ông dạy như đừng đọc sách, nên học y. Ông đi khắp nơi bên ngoài, có thể là đi hái thuốc, vì 15 tuổi học y, vậy nhất định là học nghề, hoặc là theo đại phu, hoặc là học nghề trong tiệm thuốc. Điều này chúng ta đều có thể tưởng tượng được. Ông đem ngọn nguồn nói với vị đạo trưởng này.

“*Tịnh khấu lão giả, tánh thị lý cư*”, thỉnh giáo quý tánh của đạo trưởng, từ đâu đến? “*Viết, ngộ tánh Không, Vân Nam nhân dã*”, người này nói với Liễu Phàm, ông ta họ Không, người Vân Nam. “*Đắc thiệu tử, hoàng cực số chánh truyền*”, Hoàng Cực Số Chánh Truyền của Thiệu Khang Tiết, hiện nay trong Tứ Khố Toàn Thư có thu thập. Tôi từng mở ra xem, nói thật là xem không hiểu, hoàn toàn thuộc về toán học cao cấp. Trong sách này không những có thể nói về vận mệnh của một người, mà còn nói đến vận mệnh quốc gia, vận mệnh của thế giới, hoàn toàn đoán định theo quẻ số trong Kinh Dịch. “*Số cai truyền nhữ*”, từ trên định số mà nói, tôi nên truyền cho cậu. Vị đạo trưởng này lần đầu tiên gặp Liễu Phàm, làm sao biết có thể truyền cho ông? Trong này chắc chắn có học vấn uyên thâm, học vấn này rất gần với phương pháp các bậc tổ sư Tông môn Giáo môn của Phật giáo truyền đạo. “*Dư dẫn chi quy, cáo mẫu*”, Liễu Phàm tiên sinh đưa vị đạo trưởng này về nhà gặp mẹ, nói với mẹ mình. “*Mẫu viết: Thiện đãi chi, thức kỳ số, tiêm tất giai nghiệm*”, người mẹ nói, tiếp đãi ông ta thật tốt, thử xem ông ta xem có đúng chẳng? Không ngờ vừa thử, ông ta xem quả nhiên rất đúng. “*Dư toại khởi đọc thư chi niệm*”, từ đây Liễu Phàm đối với những gì đạo trưởng suy đoán về mình, ông đã có niềm tin, lại sanh khởi ý niệm đọc sách. “*Muru chi biểu huynh trâm xưng*”, ông thương lượng với anh họ mình, anh họ nói. “*Ngôn, Uất Hải Cốc tiên sinh, tại trâm hữu phu gia khai quán, ngã tống nhữ ký học thậm tiện, dư toại lễ Uất vi sư*”. Anh họ của Liễu Phàm đưa ông đến nơi Uất Hải Cốc tiên sinh, Uất Hải Cốc dạy tư thực. “*Khai quán*”, chính là dạy tư thực, người anh họ gọi Liễu Phàm đến đó học. Liễu Phàm tiên sinh lạy Uất Hải Cốc tiên sinh làm thầy.

“*Không vi dư khởi số, huyện khảo đồng sanh, đương thập tứ danh, phủ khảo thất thập nhất danh, đề học khảo đệ cửu danh*”. Không tiên sinh coi cho Liễu Phàm, ông ta nói sang năm cậu vào huyện thi tú tài, thi huyện đạt thứ 14, thi phủ đạt thứ 71, thi đề học đứng thứ 9, đề học là thi tỉnh, lúc đó thi tú tài phải thông qua ba cửa này. Sang năm đi thi, sang năm là 16 tuổi, năm 16 tuổi đi thi quả nhiên thi đậu, mà vị thứ hoàn toàn phù hợp. “*Minh niên phó khảo, tam xứ danh số giai hợp*”, có thể thấy bản lĩnh bói toán của Không tiên sinh không tệ, rất cao minh. Ông không phải là hàng thuật sĩ giang hồ, mà là một chuyên gia có thật học về thuật số, người ta thường gọi là chuyên gia mệnh lý. Ông có tài thật sự, không phải giả.

“*Phục vi bốc chung thân hưu cữu*”, đã linh nghiệm như vậy, vậy mời ông xem giùm lành dữ họa phúc trong đời mình. “*Ngôn, mỗ niên khảo đệ chỉ danh, mỗ niên đương bổ lẫm*”. “*Lẫm*” cũng là một cấp bậc trong tú tài, tương đương với học sinh được học bổng hiện nay. Lẫm là nhận lương thực, nó có số người nhất định, cần phải có chỗ trống, chức vụ còn bỏ trống, vị thứ thi đậu cao nhất của tú tài, mới được bổ sung vào, đây gọi là bổ lẫm. “*Mỗ niên đương công*”, công sanh cao hơn lẫm sanh một bậc, nhưng vẫn là tú tài. Trong tú tài phân chia rất nhiều cấp bậc, công sanh là cao nhất, lẫm sanh thứ nhì. “*Công hậu mỗ niên đương tuyển Tứ xuyên nhất đại doãn*”. Sau khi cậu làm công sanh, đến năm đó công sanh là đủ tư cách vào học ở Thái học. Lúc đó vào Thái học, Thái học là trường đại học do quốc gia thành lập, ngày xưa chỉ có một trường, gọi là Quốc Tử Giám. Thái học đều thành lập tại thủ đô, thành lập ở kinh thành. Thời nhà Minh, có hai trường Quốc Tử Giám, vì sao vậy? Khi Minh Thái Tổ xây dựng đất nước, đóng đô tại Nam Kinh, vì thế Nam Kinh có Quốc Tử Giám. Về sau đến thời Thành Tổ, Thành Tổ dời đô đến Bắc Kinh, cho nên Bắc Kinh cũng có Quốc Tử Giám. Như vậy trở thành đất nước thời nhà Minh thành lập hai trường đại học, thường thức này chúng ta cần phải biết. Công sanh trở lên mới có tư cách vào học trong Quốc Tử Giám. Đây là một năm nào đó sau khi được làm công sanh, cậu sẽ được tuyển làm một huyện trưởng ở Tứ Xuyên, “*đãi doãn*” là huyện trưởng. “*Tại nhậm tam niên bán, tức nghi cáo quy*”, cậu nhậm chức 3 năm rưỡi là phải cáo lão hồi hương. Vì sao vậy? “*Vào giờ sừ, ngày 14 tháng tám, năm 53 tuổi*”, coi một cách rất chuẩn xác, “*đương chung ư chánh tâm*”. Chánh tâm là hết thọ mạng, thọ mạng của cậu đã đến. “*Xí vô tử*”, số cậu không có con. “*Dư bị lục nhi cần ký chi*”, “*bị lục*” nghĩa là từng việc từng việc mà Không tiên sinh nói đều ghi chép lại, đây là những sự việc trong suốt đời ông.

“*Tự thử dĩ hậu, phàm ngô khảo hiệu, kỳ danh số tiên hậu, giai bất xuất Không công sở huyện định giả*”. Huyền nghĩa là ông ta đã đoán chắc. Về sau, mỗi năm đọc sách thi cử, vị thứ đều đúng như Không tiên sinh nói, không sai chút nào. Trong này có xen vào một việc: “*Độc toán dư thực lẫm mĩ, cửu thập nhất thạch ngũ đấu, đương xuất công*”. Tức khi ông ta làm công sanh, ông lãnh lương thực của quốc gia, cho ông lương thực, tức ngày nay chúng ta gọi là học sinh được nhận học bổng. Ông được nhận bao nhiêu gạo? Được nhận 91 thạch 5 đấu, ông ta liền xuất công. Hay nói cách khác, ông từ lẫm sanh thăng lên công sanh.

“*Cập thực mẽ thất thập dư thạch, đồ tông sư, tức phê chuẩn bổ công, dư thiết nghị chi*”. Không tiên sinh coi cho Liễu Phàm là lúc ông nhận được 91 thạch năm đầu mới có thể xuất công, nhưng khi ông nhận được hơn 70 thạch lúc này là đồ tông sư, tông sư nghĩa là đề học đương thời, quản lý giáo dục của một tỉnh, tương đương với trưởng phòng giáo dục hiện nay, ông được phê chuẩn bổ công sanh. Bổ công sanh, nghĩa là xuất công. Trong lòng ông thấy nghi hoặc, vì sao điều này không đúng? Không tiên sinh đoán sai việc này.

“*Hậu quả vi thụ ân dương công sở bác*”, Đồ tông sư phê chuẩn bổ công, văn kiện đưa lên được thụ ân, “*thụ ân*” là đại diện, đại diện tức là ông Dương này gạt bỏ nó, không chấp nhận Liễu Phàm bổ công. “*Trực chí Đinh mao niên*”, năm Đinh mao là Minh Mục Tông Càn Khánh nguyên niên, Liễu Phàm tiên sinh 33 tuổi. Chư vị thử nghĩ xem, 16 tuổi ông thi đậu tú tài, đến 33 tuổi mới làm công sanh, mười mấy năm, thời gian rất dài. Mãi đến năm Đinh mao, “*Ân Thu Minh tông sư kiến dư trường trung bị quyển thán viết, ngũ sách, tức ngũ thiên tấu nghị dã*”. Lúc này đọc học, tức là trưởng quan Ân Thu Minh chủ trì dạy học. Trong lúc rảnh rỗi, ông đem những bài thi của các tú tài trước đây, những bài thi bị đánh rớt đem ra xem lại từ đầu. Đột nhiên thấy bài thi của Liễu Phàm tiên sinh viết rất hay, cho nên liền cảm thán nói, năm bài này ông viết năm bài văn này giống như năm bài tấu chương. Kiến giải và chữ nghĩa của ông đều rất hay, có thể sánh với tấu chương của đại thần đối với hoàng đế.

“*Khởi khả sử, bác hợp yêm quán chi nho, lão u song hạ hô*”. “*Bác*” là nói ông có kiến văn quảng bác, học thức rất rất phong phú. “*Hợp*” là nói ông hiểu về lý luận rất thấu triệt. “*Yêm*” tức là văn nghĩa của ông rất thấu đáo, công phu nhất “*quán*”, văn chương như thế rất khó gặp. Ông ta nói không thể để người có học văn, có đức hạnh, có năng lực như vậy bị vùi dập, suốt đời làm một tú tài nghèo. “*Toại y huyện thân văn chuẩn công*”, lại một lần nữa xin cho Liễu Phàm bổ công, lần này được phê chuẩn. “*Liên tiên thực mẽ kế chi, thật cửu thập nhất thạch ngũ đấu dã*”. Không tiên sinh xem tướng không sai chút nào, đích thực ông nhận lương thực được 91 thạch năm đầu, ông mới có thể xuất công. “*Dư nhân thử ích tín, tân thoái hữu mệnh, trì tóc hữu thời, đạm nhiên vô cầu hỷ*”. Đến lúc này ông hoàn toàn khẳng định, tin rằng con người đều có vận mệnh, vận mệnh chậm hay nhanh đều có thời gian, không thể cưỡng cầu. Do đó tâm ông định, không có vọng niệm, thật sự làm được “*đối với người không tranh, đối với thế gian vô cầu*”. Cho nên tôi nói, hạng người này gọi là phạm phu chuẩn. Chúng ta làm phạm phu đều không chuẩn, từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, vọng cầu khắp nơi nhưng không cầu được. Số mạng có cuối cùng sẽ có, số mạng không có thời đừng vọng cầu, làm sao cầu được?

“*Cống nhập Yến đô*”. Làm công sanh, được đến Yến đô, đến Bắc Kinh, đến Bắc Kinh đương nhiên có thể muốn xem thử trường đại học quốc gia ở đó. Tôi nghĩ ông ta nhất định là đến hai trường đại học để tìm hiểu thêm, xem thử nên chọn học ở đâu, điều này chúng ta có thể tưởng tượng được. “*Lưu kinh nhất niên, chung nhật tĩnh tọa, bất duyệt văn tự*”. Vì sao vậy? Vì cuộc đời đều có số mạng, nghĩ gì đi nữa cũng chỉ phí công, cho nên không còn vọng niệm. Nói thực, ông bị

vận mệnh câu thúc, không còn cách nào khác. Chúng ta xem tình hình này của Liễu Phàm tiên sinh, cũng đáng để đồng tình, cũng rất đáng thương.

“*Kỷ ty quy*”. *Kỷ ty* là năm thứ hai, năm thứ hai từ Bắc Kinh trở về phương nam. “*Du nam ung*”, lúc này Liễu Phàm tiên sinh 35 tuổi, “*Nam ung*” là Quốc Tử Giám của Nam kinh. Có thể thấy ông điều tra rất rõ ràng, ông chọn trường đại học Nam kinh, muốn đến trường này học. “*Vị nhập giám*”, còn chưa đi học, trước khi chưa đi học. “*Tiên phòng Vân Cốc Hội thiên sư*”. Lúc chưa đi học, nghe nói trên núi Thê Hà, núi Thê Hà ở Nam kinh, hiện nay Nam kinh có ngôi Chùa Thê Hà, ông đến núi Thê Hà thăm thiên sư Vân Cốc.

“*Vân Cốc*” là hiệu của đại sư, pháp danh của ngài gọi là “*Pháp Hội*”, cho nên ở đây xưng ngài là “*Hội Thiên sư*”, đây là tôn xưng ngài. Đương thời thiên sư Vân Cốc là một lão niên trong Phật giáo, một vị cao tăng. Lúc này thiên sư Vân Cốc đã 69 tuổi, Liễu Phàm tiên sinh 35 tuổi, thiên sư lớn hơn Liễu Phàm 34 tuổi. Liễu Phàm đi gặp thiên sư năm 35 tuổi, đây cũng là lần gặp đầu tiên. Phần sau truyện ký chúng ta thấy, hành nghi của thiên sư Vân Cốc, đạo phong của ngài, ngài là một bậc thật sự khai ngộ. Tuy xuất gia lúc còn rất trẻ, khi xuất gia cũng giống như hiện nay vậy, làm những việc kinh sám Phật sự. Nhưng lúc đó kinh sám Phật sự, tính chất hoàn toàn không giống như chúng ta bây giờ. Sau đó ngài giác ngộ, xuất gia làm những điều này không liên quan đến việc liễu sanh tử xuất tam giới. Tôi không phải vì điều này mà xuất gia, xuất gia như vậy chẳng khác nào để duy trì cuộc sống của mình mà thôi, mà sanh tử là việc lớn.

19 tuổi ngài đi tham học, tầm sư học đạo, về sau ngài đã thành tựu. Sau khi khai ngộ, ngài ở trong chùa nhưng dẫu tài, chuyên làm khổ hạnh, ngài làm những việc nặng nhọc người khác không muốn làm. Về sau có một số danh sĩ và quan viên địa phương phát hiện ra ngài, đây đúng là một bậc cao tăng thạc đức, nên giúp ngài, hy vọng khôi phục đạo tràng ở núi Thê Hà. Ngài không hề để ý đến danh văn lợi dưỡng, liền giới thiệu một pháp sư khác đến đó làm trụ trì, phương trượng. Sau khi phục hưng đạo tràng, ngài ở một nơi rất ẩn mật sau núi, kiến tạo cho mình một nơi tu hành nhỏ bé. Chỗ này gọi là “*Thiên Khai Nham*”, rất ít người đến, một mình ngài ở đó tu khổ hạnh.

Tôi nghĩ, Liễu Phàm tiên sinh đi thăm nhất định là đến đây, tại Thiên Khai Nham, nhất định là ở đây, vì pháp sư đã 69 tuổi. Năm 75 tuổi ngài viên tịch, cũng chính là năm 1575, năm đó Liễu Phàm tiên sinh 41 tuổi. Cho nên Liễu Phàm tiên sinh gặp thiên sư cách thời gian thiên sư viên tịch không lâu lắm, chỉ có bảy năm. Chúng ta nghĩ, nhất định là ngài ở tại Thiên Khai Nham trên núi Thê Hà. Bình thường đại sư tiếp chúng, bất luận ai đến thăm ngài, ngài thường rút ra một chiếc bỏ đoàn để quý vị ngồi xuống đó. Dạy quý vị tham: “*bản lai diện mục trước khi cha mẹ chưa sanh ra*”, không nói câu nào cả, suốt ngày không nói câu nào, đều ở trong định. Liễu Phàm tiên sinh đến thăm ngài, chắc cũng không ngoại lệ.

Quý vị xem, “*U Thê Hà sơn trung, đối tọa nhất thất, phàm tam trú dạ bất minh mục*”. Cùng với Liễu Phàm tiên sinh, họ ngồi trong Thiên đường, ba ngày ba đêm không nói một câu nào. “*Vân Cốc vấn viết: Phàm nhân sở dĩ, bất đắc tắc thánh giả, chỉ vì vọng niệm tương triền nhĩ, nhữ tọa tam nhật, bất kiến khởi nhất*

vọng niệm, hà dã”. Đặc biệt là người tu hành, vì sao người tu hành không thể thành tựu? Vì vọng niệm quá nhiều, vọng tưởng phân biệt chấp trước quá nhiều, tâm không định được. Ông rất kỳ lạ! Ông đã ngồi ở đây ba ngày, tôi “*bất kiến khởi nhất vọng niệm*”, không thấy ông khởi một vọng niệm nào, như vậy là sao? Thiên sư Vân Cốc rất hiếu kỳ! Bình thường ngài rất ít nói, đến lúc gặp Liễu Phàm tiên sinh, đại sư nói rất nhiều, không đơn giản, đây cũng là nhân duyên đặc biệt. Chúng ta phải hiểu đạo lý trong này, giữa người và người đích thực có thời tiết nhân duyên. Liễu Phàm tiên sinh gặp thiên sư Vân Cốc, mới bắt đầu thay đổi vận mệnh. “*Lập mệnh chi học*” là thiên sư Vân Cốc truyền thụ cho ông.

“*Dư viết: Ngô vi Không tiên sinh toán định, vinh nhục sanh tử, giai hữu định số, tức yếu vọng tưởng, diệc vô khả vọng tưởng*”. Trước đây tôi đọc đến câu này, tôi nghĩ Liễu Phàm tiên sinh lúc này là phạm phu chuẩn, cũng không tệ. Suốt đời sống qua ngày theo vận mệnh, đến 53 tuổi là hết thọ mạng. Suốt đời không có lỗi lầm gì lớn lao, đời sau tuyệt đối không đọa vào ba đường ác, phạm phu chuẩn. Vận mệnh của ông được Không tiên sinh đoán chắc rồi.

“*Vinh nhục sanh tử, đều có định số*”, câu này đồng thời cũng nói với chúng ta, chúng ta cũng không ngoại lệ. Người phạm phu chỉ cần có ý niệm, tức không thể không có số. Cũng chính là nói, ta không thể không có định mệnh, chỉ cần ta có vọng niệm. Nếu không có vọng niệm, tức là vượt khỏi vận mệnh. Tuy Liễu Phàm tiên sinh có thể cải tạo vận mệnh, nhưng ông ta chỉ có thể thay đổi, không thể siêu việt.

Thiên sư Vân Cốc rất tuyệt vời, vì sao không dạy cho ông phương pháp cao hơn một bậc để vượt thoát vận mệnh? Đây cũng là phải quán căn cơ để dạy, xem bản chất của Liễu Phàm tiên sinh, tài năng của ông. Những bậc cao tăng có đức độ đều có năng lực quán cơ, xem quý vị là thượng căn, trung căn hay là hạ căn để tùy cơ thuyết pháp. Vì thế tất cả chúng sanh gặp những bậc cao tăng này, không ai không được lợi ích.

Quý vị xem Liễu Phàm tiên sinh, ông thuộc hàng căn tánh bậc trung, ông không phải hàng thượng căn, mà thuộc hàng trung căn. Đối với hàng trung căn, đương nhiên không thể nói thượng pháp, nói thượng pháp họ không tiếp thu được. Vì thế nói pháp quan trọng nhất là khế cơ, pháp không khế cơ cũng chẳng có lợi ích gì, trong kinh Phật nói như thế. Lời nói vô ích, nói như bây giờ gọi là phí lời, uổng phí, cho nên cần phải khế lý khế cơ.

Chúng ta phải tin tưởng một cách sâu sắc, bất kỳ ai đều có vận mệnh, đều có định số, chỉ là bản thân không biết. Bản thân không biết, hay nói cách khác, trong đời này của quý vị chắc chắn là bước đi một cách mù mờ. Liễu Phàm tiên sinh được người đoán chắc, ông rất rõ ràng, đời này phương hướng và mục tiêu ông đi rất rõ ràng minh bạch, ông chỉ đi đúng theo vận mệnh đã sắp đặt.

Chúng ta rất đáng thương, chúng ta không biết vận mệnh của mình. Cho nên trong trời đất mệnh mông này, bước đi trong vô định. Nếu như tùy thuận phiền não, trong lúc lần dò sẽ tạo ra rất nhiều tội nghiệp, những tội nghiệp này làm tổn phước báo của chúng ta, giảm thọ mạng của chúng ta. Thông thường gọi là tổn thọ, giảm thọ mạng của chúng ta. Trong xã hội ngày nay, tình hình này có thể nói

là nhiều vô kể. Nếu người thiện căn phước đức sâu dày, tuy họ không biết vận mệnh của chính mình, nhưng tâm địa lương thiện, không có tư tưởng vượt khỏi giới hạn. Giữ tâm, hành sự đều luôn giữ quy củ, không làm những chuyện thương thiên hại lý, không làm những điều tổn người lợi mình. Tuy không biết vận mệnh của chính mình, nhất định thay mình tăng phước, thay mình tăng thọ, trong vô tình mà được phước báo. Nhưng hiện nay hoàn cảnh xã hội của chúng ta không tốt, điều này từ xưa đến nay chưa từng có trong lịch sử. Hoàn cảnh lớn, con người là phạm phu, không thể không bị ảnh hưởng hoàn cảnh. Hoàn cảnh bất thiện, chúng ta ngày ngày ảnh hưởng điều bất thiện. Hay nói cách khác, chúng ta có rất nhiều cơ hội tạo nghiệp bất thiện, mà không ngờ mình đang tạo nghiệp, điều này rất đáng sợ!

Trước đây lúc tôi cầu học, thầy Lý kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện, không phải nói cho riêng mình tôi, mà khi lên lớp thầy kể cho học sinh chúng tôi nghe. Thầy nói ngày xưa, có một nơi phát sinh một án mạng trái với luân thường, là con giết cha. Điều này đối với thời xưa là một vấn đề lớn lao, thật đáng sợ. Chuyện này được tâu lên hoàng đế, đương nhiên người con này bị xử tử hình. Hoàng đế hạ lệnh, cách chức vị huyện trưởng này, huyện trưởng phạm lỗi gì? Đây là khu vực ông ta cai trị, là vùng do ông ta giáo hóa, ông giáo hóa như thế nào mà lại có một người đại nghịch bất đạo như thế? Ông giáo dục thất bại, huyện trưởng bị cách chức. Tuần phủ ghi lại lỗi lầm, tuần phủ là tỉnh trưởng đương thời, ghi lại lỗi lầm.

Loại xử phạt hành chánh này chỉ xếp hàng thứ hai, triều đình hạ lệnh lúc đó huyện đều có tường thành, phá bỏ một góc tường. Hoàng đế hạ lệnh, phá bỏ một góc tường, nghĩa là sao? Nghĩa là huyện này của quý vị xuất hiện một người đại nghịch bất đạo như thế, là sự sỉ nhục của tất cả mọi người trong huyện này.

Hiện nay trên báo và tạp chí, chúng ta thường thấy tình trạng giết cha, giết mẹ, rất nhiều. Quý vị so sánh giáo dục ngày xưa với giáo dục bây giờ, chúng ta sẽ hiểu vì sao xã hội ngày xưa có thể an định, có nền trị an lâu dài, nhân dân sống cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Quay đầu lại xem ngày nay, bất luận là giàu có hay bần tiện, người có tài sản ức vạn, họ sống có hạnh phúc chăng? Không có hạnh phúc. Họ an vui chăng? Họ không có an vui, cuộc sống họ rất đáng thương. Nói hơi khó nghe một chút, không phải sống đời sống con người. Đây rốt cuộc là nguyên nhân gì, chúng ta từng nghĩ đến chăng? Trong này đều có định số, định số, mỗi ngày chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều có cộng trừ nhân chia. Mức độ cộng trừ nhân chia không lớn, đại khái là không vượt qua khoảng cách số mệnh của chúng ta quá nhiều, đoán mệnh xem tướng thông thường đều có thể xem rất chuẩn. Nếu mức độ niệm thiện niệm ác, hành vi thiện hành vi ác của chúng ta rất lớn, ta làm việc thiện lớn hay là việc ác lớn sẽ thay đổi được định số của mình. Nếu như ta làm việc thiện lớn, số mạng không tốt nó sẽ trở thành tốt. Còn như ta tạo ra điều ác lớn, số mạng ta vốn rất tốt cũng biến thành xấu. Người phạm không thể tránh được, đặc biệt là trong xã hội thời hiện đại. Xã hội hiện nay, không có điều gì không mê hoặc người khác, như vậy nhân tâm làm sao định được? Cho nên ngày nay tu đạo, ngày nay nghiên cứu học vấn, không dễ



thành tựu. Trong thời đại này có thể thành tựu học nghiệp cũng như đạo nghiệp, đều là thiện căn phước đức nhân duyên sâu dày. Nếu không có thiện căn phước đức sâu dày, đều không thể thành tựu. Có thiện căn mới hiểu được lý lẽ, có phước đức tâm mới bất động. Đối diện với tất cả mọi thứ mê hoặc đều không khởi tâm không động niệm, đây là có công phu và phước đức thật sự.

Các bậc cổ đức ngày xưa, trường học, nơi dạy học, Phật môn, nơi tu hành, vì sao phải chọn nơi rừng núi, chỗ ít có dấu chân người. Thực tế mà nói, mục đích này chính là tránh xa sự mê hoặc của xã hội, khiến tâm chúng ta dễ an định mà thôi, bây giờ rất khó. Tuy tôi học Phật giảng kinh nhiều năm như vậy, rất nhiều đạo tràng của Phật giáo, tôi đều chưa đến đó. Ở Trung quốc, tôi chỉ mới đến Cửu Hoa Sơn và Nga Mi Sơn. Những đạo tràng này hiện nay, có thể chạy xe đến tận nơi, du khách rất tiện lợi, ngày xưa không tiện lợi lắm.

Lúc nhỏ, tôi là người An Huy, quê ở Lô Giang, cách Cửu Hoa Sơn không xa lắm. Nhưng trước đây muốn lên núi phải đi ba ngày, bây giờ đi xe hơi ba tiếng đồng hồ. Trước đây đi ba ngày, đúng là cần phải có thành ý, vậy mà có người tam bộ nhất bái, như vậy mất khoảng bảy đến mười ngày. Từ quê nhà chúng tôi, rất kiên thành lạy đến Cửu Hoa Sơn. Chọn những nơi này, đều là giao thông không phương tiện, du khách không phương tiện, không thích người khác đến đây. Hoàn cảnh như vậy mới yên tĩnh, không bị người khác phá hoại. Bây giờ đường đi phương tiện, trong chùa đều cài đặt ti vi, vậy là xong. Sự ô nhiễm này đã xâm nhập vào trong rồi. Hiện nay tu đạo rất khó, khó vô cùng!

Tôi ở nước ngoài rất nhiều năm, mãi đến năm nay, chúng tôi mới chọn thành phố nhỏ Đồ Văn Ba của Úc Châu, trên núi, thành phố núi. Thành phố nhỏ này chỉ có tám vạn nhân khẩu, người ở đây lại rất bảo thủ, thời đại này mà nói quả là rất khó được, là một hoàn cảnh rất tốt để học tập và tu đạo. Không được chọn nơi đô thị, sức mê hoặc của đô thị rất lớn, không có định lực tuyệt đối không thể thành tựu. Thế giới sắc màu, làm sao tu hành được?

Năm 1977, tôi giảng kinh ở HongKong, đồng tu ở đó nói với tôi, hòa thượng Hư Vân từng đến HongKong. Đồng tu ở HongKong muốn giữ hòa thượng lại định cư ở đây, hòa thượng nói, đây là thế giới muôn màu, không thích hợp tu hành. Bởi vậy ở chưa được mấy ngày, hòa thượng liền trở về Trung quốc, vì sao vậy? Vì ở đó sức mê hoặc quá lớn, tâm danh lợi quá nặng, không phải nơi để tu hành.

Nếu thái độ giống như Liễu Phàm tiên sinh, vậy thì được, ông đã biết vận mệnh của mình, không thay đổi được. Vọng tưởng cũng vô ích, nên tâm ông rất an định. Nghe rõ nguyên do, thiền sư Vân Cốc bật cười lớn. “*Vân Cốc tiểu viết: Ngã đãi nhữ thị hào kiệt, nguyên lai chỉ thị phàm phu*”. Tôi vốn tưởng rằng ông là một bậc anh hùng hào kiệt. Thế nào gọi là hào kiệt? Là làm được việc mà người không làm được, người này chính là anh hùng, chính là hào kiệt. Ba ngày ba đêm không khởi một vọng niệm nào, không phải người bình thường có thể làm được, Liễu Phàm tiên sinh làm được. Hỏi tiếp nguyên nhân vì sao? Có người đoán chắc số mạng, vọng tưởng cũng vô ích, như vậy mới không vọng tưởng. Đây là phàm phu, là một phàm phu chuẩn. Chúng ta phải biết điều này, từ chỗ này mới thật sự

tĩnh ngộ. Xem thiền sư Vân Cốc khai thị, giáo hóa ông như thế nào, làm sao xoay chuyển những quan niệm sai lầm này, đây là học vấn thật sự.

Liễu Phàm tiên sinh tiếp thu được là thiện căn của ông ta, nhà Phật nói thiện căn là có thể thấu hiểu, có thể tin sâu không nghi, y giáo phụng hành là phước đức của ông. Có thiện căn, có phước đức, lại gặp được một bậc thiện tri thức khai thị ông ta, đây là nhân duyên. Thiện căn, phước đức, nhân duyên, đầy đủ cả ba điều kiện này thì ông sẽ thành tựu, có thể thay đổi vận mệnh của mình, đạo lý là như vậy.

Thôi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 2**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 16.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_ Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào quý vị!

Ở trước nói đến Liễu Phàm tiên sinh đi tham bái thiền sư Vân Cốc, ngồi đối diện ba ngày ba đêm trong Thiền đường không khởi một ý niệm nào. Thiền sư Vân Cốc rất hiếu kỳ, hỏi ông ta sao có thể làm được điều này? Liễu Phàm tiên sinh nói vận mệnh của mình đã được Không tiên sinh đoán chắc, suốt 20 năm qua không hề sai một mảy may nào, ông muốn khởi tâm động niệm cũng chỉ là vô ích, do đó tâm rất an định.

Nghe xong thiền sư Vân Cốc nói với Liễu Phàm, đời này ông bị vận mệnh câu thúc là vì ông còn có vọng niệm, đây không thể coi là công phu, chỉ có thể nói là một phàm phu chuẩn.

Sau khi nghe xong, ông hỏi lại thiền sư: *“Dư vấn viết, nhiên tắc số khả tháo hô. Viết: Mệnh do ngã tác, phước tự kỷ cầu, thi thư sở xưng, đích vi minh huấn. Ngã giáo điển trung thuyết, cầu phú quý đắc phú quý, cầu nam nữ đắc nam nữ, cầu trường thọ đắc trường thọ. Phu vọng ngữ, nãi Thích Ca đại giới, Chư Phật Bồ Tát, khởi cuồng ngữ khi nhân”*. Trong đoạn này có ý nghĩa rất thâm sâu, Liễu Phàm tiên sinh hỏi: con người có vận mệnh, vậy có thể tránh thoát vận mệnh chăng? Ông đưa ra một câu hỏi như thế.

Thiền sư nói rằng, mệnh là do ta tạo, phước do mình cầu, trong hai câu này có học vấn rất sâu sắc. Trước tiên chúng ta phải hiểu, phàm phu lục đạo đều không thoát khỏi số mệnh, số mệnh từ đâu mà có? Cổ thánh tiên hiền, Chư Phật Bồ Tát, họ là người từng trải, nên hiểu chân tướng sự thật này rất thấu triệt, không chút sai lầm, chúng ta phải tin điều này. Nếu dùng tư tưởng của các nhà khoa học hiện đại, tức tầng không gian là vô hạn. Giống như họ nói không gian ba chiều, không gian bốn chiều, không gian năm chiều. Đứng trên phương diện lý luận mà nói, số chiều không gian là vô hạn.

Chúng ta sanh vào cõi người, chỉ sống trong không gian ba chiều. Chúng sanh sống trong tầng không gian bốn chiều trở lên, chúng ta không biết được. Ngày nay các nhà khoa học nói, đích thực có không gian 11 chiều tồn tại. Nhưng làm sao đột phá tầng không gian, hiện tại các nhà khoa học đang nghiên cứu. Đột phá tầng không gian, nghĩa là chúng ta thường nói, biết được quá khứ, vị lai. Quá khứ tạo nhân gì, bây giờ hạt hái quả báo đó. Đời này tạo nhân gì, đời sau nhận quả báo như vậy, không phải đều rõ ràng rồi sao?

Đây không phải là suy đoán, cao siêu hơn Không tiên sinh nhiều. Không tiên sinh là từ toán học, Kinh Dịch là một bộ toán học, suy đoán từ luận lý của toán

học, suy đoán khá chính xác, nhưng không dám nói là chính xác hoàn toàn. Vì suy đoán, chỉ cần có chút sai lầm, thì kết quả hoàn toàn không giống nhau. Nhưng nếu đột phá được tầng không gian, như vậy thì chính xác tuyệt đối, không có chút sai lầm nào.

Vì sao vậy? Vì quá khứ, hiện tại và vị lai là do ta tận mắt chứng kiến. Thực tế mà nói những chuyện này không khó, ngày xưa đạo Bà la môn ở Ấn độ, các đại sư Du Già, Số Luận đều có năng lực này. Vì thế tư tưởng về luân hồi lục đạo không phải của Phật giáo, mà là của cổ Bà la môn giáo, chính là Ấn độ giáo hiện nay. Lịch sử của họ, hiện nay được thế giới công nhận, nó có 8500 lịch sử, sớm hơn Phật giáo rất nhiều. Những người này đều tu thiên định, tức là tứ thiên bát định trong kinh thường nói đến. Do đó tầng không gian trong lục đạo, họ hầu như đột phá hoàn toàn. Vì thế đối với tình hình trong lục đạo, họ nói rất rõ ràng. Nhưng họ chỉ biết về nó, đương nhiên không biết một cách tường tận về nó, như lục đạo từ đâu đến, vì sao có hiện tượng này, vì sao có những biến hóa này, họ không biết được. Vì vậy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở thế gian này là vì điều gì? Vì những người có năng lực quan sát được những cảnh giới này, nhưng đối với nó còn có rất nhiều nghi hoặc không thể giải trừ. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở thế gian, chính là vì mục đích này. Gọi là chúng sanh có cảm, Phật Bồ Tát liền có ứng. Điều này đã cảm ứng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến thế gian, nói rõ cho chúng ta về nguồn gốc của những hiện tượng này.

Trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói rất nhiều, đặc biệt là trong Kinh Hoa Nghiêm. Không chỉ là lục đạo, ngoài lục đạo còn có tứ thánh pháp giới, còn có nhất chân pháp giới, đây đều là quy nạp lại nói. Nếu nói tường tận, không phải ngôn ngữ có thể nói cùng tận. Như các nhà khoa học nói, tầng không gian là vô hạn, hoàn toàn tương ứng với những gì Đức Phật nói trong kinh điển.

Nhiều tầng khác nhau như thế, không gian phát sanh như thế nào? Đức Phật nói rằng, đều là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện ra. Chúng ta bình tĩnh để tư duy, quan sát, vọng tưởng của chúng sanh vô lượng vô biên, niệm trước diệt thì niệm sau sanh khởi. Một ngày không biết khởi bao nhiêu vọng niệm, không biết có bao nhiêu phân biệt chấp trước, như vậy đã tạo thành tầng không gian khác nhau, tạo thành hiện tượng khác nhau rồi.

Trong kinh Đức Phật thường nói, mười pháp giới y chánh trang nghiêm, nói như hiện nay nghĩa là hiện tượng của nhân sinh vũ trụ, là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Giống như bây giờ trên màn hình, tướng hiện ra trên màn hình, đây là tâm, tâm hiện. Tướng này có thể hoạt động, nó đang sanh khởi biến hóa, sự biến hóa này là thức biến. Thức tức là phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, những thứ này có thể thay đổi hiện tượng, thay đổi rất phức tạp. Một câu nói của Đức Phật đã nói rõ với chúng ta về căn nguyên hiện tượng của nhân sinh vũ trụ, cho nên thiên sư Vân Cốc mới nói “*mạng do ta tạo*”, không phải do người khác tạo nên, không hề liên quan đến người khác. Cảnh giới bên ngoài thân là một huyền cảnh, trong Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh*”, không phải chân thật. Hiện tượng này Đức Phật nói với chúng ta, không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không, nó giống như một giấc mộng vậy.

Quý vị không thể nói không có cảnh giới trong mộng, cảnh giới trong mộng đích thực tồn tại, nhưng không thể nói nó có, vì sao vậy? Vì nó là hư huyền, quả thật là liễu bất khả đắc. Nếu chúng ta tư duy quan sát tường tận thế giới hiện nay, đích thực là một giấc mộng. Buổi tối chúng ta ngủ say, người ta khiêng thân thể mình đi cũng không hay biết, do đây có thể biết thân không phải ta.

Các nhà triết học phương tây rất thông minh, họ biết thân này không phải ta, do đó họ đưa ra một lý luận: “*tôi tư duy tức là tôi hiện hữu*”. Họ thừa nhận điều gì? Thân thể vật chất không phải ta, hư huyền, nhưng có thể tư duy, có thể tưởng tượng, đây là ta, nó cao hơn một bậc so với người thông thường. Phải chăng là chân tướng? Không phải. Tôi tư duy là vọng tưởng, không phải chân tướng sự thật, cho nên cảnh giới của Phật pháp cao hơn họ nhiều, đến tôi tư duy cũng buông bỏ. Thấu triệt nguyên nhân của các pháp, khôi phục được chân tâm, khôi phục được bản tánh, sau đó mới thấy được chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Chân tướng này Phật giáo có một danh từ gọi là nhất chân pháp giới, hoặc gọi là chân như, hay gọi là đệ nhất nghĩa đế, Đức Phật dùng rất nhiều danh từ thuật ngữ. Trong lúc dạy học, vì sao Đức Phật dùng nhiều danh từ như vậy? Ngài có dụng ý, nghĩa là dạy chúng ta thấu rõ chân tướng sự thật, đừng chấp vào danh từ. Chấp vào danh từ lại sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, điều này thuộc về phương pháp dạy học, nghệ thuật dạy học. Chúng ta đã khởi vọng tưởng phân biệt chấp trước, ngày nay muốn đoạn tận vọng tưởng phân biệt chấp trước, trong lòng nghĩ: “*tôi cũng rất muốn*”. Vấn đề là gì? Không đoạn được, vẫn là vọng niệm này nối tiếp vọng niệm kia, đây chính là nguyên nhân công phu chúng ta không thể thành tựu. Tuy thông qua kinh điển chúng ta đã hiểu, thâm tín không nghi. Điều này trong Phật pháp nói, chúng ta chỉ là giải ngộ, chúng ta chưa chứng, chưa khế nhập cảnh giới chân thật. Phải chứng ngộ mới hữu dụng, giải ngộ không có lợi ích, không giải quyết được vấn đề. Vì vậy sau khi giải ngộ phải tu hành, phải đem những lý luận và phương pháp này thực hành trong cuộc sống, dần dần nâng cao cảnh giới của mình, như vậy mới giải quyết được vấn đề. Do đó mới nói chúng sanh trong lục đạo, vọng tưởng phân biệt chấp trước rất nặng nề.

“*Mệnh do ta tạo nên*”, đời này chúng ta nghèo hay giàu, đây là số mệnh, mệnh này có định số, định số từ đâu đến? Chính mình tạo ra. Nhà Phật nói nhân quả thông ba đời, con người nhất định có đời quá khứ, có đời vị lai. Đức Phật nói đến chỗ cứu cánh, ngài nói đến thời gian, nói đến sát na, sát na thời gian rất ngắn ngủi. Ngày nay chúng ta dùng đơn vị thời gian nhỏ nhất là giây, Phật giáo gọi là sát na, sát na tính như thế nào? Phật dùng khảy móng tay, một khảy móng tay có 60 sát na, một khảy móng tay chưa đầy một giây. Nếu chúng ta khảy nhanh, một giây tôi có thể khảy bốn lần. Một khảy móng tay là  $\frac{1}{4}$  của một giây, một khảy móng tay có 60 sát na, chính là  $\frac{1}{60}$  của  $\frac{1}{4}$  giây mới gọi là một sát na. Trong một sát na có 900 lần sinh diệt, tức là ý niệm, một ý niệm sanh, một ý niệm diệt. Trong một sát na có 900 ý niệm sanh diệt, nó vô cùng vi tế, người thường chúng ta không cảm nhận được, chúng ta thường gọi là sơ ý.

Ai có thể quan sát được? Nhập định, định chính là tâm thanh tịnh, chế phục tất cả vọng tưởng phân biệt chấp trước của chính mình. Trình độ thiền định khá

thâm sâu có thể thấy được hiện tượng sinh diệt này, đó là đại công phu, sợ là thiên sư Vân Cốc vẫn chưa nhìn thấy.

Trong Phật pháp đại thừa nói, có thể thấy được số sát na sanh diệt, là Viên giáo bát địa Bồ Tát của đại thừa. Bát địa là Bất Động Địa, rất gần với quả vị của Như Lai. Trên bát địa là cửu địa, thập địa, Đẳng giác, đó là quả vị Phật, rất gần. Cảnh giới này mới thật sự thấu triệt chân tướng nhân sinh vũ trụ. Ngày nay chúng ta nói ý niệm là niệm thô, ý niệm rất thô. Chúng ta khởi một thiện niệm, lợi ích người khác, lợi ích xã hội, lợi ích chúng sanh, quả báo là phước. Nếu như khởi một ác niệm, ác niệm là lợi ích bản thân, gọi là tổn người lợi mình, trong Phật pháp gọi đây là ác niệm. Quả báo của ác niệm là hung, là tai họa. Lành dữ họa phước trong đời của một người, là quả báo từ khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta, cũng có thể nói là hiện tượng của ngôn ngữ tạo tác, đây chính là nói “*mệnh do ta tạo*”. Người thật sự thấu hiểu, thông đạt sẽ khẳng định tư tưởng này, khẳng định sự thật này. Trong đời này, bất luận họ gặp phải hoàn cảnh tàn bạo bất thiện đến đâu, họ tuyệt đối không oán trời, tuyệt đối không trách đất, họ không trách người khác, trái lại còn tự trách mình. Bản thân ta tạo nghiệp bất thiện, cho nên mới chịu khổ báo này. Khi đã hiểu rõ, phước phải tự mình cầu, cầu bằng cách nào? Sửa sai hướng thiện.

Trước đây, lúc tôi còn trẻ, ba tôi qua đời rất sớm, ba tôi qua đời khi tôi 21 tuổi. Cuộc sống chúng tôi gặp đúng thời gian chiến tranh Trung Nhật, chịu đựng tám năm đau khổ của chiến tranh, học hành không đến nơi đến chốn. Thời gian đó, chúng tôi là học sinh lưu vong, hoàn toàn thoát ly với gia đình. Quốc gia đối với chúng tôi không tề, thành lập rất nhiều trường quốc học, thu nạp đám học sinh lưu vong chúng tôi. Trường học là nhà chúng tôi, thầy giáo là cha mẹ chúng tôi, bạn học là anh chị em của chúng tôi. Lúc đó sự thân ái chân thành của chúng tôi đối với trường lớp, đối với bạn học, đối với thầy cô, người bây giờ không thể tưởng tượng được. Chúng tôi là những người bạn trong đời sống hoạn nạn, hai bên quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống khó khăn vô cùng.

Lúc ba tôi mất, trong gia đình không có gì cả. Tôi lưu lạc đến Đài Loan, làm việc ở đây được bảy tám năm, thấy bản thân không có tiền đồ. Thầy tôi là đại sư Chương Gia, chọn cho tôi con đường tu hành này. Đại sư khuyên tôi xuất gia, khuyên tôi hoàng dương Phật pháp. Tôi suy nghĩ rất lâu, chỉ thị của đại sư rất chính xác, liền nghe theo lời dạy của thầy, chọn đi theo con đường này. Tôi theo đại sư ba năm, đại sư đặt cho tôi một nền tảng vững chắc. Về sau tôi từ bỏ công việc, đến Đài Trung học giảng sư với cư sĩ Lý Bình Nam, ở Đài Trung suốt mười năm. Về phương diện Phật pháp, tôi tiếp thu giáo huấn Phật pháp suốt 13 năm của hai người thầy, nhưng về trình độ học lực của thế gian, tôi chỉ tốt nghiệp cấp hai. Cuộc đời về sau, phước tự mình cầu. Tôi đã hiểu, đã giác ngộ, cho nên từ năm 26 tuổi, sau khi đã học Phật, tôi rất cẩn thận, y giáo phụng hành.

Lúc trẻ cũng có vài người xem tướng cho tôi, đây là tập tục của người Trung quốc. Lúc còn nhỏ, mẹ coi tướng cho tôi. Ở Đài Loan cũng gặp không ít cao nhân về nghề này, nói tôi sống không qua 45 tuổi, mạng tôi còn khổ hơn Liễu Phàm, thọ mạng còn ngắn hơn. Ông ta sống đến 53 tuổi, tôi chỉ được 43 tuổi mà thôi.

Lúc đó tôi học Phật, chỉ tính thọ mạng mình đến năm 45 tuổi, sau 45 tuổi là hết. Trong thời gian 45 tuổi này, bản thân nhất định phải có thành tựu, thành tựu này chắc chắn có thể vãng sanh Tịnh độ. Tôi định mục tiêu tại đây, bản thân phải có sự tính toán. Đến năm 45 tuổi, quả nhiên tôi bị bệnh nặng, bệnh một tháng. Nhưng tôi không đi khám, cũng không uống thuốc, vì tôi biết bác sĩ có thể trị bệnh, mà không thể trị mệnh. Mệnh đã đến, tìm bác sĩ có lợi ích gì? Tôi đóng cửa niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ. Mỗi ngày có vài đệ tử làm ít thức ăn đưa đến, ăn cháo với tương rau. Một tháng sau, sức khỏe hồi phục dần, ngoài lần đó thì suốt đời tôi chưa từng bị bệnh. Sau khi lành bệnh, chúng tôi vẫn tiếp tục làm công việc giảng kinh dạy học như thường lệ. Đến những năm về già, ngày càng thuận lợi.

Tôi nhớ có lần, ở Chùa Thiện Đạo tôi gặp được Phật sống Cam Châu, đó cũng là người bạn cũ của tôi. Ông là học trò của đại sư Chương Gia, lớn hơn tôi khoảng 20 tuổi. Khi gặp, ông nói với tôi, thầy Tịnh Không, thầy lại đây- chúng tôi cũng rất khó khăn mới gặp nhau được một lần, hoan hỷ vô cùng. Ông nói, vận mệnh của thầy bây giờ đã thay đổi hoàn toàn. Tôi hỏi, vậy là sao? Ông nói, trước đây chúng tôi thường nói chuyện về thầy, nói gì vậy? Nói thầy là một người thông minh, đáng tiếc không có phước báo, lại đoán mệnh. Tôi nói, những điều này có thể nói trước mặt tôi, không cần tránh tôi, vì tôi biết rất rõ. Ông nói, nhờ bao nhiêu năm nay thầy chuyên hoằng pháp lợi sanh, công đức đó đã thay đổi hoàn toàn. Không những thầy có phước báo, mà còn rất trường thọ. Tôi rất cảm khái là qua năm thứ hai, Phật sống Cam Châu qua đời, ông là một vị cao tăng đức hạnh trong tạng truyền Phật giáo, là một bậc thiện tri thức thật sự, một người xuất gia có quy củ. Trong xã hội hiện nay, tìm được một người xuất gia có quy củ như thế, quả thật không nhiều. Ở HongKong tôi gặp được một vị, đó là pháp sư Thánh Nhất, trụ trì chùa Bảo Lâm trên núi Đại Tự, tôi rất tôn trọng và kính ngưỡng ông. Nghe nói hai năm nay sức khỏe của pháp sư cũng không được tốt lắm, ông công hiến rất lớn cho Phật giáo nước nhà.

Mệnh có thể thay đổi, phương pháp thay đổi vận mệnh chính là sau khi giác ngộ không còn tạo ác. Khởi tâm động niệm phải nghĩ cho người khác, phải nghĩ cho xã hội, phải nghĩ cho chúng sanh, đừng nghĩ cho riêng mình. Lời này nói thì đơn giản, nhưng khi làm không dễ chút nào. Liễu Phạm tiên sinh làm suốt mười mấy năm, cảm ứng mới xuất hiện. Bản thân tôi làm khoảng 30 năm, cảm ứng mới rõ ràng, bản thân tôi có thể cảm nhận được. Sau khi học học tập thành tựu, đi ra bên ngoài giảng kinh thuyết pháp, 20 năm mới có một đạo tràng nhỏ, chính là *thư viện Hoa Tạng* ở Cảnh Mỹ. Tôi hoằng pháp 20 năm, mới có một nơi như vậy. Thêm năm năm nữa mới có *Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội*. Thêm năm năm sau, rất nhiều nơi trên thế giới, chúng tôi đều thành lập *đạo tràng Tịnh độ*. Những năm về sau, đích thực ứng nghiệm với những lời của Phật sống Cam Châu, ngày càng thuận lợi, tâm địa ngày càng thanh tịnh, ngày càng không nghĩ đến bản thân. Hôm nay tôi sống trên thế gian này là sống vì người khác, không vì bản thân, không còn chính mình nữa. Từ lâu đã buông bỏ sự hưởng thụ danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần. Những năm lớn tuổi, đại sư Ân Quang thường nói, tôi không có gì cả, tôi cũng không sợ chết, hiện nay tôi hầu như cũng đi vào cảnh giới đó của đại

sư. Bản thân không có gì cả, quả thật cũng không sợ chết. Đối với tôi mà nói, chết là một việc rất hoan hỷ, một việc rất vui, vì tôi biết sau khi chết tôi sanh về đâu. Từ đâu sanh ra thì chết đi vào đó, rõ ràng minh bạch. Đây gọi là “*mạng do ta tạo, phước tự mình cầu*”. Lời này là thật, không phải giả.

Liễu Phàm tiên sinh thay đổi vận mệnh vô cùng gian nan, về sau đọc đến nó tôi sẽ nhắc nhở với mọi người. Khi tôi thay đổi vận mệnh đời mình, tôi rất may mắn, tôi thay đổi thuận lợi hơn Liễu Phàm. Nguyên nhân là vì tôi trước sau không rời xa thầy, thầy luôn ở cạnh tôi đốc thúc, chỉ đạo, lợi ích này rất lớn. Tôi học với đại sư Chương Gia ba năm, học với thầy Lý Bình Nam mười năm, thời gian 13 năm thầy luôn ở bên cạnh tôi, lợi ích này không thể kể xiết, ân cần dạy bảo. Lúc đó cũng còn quá trẻ, dù rất chăm chỉ, nhưng không đạt đến tiêu chuẩn mà cô nhân nói. Bản thân tôi rất tinh tấn nỗ lực, tự mình cho điểm cùng lắm cũng không quá 60 điểm, mới đủ điểm mà thôi. Bây giờ có thể đạt được khoảng tám chín mươi điểm, bởi vậy hiệu nghiệm ngày càng rõ ràng. Điều này cô đức thường nói, phải “*thực hành!*”. Tôi tập hợp tâm đắc học Phật 50 năm nay của mình, viết ra 20 chữ.

Người ta hỏi tôi: thưa thầy, thầy tu như thế nào? Thầy dạy người ra sao? Tôi đều ở trong 20 chữ: chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Mười chữ này là giữ tâm, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, bất luận là thiện duyên hay nghịch duyên, nhà Phật nói duyên là đối với người và việc. Hoàn cảnh nhân sự là dùng duyên để nói, hoàn cảnh vật chất là nói về cảnh giới. Thuận cảnh hay nghịch cảnh là nói về hoàn cảnh vật chất, thiện duyên hay ác duyên là nói về hoàn cảnh nhân sự. Chúng ta cần phải rèn luyện chính mình trong các cảnh duyên này, nhất định phải dùng tâm chân thành để xử sự đối nhân tiếp vật. Người khác dùng tâm hư vọng đối với ta, không sao, đó là việc của họ, không liên quan đến mình. Thậm chí họ hủy báng ta, sỉ nhục ta, hãm hại ta, đều không liên can đến mình. Riêng bản thân ta rất mực chân thành đối đãi với người, như vậy là chuyển họa thành phước, chuyển rất nhanh, tai nạn tiêu trừ thì phước đến. Phải dùng tâm thanh tịnh xử sự đối nhân tiếp vật, thanh tịnh nghĩa là không nhiễm dù chỉ là hạt bụi. Thuận cảnh tuyệt đối không khởi tâm tham luyến, ác cảnh không khởi tâm sân nhuế, mãi mãi giữ tâm mình luôn thanh tịnh bình đẳng, trí tuệ tự nhiên sanh khởi, tâm yêu thương tất cả chúng sanh cũng từ đó mà sanh ra, đây gọi là tâm từ bi. Tâm từ bi, hai ba năm là có hiệu nghiệm.

Trước đây tôi đọc truyện ký của đại sư Ấn Quang, gian phòng trước đây đại sư ở, trong phòng có muỗi, có dán, có bọ chét, những thứ này quấy nhiễu. Thị giả của đại sư, tức là người chăm sóc ngài muốn quét dọn, đuổi những thứ này đi. Đại sư nói không cần, chúng ở đây chứng tỏ ta tu hành chưa đủ đức hạnh, không thể cảm động chúng, đừng đuổi chúng đi. Đến 70 tuổi về sau, trong phòng đại sư không tìm thấy một con vật nào, quả nhiên chúng tự động đi nơi khác, thuật ngữ của Phật pháp gọi là “*thiên đôn*”, nghĩa là chúng đã đi nơi khác. Đại sư Ấn Quang sau 70 tuổi, bây giờ tôi cũng sau 70 tuổi rồi. Hai năm nay tôi có một hiệu quả rất hoan hỷ, những căn phòng tôi ở cũng có kiến, gián, thường nhìn thấy chúng, hai năm lại đây ít dần đi.



Ở Đò Văn Ba tôi mua một mảnh đất nhỏ, cũng được một năm tám tháng. Lúc vừa mới mua, kiến gián và các thứ côn trùng nhỏ rất nhiều. Trên núi có hai vị đồng tu, tôi nói với họ nhất định không được sát sanh, phải dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng đối với chúng. Không những không được tổn thương chúng, đến ý niệm hại chúng cũng phải đoạn tuyệt. Nhìn thấy chúng, chúng ta chấp tay nói: *Bồ Tát kiến, Bồ Tát gián*- phải dùng tâm này đối đãi chúng- nói với chúng, môi trường sống của chúng ta không giống nhau, trong phòng là môi trường sống của tôi, bên ngoài là môi trường sống của quý vị, hy vọng chúng ta sống hòa thuận, không quấy nhiễu nhau, hợp tác lẫn nhau. Thường dùng tâm này đối đãi chúng, khuyến khích chúng. Một năm rưỡi lại đây, tôi thấy lượng kiến ít đi 90%. Bây giờ vẫn còn, nhưng rất ít, không như trước đây kết thành đoàn. Tôi nói với đại chúng, chúng ta tiếp tục nỗ lực thêm hai năm nữa, chắc hoàn toàn không còn. Dùng tâm thương yêu chân thành đối đãi chúng, không chỉ đối với loài động vật nhỏ, mà đối với thực vật cũng không ngoại lệ. Trong vườn chúng tôi trồng rất nhiều loại hoa, rất nhiều cây cối, còn có rau xanh. Ở trên núi chúng tôi tự trồng rau, chúng tôi cũng dùng tâm yêu thương đối đãi chúng, chăm sóc yêu thương chúng. Hoa nở rất đẹp, rất thơm, những cây cối, rau xanh vô cùng tươi tốt. Chúng tôi không cần dùng phân bón, không dùng thuốc sâu, hoàn toàn không có, chỉ dùng lòng yêu thương chăm sóc chúng. Có cảm ứng, đến cây cỏ hoa lá đều có cảm ứng. Điều này khiến chúng ta nghĩ đến truyền thuyết ngày xưa: “*Cao Tăng Trúc Đạo Sanh thuyết pháp, sỏi đá cũng gặt đầu*”. Đến sỏi đá cũng còn cảm ứng, hiện nay tôi chưa đạt được hiệu quả này. Bây giờ tôi chỉ mới giao tiếp với thực vật, thực vật và tôi có cảm ứng, sỏi đá thì chưa. Công phu của Trúc Đạo Sanh cao hơn tôi một bậc, tôi chưa đạt đến công phu như ngài.

Đây đều là nói rõ với chư vị: “*mệnh do ta tạo, phước tự mình cầu*”. Trong đời này của tôi, 50 năm học Phật thể nghiệm được, hoàn toàn thay đổi được vận mệnh. Tuy không dám nói được đại tự tại, đại viên mãn, nhưng rất gần với tự tại viên mãn, tin rằng có thể đạt được.

Đoạn văn bên dưới nói: “*thi thư sở xưng, đích vi minh huấn*”. Trong trước tác của các bậc thánh hiền nói, là giáo huấn rõ ràng và đích thực, chúng ta cần phải tin tưởng. “*Ngã giáo điển trung thuyết*”, “*ngã*” là thiền sư Vân Cốc, ngài là người xuất gia. “*Ngã giáo*” tức là Phật giáo nói, cầu giàu có được giàu có, cầu nam nữ được năm nữ, cầu sống lâu được sống lâu. Phàm phu chúng ta không thể vô cầu. Trước đây tôi học Phật, trong tâm cũng có mong cầu. Đại sư Chương Gia nhận ra điều này, nói với tôi: “*đệ tử nhà Phật, có cầu tất ứng*”, đây là phương pháp ngài dạy tôi cầu. Viên Liễu Phàm là thiền sư Vân Cốc truyền cho ông phương pháp cầu, còn phương pháp của tôi do đại sư Chương Gia dạy, ngôn ngữ đơn giản hơn Vân Cốc, nhưng rất có hiệu quả. Đại sư nói, khi dùng chân tâm cầu nguyện, không có cảm ứng, khi cầu không có cảm ứng, do nguyên nhân gì? Là do ta có nghiệp chướng. Chướng ngại không phải về phương diện Phật Pháp, không ở bên ngoài, chướng ngại ở bản thân mình, bản thân có nghiệp chướng. Chỉ cần đoạn trừ nghiệp chướng, cảm ứng liền hiện tiền, có cầu tất ứng. Tôi hỏi thầy, thỉnh giáo thầy, tôi nói làm sao đoạn trừ nghiệp chướng? Thầy nói với tôi,

cần phải sám hối. “*Sám trừ nghiệp chướng*”, trong Kinh Hoa Nghiêm Bồ Tát Phổ Hiền nói như vậy. Sau đó dạy tôi sám hối như thế nào? Tuyệt đối không phải lạy Lương Hoàng Sám, lạy Thủy Sám, không phải như vậy. Tôi gặp được vị thầy này quả đúng là một vị thầy tốt, thầy nói Phật pháp không phải ở hình thức, mà ở nơi thực chất. Thực chất là gì? Về sau không tái phạm. Ví dụ chúng ta khởi ý niệm xấu, nói lời khó nghe, làm điều không hay, bây giờ biết đây là tội lỗi, như vậy là sai, từ đây về sau không tái phạm nữa. Đây gọi là thành tâm sám hối, như vậy mới tiêu trừ nghiệp chướng. Giả dụ chúng ta ở trước Phật Bồ Tát đọc kinh, trì chú, tưởng rằng đã sám hối. Sau khi niệm xong lại tạo, tạo rồi lại niệm, như vậy cũng vô ích, hoàn toàn sai lầm.

Thầy tôi nói thật với tôi, Phật pháp trọng thực chất không trọng hình thức. Ví dụ nói đến giới luật, thầy rất chú trọng giới luật, tôi học với thầy ba năm, thầy nói đến sự quan trọng của giới luật, không biết nhắc đến bao nhiêu lần, khiến tôi rất có ấn tượng. Trì giới như thế nào? Thầy nói với tôi, không cần đi đâu xa để cầu pháp sư thọ giới, đại sư nói không cần thiết, làm vậy cũng vô ích. Tôi hỏi vậy phải làm sao? Học điều nào thực hành được điều đó, ta hành trì được điều luật này. Ví dụ không sát sanh, nếu thật sự làm được, đối với tất cả sinh vật tuyệt đối không có ý niệm sát hại, điều luật này coi như viên mãn, không nhất định phải thọ giới. Đến giới đàn thọ giới, giới đã thọ nhưng không thực hành được, như vậy là phá giới, phạm giới, không phải tội càng thêm nặng sao? Thầy dạy cho tôi phương pháp này, học điều nào thực hành được điều đó, làm được đó là chơn chánh thọ trì. Tôi học Phật, luôn làm theo những lời dạy của các bậc thiện tri thức.

Năm trước tôi gặp tổng thống Nạp Đan của Singapore, chúng tôi cùng nhau ăn cơm. Tổng thống Nạp Đan nói với tôi, ông là tín đồ của Ấn độ giáo, ông nói ông khâm phục Phật giáo nhất, Phật giáo trọng thực chất không trọng hình thức. Tôi nghe xong rất kinh ngạc, câu nói này mấy mươi năm trước đại sư Chương Gia nói với tôi. Trong mấy mươi năm nay, tôi chưa nghe ai nói lại lời này, bây giờ nghe tổng thống Nạp Đan nói. Đây là người trong nghề, quả thật không đơn giản, cho nên tôi cũng rất tôn trọng ông ta.

Chúng ta cần phải hiểu, rốt cuộc nên cầu pháp như thế nào. Thật sự tiêu trừ nghiệp chướng, có cầu tất ứng, dù tập khí nghiệp chướng nặng cũng không sợ. Chúng ta cần nhẫn nại, cần thời gian để tiêu trừ. Liễu Phạm tiên sinh dùng thời gian mấy mươi năm, tôi cũng dùng thời gian hai đến ba mươi năm, không có thời gian dài như vậy không được. Không phải nói đoạn là đoạn, đâu có đơn giản vậy! Nhất định phải khắc phục tập khí khuyết điểm của mình, thường nhắc nhở bản thân. Vì thế người xưa coi trọng đọc tụng, rất có đạo lý. Đời này tôi có thể thành tựu, tôi biết là nhờ tôi luôn giảng kinh thuyết pháp. Hơn 40 năm tôi chưa rời khỏi bục giảng, giảng kinh mỗi ngày, ngày ngày khuyên người, ngày ngày khuyên bản thân. Người khác có đạt được lợi ích hay không tôi không biết, bản thân tôi thật sự được lợi ích. Đây chính là Phật pháp thường nói: “*nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*”. Nếu không huân tu thời gian dài, sao có thể thành tựu. Tập khí khuyết điểm của chúng ta là huân tập từ vô lượng kiếp mà thành, đều là huân tập từ rất lâu. Bây giờ chúng ta phải đoạn trừ tập khí ác, tập khí xấu. Muốn học cô

---

thánh tiên hiền, muốn học Chư Phật Bồ Tát, cũng cần có thời gian. Cho nên nếu không có thời gian dài, cần phải có quyết tâm, có nghị lực đoạn trừ tập khí của mình, như vậy mới có thể thành tựu viên mãn.

**Liễu Phạm Tứ Huấn**  
**Tập 3**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 16.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Ở trước nói đến có cầu tất ứng, thiền sư Vân Cốc đặc biệt nhấn mạnh, nói vọng ngữ là đại giới của nhà Phật, chư Phật Bồ Tát sao có thể gạt người? Những lời này đều giúp Liễu Phạm tăng trưởng tín tâm.

Sau khi Liễu Phạm tiên sinh nghe xong, *“dur tán viết: Mạnh tử ngôn, cầu tất đắc chi, thị cầu tại ngã giả dã. Đạo đức nhân nghĩa, khả dĩ lực cầu, công danh phú quý, như hà cầu đắc”*. Tiễn thêm một bước, Liễu Phạm thỉnh giáo thiền sư Vân Cốc, Mạnh tử thường nói rằng: *Cầu sẽ được, cầu là do ta mà thôi*, đạo đức nhân nghĩa, cho rằng đây là ta, ta có thể cầu được. Công danh phú quý là vật ngoài thân, làm sao có thể cầu được?

*“Vân Cốc viết: Mạnh tử chi ngôn bất thác, như tự thác giải liễu. Nhữ bất kiến Lục tổ thuyết: Nhất thiết phước điền, bất ly phương thôn, tùng tâm nhi mịch, cảm vô bất thông. Cầu tại ngã, bất độc đắc đạo đức nhân nghĩa, diệc đắc công danh phú quý, nội ngoại song đắc, thị cầu hữu ích ư đắc dã”*. Đoạn này rất quan trọng, thiền sư Vân Cốc là một người tu hành lâu năm, Liễu Phạm gặp ngài, Liễu Phạm 35 tuổi, lúc này thiền sư Vân Cốc 69 tuổi, mà còn là một người tu hành đắc đạo. Tục ngữ gọi đắc đạo, là người thật sự khai ngộ, thật sự khế nhập vào cảnh giới của chư Phật Bồ Tát.

Lời Mạnh tử nói không sai, là ông hiểu sai. Lời Mạnh tử không sai chỗ nào, ông hiểu sai chỗ nào? Ở đây không nói nhiều. Bài học trước tôi có nói, nếu quý vị lãnh hội tường tận, tự nhiên hiểu rõ hai câu nói của thiền sư Vân Cốc.

Bên dưới ngài đưa ra câu nói của Lục tổ Thiền tông, câu này trong Lục Tổ Đàn Kinh. *“Tất cả phước điền, không rời phương thôn”*. *“Phương thôn”* là chỉ tâm địa của chúng ta, lành dữ họa phước đều do ý niệm biến hiện ra, không rời tâm. *“Tùng tâm nhi mịch, cảm vô bất thông”*. Chúng ta cầu cảm ứng, cầu từ đâu? Cầu từ trong chân tâm. Cho nên cầu giàu sang được giàu sang, cầu nam nữ được nam nữ, cầu sống lâu được sống lâu. Phải hiểu được đạo lý cầu, như lý như pháp đâu có chuyện không cầu được? Thế xuất thế gian khó nhất là thành Phật, thành Phật còn có thể cầu được, hưởng gì công danh phú quý của thế gian? Đó chỉ là chuyện nhỏ nhặt, chẳng đáng là gì, làm gì có chuyện không cầu được! Ngày nay chúng ta cầu, quan trọng nhất là thông. Thế nào gọi là thông? Thông nghĩa là quán thông tầng không gian, tôi nói như thế người thời nay dễ lý giải hơn. Dùng phương pháp gì để quán thông? Dùng tâm chân thành. Thành là gì? Chân là gì? Chân nghĩa là không có vọng, không phải hư vọng, không có chút hư vọng nào.

Thành là gì? Cuối thời nhà Thanh, ông Tăng Quốc Phiên nói rất hay, trong Độc Thư Bút Ký của ông có định nghĩa về chữ “*thành*” này: “*một niệm không sanh gọi là thành*”, định nghĩa này vô cùng chính xác. Trong Phật pháp nói, không có vọng niệm nào, đây gọi là chân thành. Tâm chân thành chính là bản tánh của mình, là chân tâm của mình. Tất cả pháp của thế xuất thế gian, đều từ trong chân tâm bản tánh biến hiện ra. Ta tìm được chân tâm bản tánh, đâu có đạo lý không cầu được? Những lý và sự này, trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói rất nhiều. Tìm hiểu sơ sơ về đại thừa, đều biết những giáo huấn này của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ai được lợi ích? Người y giáo phụng hành được lợi ích, được thọ dụng. Nếu quý vị đọc kinh mà chỉ biết đọc, không hiểu được đạo lý trong kinh, không hiểu được ý của kinh điển, không thể thực hành những phương pháp đạo lý này vào trong hành vi cuộc sống của mình, như vậy là không được lợi ích, vẫn là không thông. Không thông, tuy có cầu nhưng không có cảm ứng.

Trước đây, tôi đưa ra vấn đề này, khoảng 30 năm trước. Tôi giảng Kinh Địa Tạng ở Chùa Pháp Hoa Tây Môn Đỉnh Đài Bắc. Tôi nhớ lúc đó tôi giảng kinh, pháp sư Quảng Khâm đến nghe một lần, ông ngồi trên bô đoàn ở dưới. Một hôm tôi vừa giảng kinh xong, có một vị pháp sư ở Cơ Long, nghe tôi nói về vấn đề cảm ứng, sư hỏi tôi: Thưa thầy, thầy nói về cảm ứng này không đáng tin. Tôi hỏi vì sao không đáng tin? Sư nói: tôi ngày nào cũng cầu xin Phật Bồ Tát một cái tử lạnh, cầu suốt ba năm mà không có. Tôi nghe xong liền mỉm cười hỏi: Đạo tràng của thầy có bao nhiêu người ở? Chỉ mình tôi ở. Tôi nói chỉ mình thầy ở, không cần thiết có tử lạnh, cho nên cầu không được. Tôi nói trong những năm này tôi có cầu tất ứng. Sư hỏi tôi cầu gì? Tôi nói tôi giảng kinh, cần tài liệu tham khảo, lúc đó ở Đài Loan, tìm những kinh sách điển tịch này rất khó khăn. Thật may mắn có người giới thiệu cho tôi pháp sư Trí Khai ở HongKong. Tôi chưa từng gặp pháp sư Trí Khai, tưởng rằng đây là một pháp sư lớn tuổi, mỗi lần viết thư đều cung kính xưng “*lão pháp sư*”, về sau gặp mặt, mới biết hai chúng tôi cùng tuổi. Pháp sư Trí Khai giúp đỡ tôi rất nhiều, tất cả những sách tịch mà tôi cần, pháp sư đều ra sức sưu tập, rồi gửi đến Đài Loan giúp tôi. Khi nào tôi có tiền mới trả cho pháp sư, chưa có tiền thì nợ đó, điều này giúp ích cho tôi rất nhiều. Hầu như sách nào tôi cần đến, những thứ tôi cần đều là sách cổ, pháp sư đều tìm giúp tôi. Trong đó chỉ có một bộ, thời gian dài nhất là nửa năm, đó là Trung Quán Luận Sớ. Bộ sách này, sáu tháng sau pháp sư mới gửi đến cho tôi, không dễ tìm. Tôi nói với vị pháp sư ở Cơ Long, tôi có cầu tất ứng. Những gì tôi cần là cầu đạo, sư cầu cái tử lạnh, điều này không cần thiết. Người xuất gia về phương diện vật chất, thanh bản một chút không sao, không nên xa hoa. Sư cầu không như pháp, tôi cầu như pháp, như pháp như lý quả thật là có cầu tất ứng. Tôi đối với giáo huấn của thầy và những gì kinh điển dạy, thâm tín không nghi. “*Tùng tâm nhi mịch, cảm vô bất thông*”, tám chữ này chính là lý luận và phương pháp có cầu tất ứng. Cầu ở ta, không chỉ có thể đạt được đạo đức nhân nghĩa, mà vật ngoài thân như công danh phú quý cũng có thể đạt được. *Nội ngoại đều được*, tức là cầu được lợi ích. Chúng ta cần phát tâm cầu điều thiện, không cầu điều ác, như vậy mới tốt.

Đoạn văn tiếp theo nói: “*Nhược bất phản cung nội tỉnh, nhi đồ hướng ngoại trì cầu, tắc cầu chi hữu đạo, nhi đắc chi hữu mệnh hỷ, nội ngoại song thất, cố vô ích*”. Lời khai thị này của thiền sư, mỗi câu đều rất quan trọng. Chúng ta muốn cầu, bất luận là cầu đức hạnh bên trong, hay là cầu vật chất bên ngoài, tức là những nhu cầu về cuộc sống. Nếu ta không phản cung nội tỉnh, cầu này là phản cung, quay đầu. Nhà Phật thường nói “*quay đầu là bờ*”, ta phải hướng vào nội tâm để phản tỉnh. Hướng vào bên trong để cầu, mới có thể cầu được. Nếu như không thể phản tỉnh, đức hạnh không đầy đủ, chỉ phan duyên bên ngoài. Quý vị là “*cầu chi hữu đạo, đắc chi hữu mệnh*”, “*đạo*” tức là phương pháp và lý luận mà quý vị cầu.

Ví dụ như hiện nay, chúng ta thấy rất nhiều tin tức, thấy trong tiệm sách, thế gian có một vài thương nghiệp sất, họ thành công, viết về kinh nghiệm giáo huấn nỗ lực phấn đấu thành công của mình, cung cấp cho chúng ta làm tham khảo. Quý vị dùng phương pháp lý luận của họ để cầu, nếu như cầu được, đạt được đó là số mạng ta có. Còn như số mạng không có vẫn là không đạt được. Vì sao vậy? Vì ta không hướng vào chân tâm để cầu, ta không phải hướng vào tâm tánh để cầu. Phương pháp cầu này tất nhiên là “*trong ngoài đều mất, cho nên không có lợi ích*”. Chúng ta thấy xã hội ngày nay, hạng người như vậy rất nhiều. Đoạn này là đại sư nhắc nhở chúng ta.

Đoạn tiếp theo là thảo luận về phương pháp thay đổi vận mệnh. Văn cũng có mấy đoạn nhỏ, đoạn đầu tiên là nói, quý vị nhất định phải biết sai lầm của mình, phải phản tỉnh, để tìm ra căn nguyên này. Ví dụ, số ông ta không có con trai, không có con trai là do nguyên nhân gì. Thọ mạng ngắn, thọ mạng ngắn là nguyên nhân gì.

“*Nhân vấn: Không công toán nhữ, chung thân nhược hà*”. Thiền sư Vân Cốc hỏi Liễu Phàm, Không tiên sinh xem mệnh cho ông, cuộc đời sau này của ông như thế nào? “*Dur dĩ thật cáo*”, Liễu Phàm nói thật với thiền sư Vân Cốc. “*Vân Cốc viết: Nhữ tự chùy, ung đắc khoa đệ phủ, ung sanh tử phủ*”. Ông tự nghĩ lại xem, mình có nên thi đậu chăng? Đây là nói về công danh. Mình có nên có con trai chăng? Nhất định phải hướng nội phản tỉnh.

“*Dur truy tính lương cứu*”, ông nghe thiền sư Vân Cốc nói xong, suy nghĩ rất lâu. “*Viết: bất ung dã*”, không nên. Liễu Phàm là người đọc sách, là người thông minh, ông suy nghĩ và nghĩ ra không ít lý do. “*Khoa đệ trung nhân, loại hữu phước tướng, dur phước bạc, hữu bất năng, tích công lũy hành, dĩ cơ hậu phước. Kiêm bất nại phiền kịch, bất năng dung nhân, thời hoặc. Dĩ tài trí cái nhân, trực tâm trực hạnh, khinh ngôn vọng đàm. Phàm thử, giai bạc phước chi tướng dã, khởi nghi khoa đệ tại*”. Liễu Phàm vừa quay đầu, vừa phản tỉnh, liền tìm ra được khuyết điểm của mình, điều này rất khó được. Bình thường thiền sư Vân Cốc rất ít nói, ngài không thường nói chuyện với người khác, có khi suốt ngày không nói câu nào. Vậy mà ngài có thể nói với Liễu Phàm rất nhiều điều, không đơn giản. Đây đúng như cổ nhân nói, thật sự gặp được tri kỷ, mới nói nhiều như thế.

Liễu Phàm nghĩ, tôi không nên, vì sao vậy? “*Khoa đệ trung nhân*”, chính là nhân vật trong quan trường, đều có phước tướng. Ông nói bản thân mình phước bạc, không có phước, làm sao có thể thi đậu công danh? Thêm vào đó ông có rất nhiều khuyết điểm, ông không thể “*tích công lũy hạnh, dĩ cơ hậu phước*”. “*Cơ*” là cơ sở, từ trên cơ sở bồi dưỡng phước đức của mình, ông không làm được, vì sao không làm được? Bên dưới nói, ông “*bất nại phán kích*”, nghĩa là ông không muốn làm những việc quá phiền phức. Lại “*bất năng dung nhân*”, tâm nhỏ bé, không dung nạp được người khác. “*Thời hoặc dĩ tài trí cái nhân*”, “*cái*” nghĩa là che lấp người khác, đè ép người khác. Người bây giờ gọi là thích nổi trội hơn người, thích chèn ép người khác. “*Trực tâm trực hạnh*”, trực tâm trực hành ở đây nghĩa là trong lòng nghĩ sao nói vậy, chứ không phải trực tâm trực hành mà cô thánh tiên hiền nói trong kinh điển. Trong Kinh Duy Ma nói: “*Trực tâm là đạo tràng*”, trực tâm trực hành này là không có vọng tâm, không có phân biệt, không có chấp trước. Còn đây là vọng tưởng phân biệt chấp trước, đây là khuyết điểm tập khí. “*Khinh ngôn vọng đàm*”, nói không biết suy nghĩ, nói một cách tùy tiện, đây đều là “*tướng bạc phước*”. Bản thân ông cũng hiểu mình có quá nhiều khuyết điểm, ngày ngày đang tạo nghiệp, đương nhiên không thể thi đậu công danh.

Ngày xưa, khoa đệ là nói tham gia thi cử của quốc gia, đạt được học vị, bây giờ chúng ta gọi là học vị. Ngày xưa cũng có ba học vị, là tú tài, cử nhân và tiến sĩ, tương đương với trường học hiện nay chúng ta gọi là đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ba học vị. Điều này nói rõ nguyên nhân ông không nên thi đậu công danh, vì ông không có phước. Sau đó nói tiếp, ông cũng không nên có con trai.

“*Địa chi uế giả đa sanh vật, thủy chi thanh giả thường vô ngư*”, trước tiên là nói hai câu thành ngữ. Đất, chúng ta thấy đất dơ bẩn, dơ bẩn nó sinh ra rất nhiều thứ, đất đai màu mỡ. Nước trong thì không có cá. “*Dư háo khiết*”, ông có tính thích sạch sẽ. “*Nghi vô tử giả nhất*”, thích sạch sẽ quá trở thành quá đáng, như vậy làm sao có con? Đây là nguyên nhân thứ nhất không nên sinh con.

“*Hòa khí năng dục vạn vật, dư thiện nộ, nghi vô tử giả nhị*”. Hòa khí rất quan trọng, ngạn ngữ thường nói: “*gia hòa vạn sự hưng*”. Một đất nước, trên dưới đều chung sống hòa thuận, đất nước này sao không cường thịnh được? Nếu không hòa, đó chính là xuất hiện dự báo suy bại, cho nên hòa quan trọng hơn tất cả. Ông không có hòa khí, thường thích nổi giận. Hay nói cách khác, đây chính là chúng ta nói công cao ngã mạn, cuồng vọng tự đại, không coi người khác ra gì. Liễu Phàm là một người như vậy, cho nên nghĩ lại cảm thấy không nên có con.

“*Ái vi sanh sanh chi bản, nhẫn vi bất dục chi căn, dư quan tích danh tiết, thường bất năng xả kỷ cứu nhân, nghi vô tử giả tam*”. Đây là điều thứ ba không nên có con. “*Ái*”, từ ái là gốc của muôn đời, ông không có tâm thương yêu, tâm địa rất tàn nhẫn. “*Nhẫn*” là tàn nhẫn, tàn nhẫn là gốc không sanh dục. Ông nói tôi rất chú trọng danh tiết của bản thân, vì coi trọng danh tiết của mình nên không thể quên mình vì người. Đây là nguyên nhân thứ ba không nên sinh con.

Ông nói tiếp: “*đa ngôn hào khí, nghi vô tử giả tứ*”. Ông thích nói chuyện, thích bực tức, thích châm chích người khác, bây giờ gọi là thích moi móc người

khác. Thường làm người khác mất thể diện trước đám đông, cũng chính là thích trêu đùa người khác. Đây là nhân tố thứ tư không nên có con.

“*Hỷ ẩm thướt tinh, nghi vô tử giả ngũ*”, *hỷ ẩm* nghĩa là thích uống rượu, thường uống say, tổn thương tinh thần thể lực của mình. Đây cũng là nguyên nhân không nên sinh con.

“*Hảo triệt dạ trường tọa, nhi bất tri bảo nguyên dục thân, nghi vô tử giả lục*”. Thích ngồi thâu đêm, buổi tối không ngủ, không biết bảo dưỡng nguyên thần, những nguyên nhân này đều không nên có con. Cho dù sanh con, đứa con đó cũng chết yểu.

“*Kỳ dư quá ác thượng đả, bất năng tất số*”, phản tỉnh khuyết điểm của mình, quả thật quá nhiều.

Nói đến “*ngôi thâu đêm*”, nhà Phật có “*bất đảo đơn*”, dùng cách ngồi thiền thay ngủ nghỉ. Tôi nói như vậy là có khuyết điểm, quý vị phải hiểu điều này. Ngồi thiền ở trong định là rất tỉnh táo, không phải ngủ, nên dùng ngồi thiền thay ngủ, chi bằng nằm xuống ngủ thoải mái hơn, ngồi ngủ khó chịu biết bao. Nhất định phải hiểu đạo lý này. Khi tôi mới học Phật rất ngưỡng mộ, người học được bất đảo đơn tốt biết mấy, không cần đến giường nệm, cuộc sống càng đơn giản càng tự tại. Tôi từng nói với thầy Lý, tôi hỏi thầy tôi có thể học phương pháp này chăng? Vì tôi ở Đài Trung học cách ngày ăn một bữa, tôi có thời gian năm năm, mỗi ngày ăn một bữa, sáng và tối đều không ăn, tinh thần và thể lực đều rất tốt. Thầy cũng rất hoan hỷ, rất tán thán, vì chính thầy cũng ngày ăn một bữa, thầy ăn như vậy đã bốn năm mươi năm rồi. Tôi ở Đài Trung học theo thầy ăn ngày một bữa, và tiến thêm bước nữa muốn học bất đảo đơn, học ngồi thiền. Thầy mỉm cười nói: nằm ngủ thoải mái hơn ngồi ngủ. Sau đó đành thôi, tôi không học nữa. Vì sao vậy? Thầy rất hiểu tôi, tôi không thể nào nhập định, chẳng qua là ngồi đó ngủ mà thôi. Nếu ngồi đó ngủ, như vậy là sai, chi bằng nằm ngủ hay hơn. Chúng tôi đích thực cũng nhìn thấy, có một số người bất đảo đơn, tôi quan sát tường tận, họ ngồi ở đó ngủ, ngồi ở đó ngáy, ngủ say. Họ không phải nhập định, không phải như hòa thượng Hư Vân, hòa thượng Hư Vân thật sự nhập định, không phải ngủ. Người tu hành thật sự, đã đoạn tận ý niệm tự tư tự lợi, đối với ngũ dục lục trần của thế gian quả thật không khởi tâm. Lúc này tâm cảnh của họ trống rỗng sáng suốt, họ không có âm khí, cho nên thường ở trong định. Trí tuệ quang minh, niệm niệm đang tăng trưởng. Họ đoạn tận hiện tượng ngủ nghỉ, ngủ nghỉ có thể đoạn. Nhưng cần có công phu, tâm địa phải thanh tịnh, thanh tịnh đến trình độ nhất định có thể không cần ngủ nghỉ. Vì tài sắc danh thực thù, đây gọi là ngũ dục. Dục giới có, sắc giới và vô sắc giới đều không có. Từ đó cho thấy, có thể đoạn những thứ này. Tập khí phiền não của ta chưa đoạn, nếu miễn cưỡng ngồi đó ngủ, nhất định có hại cho thân thể quý vị, đây là cuộc sống không lành mạnh, chúng ta cần phải biết điều này. Cho nên trong trường hợp tu hành, tuyệt đối đừng vì sĩ diện, hiếu cường, hiếu thắng. Bản thân không làm được mà cứ miễn cưỡng làm, sau cùng hủy hoại thân thể chính mình, đây là điều ngu si.

Sau khi Liễu Phàm tiên sinh phản tỉnh như thế, “*Vân Cốc viết, khởi duy khoa đệ tai. Thế gian, hưởng thiên kim chi sản giả, định thị thiên kim nhân vật. Hưởng*



*bách kim chi sản giả, định thị bách kim nhân vật. Ứng ngã tử giả, định thị ngã tử nhân vật. Thiên bất quá nhân tài nhi đốc, kỷ tăng gia tiêm hào ý tư*”. Đoạn này là danh ngôn chí lý, chúng ta phải suy nghĩ tường tận. Thiên sư Vân Cốc dạy Liễu Phàm. Ngài nói, há chỉ có thi công danh thôi ư! Người giàu có trong thế gian, người trong gia đình có ngàn vạn của cải, định sẵn là nhân vật có ngàn vàng. Hay nói cách khác, họ phải có phước phần này mới được. Trong đời quá khứ ông không có tu phước, làm sao ông có thể được phước báo? Trong đời quá khứ tích lũy nhiều phước báo, đời này được phước báo lớn. Đời trước tích lũy mỏng manh, đời này họ được ít phước báo. Đoạn này nghĩa là như thế. Không có tu phước, nhất định đói mà chết, cũng là tội nghiệp trong đời quá khứ sâu nặng. Báo ứng này là chính mình tự làm tự chịu, không hề liên quan đến trời, quỷ thần hay Phật Bồ Tát.

Cho nên sau cùng ngài nói: *“Thiên bất quá nhân tài nhi đốc, kỷ tăng gia tiêm hào ý tư?”* Nói cách khác, ông trời đối với tất cả chúng sanh quả thật rất công bằng. Ông trời ở đây, thực tế mà nói chính là quả báo tự nhiên, đích thực không thêm chút thành kiến nào, không có chút riêng tư nào trong đó.

Bên dưới nói với ông ta tính quan trọng của việc tích lũy công đức, ngài đưa ra ví dụ rằng: *“Tức như sanh tử, hữu bách thế chi đức giả, định hữu bách thế, tử tôn bảo chi. Hữu thập thế chi đức giả, định hữu thập thế, tử tôn bảo chi. Hữu tam thế chi đức giả, định hữu tam thế, tử tôn bảo chi. Kỳ trăm yên vô hậu giả, đức chi bạc giả”*. Đây là thiên sư Vân Cốc mượn tri kiến của người thông thường, khuyên Liễu Phàm tiên sinh phải tích lũy công đức.

*“Bách thế chi đức”*, theo các bậc cổ thánh tiên vương ngày xưa, trên lịch sử chúng ta thấy, như Ngu vương, Hạ, Thương, Chu. Nhà Hạ 400 năm, nhà Thương 600 năm, nhà Chu 800 năm, đây là thời kỳ dài nhất trong lịch sử, tổ tông có đức. Thời nhà Chu có thể lâu như vậy, Văn vương, Vũ vương, Chu công, công đức mà họ tích lũy được là đức trăm năm, nhất định bảo hộ con cháu đến trăm đời, đây là nói theo nhân quan của thế tục.

Không ở vương vị, như Khổng tử của Trung quốc, Khổng tử là dạy học, lấy đại công vô tư, tâm yêu thương chân thành, dạy cho bất kỳ thành phần nào. Giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, ông tích công đức rất lớn. Ngày nay chúng ta thấy con cháu đương đại, đại khái truyền hơn 70 đời. Không những ở Trung quốc được người Trung quốc tôn kính, ông Khổng Đức Thành đến Mỹ, ở San Francisco được nhân sĩ xã hội của Mỹ tại đó tôn trọng. Mọi người vừa nghe nói là hậu duệ của Khổng phu tử, đối đãi với ông đặc biệt khách khí, chính là nói đến điều này.

*“Thập thế chi đức”*, như đế vương của các triều đại. Ngày nay chúng ta nói đến Liễu Phàm tiên sinh, ông là người thời nhà Minh. Thái tổ thời nhà Minh cho đến tiên nhân của ông, tích lũy được công đức lớn lao, cho nên có thể truyền đến 17 đời, có thể duy trì đất nước hơn 270 năm.

Chúng ta thử xem người thế gian, người giàu có thông thường truyền ba đời, truyền hai đời. Xã hội hiện nay trường hợp này không nhiều, những vẫn còn, một đời là hết. Thậm chí đối với chính mình, đến lúc về già không giữ được. Lúc trung

niên rất phát đạt, nhưng lúc về già phá sản, chúng ta thường thấy trường hợp này. Tình huống này là sao? “*Đức chí bạc*”, họ không tích lũy công đức. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều là tự tư tự lợi. Mặc dù làm một chút việc tốt, cũng không từ bỏ danh văn lợi dưỡng. Họ làm việc tốt, việc tốt không có điều kiện họ không làm. Những việc tốt họ làm, là làm một chút việc từ thiện trong xã hội, họ cần có cái giá của nó, là phải được đại chúng khen ngợi, chính phủ khen thưởng, như vậy họ mới chịu làm. Họ làm là vì điều này, không phải chân tâm. Đây là giả thiện, không phải chân thiện, đây là “*đức chí bạc*”. Thiền sư đưa ra ví dụ này để nói với Liễu Phàm, sau đó dạy ông nhằm vào khuyết điểm của mình, thay đổi triệt để, như vậy là mới cứu được.

“*Nhữ kim ký tri phi*”, hôm nay ông đã biết được lỗi lầm của mình. “*Tương hướng lai bất phát khoa đệ, cập bất sanh tử chi tướng, tận tình cải loát*”. Thay đổi vận mệnh bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ tập khí lỗi lầm của mình. Ông tự nghĩ xem, bây giờ ông đã nói nhiều như vậy, đã rất rõ ràng, vì sao không thi đậu công danh? Ông nên sửa đổi tất cả những sai trái mà mình không thi đậu. Vì sao ông không có con cái? Bây giờ ông đã phản tỉnh, ông cũng biết là mình phải sửa đổi tất cả những sai trái này. “*Tận tình cải loát*”, loát là rửa sạch, cải là sửa đổi, sau đó dạy ông phải tu thiện.

“*Vụ yếu tích đức*”, điều cần thiết là phải tích đức. Trong quá khứ ông làm quá nhiều chuyện thất đức, công cao ngã mạn, thường dùng tài trí của mình để đàn áp người khác. Luôn háo cường, háo thắng, không thể dung nạp người khác, đây đều là thất đức, phải thay đổi. “*Vụ yếu bao hoang, vụ yếu hòa ái*”. “*Bao hoang*” là mở rộng tâm lượng. Tâm lượng ông quá nhỏ bé, cần phải bao dung tất cả. Sở dĩ Phật Bồ Tát vĩ đại như thế, chính là nhờ tâm lượng lớn, “*tâm bao thái hư lượng châu sa giới*”.

Hôm nay tôi còn nói chuyện với mấy người bạn, tôi nói đến dân chúng ở Úc châu, họ tự xưng là “*chân nhân*”, sống trên sa mạc hoang dã. Chính phủ cấp nhà cho họ, họ không ở, đem nhà làm thành nơi cất chứa, mỗi tối họ ngủ ngoài trời nơi hoang dã, có đạo lý! Tâm của họ rộng rãi biết bao. Bạn tôi nói, ông nói quả thật người Mông Cổ, Tây Tạng, Thanh Hải, Tân Cương, những dân tộc du mục này, họ đều ở nơi hoang dã. Tiếng ca của họ rất hào phóng, tâm hồn rộng mở. Chúng ta hiện tại rất đáng thương, ở chung cư, như trong lồng bọ câu vậy, tâm lượng này rất nhỏ bé! Sao có thể sánh với người ta? Nhất định phải mở rộng tâm lượng, người tâm lượng rộng rãi có phước báo, nhất định phải hòa ái. Liễu Phàm tiên sinh thiếu hòa khí, thiếu lòng yêu thương, nhất định phải tu dưỡng.

“*Vụ yếu tích tinh thần*”, thích uống rượu, thích thức đêm, đây đều là không biết quý trọng tinh thần của mình, không biết quý trọng thân thể mình. Thiền sư Vân Cốc đưa ra mấy trọng điểm này để dạy ông sửa đổi khuyết điểm, phải siêng năng tu học, tu thiện tích đức.

“*Tùng tiền chủng chủng, thí như tạc nhật tử*”, trước đây là chuyện đã qua, không cần nghĩ đến nó. “*Tùng hậu chủng chủng, thí như kim nhật sanh. Thứ, nghĩa lý tái sanh chi thân dã*”. Lời này nói rất hay, chỉ cần con người biết sửa đổi, là có thể vượt ra khỏi số mệnh, số mệnh không câu thúc được họ.

Trong Phật pháp, Đức Phật thường khuyên hàng đệ tử phải phát nguyện. Phát nguyện của nhà Phật, người thế tục gọi là lập chí, cùng một ý nghĩa. Nhưng Đức Phật dạy người phát nguyện là vì phục vụ chúng sanh, nếu muốn phục vụ cho chúng sanh, cần phải có năng lực phục vụ. Hay nói cách khác, cần phải có đạo đức, có học vấn, có năng lực, như vậy mới có điều kiện phục vụ cho đại chúng, cho xã hội. Do đó sau khi phát tâm này, ta cần phải tu dưỡng những điều kiện đó. Tu dưỡng phẩm đức, quý vị nhất định phải sửa đổi tập khí của mình. Thành tựu học vấn, thành tựu đức hạnh ta nhất định phải tu thiện, tích lũy công đức, như vậy ta mới có thể thực hiện nguyện vọng của mình. Ta giúp xã hội này, giúp những chúng sanh khổ nạn, nếu bản thân không đầy đủ những điều kiện này, quý vị phát nguyện này là không nguyện, là hư nguyện, vĩnh viễn không thể thực hiện được. Nguyện giả, không phải thật. Nếu phát nguyện là hư giả, như vậy là có tội, tội gì? Tội gạt Phật Bồ Tát, gạt chúng sanh, bởi vậy phát nguyện hư giả là có tội, không có công đức.

Đức Phật dạy hàng đệ tử, nguyện phổ biến nhất là *Tứ hoằng thệ nguyện*. “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, nói như bây giờ, “*độ*” là giúp đỡ, hiệp trợ. Chúng sanh vô lượng vô biên, chúng ta phải phát tâm giúp họ, hiệp trợ họ. Giúp họ là khổ được vui, giúp họ phá mê khai ngộ, bản thân ta phải có năng lực mới được. Ở sau tiếp theo ba điều, thứ nhất là đoạn phiền não, thứ hai là học pháp môn. Đoạn phiền não là thành tựu đức hạnh của mình, học pháp môn là thành tựu học vấn của mình, sau đó thành Phật đạo, viên mãn công đức của mình. Nguyện này của quý vị là chân thật, không phải hư giả. Nếu nguyện lực này mạnh, rất lớn, vượt qua nghiệp lực. Đó chính là nhà Phật nói: “*thừa nguyện tái sanh*”. Vận mệnh ta thay đổi 180 độ, nguyện lực lớn hơn nghiệp lực là thành công.

Hôm nay chúng ta học đến đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 4**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 16.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Hôm qua nói đến thiền sư Vân Cốc dạy Liễu Phàm tiên sinh phải sửa đổi chính mình, đây chính là nói về thân nghĩa lý.

Hôm nay chúng ta xem tiếp: *“Phu huyết nhục chi thân, thượng nhiên hữu số, nghĩa lý chi thân, khởi bất năng cách thiên”*. *“Huyết nhục chi thân”* là thân thể của chúng ta, vì thân thể này không thể tách rời vọng tưởng phân biệt chấp trước, bởi vậy đều rơi vào số mệnh. Cho nên dùng thuật số có thể suy đoán chuyện lành dữ họa phúc của cuộc đời mình. Nếu con người muốn vượt thoát số mệnh, cần phải thay đổi từ mặt tâm lý. Những quan niệm và hành vi bất thiện trước đây, đều có thể thay đổi, tương ứng với nghĩa lý. Thân này gọi là *“thân nghĩa lý”*, trong Phật pháp gọi là nguyện lực, thân huyết nhục là nghiệp lực, do nghiệp lực biến hiện. Nếu nguyện lực chúng ta mạnh hơn nghiệp lực, trong Phật pháp gọi là thừa nguyện tái sanh. Trong này chúng ta cần phải hiểu, thân huyết nhục không tách rời tự tư tự lợi, thân nghĩa lý đại công vô tư, không nghĩ đến lợi ích cho riêng mình. Sống trong thế gian này, thân thể này là công cụ vì xã hội, vì nhân dân, vì chúng sanh phục vụ tạo phúc, hoàn toàn thoát ly quan hệ nghiệp lực của mình, thân này gọi là thân nghĩa lý, thân này gọi là thừa nguyện tái sanh. Chúng sanh có phúc, thân này sẽ thường trụ ở thế gian. Chúng sanh không có phúc báo, thân này tự nhiên xả bỏ. Nói cách khác, nhà Phật thường nói, liễu sanh tử xuất luân hồi, chính là ý này.

Bên dưới trích dẫn sách cổ làm chứng: *“Thái giáp viết: Thiên tác nghiệt, do khả vi”*. Đây là giả thiết, là tai họa thiên nhiên. *“Do khả vi”* là có thể tránh. Ngày nay chúng ta nói thiên tai tự nhiên là có thể tránh, có thể cứu vãn, đạo lý này rất thâm sâu. *“Tự tác nghiệt, bất khả hoạt”*, là không thể cứu vãn, không thể tránh khỏi, ý câu này rất sâu sắc. Vì sao nói có thể tránh thiên tai tự nhiên? Hiện nay người hiểu đạo lý này không nhiều.

Thánh nhân nói với chúng ta, trong kinh điển Phật Bồ Tát nói với chúng ta: *“y báo chuyển theo chánh báo”*. Y báo là hoàn cảnh tự nhiên, hoàn cảnh tự nhiên cũng chuyển theo tâm người. Nếu xã hội này, tâm người lương thiện, thuần hậu, hoàn cảnh sống của chúng ta sẽ chuyển thành tốt. Gọi là phong điều vũ thuận, quốc thái dân an. Không chỉ là thiên tai do người làm, là nhân tạo, thiên tai tự nhiên cũng là con người tạo.

Trong Phật pháp nói, một loại là cộng nghiệp, một loại nữa là biệt nghiệp. Cộng nghiệp là mọi người cùng tạo, nó biến thành thiên tai tự nhiên. Do cá nhân

tạo ra, liền trở thành lành dữ họa phúc của cá nhân. Cho nên cá nhân mình tạo nghiệp, đây là điều không thể tránh khỏi. Nghiệp do đại chúng xã hội tạo ra, tôi có thể tránh, tôi có thể cứu vãn. Đây là chân lý, là chân tướng sự thật.

Lại trích dẫn hai câu trong Thi Kinh: *“Thi vân: Vĩnh ngôn phối mệnh, tự cầu đa phúc”*. Hai câu này, *“vĩnh ngôn”* nghĩa là thường nói, các bậc thánh hiền thường nói. *“Phối mệnh”* nghĩa là nói tâm tương ứng với trời cao, tâm người đồng tâm trời, trời là tâm gì? Rốt cuộc trời ở đâu? Đây không phải một thứ hữu hình, nói thật là một thứ vô hình, là một khái niệm trừu tượng, gọi là: *“trời có đức hiếu sinh”*. Tâm trời là tâm yêu thương, yêu thương vô tư. Tâm trời là yêu thương bình đẳng, yêu thương bình đẳng. Nếu bản thân có thể tu dưỡng, nâng tâm nguyện của mình đến đại công vô tư, đối đãi bình đẳng với mọi người, mọi việc, mọi vật. Đây chính là *“vĩnh ngôn phối mệnh”*. Đương nhiên phúc ở trong đó, không cầu phúc báo cũng hiện tiền. Quý vị suy nghĩ tường tận về ý nghĩa này.

Bên dưới thiền sư Vân Cốc nói: *“Khổng tiên sinh toán nhữ, bất đặng khoa đệ, bất sanh tử giả, thử thiên tác chi nghịệt, do khả đắc nhi vi dã”*. *“Thiên tác chi nghịệt”*, là tội ông tạo trong quá khứ, ông tạo nghiệp bất thiện, nên đời này không có phần công danh, cũng không có con. Đây là do trong đời quá khứ ông tạo, có thể tránh, có thể cứu vãn, cứu vãn như thế nào? *“Nhữ kim khuếch sung đức tánh”*, phải sửa đổi chính mình. *“Lực hành thiện sự, đa tích âm đức”*. Âm đức là gì? Làm việc tốt mà không để cho người khác biết, đây gọi là âm đức, âm đức quả báo dày. Làm một chút việc tốt, mọi người đều biết. Như hiện nay tin tức báo chí đứng ra biểu dương, khen ngợi, giới thiệu quý vị trước quần chúng xã hội. Đây cũng là phúc, nhưng phúc này lập tức tiêu hết, rất đáng tiếc! Bởi vậy người làm việc tốt thật sự, không cần để người khác biết. Nếu làm việc tốt nhất định phải có giới truyền thông đưa tin, phải lên báo lên đài, đây không phải việc tốt thật sự. Tâm này chưa rời danh vọng lợi dưỡng, không phải chân tâm. Thiện này là giả thiện, là ngụy thiện, không phải chân thiện. Chân thiện, cần gì để người khác biết? Tuyệt đối tránh tình trạng truyền thông đưa tin, như vậy mới tốt.

Ngày xưa, người có đức năng chơn chánh, gọi là dấu tài năng không để người ngoài biết, ẩn cư trong rừng sâu không ai hay, do đó họ tích đức ngày càng dày. Đến lúc nhân duyên thành thực, bị người phát hiện, họ có thể vì quốc gia, vì dân tộc kiến công lập nghiệp. Trong này chứa đựng rất nhiều học vấn, những điều này chúng ta phải tư duy thật sâu sắc, đều phải học tập. *“Thử tự kỷ, sở tác chi phúc dã, an đắc nhi bất thọ hưởng hô”*. Bản thân tạo phúc đương nhiên bản thân đều nhận được.

Tiếp theo đại sư dẫn chứng câu nói trong Kinh Dịch: *“Dịch vi quân tử mưu, xu kiết tị xung”*. Dẫn chứng hai câu này để tăng trưởng tín tâm cho Liễu Phàm tiên sinh. *“Nhược ngôn thiên mệnh hữu thường, kiết hà khả xu, hung hà khả tị”*. Câu này nói rất hay, nếu nói vận mệnh định sẵn, không thể thay đổi, vậy thì câu này trong Kinh Dịch nói không thông. Nói cách khác, hai câu trong Kinh Dịch nói với chúng ta, vấn đề về vận mệnh rất linh hoạt, chúng ta mỗi ngày khởi tâm động niệm, niệm thiện thì tăng phúc, phúc tăng thêm một phần, niệm ác thì giảm bớt một phần. Mỗi ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác là cộng trừ

nhân chia, ngày ngày đều có cộng trừ nhân chia. Tại sao vận mệnh người thế gian bị người đoán chắc? Vì mức độ cộng trừ nhân chia của họ không lớn, không rời trung tuyến của họ quá xa, cho nên đoán rất chuẩn. Nếu mức độ cộng trừ nhân chia rất lớn, vận mệnh họ không chuẩn. Như ở trước nói, người làm việc thiện lớn, vận mệnh không câu thúc được họ. Người làm việc ác lớn, vận mệnh cũng không câu thúc được họ, đó chính là mức độ cộng trừ nhân chia lớn. Họ làm việc thiện lớn, họa liền trở thành phước, còn như làm việc ác lớn, phước cũng biến thành họa, đạo lý là như vậy.

“*Khai chương đệ nhất nghĩa, tiện thuyết, tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh, như tín đắc cập phủ*”. Những cuốn sách này, bình thường Liễu Phàm tiên sinh thường hay đọc, thường hay đọc không thể nói không hiểu ý nghĩa trong đó, nhưng hiểu không sâu sắc. Nói cách khác, đọc những sách tịch của các bậc thánh hiền, nhưng bản thân không áp dụng trong cuộc sống hằng ngày. Không thể thực hành trong cuộc sống, như công việc, xử sự đối nhân tiếp vật, do đó vận mệnh của ông không hề thay đổi. Thiên sư Vân Cốc vừa khai thị, ông liền hiểu ngay.

Liễu Phàm tiên sinh nói: “*Dur tín kỳ ngôn, bái nhi thọ giáo*”. Những gì thiên sư Vân Cốc dạy, đã thức tỉnh Liễu Phàm tiên sinh, vận mệnh đích thực là chính mình tạo, chính mình có thể thay đổi, nhất định phải hiểu tự cầu đa phước.

Chúng ta học Phật, có nhiều người hỏi tôi. Họ hỏi, thầy ơi vì sao thầy học Phật? Tôi trả lời rất đơn giản, mục đích học Phật của tôi rất đơn thuần, là để nâng cao cảnh giới mình, đây là nói từ phương diện quả báo. Nếu nói từ nhân, là để nâng cao đức hạnh của mình. Tích lũy công đức là tu nhân, nhân tốt quả đương nhiên thù thắng. Khi nghiệp nhân quả báo đến ta có thể cảm nhận được, quý vị sẽ rất hoan hỷ. Nhà Phật thường nói: “thường sanh tâm hoan hỷ”, suốt đời đều sống trong niềm hoan hỷ, an vui vô cùng! Trong lòng không có âu lo, không có vương bận, không có vọng tưởng, không có chấp trước, không có phiền não, đây gọi là được đại tự tại. Trong kinh luận thường nói: “thường sanh tâm hoan hỷ”, suốt đời sống trong thế giới cảm ân, điều này hạnh phúc biết bao! Tôi xuất gia là vì điều này, thật ra đây là ngày xưa thầy giáo tôi dạy tôi.

Trước khi tôi học Phật rất yêu thích triết học. Thầy giáo tôi là thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi, Phật học là tinh hoa trong triết học, là đỉnh cao nhất trong triết học. “Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người”, tôi bị câu nói này của thầy làm rung động, cho nên siêng năng học tập. Sau khi tôi cạo tóc xuất gia đến thăm thầy, thầy rất hoan hỷ, thầy nói anh đi con đường này là đúng, tôi chỉ nói với anh như vậy, không ngờ anh làm thật. Quả thật là tôi được thầy chỉ dẫn, tôi cũng giống như Liễu Phàm tiên sinh vậy: “*Dur tín kỳ ngôn, bái nhi thọ giáo*”. Thầy Phương giới thiệu Phật pháp cho tôi, đại sư Chương Gia đặt nền tảng cho tôi, thầy Lý Bính Nam dùng thời gian mười năm bồi dưỡng tôi. Suốt đời được lợi ích, được an vui, được tự tại.

Liễu Phàm tiên sinh đã hiểu, đã giác ngộ, tiếp theo là thực hành. “*Nhân tương vãng nhật chi tội*”, trong quá khứ tạo ra nhiều tội ác, vô số sai lầm. “*Phật tiền tận tình phát lộ*”, phát lộ là không hề dấu giếm, nói ra tất cả. “*Vi sở nhất*

thông”, số là văn chương, nghĩa là bản thân hạ quyết tâm phải sửa đổi sai lầm. Viết một bài văn, cầu Phật Bồ Tát làm chứng cho con, dụng ý là như vậy.

“*Tiên cầu đăng khoa*”, số mệnh ông không có công danh, câu điều này trước. “*Đăng khoa*”, là trước tiên cầu thi đậu cử nhân. Số mệnh ông chỉ có tú tài, tú tài đến cao nhất là công sanh, bởi thế ông không có khoa đệ, nói như hiện nay là ông không có học vị. “*Thệ hành thiện sự tam thiên điều, dĩ báo thiên địa tổ tông chi đức*”. Bắt đầu đoạn ác tu thiện, phát tâm lớn như thế quả là rất khó được. Thiền sư Vân Cốc thấy vậy đương nhiên rất hoan hỷ, người này đáng để dạy. Tuy lúc này Liễu Phàm tiên sinh đã 35 tuổi, nhưng có thể quay đầu, đoạn ác hướng thiện. Vào thời nhà Minh lúc đó “công quá cách” rất lưu hành. Chúng ta thấy trong lịch sử, rất nhiều vĩ nhân có thành tựu, đều dùng phương pháp “công quá cách” này để kiểm điểm sai lầm của mình.

“*Vân Cốc xuất công quá cách thị dư, linh sở hành chi sự, trực nhật đăng ký. Thiện tắc lý số, ác tắc thoái trừ, thả giáo trì chuẩn đề chú, dĩ kỳ tất nghiệm*”. Liễu Phàm tiên sinh quả thật là một phạm phu, là hàng sơ học, hơn nữa căn tánh không phải là thượng căn lợi trí, có thể nói là hàng trung hạ căn tánh, cho nên thiền sư Vân Cốc dùng phương pháp “công quá cách” để giúp ông ta. Phương pháp công quá cách hiện nay cũng rất lưu thông ở Đài Loan và HongKong, đều có thể tìm thấy. Trước đây chúng tôi cũng từng in ấn. Mỗi ngày đều ghi lại, tự ghi lại việc tốt mình làm hằng ngày, mỗi ngày gây ra lỗi lầm, phản tỉnh lỗi lầm, lỗi lầm cũng ghi lại. So sánh thiện và ác, hôm nay rốt cuộc ta làm việc thiện nhiều hay ác nhiều? Khi mới làm nhất định là thiện ác hỗn tạp, có thể là ác nhiều hơn thiện, bản thân nâng cao cảnh giác. Ngày ngày siêng năng nỗ lực sửa đổi, hy vọng đến một ngày, mở công quá cách ra là thuần thiện không có ác, như vậy là thành công. Đây là dạy ông thay đổi từ sự. Phương pháp này không phải là một phương pháp cao siêu, nhưng đối với người bình thường mà nói là một phương pháp rất có hiệu quả.

Lại dạy ông trì chú Chuẩn Đề. Trong Phật pháp tham thiền, trì chú, niệm Phật, tuy phương pháp khác nhau, nhưng mục tiêu và công hiệu hoàn toàn giống nhau, là nhiếp tâm. Người bình thường không thể không có vọng niệm, chỉ có Phật Bồ Tát, bậc đại tu hành mới không có vọng niệm. Vọng niệm có hại cho chúng ta rất lớn, chúng ta phải biết vọng niệm không những phá hoại tâm thanh tịnh của chúng ta, mà còn sanh hiệu quả không tốt cho sức khỏe chúng ta.

Chúng ta xem Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc còn tại thế, một ngày ăn một bữa, ngày ăn bữa Ngọ, mà ăn rất đơn giản, rất ít. Người bây giờ chúng ta nghĩ “như vậy sao đủ dinh dưỡng?” Chúng ta không hiểu đạo lý, khi hiểu rõ đạo lý bỗng nhiên đại ngộ, thì ra dinh dưỡng là bổ sung thể năng cho chúng ta. Thân thể giống như một bộ máy vậy, bộ máy này vận động suốt 24 tiếng đồng hồ, khi ngủ cũng không ngừng, tim vẫn cứ đập, mạch vẫn đập, máu huyết đang tuần hoàn, nên cần có năng lượng. Âm thực là bổ sung năng lượng, như xe hơi cần thêm dầu vậy. Nhưng chúng ta biết, có xe hao dầu, có xe tiết kiệm dầu. Thân thể chúng ta cũng như vậy, thân thể đối với tiêu hao năng lượng, có hao năng lượng, có tiết kiệm năng lượng. Rốt cuộc năng lượng hao vào đâu? Hiện nay chúng ta đã hiểu

95% tiêu hao vào vọng niệm. Như vậy mới biết vì sao người tu hành có thể ăn ngày một bữa? Vì họ tâm thanh tịnh, ít vọng niệm, nên họ tiêu hao năng lượng ít, thân thể mạnh khỏe. Phạm vọng tưởng nhiều, tạp niệm nhiều, mỗi ngày bổ sung ba lần còn chưa đủ, còn phải ăn khuya và điểm tâm, suốt ngày đều phải bổ sung, họ tiêu hao quá nhiều năng lượng. Tiêu hao quá nhiều chắc chắn ảnh hưởng không tốt đến thân thể. Bởi vậy muốn giữ gìn sức khỏe, phải giảm trừ vọng tưởng. Vọng niệm giảm ít, ẩm thực tự nhiên cũng giảm ít. Thân thể mạnh khỏe không cần ẩm thực, vì sao vậy? Dù ẩm thực ít đến đâu cũng không thể hoàn toàn đạt được không ô nhiễm, không có ẩm thực chắc chắn không có ô nhiễm, thân thể mới thật sự mạnh khỏe. Cho nên ăn nhiều không phải là việc tốt, ăn nhiều những thứ không sạch không bài tiết hết, khí quản thân thể bị ô nhiễm nhiều hơn người khác, bây giờ gọi là nhiều cơ hội mắc bệnh. Cổ nhân nói: “bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất”, lời nói này không sai chút nào.

Dạy người trì chú, trì chú chính là tu tâm thanh tịnh. Con người chắc chắn có tạp niệm, ta tập trung ý niệm vào câu chú, tạp niệm không còn. Dùng một ý niệm thay thế tất cả các vọng niệm, đạo lý là đây, hiệu quả rất rõ ràng. Cho nên quý vị dùng phương pháp tham cứu cũng được, dùng phương pháp trì chú cũng được, dùng phương pháp niệm Phật cũng được, có rất nhiều phương pháp, nhà Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp là phương pháp, môn là con đường, phương pháp và con đường rất nhiều. Quý vị có thể chọn một loại, giúp ta nhiếp tâm, giúp ta đoạn tận vọng tưởng. Tâm địa thanh tịnh, trí tuệ liền hiện tiền, chân tâm liền hiện tiền, đây là một cách và phương pháp tu hành.

Thiền sư Vân Cốc dạy ông niệm chú Chuẩn Đề, lại nói với ông: “*Ngữ dư viết: Phù lục gia hữu vân, bất hội thư phù, bị quỷ thần cười*”. Chuyên gia họa phù niệm chú thường nói, quý vị không biết họa phù bị quỷ thần cười. Quỷ thần không những cười cợt quý vị, có khi còn khiến quý vị không chịu được. Trong này có bí truyền, “*thử hữu bí truyền, chỉ thị bất động tâm dã*”. Họa phù, trì chú, niệm Phật đích thực có công diệu khác thường. Đây chính là phương pháp hình thức khác nhau, nhưng nguyên lý mục đích hoàn toàn tương đồng, đều phải dùng chân tâm, tức là không có vọng niệm nào, phù này sẽ linh. “*Chấp bĩ thư phù*”, chúng ta dùng viết họa phù, “*tiên bả vạn duyên buông bỏ, nhất trần bất khởi*”, ông phải buông bỏ tất cả mọi vọng niệm, nhất niệm không sanh. “*Tùng thử niệm đầu bất động xứ, hạ nhất điểm, vị chi hôn độn khai cơ, do thử nhi nhất bĩ huy thành, cánh vô tư lự, thử phù tiện linh*”. Họa phù, phù này có linh hay không, quý vị xem người họa phù. Cho nên bình thường phải luyện tập, luyện thật thuần thực. Chúng tôi từ nhỏ, lúc làm học sinh tiểu học cũng thích họa phù, ngày nào cũng luyện, nhưng chúng tôi không hiểu nguyên lý này. Nếu trong lúc họa phù, mà khởi vọng niệm, phù này không linh. Nhất định lá phù này, bắt đầu từ một điểm cho đến vẽ xong lá phù này, không có vọng niệm nào. Tâm thanh tịnh, phù này sẽ linh. Từ đó cho thấy, trì chú cũng như vậy. Lúc trì chú không được xen tạp vọng niệm, xen tạp một vọng niệm, chú này không linh. Vậy mới biết, niệm thần chú không dễ, chú càng dài càng khó niệm. Càng dài, thời gian dài không dễ không xen lẫn tạp niệm. Nhà Phật thường nói: đọc kinh không bằng trì chú, trì chú không bằng



niệm Phật. Vì sao vậy? Vì kinh dài hơn chú, không vọng tưởng rất khó, chú cũng khá dài, lúc trì không vọng tưởng cũng không dễ. Phật hiệu ngắn, bốn chữ A Di Đà Phật, trong bốn chữ A Di Đà Phật này không xen tạp vọng niệm, câu Phật hiệu này sẽ linh. Vừa niệm Phật vừa khởi vọng niệm, Phật hiệu này không linh.

Những phương pháp này đều là nhiếp tâm, đều giúp chúng ta đạt đến tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là chân tâm, trong tâm có vọng niệm, tâm này gọi là vọng tâm. Vọng tâm có sanh diệt, chân tâm không có sanh diệt, trong chân tâm không có niệm, nên nó không có sanh diệt. Làm sao để đoạn tận sanh diệt, khôi phục đến bất sanh bất diệt? Đây là mục tiêu tu học cao nhất trong nhà Phật, đến bất sanh bất diệt. Đạo lý này, được thiền sư Vân Cốc nói ra cho chúng ta biết.

Bên dưới nói: *“Phàm kì thiên lập mệnh đồ yếu tòng, vô tư vô lự xử cảm cách”*. Cảm cách chính là cầu cảm ứng, cầu cảm ứng với tâm tánh, cầu cảm ứng với trời đều phải dùng tâm chân thành. Gọi là “thành tức linh, không thành vô vật”. Lại nói: *“Mạnh tử luận lập mệnh chi học”*, thuyết lập mệnh Mạnh tử nói sớm nhất. *“Nhi viết: Yêu thọ bất nhị, phu yêu hưng thọ, chí nhị giả dã, đương kỳ bất động niệm thời, thực vi yêu, thực vi thọ”*. Mạnh tử nói lời này rất cao minh, “yêu” là đoán mệnh, “thọ” là trường thọ, đoán mệnh và trường thọ là một không phải hai, câu nói này người thông thường nghe không hiểu. Đoán mệnh và trường thọ khác nhau rất lớn, sao lại là một không phải hai? Vì chúng ta nhìn thấy là hai, thấy có sự sai biệt rất lớn, chúng ta dùng tâm gì nhìn? Dùng tâm phân biệt nhìn, dùng tâm chấp trước nhìn, cho nên nhìn nó thành hai. Nếu tâm ta bất động, trong tâm không có ý niệm nào, trường thọ và đoán mệnh đích thực là một không phải hai, vì sao vậy? Vì không có phân biệt, có phân biệt mới có hai ba, không có phân biệt làm gì có hai ba.

Ai không phân biệt? Thánh nhân không có tâm phân biệt, Đức Phật không có tâm phân biệt, Bồ Tát không có tâm phân biệt. Phàm phu có tâm phân biệt, cho nên biến tất cả pháp thế gian thành đối lập. Lớn và nhỏ là đối lập, dài và ngắn là đối lập, thiện và ác là đối lập, chân và vọng là đối lập, tất cả đều trở thành đối lập. Đối lập chính là luận tương đối mà các nhà khoa học nói. Sống trong thế gian tương đối, là thế gian hư vọng, trong Kinh Kim Cang gọi là “mộng huyễn bào ảnh”. Đây không phải là chân tướng của vũ trụ nhân sinh, chân tướng của vũ trụ nhân sinh gọi là “nhất chân”. Nghĩa là nói, trong đó chắc chắn không có tương đối, đây mới là chân, có tương đối không phải là chân. Trong lục đạo là tương đối, trong mười pháp giới vẫn là tương đối, đến nhất chân pháp giới tương đối không còn. Chúng ta nói tương đối không còn phải chăng là có tuyệt đối? Tuyệt đối cũng không có, tuyệt đối và tương đối hỗ tương kiến lập. Tương đối không còn, tuyệt đối cũng không còn. Cảnh giới này, trong kinh Phật gọi là “bất khả tư nghị”. “Tư” là tư duy, quý vị không thể tư, tư là sai. “Nghị” là nghị luận, là nói, cũng không thể nói, nói là sai, đó thật sự là nhất chân pháp giới, đó là thật bình đẳng. Mạnh tử nói những lời này không đơn giản, nếu ông không khế nhập cảnh giới này, không nói được như thế. Cho nên tuy Khổng Mạnh không có tiếp xúc với Phật pháp, nhưng nếu dụng tiêu chuẩn của Phật pháp để xem Khổng Mạnh, họ cũng là đại Bồ Tát, cũng không phải người bình thường. Ngôn luận của họ,

quan sát của họ, trong Phật pháp gọi là cảnh giới của đại thừa Viên giáo, thất địa Bồ Tát trở lên.

“*Tế phân chi*”, nghĩa là mở rộng nó. “*Phong khiếm bất nhị, nhiên hậu khả lập, bản phú chi mệnh*”. “*Phong*” là được mùa, năm nay nông dân được mùa, gặt hái tốt. “*Khiếm*” là gặt hái không tốt. Gặt hái nhiều, phong phú, năm nay có thể sống sung túc. Năm nay mất mùa, cuộc sống rất khó khăn. Nếu quý vị có thể hiểu “*phong khiếm bất nhị*”, đó chính là giàu nghèo không hai, quý vị có thể lập mạng giàu nghèo. “*Cùng thông bất nhị, nhiên hậu khả lập, quý tiện chi mạng*”. “*Cùng*” là hoàn cảnh khó khăn, làm việc gì cũng gian nan khôn khổ, không thể thành tựu. “*Thông*” là thông đạt, muốn làm việc gì cũng có rất nhiều trợ duyên, thuận lợi vô cùng. Nếu không hiểu đạo lý này, không thể lập mệnh quý tiện.

Chúng ta muốn hỏi thế gian có giàu nghèo chăng? Có. Có quý tiện chăng? Có. Nên lập mệnh như thế nào? Người nghèo thì an phận nghèo, người giàu an phận giàu, người quý an phận quý, người tiện an phận tiện, người nào sống đúng phận người đó, đây gọi là lập mệnh. Hai bên tôn trọng lẫn nhau, yêu kính lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, đây đúng là biết mệnh trời. Cho nên thế gian vĩnh viễn thái bình, xã hội tuyệt đối không thể có động loạn, vì sao vậy? Vì tri mệnh, đây là học vấn, là thực học, học vấn thật sự.

Nói tiếp: “*Yêu thọ bất nhị, nhiên hậu khả lập, sanh tử chi mệnh*”. Hiện tượng sanh tử trong lục đạo đều có, đáng sợ chăng? Không đáng sợ, sanh tử rất bình thường. Chỉ cần hiểu rõ ràng minh bạch đạo lý này, còn tham sống sợ chết chăng? Không còn, sanh và tử là một việc, không phải hai. Người thông đạt, đối với việc xả thân thọ thân như vấn đề sanh tử, chẳng khác nào như chúng ta thay áo quần, thay áo quần vậy. Chúng ta ví áo quần như thân thể, bộ áo quần này mang đã lâu, bị dơ bẩn, bị rách, chúng ta tự nhiên phải thay nó. Thay nó, thân này không cần nữa, thay một bộ áo quần khác, tức là thay một thân. Cho nên sanh tử, xả thân thọ thân giống như thay áo quần vậy. Ở đây chúng ta cần phải chú ý, áo quần này càng thay càng đẹp, tốt! Nếu càng thay càng xấu, như vậy là không tốt. Nếu một người tạo ác nhiều, họ xả bỏ thân thể này, đời sau lại được một thân khác xấu hơn thân này, là thân súc sanh, thân ngựa quý, thân địa ngục, thân này ngày càng xấu hơn so với chúng ta. Nếu người này suốt đời hành thiện, hiếu thiện tích đức, sau khi họ xả bỏ thân này, đời sau được sanh lên cõi trời, thân trời trang nghiêm hơn thân chúng ta nhiều. Họ được thân Bồ Tát, được thân Phật, ngày càng trang nghiêm. Nếu hiểu được chân tướng sự thật này, hiểu được đạo lý này mới thật sự chịu đoạn ác tu thiện. Tuy đoạn ác tu thiện là lợi ích người khác, nhưng lợi người mới thật sự lợi mình, đây là chân lý. Tồn người chắc chắn hại mình, người thế gian thường nói: “tồn người lợi mình”. Lời này nói có chỗ sai lầm: “tồn người chắc chắn hại mình”. Lợi mình là đạt được chút lợi ích nhỏ trước mắt, nhưng mấy mươi năm sau, sau khi chết trở thành ngựa quý, súc sanh, địa ngục, đây đúng là hại mình, hại mình rất thảm, đến lúc đó hối hận cũng không kịp. Bởi vậy tuyệt đối không được làm điều tồn người. Người thông minh, người hiểu biết, nhất định làm việc lợi ích tất cả chúng sanh.

Văn nhân là người đi theo sự nghiệp giáo dục văn hóa, ngày nay chúng ta thấy rất nhiều sách báo xuất bản. Có nhiều người tặng sách, tặng báo cho tôi xem, điều đầu tiên là tôi xem trang bản quyền. Trên trang bản quyền viết: “có bản quyền, không được sao chép dưới mọi hình thức”. Sách này tôi không xem, vì sao tôi không xem? Vì tôi nghĩ họ viết chẳng có gì hay, vì tâm họ rất tự tư, họ không có ý lợi ích đại chúng. Tôi không muốn lãng phí thời gian và tinh thần, nên tôi không xem mấy sách như thế. Nếu ở sau in: “hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”. Sách này tôi xem kỹ từ đầu đến cuối, vì sao vậy? Vì tâm họ rộng rãi, họ không có ý niệm tự tư tự lợi. Đây là người tốt, đây là thiện nhân, sách của họ nên đọc, cho nên tôi đọc sách không giống với người khác.

Riêng tôi, như mấy năm lại đây, băng ghi âm và CD giảng kinh nhiều vô số, thông kê tất cả có mấy nghìn loại. Thư tịch cũng có không ít, tôi hoàn toàn không có bản quyền, hoan nghênh ấn tống, hoan nghênh lưu thông. Người ta có thể lưu thông, ấn tống sách đĩa của tôi, tôi rất cảm kích, coi như họ coi trọng tôi. Nếu họ không coi trọng tôi, vì sao phải mất nhiều tiền như vậy để làm việc này? Tôi hà tất phải hạn chế người khác không được ấn tống, không được lưu thông. Vậy chúng tôi giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, vĩnh viễn không đạt được ý nguyện này. Cho nên chúng tôi hoàn toàn không có bản quyền, mà còn hoan nghênh mọi người ấn tống lưu thông.

Đối với vấn đề sanh tử đã tham thấu, nhìn thấu, biết được chân tướng sự thật này, cho nên không có ý niệm tham sống sợ chết. Bất luận khi nào, bất luận phương thức tử vong nào, đều hoan hỷ an vui, vì sao vậy? Vì biết sau khi xả thân này, lập tức thay một thân khác tốt hơn, thù thắng hơn hiện tại. Tôi có niềm tin, có sự chắc chắn.

*“Nhân sinh thế gian, duy tử sanh vi trọng, viết yêu thọ, tắc nhất thiết thuận nghịch, giai cai chi hi”*. “Cai” là bao gồm, chỉ cần thấu triệt cửa ải này, tất cả mọi tương đối trong cảnh giới, ta đều được tự tại. *“Nhất thiết thuận nghịch”*, thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên trong nhân sự hoàn cảnh, đều bao gồm trong đó. Bao gồm trong đó là gì? Là không hai. Chúng ta phải nhập vào cảnh giới này, trong đời này không tránh khỏi gặp phải có một số người tốt với chúng ta, quan tâm chúng ta, đây là có ân huệ. Có một số người bất mãn chúng ta, ác ý hủy báng, hãm hại, sỉ nhục đều có. Chúng ta dùng tâm như thế nào đối đãi họ? Dùng tâm cảm ân đối đãi họ. Người tốt với tôi, tôi cảm kích họ, họ giúp đỡ tôi rất nhiều. Người không tốt với tôi, người hủy báng tôi, người sỉ nhục tôi, người hãm hại tôi, tôi cũng rất cảm kích họ. Cảm kích họ điều gì? Vì họ làm tiêu nghiệp chướng cho tôi, thành tựu đức hạnh cho tôi. Nghĩa là nói, họ dùng thủ đoạn này đối với tôi, xem tâm tôi có bình đẳng chẳng, tâm tôi còn sân nhuế chẳng? Nếu như tôi còn có một niệm sân nhuế, một niệm trả thù, thì tôi là phạm phu, công phu không tiến bộ. Họ đối đãi với tôi như thế, đồng nghĩa nói là khảo nghiệm, tôi vượt qua được thử thách rồi. Tôi không có ác ý hay ý niệm trả thù họ, không những không có ý trả thù, mà còn cảm kích họ, cảm ân họ.

Cho nên trước Phật đường nhỏ của tôi \_những oán thân trái chủ, những người không tốt đối với chúng tôi, tôi đều cúng bài vị trường sanh cho họ, ngày ngày

tụng kinh lạy Phật cầu phúc cho họ, không giống nhau. Dù quý vị hãm hại tôi như thế nào đi nữa, tôi vẫn cầu nguyện cho quý vị, tôi xem quý vị chẳng khác nào Phật Bồ Tát. Vì sao quý vị không tốt với tôi? Vì quý vị không hiểu về tôi lắm, tất cả đều phát sanh từ sự ngộ nhận, hà tất phải tính toán so đo? Tính toán so đo là sai lầm của tôi. Tôi không tính toán so đo, mà còn cảm ân, tôn kính. Khi quý vị gặp khó khăn, cần tôi giúp, tôi sẽ toàn tâm toàn lực giúp quý vị. Đây là đạo lý làm người, cần phải thấu triệt “bất nhị pháp môn”.

Pháp môn bất nhị là nhà Phật nói, chúng ta từ đây để xem những gì Mạnh tử nói, Nho gia cũng khế nhập pháp môn bất nhị, Nho và Phật là một không phải hai. Sau đó chúng ta lại quan sát tường tận, rất nhiều điển tịch của các tôn giáo trong thế gian, trong mắt tôi toàn là bất nhị pháp môn. Tôi học Phật, nhưng tôi đi vào giáo đường của các tôn giáo khác, tôi lễ bái, tôi cung kính. Rất nhiều người thấy vậy cảm thấy rất kỳ lạ, tôi nói chẳng có gì kỳ lạ cả, tất cả chúng thần là một không phải hai.

Thôi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 5**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Minh Tâm**  
**Thời gian: 17.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_ Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Thiền sư Vân Cốc nói tiếp rằng: *“Chỉ tu thân dĩ sĩ chi, nãi tích đức kỳ thiên chi sự. Viết tu, tắc thân hữu quá ác, giai đương trị nhi khứ chi. Viết sĩ, tắc nhất hào kí du, nhất hào tương nghênh, giai đương trảm tuyệt chi hi. Đáo thử địa vị, trực tạo tiên thiên chi cảnh, tức thử tiện thị thực học”*.

Đoạn này là nói đến tu thân. Mạnh tử nói câu *“tu thân dĩ sĩ chi”*, là nói mình phải tu dưỡng đức hạnh từng giờ từng phút. Cho đến *“tích đức kỳ thiên chi sự”*. “Tu” nghĩa là tu sửa, đây thuộc về công phu tu dưỡng. “Thân” có lỗi lầm, có hành vi ác, cần phải đoạn tận nó vĩnh viễn. “Sĩ” là chờ đợi, gọi là “nước chảy thành sông”. Trong này cấm kỵ nhất là không được có tâm cầu may và suy nghĩ vượt giới hạn, cũng không được để cho ý niệm trong tâm loạn khởi loạn động. “*Tương nghênh*” nghĩa là khởi diệt của ý niệm, đều phải đoạn tuyệt nó: “*Giai đương trảm tuyệt*”, đây là công phu thật sự. Đến địa vị này, là hoàn toàn khôi phục tánh đức. Cảnh giới này trong nhà Phật gọi là cảnh giới của đại Bồ Tát. “*Tức thử tiện thị thực học*”, là học vấn thực thụ. Mạnh tử nói rất hay: “học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỷ”. “Phóng tâm” là gì? Là vọng tưởng, tạp niệm, phân biệt, chấp trước, học vấn thật sự là gì? Là có thể đoạn tất cả những điều này, đây là học vấn thực thụ. Đây hoàn toàn có thể khôi phục tự tánh, khôi phục bản tâm. Tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo. Đây là có cầu tất ứng, nguyên lý thật sự có cầu sẽ được, nguyên lý thật sự tức là chúng ta nhất định phải có niềm tin. Thật sự nương theo lý luận phương pháp này để tu, có gì mà không cầu được? Pháp thế xuất thế gian không có gì không cầu được.

Đoạn văn bên dưới lại nói: *“Nhữ vị năng vô tâm, đản năng trì Chuẩn Đề chú, vô ký vô số, bất linh gián đoạn, trì đắc thuần thực, u trì trung bất trì, u bất trì trung trì, đáo đắc niệm đầu bất động, tắc linh nghiệm hi”*. Đạo lý này là “thành tức linh, thành tức minh”, chúng ta là phàm phu, phàm phu không thể đạt được vô tâm, nghĩa là vô niệm, phàm phu đều có niệm. Làm sao không chế ý niệm này? Làm sao tiêu diệt ý niệm này? Như vậy phải dùng phương pháp, Thiền sư Vân Cốc dạy Liễu Phàm phương pháp trì chú.

Có người đọc cuốn sách này, nghe tôi nói những lời này, quay lại hỏi tôi, thầy ơi! Chúng con có cần niệm chú Chuẩn Đề chăng? Hay là tiếp tục niệm Phật A Di Đà? Có không ít người hỏi câu này. Do đây có thể biết, học tập mà không dụng tâm, quý vị nghe không hiểu ý nghĩa. Không phải ở trước đã nói với quý vị

rồi sao? Họa phù, tham thiền, trì chú, niệm Phật có hiệu quả như nhau. Phương pháp kỹ xảo không giống nhau, nhưng mục đích và nguyên lý hoàn toàn tương đồng. Họ niệm chú Chuẩn Đề, chúng ta niệm Phật A Di Đà, nhưng phải nhớ mấy câu bên dưới, đây là nguyên tắc chung: “*vô ký vô số*”. Điều này phải xem người như thế nào, hàng trung thượng căn tánh có thể dùng phương pháp này, hàng trung hạ căn tánh tốt nhất là nhớ số. Cho nên chúng ta dùng chuỗi, dùng chuỗi để làm gì? Để nhớ số lượng, một ngày nhất định phải nhớ số lượng bao nhiêu, như vậy có thể tiêu trừ vọng niệm. Công phu có thể đạt được tinh tấn mà không giải đãi, đây là công phu sơ bộ. Chư vị nên nhớ, dùng khoảng mấy mươi năm sau, vọng niệm ít đi, tâm địa ngày càng thanh tịnh, lúc này không cần nhớ số nữa. Vì sao vậy? Vì nhớ số vẫn là phân tâm, đây là phương pháp bất đắc dĩ lúc sơ học. Nhớ số lượng, là một ngày nhất định phải niệm mấy vạn câu Phật hiệu, niệm năm vạn câu, niệm mười vạn câu. Đây là công phu sơ bộ, công phu thuần thực không nhớ số lượng, nghĩa là không bị phân tâm. Niệm Phật hiệu câu này tiếp câu kia, không nhớ không đếm, như vậy tâm quý vị, niệm niệm trú trong Phật hiệu, vọng niệm tự nhiên không sanh. Công phu niệm Phật quý ở chỗ không hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp. Khi công phu thuần thực, đến “*trì trung bất trì, bất trì trung trì*”, nghĩa là niệm và không niệm hợp thành một, niệm và không niệm là một không phải hai, quý vị nhập vào pháp môn bất nhị, công phu niệm Phật đạt đến cứu cánh. Cho nên chúng ta dùng phương pháp niệm Phật hay trì chú đều giống nhau, công phu có rất nhiều tầng lớp, bản thân nhất định phải biết.

Ngày nay chúng ta nhất định phải dùng phương pháp nhớ số, nhớ số là công phu thấp nhất. Từ nhớ số nâng lên không nhớ không số, tiếp tục nâng lên trì mà không trì, không trì mà trì, đó là cảnh giới thứ ba. Chư vị hiểu được đạo lý này, sẽ đạt được sự linh nghiệm này. Nguyên lý của linh nghiệm là “*thành tức linh*”, linh gọi là cảm ứng. “*Thành tức minh*”, minh là nói trí tuệ hiện tiền.

Thiền sư Vân Cốc dạy Liễu Phàm, đến đây là chấm dứt. Tiếp theo là nói về trải nghiệm tu trì của Liễu Phàm tiên sinh, làm sao để đem những lời khai thị của thiền sư Vân Cốc, hoàn toàn thực hiện trong tư tưởng và hành vi của mình. Đây là chân công phu, rất đáng cho chúng ta học tập.

“*Dư sơ hiệu học hải, thị nhật cải hiệu Liễu Phàm*”. Chúng ta từ “*hiệu*” của ông, cũng có thể thấy được cách làm người của Liễu Phàm. Ông thích đọc sách, hiếu học, nhưng tập khí rất nặng. *Học Hải*, khẩu khí này rất lớn, chúng ta có thể cảm nhận rất rõ ràng về sự cống cao ngã mạn, ông đích thực là người như vậy. Bắt đầu từ ngày hôm nay, sau khi tiếp thu giáo huấn của thiền sư Vân Cốc, ông cải hiệu thành Liễu Phàm, ông đã đổi hiệu của mình, không dùng hai chữ Học Hải nữa, đổi thành Liễu Phàm. “*Liễu*” là thấu triệt, liễu thoát, “*Phàm*” là phàm phu.

“*Cái ngộ lập mệnh chi thuyết, nhi bất dục lạc, phàm phu khoa cửu dã*”. Bây giờ đã hiểu, biết rằng vận mệnh có thể thay đổi. “*Số*” là có thể đột phá, không muốn tiếp tục làm phàm phu, nhất tâm muốn vượt thoát, cho nên đổi hiệu thành Liễu Phàm. “*Tùng thử nhi hậu, chung nhật căng căng, tiền giác dữ tiền bất đồng. Tiền nhật chỉ thị, du du phóng nhậm, đảo thử tự hữu, chiến du dịch lợi cảnh*”

tượng. *Tại am thất ốc lậu trung, thường khùng đắc tội, thiên địa quỷ thần, ngộ nhân tắng ngã hỹ ngã, tự năng yêm nhiên dung thọ*”. Đây là hiện tượng công phu tu trì mới đắc lực, chúng ta phải thường khảo nghiệm mình, phải siêng năng phản tỉnh. Ngày hôm nay chúng ta có để thời gian trôi qua một cách vô ích chăng? Nếu công phu mình không đắc lực, tức ngày nay trôi qua vô ích.

Ngạn ngữ ngày xưa thường nói, thời gian rất quý báu, “tấc vàng khó mua được tấc thời gian”, thời gian trôi qua không trở lại được. Người thật sự thành công, bất luận là thế pháp hay Phật pháp, không ai không quý trong thời gian. Ngày ngày cầu tinh tấn, một ngày cũng không để trôi qua uổng phí, hạng người này nhất định thành tựu.

Từ lúc này Liễu Phạm mới thật tinh tấn tu học, mỗi ngày đều y theo công quá cách để tự kiểm điểm công phu của mình. Mỗi ngày nơm nớp lo sợ, do đó cảm thấy không giống trước đây. Trước đây cuộc sống mỗi ngày là ưu nhân phóng túng qua đi, không lưu ý đến, bây giờ cảm thấy mình có sự thấp thỏm, có một chút cảnh tượng khác nhau. Từng giây từng phút nhắc nhở mình, chỉ sợ mình khởi ác niệm, nói sai, làm sai, ông có ý niệm cảnh giác này.

“*Thường khùng đắc tội thiên địa quỷ thần*”. Những người này sống khác tầng không gian với chúng ta, tầng cao có thể nhìn thấy tầng thấp, tầng thấp không thấy được ở tầng cao. Ví như chúng ta nhìn thấy kiến, loài bò sát nhỏ, chúng sống trong không gian hai chiều, chúng ta sống trong không gian ba chiều. Chúng ta hiểu về chúng, nhưng chúng không biết gì về chúng ta. Cùng một đạo lý, sống trong không gian bốn chiều, không gian năm chiều, tức là bây giờ chúng ta nói đến thiên địa quỷ thần.

Có người hỏi tôi: Thiên địa quỷ thần có thật không? Tôi cũng không nói với họ là có thật hay giả, tôi nói với họ vì bây giờ họ đang học khoa học, họ tin vào khoa học. Các nhà khoa học nói, sinh vật của tầng không gian khác nhau, chính là người xưa cũng như trong kinh Phật gọi là thiên địa quỷ thần. Tầng không gian họ sống cao hơn chúng ta, họ biết về chúng ta, chúng ta không biết về họ. Cho nên thiên địa quỷ thần là có thật, không phải giả. Những người này, chỉ cần tâm địa chúng ta chân thành, thanh tịnh, chúng ta cũng có thể đột phá giới hạn của không gian, giao tiếp cùng họ, câu thông với họ, chẳng phải không làm được. Chúng ta sống trong không gian ba chiều, giao tiếp với không gian bốn chiều và không gian năm chiều không phải là chuyện khó, nhưng tầng không gian cao hơn nữa thì không dễ. Giống như chúng ta là một người dân bình thường, chúng ta giao tiếp với trưởng thôn rất dễ dàng, thường gặp mặt. Nếu chúng ta muốn gặp tổng thống, bộ trưởng thì rất khó khăn, vì sao vậy? Vì địa vị họ quá cao, không dễ gặp được họ. Đạo lý này giống như vậy. Cho nên không gian bốn chiều, năm chiều rất gần chúng ta, giống như thôn trưởng và tổ trưởng của chúng ta vậy, dễ tiếp cận.

Như thiên thần, thiên thần có trời dục giới, trời sắc giới, trời vô sắc giới, cảnh giới này cao, chúng ta không dễ giao tiếp với họ. Cần phải có định công thâm sâu, định công bình thường không làm được, trong kinh thường gọi là “thiên định thậm thâm”. Đối với Như Lai quả địa, đích thực đạt được nhất niệm bất sanh,

thanh tịnh đến tột cùng, do đó vô lượng vô biên tầng không gian đều đột phá, không gian họ sống quá lớn, lớn vô cùng. Họ không pháp giới vô sở bất tri, vô sở bất năng. Câu nói này là thật, tuyệt đối không phải là khen ngợi hay là khoa trương, mà rất thực tế.

Trong kinh Đức Phật dạy chúng ta, ngài có năng lực này, chúng ta có năng lực này chăng? Đức Phật nói tất cả đều có, tất cả chúng sanh đều có năng lực này. Bây giờ ta không có năng lực này, là vì hiện tại ta có chướng ngại. Chướng ngại gì? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ này chướng ngại ta. Chỉ cần buông bỏ những thứ này, trí tuệ liền hiện tiền, năng lực hiện tiền, nghĩa là chúng ta có năng lực đột phá các tầng không gian khác nhau. Ta có thể giao tiếp với thiên địa quỷ thần, đều thấy được họ. Tuy hiện tại chúng ta không có năng lực này, tâm còn động loạn, không có năng lực đột phá. Nhưng cần phải biết, trời đất quỷ thần nhìn thấy chúng ta. Chúng ta khởi tâm động niệm phải nghĩ rằng, họ đang ở bên cạnh chúng ta, do đó không dám khởi ác niệm, tự nhiên từ bỏ hành vi ác. Đạt đến hiệu quả đoạn ác tu thiện, thay đổi bản thân.

Bên dưới đưa ra ví dụ, gặp người oán hận mình, ghét mình, có người hủy báng mình. Trước đây Liễu Phạm tiên sinh gặp những người này, tuyệt đối không cam tâm tha thứ cho họ, nhất định phải trả thù. Bây giờ ông đã hiểu, không báo thù nữa, tâm đã bình. Có thể “*an nhiên dung thọ*”, tâm lượng rộng lớn hơn, có thể bao dung, đây là công phu tu trì đặc lực.

Đến năm sau, chư vị phải nhớ rằng, năm 35 tuổi Liễu Phạm tiên sinh gặp thiền sư Vân Cốc, năm sau là 36 tuổi. Đến năm sau “*lễ bộ thi khoa cử*”, “*khoa cử*” đây là cuộc thi của lễ bộ. “*Khổng tiên sinh toán cai đệ tam*”, ông tham gia thi lần này, Khổng tiên sinh xem cho ông ta, ông ta thi đứng thứ ba. “*Hốt khảo đệ nhất*”, đây chính là công phu tu trì của ông thay đổi vận mệnh của ông, ông thi đứng thứ nhất. “*Kỳ ngôn bất nghiệm*”, Khổng tiên sinh xem cho ông, lần đầu tiên không ứng nghiệm. “*Nhi thu nhi trung thức hỉ*”, mùa thu năm nay, ông thi đậu cử nhân, số mệnh ông không có thi đậu cử nhân. Đây là hiệu quả cải tạo vận mệnh, ứng nghiệm rất rõ ràng, chư vị nên nhớ, chỉ mới một năm! Phạm khi sửa đổi bản thân, khi mới bắt đầu tâm luôn đồng mãnh. Trong nhà Phật thường nói, học Phật năm đầu tiên Phật ở trước mắt, học Phật năm thứ hai Phật tại chân trời, học Phật năm thứ ba Phật hóa thành mây khói, không còn nữa, đây là bệnh chung của con người. Năm đầu tiên có thể nói Liễu Phạm tiên sinh rất đồng mãnh tinh tấn, về sau cũng thoái chuyển, tuy thoái chuyển, nhưng ông luôn giữ tâm cảnh giác, vẫn rất nỗ lực, nhưng tiến bộ rất chậm không bằng năm đầu tiên. Năm đầu tiên tiến bộ rất nhanh, về sau tiến bộ chậm chạp. Ở sau ông có kiểm điểm lại mình, đây là điều khó được ở ông ta.

“*Nhiên hành nghĩa vị thuận*”, ông tự kiểm điểm, tôi đoạn ác tu thiện chưa thuận lắm, còn xen tạp quá nhiều. “*Kiểm thân đa ngộ*”, kiểm thảo hành vi của mình, quá nhiều sai lầm. “*Hoặc kiến thiện, nhi hành chi bất dũng*”, biết rằng cần phải siêng năng nỗ lực thực hành, nhưng thực hành chưa đủ, chưa tận tâm. “*Hoặc cứu nhân, nhi tâm thường tự nghi. Hoặc thân miễn vi thiện, nhi khẩu hữu quá ngôn. Hoặc tinh thời thao trì, nhi túy hậu phóng dật. Dĩ quá chiết công, nhật*



*thường hư độ*”. Đây là ông tự kiểm điểm, trước đây tu hành, có thể nói đây là hiện tượng bình thường, mỗi người tu hành đều phải trải qua. Đừng chán nản, đừng sợ hãi, không được thoái chuyển, trong sự chậm chạp cũng phải cầu tiến bộ là được. Lúc nào cũng tiến bộ, tiến bộ không nhiều, nhưng chỉ cần tiến bộ là được. Chư vị phải biết rằng, không tiến tức lui, điều này thật đáng sợ. Không được nói hôm nay mình không có tiến bộ, nhưng cũng không có thoái lui, trên thực tế ta đã thoái lui.

“*Tự kỷ tị tuế phát nguyện*”, kỷ tị là năm 35 tuổi, chính là sau khi gặp thiền sư Vân Cốc, ông phát nguyện đoạn ác tu thiện. “*Trực chí kỷ mảo tuế, lịch thập dư niên, nhi tam thiên thiện hành thí hoàn*”. Phát nguyện làm 3000 việc thiện, suốt mười năm, từ 35 tuổi đến 45 tuổi mới hoàn thành 3000 việc thiện. Do đây có thể biết, 3000 điều thiện khó thực hành biết bao, nhưng ngày nào ông cũng làm. Mười năm, 3600 ngày, tính bình quân một ngày ông làm chưa được một việc tốt, cũng may là ngày nào ông cũng làm. Chúng ta biết chân tướng sự thật này, hy vọng chúng ta có thể đồng mãnh hơn ông ta, ít nhất một ngày làm một việc tốt, có thể làm hai ba việc lại càng tốt hơn. Ngày ngày đừng gián đoạn, như vậy hiệu quả của chúng ta chắc chắn hơn Liễu Phàm tiên sinh.

Bên dưới ông nói tiếp: “*Thời, phương tòng Lý Tiệm Am nhập quan, vị cập hồi hương, Canh Thìn nam hoàn, thí thỉnh Tánh Không, Huệ Không chư thượng nhân, tị đông tháp thiên đường hồi hương. Toại khởi cầu tử nguyện, diệc hứa hành tam thiên thiện sự. Tân tị sanh nam Thiên Khải*”. Đây là tự thuật, ông làm 3000 việc thiện trước là để cầu công danh, ông thị đậu cử nhân, rất ứng nghiệm, nhưng dùng hết thời gian mười năm. Tiếp theo ông phát nguyện làm 3000 việc thiện để cầu con trai, quả là hiếm thấy.

Lúc ông 46 tuổi, Canh Thìn là 46 tuổi, sau khi trở về, mời những người xuất gia như sư Tánh Không, sư Huệ Không, ở thiền đường Đông Tháp hồi hương, mười năm đã hoàn thành 3000 việc thiện. Sau khi hồi hương, ông lại phát nguyện cầu sinh con, cũng hứa làm 3000 việc thiện, hiệu nghiệm này cũng rất nhanh. Đến năm thứ hai, Tân tị là năm thứ hai, Liễu Phàm tiên sinh 47 tuổi, sanh đứa con đầu lòng tên là Thiên Khải.

“*Dư hành nhất sự, tùy dĩ bỉ ký, nhữ mẫu bất năng thu, mỗi hành nhất sự, triếp dụng nga mao quản, ấn nhất châu khuyên, ư lịch nhật chi thượng*”. Vì đoạn ác tu thiện có hiệu quả tốt như thế, nên tín tâm tăng trưởng, hành thiện càng khẩn thiết. Hay nói cách khác, đoạn ác tu thiện ngày càng thuận lợi, hiệu nghiệm ngày càng rõ ràng. Ông hằng ngày tu trì vẫn dùng công quá cách, ghi lại trong công quá cách. “*Nhữ mẫu bất năng thu*”, đây là nói vợ ông, vợ ông không biết chữ, không có học. Làm một việc tốt, bà dùng lông Ngỗng chấm vào chu sa, chu sa là màu đỏ vòng một vòng trên tờ lịch, hôm nay làm được việc tốt, dùng phương pháp này để ghi lại.

Bên dưới đưa ra ví dụ: “*Hoặc thí thực bản nhân*”, đây là việc tốt, thấy người nghèo khó, tự mình bố thí một ít thức ăn cho họ. “*Hoặc mai phóng sanh mạng*”. Phóng sanh là cơ duyên, đừng đặc biệt đi mua. Mỗi ngày đi chợ mua thức ăn, thấy những động vật sống này, sau khi mua, chúng đích thực có thể sống liền

mua. Nếu thấy chúng như thế, mua phóng sanh mà chúng cũng không sống được, như vậy thì không cần mua. Cho nên mỗi ngày gặp phải thì mua một ít, mua xong thì thả liền. Việc tốt giống như thế: “*Nhất nhật hữu đa chí thập dư khuyến giả*”, có thể thấy ông làm việc thiện rất cần mẫn, rất siêng năng. “*Chí quý mùi bát nguyệt, tam thiên chi số dĩ mãn*”. Năm quý mùi, Liễu Phàm tiên sinh 49 tuổi. Ở trước là năm Canh thìn phát nguyện, đến quý mùi là bốn năm. 3000 việc thiện trước mười năm hoàn thành, lần thứ hai phát nguyện làm 3000 việc thiện, bốn năm là hoàn thành, có thể thấy càng làm càng thuận lợi.

“*Phục thỉnh Tánh Không bói, tỵ gia đình hồi hướng*”. Ông làm rất như pháp, cũng rất siêng năng, làm theo quy củ. Làm xong 3000 việc thiện này, lần này mời thầy đến nhà hồi hướng, tụng kinh hồi hướng. “*Cửu nguyệt thập tam nhật*”, ngày 13 tháng 9 cùng năm. “*Phục khởi cầu trung tiến sĩ nguyện*”, ý muốn của ông ngày càng cao, là hy vọng thi đậu tiến sĩ, ngày xưa tiến sĩ là học vị cao nhất. “*Hứa hành thiện sự nhất vạn điều, Bính thân đăng đệ*”. Bính thân lại thêm bốn năm nữa. Phát nguyện này bốn năm sau, quả nhiên đăng đệ, thi đậu tiến sĩ, năm này Liễu Phàm tiên sinh 52 tuổi. “*Thọ Bảo Để tri huyện*”, sau khi đậu tiến sĩ, triều đình phân ông đến làm tri huyện ở huyện Bảo Để. Ông nhậm chức ở Bảo Để bảy năm, chính là năm 1586 đến năm 1592, bảy năm này ông làm tri huyện ở Bảo Để.

Sau khi nhậm chức, ông nói: “*Dư trị không cách nhất sách, danh viết trị tâm thiên, thân khởi tọa đường, gia nhân huê phó môn một. Trị án thượng, sở hành thiện ác, tiêm tất tất ký. Dạ tắc thiết trác u đình, hiệu triệu duyệt đạo, phân hương cao đế*”. Liễu Phàm tiên sinh làm không tệ, rất siêng năng, rất như pháp. Sau khi làm tri huyện, ông chuẩn bị một cuốn sách, cuốn sách này là giấy trắng, lấy tựa là Trị Tâm Thiên, đối trị ác niệm trong tâm. Mỗi sáng sớm thức dậy tọa đường, “*tọa đường*” tức hiện nay gọi là đi làm, làm việc. Tùy tùng của ông đem theo cuốn sách này, giao cho nhân viên ở chỗ làm việc. Những người hầu của ông, để nó trên bàn làm việc. Những việc thiện ác ông làm mỗi ngày đều được ghi chép lại. Buổi tối thiết một bàn án trong sân, học theo Triệu Duyệt Đạo. Triệu Duyệt Đạo là người thời nhà Tống, thời Tống Nhân Tông ông làm Ngự sử, làm người công chánh vô tư, cho nên đương thời gọi ông là Thiết Diện Ngự Sử. Mỗi buổi tối ông đều đặt hương án trong sân, cầu nguyện với thượng đế. Viết tất cả việc thiện ác mình làm trong một ngày thành số văn, giống như báo cáo lên thượng đế vậy. Do đây có thể biết, người này đại công vô tư, tuyệt đối không che giấu lỗi lầm của mình. Cũng dùng phương pháp này đoạn ác tu thiện, ngày ngày đều như vậy, điều này rất khó được. Nói cách khác, nếu là việc xấu, việc không dám nói với thượng đế, ông tuyệt đối không dám làm. Chẳng những không dám làm, mà ý niệm cũng không dám khởi lên. Do đó đến lúc lớn tuổi, hiệu quả đoạn ác tu thiện ngày càng thù thắng hơn.

“*Nhữ mẫu kiến sở hành bất đa, Triếp Tàn Xúc viết: Ngã tiền tại gia, tương trợ vi thiện, cố tam thiên chi số đắc hoàn, kim hứa nhất vạn, nha trung vô sự khả hành, hà thời đắc viên mãn hồ*”. Đây là nói mẹ của Thiên Khải, chính là vợ ông thấy trong huyện nhà này\_ “*Huyện nha*” tương đương với ủy ban huyện bây giờ,

trong ủy ban huyện không có việc thiện nào để làm. Trước đây ở nhà, thường đi ra bên ngoài, làm việc thiện dễ hơn. Bây giờ làm quan, phu nhân của tri huyện đi đến đâu cũng có người tiếp đãi. Hay nói cách khác, không có cơ hội để làm việc thiện, do đó bà rất ưu sầu lo lắng. Bây giờ ông hứa làm mười ngàn điều thiện, biết đến bao giờ mới có thể làm xong? Đây là nhắc nhở Liễu Phàm tiên sinh, Liễu Phàm nghe xong cũng rất áo nã. Ông có cảm ứng. *“Dạ gian, ngẫu mộng kiến nhất thần nhân. Dư ngôn, thiện sự nan hoàn chi có. Thần viết: Chỉ giảm lương nhất tiết, vạn hạnh câu hoàn hi”*. Đây là cảm ứng, tâm chân thành liền có cảm ứng. Buổi tối lúc ông ngủ, mơ thấy một vị thần, mộng thấy thiên thần. Ông nói với thiên thần, con hứa làm mười ngàn việc thiện, sợ rằng rất khó mãn nguyện. Vị thần nói với ông, thiện nguyện của ông đã viên mãn, chính là nhờ việc giảm lương thực. *“Vạn hạnh câu hoàn”*, ông đã viên mãn. Thiên thần nhắc nhở ông, đích thực có việc này.

Bên dưới ông nói: *“Cái Bảo Đê chi điền”*, đây là cho thuê ruộng. *“Mỗi mẫu nhị phân tam li thất hào”*, ông cảm thấy thuế ruộng quá nặng, sau khi lên làm huyện trưởng, giảm nhẹ thuế ruộng. *“Dư vi khu xứ, giảm chí nhất phân tứ li lục hào, ủy hữu thử sự”*. Đích thực có việc này, đây là việc lúc ông làm huyện trưởng từng làm, mộng thấy thiên thần biết được. *“Tâm phả kinh nghi”*, việc này sao thiên thần lại biết! Nói với ông, chính là việc này đã viên mãn mười ngàn việc thiện của ông.

*“Thích Huyền Dư thiên sư, tự Ngũ Đài lai, dư dĩ mộng cáo tri, thả vấn thử sự nghi tín phủ”*. Thiên sư Huyền Dư ở Ngũ Đài sơn, họ quen nhau nhiều năm, đến Bảo Đê gặp Liễu Phàm. Ông đem chuyện trong mộng thỉnh giáo thiên sư Huyền Dư, lại hỏi lời thiên thần nói có thể tin chăng. *“Sư viết: Thiện tâm chân thiết, tức nhất hạnh, khả đương vạn thiện”*. Đây là nói theo luận lý trong kinh điển, vì sao vậy? Vì thiện tâm chân thật thiết thực. Chân tâm không có phân biệt, không có chấp trước. Hôm nay ông nói làm 3000 việc thiện, mười ngàn việc thiện, mười vạn việc thiện đều là cảnh giới từ trong phân biệt chấp trước biến hiện ra, quý vị vẫn còn phạm vi. Nếu làm bằng chân tâm, chân tâm không có giới hạn, không có phân biệt, không có chấp trước, việc thiện nhỏ nhất cũng biến pháp giới hư không giới. Rất ít người hiểu được đạo lý này. Cho nên Bồ Tát làm điều thiện cực kỳ vi tế, việc thiện nhỏ đó có thể biến vô lượng vô biên, biến thành thiện lớn. Người thế gian thường giống như Liễu Phàm tiên sinh, hứa làm mười ngàn việc thiện, làm rất gian nan, đó là thiện nhỏ. Vì sao vậy? Vì chưa thoát ly vọng tưởng phân biệt chấp trước. Hay nói cách khác, có vọng tưởng phân biệt chấp trước, việc thiện ông làm có lượng, có hạn lượng. Nếu lìa khỏi vọng tưởng phân biệt chấp trước, ông tu cái thiện cực nhỏ cũng không có hạn lượng, trở thành vô lượng vô biên. Cho nên nói: Một hành vi có thể làm vạn thiện, đây là nói với ông, thật ra một hành vi là vô lượng vô biên thiện lớn, chúng ta cần phải hiểu đạo lý này. Bởi thế mở rộng tâm lượng rất quan trọng, chúng ta làm việc thiện lớn nhỏ ở thế gian, có liên quan đến tâm lượng của mình. Tâm lượng càng lớn thì hành vi nhỏ biến thành thiện lớn, nếu tâm lượng nhỏ hẹp, hành vi lớn cũng trở thành nhỏ, đạo lý này không thể không hiểu. Hai câu này là nói từ lý, sau đó đứng trên phương

diện sự mà nói. “*Huống hợp huyện giảm lương, vạn dân thọ phước hô*”. Việc thiện này của ông, vạn thiện đều viên mãn. Ông có thể giảm thuế, nông dân ở huyện này đều chịu ân huệ, người ở huyện này không chỉ mười ngàn nông dân, huống chi nông phu còn có người nhà. Gia đình họ còn có cha mẹ và vợ con, tất cả đều chịu ân huệ. Việc làm này của ông có thể nói là cách tu phước rất hay ở công môn.

Người ngày xưa vì sao phải mong cầu khoa đệ? Vì sao hy vọng được làm quan? Vì làm quan dễ tu thiện, như bình dân muốn tu mười ngàn việc thiện, khó khăn biết nhường nào. Nếu làm huyện trưởng, chỉ cần làm một việc, thì vạn thiện được viên mãn, công môn dễ tu thiện. Ngược lại, muốn làm ác cũng dễ. Nếu chê thuế ruộng quá thấp, muốn thu thuế nặng hơn, nhiều hơn một chút, tốt, quý vị vừa khởi niệm này đã tạo thành vạn điều ác, đạo lý là như vậy, thiện ác chỉ trong một niệm này. Ngày xưa, chỉ có người làm quan có địa vị, có quyền thế mới dễ, tạo ác hay tu thiện đều tiện lợi, đều dễ dàng.

Thời đại hiện nay không giống nhau, thời đại này tu đại thiện, tạo đại ác trong rất nhiều ngành nghề đều có thể làm được. Mà dễ làm nhất không gì hơn được như bây giờ gọi là thế giới giải trí, thế giới điện ảnh, công ty quảng cáo. Quyền thao tác này hơn cả đế vương, hơn cả lãnh tụ quốc gia. Đặc biệt là hiện nay, vệ tinh truyền bá, mạng internet truyền bá. Nếu chúng ta truyền bá là chính diện, hành thiện, có thể khai phát chúng sanh, quần chúng rộng rãi. Khiến họ có thể giác ngộ, khiến họ biết đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức. Quý vị truyền bá điều này một tiếng đồng hồ, vượt qua vạn điều thiện của Liễu Phàm tiên sinh. Còn như chúng ta phát sóng tiết mục này là phản diện, dạy người sát đạo dâm vọng, thì tội lỗi một tiếng đồng hồ này tạo ra chính là địa ngục A tỳ. Do đây có thể biết, người bây giờ không cần cầu công danh, không cần làm quan lớn, nắm đại quyền, không cần! Trong bất kỳ ngành nghề nào, đoạn ác tu thiện đều phương tiện hơn ngày xưa. Chúng ta phải hiểu điều này. Hiện nay khoa học kỹ thuật phát triển, phương diện này tạo thêm cho chúng ta một vài phương tiện. Nhưng phương tiện này có ưu điểm cũng có khuyết điểm. Chúng ta cần nhận thức rõ ràng, lành dữ họa phước quả thật chỉ trong một niệm.

Sau khi nói rõ ràng minh bạch điều này, Liễu Phàm tiên sinh cũng rất vui mừng: “*Ngô tức quyên phụng ngân*”, quyên góp bổng lộc của mình. “*Thỉnh kỳ tỵ Ngũ Đài sơn, trai tăng nhất vạn, nhi hồi hương chi*”. Trai tăng nghĩa là mời người xuất gia dùng cơm, cúng dường cơm nước, đây là việc tốt. Mời mười ngàn người xuất gia đến nhận sự cúng dường của ông, lấy phước báo này làm hồi hướng.

“*Không công toán dữ, ngũ thập tam tuế hữu ách*”. Không tiên sinh xem cho ông, thọ mạng của ông chỉ đến 53 tuổi, năm 53 tuổi ông sẽ chết. “*Dư vị thường kỳ thọ*”, ông không đặc biệt cầu trường thọ, cầu thọ mạng, không cầu điều này. “*Thị tuế cánh vô dạng, kim lục thập cứu hi*”, năm 53 tuổi ông được bình an, dù ông không cầu thọ mạng. Năm nay ông đã 69 tuổi, lúc này đã về hưu chức tri huyện ở Bảo Đê, không làm nữa. Từ câu này chúng ta hiểu, bốn bài văn này viết vào năm 69 tuổi, dạy con trai Thiên Khải.

“*Thư viết: Thiên nan thâm, mạng mã thường. Lại nói: Duy mạng bất ư thường, giai phi cuồng ngữ*”. Đây là dẫn chứng trong Kinh Thư: Đạo trời khó tin, vì sao vậy? Vì mệnh người là bất thường, cũng tức là nói định số sẽ thay đổi, không phải là thường hằng. Lại nói chỉ có mệnh là không thường, mệnh trời vô thường, cần phải tu đức, những lời này đều là thật, tuyệt đối không phải vọng ngữ, chắc chắn là sự thật.

“*Ngô ư thị nhi tri, phàm xưng, họa phước tự kỷ cầu chi giả, nãi Thánh hiền chi ngôn. Nhược vị, họa phước duy thiên sở mạng, tắc thế tục chi luận hĩ*”. Ông rất rõ ràng minh bạch đạo lý này, do đó muốn tiếp thu giáo huấn của thánh nhân. Tự mình phải biết thay đổi vận mệnh, phải biết làm chủ vận mệnh mình, người này là anh hùng hào kiệt. Tuyệt đối không thể giống như những phàm nhân khác, suốt đời nghe theo sự sắp xếp của vận mệnh, như vậy là hoàn toàn sai lầm. Đặc biệt là không được tạo ác nghiệp, tạo ác nghiệp làm tổn phước báo của mình, giảm tuổi thọ của mình, đây là việc làm ngu si tột đỉnh. Mặc dù quý vị là người giàu có, quý vị có thể hưởng phú quý lâu dài, nhưng vì tạo điều ác, phước quý vị bị giảm, thọ mạng cũng giảm, đây là người rất ngu si trong thế gian. Bởi vậy, con người không thể không tiếp thu giáo dục, đặc biệt là không thể không tiếp thu giáo huấn của thánh hiền. Chỉ có tiếp thu giáo huấn thánh hiền, mới có thể hiểu lý, mới có thể thay đổi vận mệnh của chính mình, nâng cao cảnh giới mình.

Hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 6**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 17.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Lần trước chúng ta nói đến Liễu Phàm tiên sinh, Không tiên sinh xem ông 53 tuổi gặp nạn, nhưng năm đó ông sống bình an. Ông nói với con trai mình, tóm lại phàm là họa phúc đều do chính mình cầu, đây là giáo huấn của thánh nhân. Nếu nói họa phúc là do số mệnh định sẵn, đây là cách nói của những người thể tục thông thường, không đáng tin. Ông nói tiếp với con trai mình, mệnh của con không biết rốt cuộc sẽ như thế nào? *“Nhữ chi mệnh vị tri nhược hà, tức mệnh đương vinh hiển, thường tác lạc mặc tướng”*. Mặc dù số mệnh con có vinh hoa phú quý, nhưng bản thân phải thường cảm thấy đây là bất đắc dĩ. *“Tức thời đương thuận lợi, thường tác phát nghịch tướng”*. Nghĩa là làm việc rất thuận lợi, nhưng vẫn cảm thấy chưa vừa lòng. *“Tức nhân tiền tức thực, thường tác bản cũ tướng. Tức nhân tương ái kính, thường tác khùng cụ tướng. Tức gia thế vọng trọng, thường tác ti hạ tướng. Tức học vấn phá ưu, thường tác tiện lâu tướng”*. Những điều này là dạy con trai mình phải biết khiêm tốn.

Trong Kinh Dịch nói: Sáu hào đều là kiết, chỉ có một quẻ “khiêm”. Trong Kinh Thư nói càng hay: “Mãn ý chịu tổn, khiêm tốn được lợi ích”. Một người bất luận sống trong hoàn cảnh nào, hoàn cảnh tốt, hoàn cảnh xấu, đều phải khiêm tốn, tuyệt đối không được ngạo mạn, đoạn văn này ý nghĩa rất thâm sâu.

Sau đó tiếp tục dạy con trai: *“Viên tư dương tổ tông chi đức, cận tư cái phụ mẫu chi điển. Thượng tư báo quốc chi ân, hạ tư tạo gia chi phúc. Ngoại tư tế nhân chi cấp, nội tư nhàn kỷ chi tà”*. Sáu chữ “tư” này chính là “tướng”, phải thường nghĩ như thế. Sáu điều này trong Phật pháp gọi là Chánh Tư Duy, con người không thể không có tư tưởng đúng đắn, tư tưởng chuẩn xác sáu điều này là tiêu chuẩn.

Thứ nhất, phải thường nghĩ đến đức sáng suốt rộng lớn của tổ tông, điều này là căn bản. Tổ tông chúng ta là ai? Tổ tông của dân tộc ta. Trong lịch sử ghi chép, từ Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn, Ngu Thang, Văn Vũ, Chu Công, đây là tổ tông của dân tộc. Tổ tông của mỗi gia đình chúng ta, đều là kẻ thừa đạo thống của cổ thánh tiên hiền mà đến. Câu này nói như hiện nay, phải thường nghĩ đến phát triển rộng rãi nền văn hóa xưa. Nền văn hóa này có lịch sử rất lâu dài, nền văn hóa này coi trọng sự giao tiếp hòa thuận giữa người với người, người với đại tự nhiên, người với trời đất quỷ thần, đều phải tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau. Thường nghĩ đến làm sao thực hành đức của tổ tông vào trong cuộc sống của xã hội hiện đại, có thể mang đến lợi ích cho đại chúng xã hội.

“Cận tư cái phụ mẫu chi diễn”, đây là nói đến điểm gần. Các bậc thánh hiền thường dạy chúng ta: “Chuyện xấu trong nhà không được nói ra bên ngoài”, vì sao vậy? Vì trong nhà có những chuyện không hay, đây cũng là điều khó tránh. Nếu nói ra cho người khác nghe, tự nhiên người ngoài sẽ coi thường gia đình mình. Thậm chí khiến họ khởi lên ý đồ bất thiện, phá hoại sự hòa thuận của gia đình mình, như ngôn ngữ nói: “họa tùng khẩu xuất”. Gia đình như vậy, xã hội cũng như vậy. Vì sao ngày nay xã hội hỗn loạn như vậy? Nguyên nhân này rất cuộc là gì? Chúng ta suy nghĩ cẩn thận, do chúng ta không tuân thủ giáo huấn của thánh hiền. Cổ nhân dạy rằng, không nghe lời người đi trước, thiết thòi ngay trước mắt. Trước mắt chúng ta quá thiết thòi! Lời người đi trước là gì? Người đi trước dạy chúng ta, đối với xã hội, đối với nhân quần phải “ân ác dương thiện”. Không nói lỗi của người, tuyệt đối không tuyên dương, cũng không đề nó trong lòng. Thấy ưu điểm của người, chúng ta nên tán dương. Cách làm này khiến người bất thiện cảm thấy hổ thẹn, tôi làm việc ác vậy mà người ta có thể bao dung, có thể tha thứ, tôi làm một chút việc thiện, người ta biểu dương, khen ngợi tôi. Cách này có thể kích phát tâm liêm sỉ của đại chúng, kích phát lòng hổ thẹn của đại chúng. Như vậy xã hội mới có an định, thế giới mới có hòa bình.

Bây giờ những gì chúng ta thấy trước mắt, ở trong nước hay ở nước ngoài đều hoàn toàn tương phản. Xã hội bây giờ là ân thiện dương ác, thường hay đưa tin về những việc ác, việc thiện lại rất ít nhắc đến. Cách làm này khiến người hành thiện nản lòng, nhưng lại khuyến khích rất lớn đối với người làm ác. Xã hội động loạn, cục diện thế giới bất an đều có nguyên nhân cả.

Đây là nói về gia đình, cha mẹ hay anh em có lỗi làm đều phải che đậy. Một mực che đậy cũng là sai lầm, cần phải khuyên răn, khuyên cha mẹ anh em cải ác hướng thiện. Việc khuyên răn này chỉ ở trong nhà, không phải trong trường hợp có người ngoài. Chỉ cần có người ngoài, chúng ta nhất định phải ân ác dương thiện. Phải ghi nhớ giáo huấn của cổ nhân, làm như vậy là đúng.

“Thượng tư báo quốc chi ân”, phải thường nghĩ đến báo ân. Đức Phật dạy hàng môn đệ: “trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ tam đồ”. Hàng đệ tử Phật ngày ngày đều tụng bài kệ hồi hướng này, tuy miệng niệm nhưng không thực hành. Cho nên tôi thường nói, không thực hành được giáo huấn của Phật, chúng ta lấy gì để hồi hướng? Chỉ hồi hướng trên miệng, không có đức hạnh thực chất để hồi hướng. Đây là gạt mình gạt người, là một sự sai lầm.

“Bốn ân nặng”, thứ nhất là ân cha mẹ, thứ hai là ân thầy tổ, thứ ba là ân quốc gia, thứ tư là ân chúng sanh. Chúng ta sống trong thế gian, ăn mặc đi ở đều nhờ vào đại chúng, con người không thể sống độc lập thoát ly nhân quần, giữa người và người đều có ân đức, chúng ta phải thường hoài niệm. Làm sao để báo đáp? Phụng hiến trí tuệ mình, phụng hiến đức năng mình, phục vụ cho quốc gia, cho xã hội, đây là hành vi báo ân cụ thể.

“Hạ tư tạo gia chi phước”, đây chính là Nho giáo dạy người tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. “Tạo gia chi phước”, là tề gia, trong nhà phải chỉnh tề. Tiêu chuẩn tề gia là gì? Tiêu chuẩn là “luân lý”, luân lý là một loại trật tự thiên nhiên. Chúng ta biết xã hội có trật tự thì xã hội này an định, quốc gia có trật tự

thì quốc gia cường thịnh, gia đình có trật tự thì gia đình này nhất định hưng thịnh. “Phụ tử tử hiếu, huynh hữu đệ cung, phu nghĩa phụ thính”, đây là trật tự tề gia tự nhiên, tuyệt đối không phải Khổng phu tử chế định. Chư vị thánh hiền chế định, như vậy là sai, người ta chế định, vì sao tôi phải học theo người khác. Thông thường người ta nói: “bị người khác dắt mũi kéo đi”, không phải vậy! Khổng lão phu tử tuyệt đối không dắt mũi người khác dắt đi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng tuyệt đối không làm khó người khác. Những gì họ nói là đạo tự nhiên, dùng thuật ngữ Phật giáo để nói chính là trong tự tánh \_ chân tâm của ta, tự tánh của ta vốn đầy đủ đức năng, vốn có trật tự. Là thiên nhiên, là tự nhiên, tuyệt đối không phải do người tạo ra. Chúng ta phải hiểu đạo lý này, sau đó mới chịu thuận theo giáo huấn của thánh hiền. Sở dĩ họ được xưng là đại thánh đại hiền, nguyên nhân ở đâu? Họ không dạy chúng ta vĩnh viễn nghe theo lời dạy của mình, không phải vậy. Nghe theo lời dạy của họ là giai đoạn sơ học, khi ta học đến được trình độ nhất định, cảnh giới quý vị liền nâng cao, “thì ra giống như họ vậy!” Cho nên Đức Phật nói: “tất cả chúng sanh đều sẽ làm Phật”, họ là bình đẳng. Trong Kinh Viên Giác và Kinh Hoa Nghiêm nói càng thấu triệt, nói rằng: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, so với sẽ thành Phật càng thiết thực hơn! Bởi thế Phật pháp là bình đẳng, Nho giáo nói cũng là bình đẳng, Đạo giáo nói cũng bình đẳng. Các bậc thánh hiền trong ngoài xưa nay, những lời dạy của họ đều bình đẳng thanh tịnh. Đạo lý này chúng ta phải lãnh hội tường tận và sâu sắc hơn, mới đạt được lợi ích thật sự.

Hai câu tiếp theo, “ngoại tư tế nhân chi cấp”. Đối với bên ngoài phải thường nghĩ đến rất nhiều chúng sanh đau khổ. Đặc biệt là trong thời đại này, phải thường nghĩ đến những người đau khổ, chúng ta phải giúp đỡ họ như thế nào. Về phương diện sinh hoạt, nhất định phải biết tiết kiệm. Nếu ta tiết kiệm một đồng, ta có thể giúp người khác một đồng. Nếu trong một ngày ta tiết kiệm được hai đồng, vậy thì có thể giúp người khác hai đồng. Phải có tâm như vậy, phải có nguyện như vậy. Gặp người khó khăn, lúc cần thiết, nên toàn tâm toàn lực hiệp trợ.

“Nội tư nhàn kỹ chi tà”. Đối với bản thân, đối nội \_ “nhàn” là phòng phạm, nhất định phải biết đề phòng tà tri tà kiến. Đặc biệt là trong thời đại này, thời đại này mọi người đều tôn sùng tự do dân chủ khai phóng. Đây là trào lưu của thế giới, không có gì đáng trách.

Trước đây, nói đến điều này, khoảng mười năm trước, tôi đến Singapore giảng kinh. Lúc đó tôi chưa ở lâu dài tại Singapore, mỗi năm đi một lần, đến đó giảng một tháng. Pháp sư Diễm Bối là bạn cũ của tôi, một hôm mời tôi ăn cơm rồi hỏi, Ông hỏi, thầy Tịnh Không à, thầy tán thành quân chủ độc tài hay là tán thành dân chủ? Tôi nói tôi tán thành quân chủ. Ông nói thầy rất lạc hậu rồi. Tôi nói, không phải tôi lạc hậu, ông hỏi tôi vì sao? Tôi nói thời đại quân chủ như hoàng đế, nêu quý vị nói họ có tư tâm cũng được, chúng ta không tranh luận điều này, có tư tâm cũng được. Họ hy vọng con cháu mình đều làm hoàng đế, truyền từ đời này qua đời khác, do đó họ giáo dục đối với người kế thừa rất nghiêm khắc, đây là việc tốt. Nếu người kế thừa của họ làm sai việc, nhân dân khởi nghĩa phản kháng, chính quyền của họ sẽ bị lật đổ. Trong lịch sử chúng ta thấy, đế vương



khai quốc dùng hết tâm huyết của mình để đào tạo người kế thừa. Mời nhân tài ưu tú nhất quốc gia, người có học vấn, có đức hạnh đến dạy cho thái tử, hy vọng tương lai trở thành bậc thánh vương, hiền vương. Họ có trách nhiệm, vì họ muốn được lâu dài. Chính trị dân chủ không có trách nhiệm, họ được chọn lên vị trí, ba bốn năm sau hết nhiệm kỳ là xong, họ không nghĩ một cách sâu xa. Cho nên đế vương ngày xưa thường nghĩ đến lỗi lầm của mình, làm sao để sửa đổi chính mình, làm sao để áp dụng kiến nghị của các đại thần, rất dễ thương! Tôi đọc những cuốn sách này rất tôn kính họ, cho nên suốt đời tôi đều tán thành quân chủ chuyên chế, tôi không tán thành dân chủ.

Trung quốc cách mạng, tôi rất khâm phục Tôn Trung Sơn, tư tưởng của ông là tập hợp tinh hoa của đông và phương tây. Tuy ông lật đổ chuyên chế, nhưng ông chủ trương một đảng chuyên chính, đây chính là kết hợp tinh hoa văn hóa phương đông và phương tây. Ông biết sở trường của quân chủ, cũng biết khuyết điểm của quân chủ. Ông hiểu ưu điểm của dân chủ phương tây, cũng biết khuyết điểm của dân chủ. Cho nên nghĩ ra một đảng chuyên chính, đây là kiến giải vô cùng cao siêu.

Vì ngày xưa hoàng đế là người một nhà, chính quyền nằm trong một gia tộc, đây là khuyết điểm của chế độ quân chủ. Còn một đảng chuyên chính, đảng là không phải một gia tộc, mà tập hợp tinh hoa của toàn quốc, người có đạo đức, có học vấn tổ chức thành một chính đảng để quản lý quốc gia này. Trong đảng có dân chủ, chuyên chế sẽ chịu trách nhiệm. Một điều quan trọng nhất trong trách nhiệm, là phải đề xướng chánh tri chánh kiến, phòng phạm tà tri tà kiến. Nhất định phải đề xướng giáo dục luân lý đạo đức, mới có thể phòng phạm tà tri tà kiến. Nếu không có chánh tri chánh kiến, tuyệt đối không thể phòng phạm tà tri tà kiến. Ngày nay nhiều nơi trên toàn thế giới, tà tri tà kiến khắp nơi trong xã hội. Điều này rất đáng lo, đây là căn nguyên xã hội động loạn, nguồn gốc của thiên tai thảm họa.

Ba năm gần đây tôi ở Singapore, tôi rất khâm phục chính phủ ở đây, họ là một chính phủ có trách nhiệm đối với nhân dân. Lần đầu tiên tôi đến Singapore giảng kinh, bị giám sát rất nghiêm khắc. Chúng tôi đến đó giảng, kinh sách phải báo cáo đầy đủ, giảng nội dung gì cũng phải báo cáo. Thông qua thẩm tra, họ cho phép, chúng ta mới có thể giảng. Nghe nói khi chúng ta giảng kinh, mỗi bài giảng chính phủ đều phái nhân viên mặc thường phục đến nghe để giám sát. Nếu nói về những điều tà tri tà kiến, phá hoại đoàn kết xã hội, phá hoại đoàn kết chủng tộc, gây điều thị phi, lập tức bị cấm chỉ, đây là việc tốt! Bây giờ thông thường nói đến dân chủ, ngôn luận không tự do, xuất bản không tự do. Chư vị nên biết, tự do ngôn luận, tự do xuất bản nhất định tạo thành xã hội động loạn, đó chính là không có ai phòng phạm tà tri tà kiến.

Dân tộc Trung quốc có thể kéo dài đến hôm nay, chưa bị diệt vong, tôi cảm thấy đây là nhờ đế vương các thời đại bảo vệ chánh tri chánh kiến cho nhân dân, công đức này rất lớn! Lưu hành phòng phạm tà tri tà kiến trong xã hội, điều này trong xã hội hiện nay ngày càng ít thấy. Tôi phân tích cho pháp sư Diển Bối nghe, ông nghe xong cũng không thể không gật đầu.

Ở đây đưa ra sáu cương lĩnh tư duy, đây là tư duy chánh tri chánh kiến.

Bên dưới Liễu Phàm tiên sinh nói tiếp: “*Vu yếu nhất nhật tri phi, nhất nhật cải quá. Nhất nhật bất tri phi, tức nhất nhật an u tự thị. Nhất nhật vô quá khả cải, tức nhất nhật vô bộ khả tiến*”. Điều này đối với chúng ta mà nói, là quan trọng hơn tất cả! Trong nhà Phật thường nói “khai ngộ”. Có người hỏi tôi thế nào gọi là khai ngộ? Tôi nói với họ, quý vị biết được lỗi lầm của mình, tức là đã khai ngộ. Có thể tự sửa đổi sai lầm của mình, đây gọi là chân tu hành. “*Vu yếu*” là việc cấp bách, không thể không cần đến. Mỗi ngày đều kiểm điểm, phản tỉnh, tìm ra lỗi lầm của mình.

Việc quan trọng nhất của những người học Phật là hai thời công phu sáng tối. Hai thời tụng kinh sáng tối không phải tụng cho Phật Bồ Tát nghe, không chú trọng hình thức. Dụng ý của thời kinh sáng là nhắc nhở bản thân, hy vọng hôm nay ta xử sự đối nhân tiếp vật, không quên giáo huấn của Phật, mục đích của thời kinh sáng là như thế. Thời kinh tối là phản tỉnh, kiểm điểm xem suốt ngày hôm nay ta xử sự đối nhân tiếp vật, đã làm đúng, chính xác những điều gì, và có những điều gì sai trái, thời kinh tối là phản tỉnh. Nếu làm đúng, ngày mai tiếp tục duy trì, còn như làm sai ngày mai nhất định phải thay đổi. Như vậy hai thời tụng kinh mới có công đức, tuyệt đối không phải gõ mõ tụng kinh niệm Phật cho Phật Bồ Tát nghe. Sáng niệm một lần, tối niệm một lần, hoàn toàn không liên quan đến ngôn hành và tư tưởng của mình. Tụng kinh sáng tối như vậy không những không có công đức, mà còn tạo tội nghiệp! Tạo tội nghiệp gì? Phật Bồ Tát không ở trước mặt, nhiều nhất là quý vị tạc một bức tượng hay vẽ một bức tượng, quý vị nhẫn tâm đối trước bức tượng này, sáng sớm gạt một lần, tối đến lại gạt thêm lần nữa. Tâm của quý vị quá tàn nhẫn, tội lỗi này cực kỳ lớn.

Ngày nay người học Phật rất nhiều, nhưng người thật sự hiểu giáo lý không nhiều. Đặc biệt hy vọng chư vị đồng học hiểu được tinh thần và ý nghĩa trong hai thời tụng kinh sáng tối, chính là ở đây nói: “ngày ngày biết tội, ngày ngày sửa đổi. Một ngày không biết lỗi mình, tức là “*an u tự thị*”, tự cho mình đúng, đây là căn bệnh hiểm nghèo. Một ngày không sửa đổi sai lầm, như vậy không thể tiến bộ được. Không tiến bộ, nói cách khác là nhất định bị thoái lui.

“*Thiên hạ thông minh tuấn tú bất thiếu*”, mấy câu ở sau của Liễu Phàm tiên sinh là lời cảm thán! Không phải không có nhân tài thông minh tuấn tú, có! “*Sở dĩ đức bất gia tu, nghiệp bất gia quảng giả. Chỉ vì nhân tuân nhị tự, đam các nhất sanh*”. Đây là đưa ra lời cảnh cáo, vì sao những người này không thể tăng trưởng đạo đức mỗi ngày? Vì sao đức nghiệp không thể rộng lớn mỗi ngày? Đều do hai chữ “*nhân tuân*” làm hại. “*Nhân tuân*” nghĩa là gì? Nghĩa là qua loa, câu thả, không siêng năng nỗ lực. Về phương diện đức học, công nghiệp không siêng năng nỗ lực thực hành.

Sau cùng: “*Vân Cốc thiên sư, sở thọ lập mệnh chi thuyết, nữ chí tinh chí thúy, chí chân chí chánh chi lý. Kỳ thực ngoan nhi miễn hành chi, vô tự khoáng dã*”. Đây là kết luận cuối cùng của bài này, đặc biệt nhấn mạnh học thuyết lập mệnh thiên sư Vân Cốc dạy ông. Học thuyết này cực kỳ tinh thuần, tức là “chí tinh”. “Chí thúy”, “thúy” là thâm, thâm sâu tột cùng. “Chí chân, chí chánh”, “chân”

là tuyệt đối không có hư vọng, “chánh” là không hề có tà nguy. Ông suốt đời tinh tấn tu học, thay đổi vận mệnh. Số mệnh không có công danh ông được công danh, số mệnh không có con ông được con trai, số chỉ sống đến 53 tuổi ông sống đến 74 tuổi, sống nhiều thêm 21 năm. Điều này đủ để chứng minh giáo huấn của thiền sư Vân Cốc là chính xác không sai.

Mấy bài văn này của Liễu Phạm tiên sinh, thì ra là giáo huấn con cháu hậu duệ của mình. Hậu duệ của ông không tặc, biết được đây là những lý luận phương pháp quý báu, họ không tự tư mà đem ra công bố với đại chúng. Hy vọng xã hội đại chúng hiểu về học thuyết lập mệnh, đều có thể thay đổi vận mệnh mình. Như vậy mảnh đất này, quốc gia này của chúng ta, thậm chí lan rộng ra toàn thế giới, mọi người đều có thể nương theo đó tu học. Xã hội được an định, thế giới hòa bình, nhân dân trên toàn thế giới được hạnh phúc. Đây là tâm lượng của các bậc thánh hiền, là đức hạnh của họ.

Bài này chỉ giới thiệu đến đây, tiếp theo chúng ta xem bài thứ hai. Bài thứ hai là “phương pháp sửa lỗi lầm”, bài thứ ba là “phương pháp tích thiện”, hai bài này là trọng điểm, là trọng tâm. Nếu dùng phương pháp của kinh Phật để nói, bài thứ nhất là phẩm tựa, là bài tựa, bài thứ hai và thứ ba là chánh tông, phần sau cùng gọi là lưu thông. Chúng ta dùng ba phần này để xem bốn bài văn này, như vậy có lẽ đã hiểu được đại ý của bài văn. Hiểu rõ ràng mình bạch học thuyết lập mệnh, bắt đầu hạ thủ từ đâu? Nhất định phải bắt đầu từ sự thay đổi lỗi lầm. Con người không phải từ khi sinh ra đã là thánh hiền, sao có thể không có lỗi lầm? Không tử nói: “quá tặc vật đạn cải”, nghĩa là nói có sai lầm đừng sợ sửa đổi. Phải có dũng khí sửa sai, phải có quyết tâm, phải có nghị lực để sửa đổi. Cho nên ông đem những phương pháp và đạo lý sửa sai giáo huấn con trai mình, lỗi lầm dù nhỏ cũng phải sửa. Thông thường chúng ta, ở trước nói về nhân tuấn đặc quá, nghĩa là bỏ qua lỗi lầm nhỏ, không xem trong những ác niệm nhỏ. Do đó lỗi nhỏ nuôi dưỡng thành lỗi lớn, ác niệm nhỏ dần dần dưỡng thành ác niệm lớn, hậu quả không tưởng tượng được.

Bây giờ chúng ta xem chánh văn, đoạn thứ nhất nói về “*cải quá chi nhân*”. Tránh họa nạp phước là thường tình của con người, nhưng lánh dữ họa phước nhất định có dự báo, đây là điều chúng ta không thể không biết.

Mở đầu bài văn, Liễu Phạm tiên sinh trích dẫn ghi chép của cổ nhân: “*Xuân Thu chư đại phu, kiến nhân ngôn động, ức nhi đàm kỳ họa phước, mĩ bất nghiệm giả, tả quốc chư ký khả quan dã*”. Thời đại Xuân Thu, Khổng tử sanh vào thời đại này, lúc này vẫn là nhà Chu. Cuối thời nhà Chu, vương thất suy nhược. Rất nhiều chư hầu đối với thiên tử nhà Chu đa phần đều là bằng mặt không bằng lòng, mỗi người đều có tư tâm, mở rộng thế lực của mình, cho nên Xuân Thu là một xã hội động loạn. Khổng tử sanh trong thời kỳ này, cũng là cảm khái vạn phần!

Chư vị đại phu thời đó đại phu là trợ thủ của quốc quân, chư hầu. Đại khái giống như bộ trưởng, thủ tướng trong tổ chức chính trị hiện nay, đều thuộc tầng lớp nhân vật như đại phu này. Họ có kiến thức, học vấn, kinh nghiệm phong phú. Nhìn thấy cử chỉ của người này, nghe ngôn ngữ của người này. “*Ức nhi đàm kỳ*

họa phước”, “ức” là suy đoán, nghĩ đến lành dữ họa phước sau này của họ, đều có thể nói một cách rất linh nghiệm.

Những vấn đề này trong Tả Truyện, Quốc Ngữ\_Tả Truyện và Quốc Ngữ đều là trước thuật của Tả Khuru Minh. Chư Ký giống như Công Dương Truyện và Cốc Lương Truyện, rất nhiều ghi chép chúng ta đều có thể thấy rất rõ ràng. Đây chính là nói rõ, lành dữ họa phước nó có dự báo.

Đoạn văn nói tiếp: “*Đại đô kiết hung chi triệu, manh hô tâm, nhi động hô tứ thể*”. Trong tâm con người tồn tại ý niệm thiện ác, những hạnh nghiệp thiện ác quý vị tạo ra, không che dấu được mọi người. Quý vị có thể che dấu lừa gạt được người ngu si, nhưng không dấu được người có đạo đức, có học vấn. Ta không che dấu được những người này, quả thật họ vừa nhìn đã xuyên thấu ruột gan chúng ta. Thế gian hiện nay vẫn còn người như vậy, trong đời tôi cũng gặp được vài người, ba vị thầy của tôi đều rất hiếm có. Thầy Phương Đông Mỹ, đại sư Chương Gia, cư sĩ Lý Bình Nam, họ đều có năng lực này. Tiếp xúc đại chúng, đôi lúc cũng nói đến người nào đó mệnh bạc, không có phước báo, không có thọ mạng. Người nào đó tâm địa thuần hậu, tích lũy công đức, tương lai chắc chắn có phước báo, họ cũng có thể thấy một cách rất rõ ràng minh bạch. Đối với những người phước mỏng đều sanh tâm thương xót, dạy họ sửa đổi tu thiện, sáng tạo vận mệnh. Lúc tôi còn trẻ, thuộc về người không có phước báo, đoán mệnh, thuộc hạng người này. Nhưng tôi chịu học tập, chịu nghe lời thầy, cho nên thầy rất thương tôi, dạy tôi thay đổi vận mệnh, tự cầu đa phước, những điều dự báo này đều rất rõ ràng.

“*Manh hô tâm nhi động hô tứ thân*”, trong lòng khởi tâm động niệm, tự nhiên biểu hiện ra bên ngoài, chính là ngôn ngữ động tác, làm sao để nhận ra? Ở đây đưa ra một nguyên tắc: “*kỳ quá ư hậu giả, thường hoạch phước, quá ư bạc giả, thường cận họa*”. Đây là hai nguyên tắc quan sát người, nhìn thấy người này tâm địa lương thiện, nhân hậu, trung hậu đối với người, lúc nào cũng nghĩ cho người khác, người này tương lai có phước. Nếu ngược lại, người tâm nhỏ hẹp, khởi tâm động niệm đều vì lợi ích cho riêng mình, làm ra việc tổn người lợi mình. Đối với mình không có lợi ích, họ tuyệt đối không làm, rất hà khắc với người khác. Người như vậy không có phước báo, mặc dù trước mắt họ có phước báo, trước mắt có phước báo, đó là số họ có phước, số mệnh phước không nhỏ. Vì họ luôn có tâm bất thiện, hành vi bất thiện, phước của họ đã bị giảm sút, giảm nhưng vẫn còn dư phước. Do đây có thể biết, nếu tâm họ luôn tốt, làm việc tốt, phước báo của họ suốt đời hưởng không hết, dư phước của họ nhất định con cháu đều được hưởng thụ. Đây là chân tướng sự thật.

“*Tục nhân đa ế, vị hữu vị định, nhi bất khả trắc giả*”. Người thế tục không có học vấn này, không có thường thức này, giống như bị thứ gì đó che mắt cái nhìn, bây giờ chúng ta gọi là “bệnh đục tinh thể”. Mắt bệnh chướng ngại đôi mắt, khiến ta không thấy gì cả. Nói họa phước không có nhất định, mà còn không thể dự đoán được, đây là nhìn nhận của người thế tục. Người thật sự có học vấn, có đức hạnh, họ không nhìn nhận như thế, mà họ thấy rất rõ ràng minh bạch.

Tiếp theo nói: “*Chỉ thành hợp thiên, phước chi tương chí, quan kỳ thiện, nhi tất tiên tri chi hĩ. Họa chi tương chí, quan kỳ bất thiện, nhi tất tiên tri chi hĩ*”. Đây là nói có thể biết trước họa phước, có thể dự đoán khá chuẩn xác. Chúng ta có năng lực này chăng? Đáp án là khẳng định. Ở đây câu đầu tiên ông đã nói ra: “*chỉ thành hợp thiên*”. Chúng ta muốn có năng lực này, chỉ cần thực hành bốn chữ này là được. Chúng ta lấy chân thành khởi tâm động niệm, hợp với phép tắc tự nhiên. “Thiên” chính là phép tắc tự nhiên, không thêm ý mình vào trong đó. Ý mình chính là vọng tưởng phân biệt của chúng ta, tuyệt đối không thêm chút vọng tưởng phân biệt nào trong đó, chúng ta cũng có năng lực này. Tâm địa chân thành, bình đẳng, thanh tịnh, năng lực này liền hiện tiền.

Một người phước báo sắp hiện tiền, quý vị thấy họ: “*Quan kỳ thiện nhi tất tiên tri chi*”. Ta có thể nhận ra tâm họ thiện, lời nói thiện, hành vi thiện, nhân hậu với người khác, chúng ta có thể suy đoán, phước báo của họ sắp đến. Nếu tư tưởng ngôn hành của họ bất thiện, chúng ta biết họ ngày càng gần với tai họa. Nhỏ là quan sát một người, lớn thì quan sát xã hội này, quan sát một gia đình, quan sát một đoàn thể, cho đến quan sát quốc gia, thế giới, không có gì không đúng. Trong này có đạo lý, có học vấn của nó, tuyệt đối không phải vọng ngữ.

Bản thân chúng ta phải biết, trong cuộc đời mình, đặc biệt là lánh dữ họa phước trong tương lai, phải kiểm điểm từ chỗ này. Từ chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, nếu thuần thiện, ta có thể khẳng định là tiêu tai phước đến. Nếu tâm mình bất thiện, lời nói bất thiện, nói lời ngon ngọt lừa gạt chúng sanh. Hành vi bất thiện, bản thân phải cảnh giác, họa hoạn và tai họa nhất định là ngày càng cận kề. Từ cá nhân đến gia đình, đến xã hội, đến quốc gia, đến thế giới đều như vậy cả.

Bên dưới là nói về “nền tảng sửa đổi”. “*Kim dục hoạch phước nhi viễn họa*”, đây chính là tìm điều lành tránh điều dữ. “*Vị luận hành thiện, tiên tu cải quá*”, hai câu này quan trọng vô cùng! Cho nên thứ tự sắp xếp của hai bài “*phương pháp sửa đổi*” và “*phương pháp tích thiện*”, là từ đây mà có. Trước khi chúng ta nói đến hành thiện tích đức, đầu tiên phải nói đến việc sửa đổi, vì sao vậy? Nếu không sửa lỗi lầm, hoặc sửa đổi không triệt để, sửa đổi không hoàn toàn. Tuy tu thiện, nhưng trong cái thiện xen lẫn điều ác, thiện cũng không thuần, cho nên công đức của thiện không thể hiển lộ. Do đó sửa đổi lỗi lầm là điều kiện tiên quyết của tích thiện.

Thôi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 7**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Minh Tâm**  
**Thời gian: 17.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Mời xem Liễu Phàm Tứ Huấn, bài thứ hai: “Phương pháp sửa đổi lỗi lầm”, chúng ta bắt đầu xem từ đoạn thứ hai.

“Đản cải quá giả, đệ nhất: Yếu phát sĩ tâm. Tư cố chi thánh hiền, dữ ngã đồng vi trọng phu, bỉ hà dĩ bách thể khả sư, ngã hà dĩ nhất thân ngỗ liệt, đam nhiễm trần tình, tư hành bất nghĩa, vị nhân bất tri, ngạo nhiên vô quý, tương nhật luân chi cảm thú, nhi bất tự tri hi. Thế chi khả tu khả sĩ giả, mạc đại hô thử. Mạnh tử viết: Sĩ chi u nhân đại hi, dĩ kỳ đắc chi tắc thánh hiền, thất chi đắc cảm thú nhi, thử cải quá chi yếu cơ dã”.

Nói đến sửa lỗi lầm, Liễu Phàm tiên sinh đưa ra ba điểm. Thứ nhất là tâm hổ thẹn, gọi là biết hổ thẹn là gần với cái dũng, dũng là mạnh dạn sửa đổi mình. Cho nên câu đầu tiên ông nói: “đản cải quá giả”, phương pháp sửa đổi, thứ nhất “phải khởi tâm hổ thẹn”. Con người biết hổ thẹn, họ tuyệt đối không khởi vọng tâm, không động ác niệm. Phải thường nghĩ đến chư vị đại thánh đại hiền ngày xưa, chúng ta đều là người như vậy. Trong kinh điển Đức Phật nói với chúng ta, chúng ta và Chư Phật Như lai vốn đều là phàm phu như nhau, vì sao họ có thể thành Phật, thành Bồ Tát, thành Thánh, thành Hiền, tại sao mình không thể? Lấy tiêu chuẩn này để quan sát, tâm hổ thẹn chúng ta liền sanh khởi. Bởi vậy họ trăm đời có thể làm thầy.

Không phu tử truyền đến nay hơn 2500 năm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyền đến nay gần 3000 năm. Vì sao thế gian này không phân biệt quốc gia, không phân chủng tộc, thậm chí không phân biệt Tôn giáo. Lưu truyền đến nay, thế gian này vẫn còn rất nhiều người tôn kính họ, tiếp thu giáo huấn của họ, học tập theo họ? Đây gọi là Đại Trọng Phu. Họ có thể làm được, vì sao ta không làm được? Nếu con người thường có tư duy này, nhất định có thể nỗ lực tự cường.

Tiếp theo nói, đây là nói khuyết điểm của chúng ta: “Ngã hà dĩ nhất thân ngỗ liệt”, ngỗ liệt tức giống như ngói vụn vụn, không đáng một đồng! Bệnh của chúng ta là “đam nhiễm trần tình”, “đam” là vui quá độ, “nhiễm” là ô nhiễm. Người thế gian đắm nhiễm trong thất tình ngũ dục, mà không biết tình dục này không phải thật. Trong này có vui, không sai, thánh nhân cũng không phản đối, nhưng cái giá phải trả quá lớn. Nói cách khác, được không bằng mất, cái giá này quá lớn. Nếu không phải trong kinh điển đức Phật nói với chúng ta rất tường tận, chúng ta không thể nghĩ đến được, cái giá chúng ta phải trả quá lớn lao, cái giá

này chính là trôi lăn trong luân hồi sanh tử. Nếu như hiểu rõ ràng minh bạch, mới biết rất đáng sợ, thế xuất thế gian không có gì đáng sợ hơn điều này.

Từ đó cho thấy, chư vị thánh hiền nhân ở thế gian này, cũng không thể lìa khỏi thất tình ngũ dục, nhưng họ rất xem nhẹ tình dục. Hành vi của họ hợp lẽ hợp pháp, “lễ” nhất định có tiết độ. Nói cách khác, nó không được quá đáng, cũng không được bất cập. Bất cập là không hợp lẽ, quá đáng cũng không hợp lẽ. Cho nên “lễ” gọi là “tiết”, tiết là tiết độ. Trong giáo dục của chư vị thánh hiền, gia đình kết hôn sanh con, vợ chồng tương kính như khách. Họ đều có chừng mực, tuyệt đối không phóng túng đắm nhiễm tình dục, tuyệt đối không như vậy, không giống như xã hội hiện nay! Cho nên gia đình họ hòa thuận, gia đình có trật tự.

Đặt câu này ở trước, có dụng ý rất sâu sắc, nói ra căn bệnh của phàm phu chúng ta. Vì sao phàm phu không thể thành thánh, gốc của bệnh là đây.

Bây giờ chúng ta nói đến chỗ thô thiển nhất, con người thích hưởng thụ thất tình ngũ dục, nhưng con người càng quý trọng sinh mạng của mình. Đến lúc phải bỏ, đại khái thất tình ngũ dục cũng có thể xả bỏ, nhưng không muốn bỏ thân mạng mình, mà còn hy vọng mình trường thọ, đây đều là thường tình của con người. Nếu muốn cho mình được trường thọ, như vậy trong các phương diện cuộc sống ta phải biết cách tiết độ. Lời cổ nhân nói không sai: “bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất”. Muốn xa lìa họa hoạn, không thể không cẩn thận ngôn ngữ, không thể không cẩn thận thái độ. Nếu muốn thân thể mạnh khỏe, việc ăn ở không thể không cẩn thận. Ngày nay rất nhiều người hy vọng mạnh khỏe trường thọ, họ không hiểu đạo lý này. Cho nên từ tuổi trung niên trở về sau, thân thể đã suy nhược, không hiểu đạo dưỡng sinh!

Tôi tiếp xúc Phật pháp, lúc đó tôi 26 tuổi. Tôi tiếp xúc nửa năm, hiểu được ưu điểm của việc ăn chay, có lợi cho sức khỏe, tôi liền quyết định ăn chay trường. Tôi học Phật nửa năm là ăn chay trường, từ 26 tuổi đến nay là được 50 năm. Lúc đó cấp trên, đồng học, bạn bè của tôi đều nói tôi mê muội, khuyên tôi không nên làm như vậy. Tuổi tác còn trẻ, có thể học Phật, nhưng Phật giáo có rất nhiều việc không thể làm! Tôi nói với họ, tôi biết Phật giáo quá trễ, ngày xưa rất nhiều người mười mấy tuổi đã hiểu, đã tiếp xúc, tôi đến 26 tuổi mới nghe đến, quá trễ! Nhưng đến khi lớn tuổi, lúc 56 tuổi, những người này nhìn thấy tôi, thái độ trước đây hoàn toàn thay đổi, họ thấy tôi đều nói: “Con đường thầy đi là đúng”. Bây giờ qua 20 năm nữa gặp lại tôi, ai cũng đều ngưỡng mộ! Trước tiên ngưỡng mộ điều gì? Ngưỡng mộ tướng mạo tôi thay đổi, thể chất của tôi thay đổi. Năm nay tôi 75 tuổi, chưa từng sanh bệnh, thân thể tôi rất mạnh khỏe.

Năm ngoái chính phủ Úc châu cho tôi lưu trú vĩnh viễn, theo quy định phải đi kiểm tra sức khỏe. Sau khi kiểm tra xong bác sĩ nói với tôi, thầy đến kiểm tra là dư thừa. Tôi nói, dư thừa cũng phải kiểm tra, đây là gì? Đây là đạt được ưu điểm đầu tiên trong việc tu học Phật pháp. Mọi người đều nhận thấy rõ ràng. Thể lực của tôi hiện nay, đại khái có thể thi với người ba bốn mươi tuổi. Ông hỏi tôi, rốt cuộc thầy ăn thứ gì? Dùng loại dinh dưỡng nào? Tôi nói tất cả các thứ dinh dưỡng tôi đều không đụng đến, vì sao vậy? Vì những thứ đó đều có tác dụng phụ, sống càng đơn giản càng tốt, rau xanh, đậu hũ. Tôi uống nước, không uống nước

ngọt. Trong nước ngọt, nói thật, người bây giờ gọi là vệ sinh, nước ngọt không có vệ sinh, trong đó có rất nhiều loại hóa chất. Đến trà lá, trà, trừ những trường hợp giao tiếp, người ta chuẩn bị sẵn trà nước, vì tôn kính người ta nên tôi cũng uống trà. Bản thân tôi không uống trà, chỉ uống nước. Ăn rất ít, tuyệt đối không ăn vặt. Mỗi ngày tôi đọc sách nhiều thời gian, buổi tối đọc đến 12 giờ mới đi ngủ, buổi sáng khoảng hơn 6 giờ thức dậy. Không có công việc gì, sau khi ăn cơm trưa nghỉ một lát, có việc có thể không cần nghỉ. Tinh thần sung mãn, công việc bình thường. Quý vị có thể nói ăn chay không có dinh dưỡng chẳng? Tôi có thể làm chứng cho quý vị. Có rất nhiều người xuất gia, sức khỏe đều rất tốt, cũng rất mập mạp, họ không có ăn thịt! Nhân tố mạnh khỏe thật sự, là tâm địa thanh tịnh, không có vọng tưởng, không có tạp niệm. Tiếp theo là ăn uống ngủ nghỉ như pháp, có trật tự, có tiết chế, tuyệt đối không tiêm nhiễm ngũ dục lục trần, như vậy tâm mới thanh tịnh. Nhất định phải buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ tham sân si mạn, tâm địa thanh tịnh là nguyên nhân chính để được mạnh khỏe. Tất cả tùy duyên mà không phan duyên, đây là ngoại duyên của sức khỏe. Có nguyên nhân chính, có ngoại duyên, quả báo mạnh khỏe liền hiện tiền.

“Đam nhiễm trần tình”, “trần” chính là ngũ dục lục trần. Ngũ dục là tài sắc danh thực thùỵ, lục trần là sắc thanh hương vị xúc pháp, những thứ này nhất định phải có tiết chế. Nếu không có tiết chế, dung túng phóng dật, hậu quả không thể tưởng tượng, nhất định phá hoại thân thể mình. “Tur hành bất nghĩa”, bất nghĩa tức là không nên làm, bất luận là đối người, đối sự hay đối vật, nhất định phải nghĩ đến, ta nên làm hay chẳng? Nói chuyện, phải nghĩ lời này có nên nói chẳng? Người thật sự chú ý đến tu dưỡng, họ hiểu nên rất cẩn thận. Làm việc riêng bất nghĩa tưởng người không biết, tưởng rằng người khác không biết, sai lầm. Cổ nhân nói: “nếu muốn người khác không biết, trừ khi bản thân đừng làm”, dù che dấu kỹ đến mấy, cuối cùng cũng có ngày bại lộ, làm gì có chuyện người khác không biết?

“Ngạo nhiên vô quý”, “ngạo” là ngạo mạn, “vô quý” là không có tâm hổ thẹn. “Hổ” chính là trách cứ của lương tâm, “quý” là quản thúc của dư luận. Người bên ngoài phê bình, quý vị không để ý đến. “Vô quý” tức là không để ý, ngày nay chúng ta gọi là mặt dày. Hành vi như vậy, “tương nhật luân ư cầm thú nhi bất tự tri”. Nếu chúng ta tư duy tường tận câu nói này, “cầm thú” là ba đường ác, ý nói là quý vị nhất định trôi lăn trong ba đường ác, nhưng bản thân không cảm nhận được. Trong kinh Đức Phật nói: “thân người khó được, Phật pháp khó nghe”. Chúng ta mất thân người, đời sau lại được thân người, trường hợp này rất ít, đa phần đều không thể được thân người.

Điều kiện được thân người là gì? Không chỉ là Phật pháp mà chư vị thánh hiền đều nói. Như trong Phật pháp nói về ngũ giới thập thiện, Nho giáo nói về luân thường đạo đức, ngũ luân thập nghĩa. Quý vị có thể làm đầy đủ không thiếu sót, đời sau nhất định được thân người. Đời này chúng ta có thể được thân người, do trong đời quá khứ chúng ta tu tập tốt ngũ giới thập thiện, nên đời này được quả báo này. Nhưng đời này không tiếp tục tu hành thì sao? Như vậy phải hỏi lại chính mình.



“Thế chi khả tu khả sĩ giả, mạc đại hô thử”, nghĩa này chính là nói, các bậc thánh hiền nhân vốn giống như ta, ngày nay họ làm thánh, làm hiền, làm Bồ Tát, làm Phật, sanh lên cõi trời. Mà chúng ta ngày nay tư tưởng, kiến giải, ngôn hành đều bất thiện, tương lai tiền đồ của chúng ta là ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, quả báo khác nhau rất lớn. Chúng ta thấy họ, quả thật đáng xấu hổ!

Có người hỏi tôi, thầy ơi, vì sao thầy học Phật? Trả lời của tôi rất đơn giản, học Phật nghĩa là học thánh nhân, học làm một người hiểu biết, chỉ có hiểu biết mới có thể nâng cao cảnh giới của chính mình. Hiện tại sống cuộc đời của Chư Phật Bồ Tát, tương lai nhập vào cảnh giới của Chư Phật Bồ Tát. Chúng ta học Phật, mục đích thật sự là đây. Thân thể này hiện nay vẫn còn, chưa lìa xa, chúng ta phải coi thân thể này như công cụ, làm nhiều việc tốt cho xã hội, cho chúng sanh. Người bây giờ nói, vì nhân dân phục vụ, vì quốc gia phục vụ, vì chúng sanh phục vụ. Thân thể này là một công cụ. Trong Liễu Phạm Tứ Huấn nói, chính là sửa đổi tu thiện, tích lũy công đức, làm tấm gương cho đại chúng. Làm gương không thể không có công cụ, đây chính là công cụ tốt, mà không chút liên quan đến chính mình, chúng ta phải hiểu đạo lý này.

“Mạnh tử nói: Sĩ là đối với bậc đại nhân, được điều này tức là thánh hiền, không có nó tức cảm thú, thay đổi là điều cần thiết”. Nhà Nho nói: “Biết hổ thẹn là gần với cái dũng”. Nếu có thể làm được, tức có thể thành thánh, thành hiền. Còn như mất đi, không biết hổ thẹn, vậy phải luân lạc đến cảm thú, ngạ quỷ, địa ngục. Biết hổ thẹn là bí quyết quan trọng để sửa đổi, chúng ta không thể không chú ý.

Có một năm tôi giảng kinh tại Mỹ, gặp một vị đồng tu, ông làm giáo thọ ở trường bên đó. Khi chúng tôi ăn cơm, ông ta nói với tôi về vấn đề này. Ngày nay xã hội động loạn bất an, phải bắt đầu từ đâu để giúp đại chúng quay đầu? Ông nghĩ đến một vấn đề, tức là nhắc đến mấy chữ biết hổ thẹn này. Ông nói sở dĩ người bây giờ dám tạo nghiệp ác, gây ra động loạn bất an cho xã hội. Truy cứu nhân tố căn bản của nó, chính là không biết hổ thẹn, cho nên bây giờ cần phải đề xướng biết hổ thẹn. Tôi nghe xong, đồng ý với tư tưởng của ông ta. Lúc đó ông ta nghĩ ra, ông nói: chúng ta tổ chức thành một trung tâm học biết hổ thẹn. Tôi nói rất tốt, ông cứ soạn chương trình, tôi hưởng ứng. Sau đó tôi rời Mỹ, vấn đề này dần trôi qua đi.

Cho nên bất kỳ một việc tốt nào, nhất định phải có nhân sĩ nhiệt tâm đứng ra thúc đẩy. Có thể tìm kiếm trong xã hội những người còn có khái niệm về truyền thống luân lý đạo đức, người nghe đến còn có thể sanh tâm hoan hỷ. Tập hợp những người này lại, thành lập một xã đoàn, chúng ta cùng nhau siêng năng nỗ lực tu học, ra sức thúc đẩy hoằng dương nó, là một việc tốt. Vị giáo thọ này họ Thái, cư sĩ Thái.

Chúng ta xem tiếp điều thứ hai. “Đệ nhị, yếu phát úy tâm, tri úy”. Biết sợ hãi mới có thể sanh tâm thành kính. “Thiên địa tại thượng, quỷ thần nan khi, ngô duy quá tại ần vi, nhi thiên địa quỷ thần, thật giám lâm chi. Trọng tắc hàng chi bất ương, khinh tắc tôn kỳ hiện phước, ngô hà khả dĩ bất cụ”. “Úy” là sợ, sợ hãi, ở đây cũng bao hàm nghĩa cung kính. “Úy” và “kính” thường liên kết lại dùng, là

“kính úy”. Ngày xưa đệ tử đối với cha mẹ tôn trọng, học sinh đối với thầy, đều có tâm kính úy, vừa yêu kính vừa sợ hãi. Nếu không có tâm sợ hãi, lại không biết hổ thẹn, chửi vạ thì nghĩ xem, họ còn việc xấu gì không dám làm? Trong xã hội hiện nay, người biết hổ thẹn rất ít, người biết yêu kính sợ hãi cũng rất ít, nguyên nhân là gì? Nguyên nhân là do không dạy dỗ tốt. Con người không phải thánh hiền, không phải Phật Bồ Tát tái sanh, vì thế giáo dục vô cùng quan trọng. Hiểu đạo lý này, hiểu phương pháp này, đích thực các bậc thánh hiền. Trong Học Ký của Lễ Ký chúng ta đọc được: “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Lại xem lịch sử, từ xưa đến nay kiến lập một chính quyền, hình thành một triều đại, không quá năm năm, quốc gia nhất định chế định lễ lạc, công tác giáo hóa nhân dân đã hoàn thành. Cho nên thay đổi triều đại, thời gian loạn thế rất ngắn, khôi phục trật tự rất nhanh.

Duy nhất thời đại này của chúng ta, người thời đại này rất đáng thương, rất khổ! Sau khi Mãn Thanh diệt vong cho đến nay, đều chưa chế định lễ lạc. Lễ lạc chưa ban bố, thời đại này tương lai trên lịch sử gọi là “loạn thế”, đây là một thời kỳ có thời gian động loạn dài nhất trong lịch sử. Cuộc sống của nhân dân, giao tiếp giữa người và người, không biết bắt đầu từ đâu.

Trước đây tôi ở Đài Loan, có người hỏi tôi, một số phong tục nhân gian ở Đài Loan, khi cha mẹ qua đời, con cái mang hiếu phục trong tang lễ, có người thắt dây cỏ nơi eo, có người mặc áo quần màu đen. Các vị đồng tu thấy vậy đến hỏi tôi, họ nói: “điều này có hợp lễ chăng?” Tôi nói, từ khi Trung hoa dân quốc kiến quốc đến nay, chưa ban bố lễ lạc, họ thắt dây cỏ nơi eo là dùng lễ thời nhà Thanh, còn họ mặc y phục màu đen là dùng lễ người phương tây. Tôi gật đầu, đều có thể dùng, vì quốc gia không có lễ, người ta dùng phương thức nào cũng được, vì không có lễ, không giống như ngày xưa. Ngày xưa thời đại đế vương rất coi trọng lễ lạc, không được mang y phục tùy tiện. Quý vị có thân phận như thế nào, thì mang y phục như thế, sĩ nông công thương đều có phân biệt. Mọi người vừa nhìn thấy, biết quý vị theo ngành nghề nào, trong xã hội quý vị thuộc địa vị nào. Địa vị thấp hơn, nhất định phải tôn trọng quý vị, tiện đối với việc hành lễ. Bây giờ không còn nữa, bây giờ quý vị xem ở Đài Loan, tổng thống và nhân dân đều mang y đồ véc, ở cùng nhau không thể phân biệt. Không có lễ, thiên hạ đại loạn, trật tự xã hội không còn, điều này ngày xưa tuyệt đối không được. Nhưng chúng ta sanh vào thời đại này, chúng ta hướng đến xã hội ngày xưa, nhưng chúng ta cũng không thể bỏ qua hiện thực của thời hiện đại. Tuy mọi người không nói, trong lòng chúng ta phải hiểu.

Có trời đất quỷ thần chăng? Nhất định có. Có vậy ở đâu? Mắt chúng ta không nhìn thấy, tai không nghe thấy, thân thể không tiếp xúc được. Không thể nói chúng ta không tiếp xúc được là họ không tồn tại, thứ không tiếp xúc được rất nhiều, không thể nói họ không tồn tại. Hướng gì những cảm ứng của quỷ thần, không những trong lịch sử ghi chép rất nhiều, mà hiện trong truyền thông, báo chí, tin tức chúng ta cũng thường thấy, những tin tức này đều là sự thật. Nhưng vẫn có rất nhiều người không tin, điều này không thể trách được, nếu không tự

thân chứng kiến, người khác nói đều không tin. Đến lúc nào quý vị có phước báo, có nhân duyên thấy được quý thân, như vậy quý vị mới tin.

Năm hai mươi mấy tuổi, khi tôi mới học Phật, cư sĩ Chu Kính Trụ, là một vị trưởng giả rất yêu thương chăm sóc tôi. Ông có rất nhiều chuyện, đều là tự thân trải qua, thường kể cho tôi nghe, chúng tôi cũng rất thích nghe kể chuyện. Vì chuyện ông kể là tự thân chứng kiến, nên đều là thật không phải giả, không phải ông dựng lên câu chuyện để gạt chúng tôi. Chúng tôi hỏi ông nhân duyên học Phật, vì ông học tài chính. Thời kỳ kháng chiến ông làm cục trưởng thuế vụ của Tứ Xuyên, quản lý thuế má. Sau khi kháng chiến thắng lợi, ông là người Triết Giang, ông làm trưởng phòng tài chính tỉnh Triết Giang. Trước kháng chiến, ông từng làm tổng giám đốc ngân hàng tại Tô Châu.

Tôi thỉnh giáo ông nhân duyên học Phật, ông nói với tôi, nhân duyên học Phật là vào thời kỳ kháng chiến. Ông ở tại Trùng Khánh, một hôm đánh cờ cùng mấy người bạn, đây là chuyện bình thường, thường thường đến hai giờ khuya mới giải tán, giải tán ai về nhà nấy. Lúc đó tuy địa vị ông rất cao, nhưng vẫn không có phương tiện giao thông, đi bộ trở về. Không như bây giờ đều có xe hơi, lúc đó đi bộ, mà đèn đường còn rất tối. Điều này con người thời nay khó lãnh hội được, khoảng tuổi như tôi nói đến điều này, cũng biết được đôi chút. Đèn đường rất xa mới có một cây, mà bóng đèn đường đó khoảng 40w, treo rất cao, khoảng cách rất xa, đúng là như có như không. Trở về lúc đêm khuya, đi về cũng khá xa, khoảng bốn năm mươi phút mới về đến nhà. Khi đi trên đường, ông thấy phía trước có người, lúc đó cũng đi cùng đường, phía trước ông, ông cũng không chú ý. Đi khoảng nửa tiếng, đột nhiên ông nghĩ, nhìn thấy người nữ đi trước. Ông nghĩ, một người con gái đơn thân, sao có thể đi ra đường vào lúc nửa đêm? Ông nói, vừa nghĩ đến đây thì toàn thân dựng đứng. Nhìn kỹ người đi ở trước, cô ta có thân trên không có thân dưới, ông khiếp sợ vô cùng, vừa giật mình người ở trước liền biến mất, không còn. Ông cùng đi với người này suốt nửa tiếng đồng hồ, tuyệt đối không phải hoa mắt, ông thấy ma thật. Ông nói bắt đầu từ hôm đó, ông mới thật sự tin Phật. Sau khi học Phật, ông rất cảm kích con ma đó, nếu không tự thân chứng kiến, thì ông mãi mãi không thể tin.

Ba vợ ông là Chương Thái Viêm, rất có địa vị trong giới học thuật. Ba vợ ông là Phật tử kiên thành, cũng có rất nhiều chuyện, thường kể cho ông ta nghe. Ông nghe xong bán tín bán nghi, cho đến khi chính mình gặp phải ông mới tin, điều này có thật. Chuyện của ông rất nhiều, nếu tôi kể phải mất hết vài tiếng đồng hồ, rất thú vị, tuyệt đối không phải giả.

Bản thân tôi tuy chưa từng thấy ma quỷ, nhưng tôi từng gặp như trong tiểu thuyết Liêu Trai nói về hồ ly tinh. Lúc đó tôi khoảng mười lăm mười sáu tuổi, tôi quả thật gặp hồ ly tinh. Cho nên tôi tin đó là thật, không phải giả. Tôi gặp con hồ ly tinh này, đã biến thành hình người, nhưng người nam không phải nữ. Rất nhiều người gặp, ở Hàng Sơn Hồ Nam. Sau khi kháng chiến thành công, tôi trở về quê nhà, ở quê nhà có một người thân thích gặp chuyện rất kỳ lạ. Ở quê tôi đem gạo đi bán, gạo đều vận chuyển đến bán ở Vu Hồ Nam Kinh. Người bà con này của tôi có một thuyền gạo, đều đóng vào bao xong xuôi cả, đưa lên thuyền. Khi đưa

lên thuyền, nhìn thấy một con chồn từ bậc cấp chạy vào thuyền, công nhân trên thuyền tìm mãi nhưng không tìm thấy. Không tìm thấy, mọi người tưởng là hoa mắt nên thôi. Khi chở thuyền gạo này đến Nam Kinh, sau khi đưa đến Nam Kinh, lúc đưa hàng xuống, đột nhiên trong bao không còn hạt gạo nào, cả một thuyền gạo không còn. Mọi người biết rằng, đều do con chồn này gây ra, thấy điều này là thật không phải giả, cả thuyền gạo không còn. Cho nên đi chơi mấy ngày ở Nam Kinh thì quay về, khi trở về đến nhà, gạo của ông ta vẫn còn nguyên trong kho. Không biết đã đắc tội với con chồn này ra sao, mà nó lại trêu đùa ông ta như vậy. Không có tổn thất, nhưng nó đã chuyển cả thuyền gạo trở về nhà bằng cách nào, đây hoàn toàn là sự thật.

Cho nên thế gian không có việc kỳ lạ gì không xảy ra, không thể nói mình không chứng kiến là không tin, vì điều chúng ta chứng kiến quá ít. Những chuyện này ở HongKong cũng rất nhiều, ở Đại Lục lại càng nhiều, ở nước ngoài cũng rất nhiều. Tôi gặp rất nhiều người, vì giảng kinh nhiều thánh chúng, họ thường kể chuyện họ gặp phải cho tôi nghe. Cho nên trời đất quý thần khó lừa gạt, chúng ta lừa người dễ, nhưng gạt trời đất quý thần rất khó.

“Ngô tuy quá tại ẩn vi”, lỗi lầm của ta vô cùng âm mật, vô cùng vi tế, người không cảm nhận được. Nhưng “thiên địa quỷ thần, bảo giám lâm chi”, “giám” là tấm gương, giống như tấm kính soi rất rõ ràng, đã chiếu đến. “Trọng tắc hàng chi bách ương”, nếu tạo ác nghiệp nặng, nhất định gặp tai họa mà ta không ngờ được. “Khinh tắc tôn kỳ hiện phước”, nhẹ thì giảm tôn phước báo hiện tiền. Nếu hiểu được đạo lý này, nếu thấu triệt chân tướng sự thật này, sao không sợ hãi được?

Xem tiếp bên dưới: “Bất duy thị dã”, không những như thế. “Nhàn cư chi địa, chỉ thị chiếu nhiên, ngô tuy yêm chi thậm mật, văn chi thậm xảo, nhi phé can tảo lộ, chung nan tự khi, bị nhân thứ phá, bất trực nhất văn hi, ô đắc bất lẫm lẫm”.

Ở trước nói trời đất quý thần thấy chúng ta rất rõ ràng, đoạn này nói với chúng ta về hoàn cảnh cư trú hiện tại. Cái gọi là: “mười con mắt nhìn, mười ngón tay chỉ”, đặc biệt là xã hội đô thị hiện nay, nhân khẩu dày đặc, nhất cử nhất động của chúng ta rất nhiều người đều nhìn thấy, dù chúng ta che đậy kỹ đến mấy.

“Văn chi thậm xảo”, “văn” là che đậy. Quý vị che dấu tốt đến mấy, thì “phé can tảo lộ, chung nan tự khi”. Ở trước có nói với quý vị, người có học vấn, có đạo đức, họ nhìn là biết ngay. Bị người khác nhìn thấu, không đáng một xu. Nghĩ đến những điều này, sao không sợ hãi được? “Lẫm lẫm” là khủng khiếp, sợ hãi. Đây nghĩa là con người khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, phải dựa vào lương tâm, thiên lương, phải biết sợ quan tâm của dư luận. Chúng ta làm việc thiện, không muốn để mọi người biết. Chúng ta làm việc ác, hy vọng mọi người đều biết. Người khác chỉ trích, coi như chúng ta báo hết cái ác, đây là việc tốt. Những gì họ chỉ ra, mình thật sự có sai lầm, cần phải tiếp thu, hối cải. Họ chỉ ra, nhưng ta không có lỗi lầm này, ta cũng hoan hỷ dù bị oan uổng, bị oan uổng là phương pháp tiêu tai tiêu nghiệp chướng thù thắng nhất. Cho nên bất luận mọi người chỉ trích có đúng hay không, chúng ta đều phải cảm ơn.

Cổ nhân nói rất hay: “có lỗi thì sửa, không có thì cố gắng hơn”. Người khác phê bình mình, đặc biệt là phê bình một cách ác ý. Nếu có lập tức sửa đổi, còn

như không có càng cố gắng hơn, tuyệt đối không tái phạm, thành tựu đức hạnh của mình. Cho nên một người biết tu dưỡng, người biết đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, quả thật không giống những người khác. Trong mỗi niệm của họ đều nghĩ đến lợi ích của người khác, tuyệt đối không để bất thiện của người khác trong lòng, đó là việc không đáng. Vì sao vậy? Vì tâm chúng ta thuần thiện, để việc xấu của người khác trong tâm, làm phá hoại thiện tâm của mình, quý vị nói như vậy oan uổng biết bao? Trong xã hội, người ngu si như thế không ít.

Người ta khen ngợi mình, nịnh bợ mình, chúng ta cũng phải bình tĩnh tự duy. Họ nịnh mình, khen ngợi mình, mình có thật đức này chăng? Phải chăng ta đã làm việc tốt như vậy? Cho dù có thật, chúng ta cũng phải khiêm tốn, càng nỗ lực hơn. Nếu lời khen ngợi của họ vượt quá sự thật, chúng ta phải sanh tâm hổ thẹn, nhất định phải xin lỗi họ: tôi không có nhiều ưu điểm như vậy, quý vị nói quá rồi, bản thân tôi cần nỗ lực hơn nữa, hy vọng không phụ sự khen ngợi của quý vị. Tu dưỡng như vậy, mới có thể thành tựu đức hạnh của mình. Về phương diện quả báo, mới có thể miễn trừ hung dữ tai họa, thiện phước mới hiện tiền, đây là đạo lý nhất định. Chúng ta phải hiểu, phải siêng năng nỗ lực tu học. Phải có tâm hổ thẹn, phải siêng năng tinh tấn.

Hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 8**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 17.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Ở trước chúng ta nói về “nền tảng sửa đổi lỗi lầm”, nói đến phải khởi tâm biết hổ thẹn, tiếp theo là phải biết sợ hãi. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, không những là sợ hãi thiên địa quỷ thần giám sát, đồng thời cũng phải sợ chỉ trách của dư luận xã hội.

Bây giờ chúng ta xem đoạn văn bên dưới: “Bất duy thị dã, nhất tức thượng tôn, di thiên chi ác, do khả hồi cải”. Đây là luận lý y cứ sửa đổi chính mình, con người chỉ cần một hơi thở, trong đời dù tạo tội ác lớn đến đâu, đều có thể sửa đổi. “Cổ nhân, hữu nhất sanh tác ác, lâm tử hồi ngộ, phát nhất thiện niệm, toại đắc thiện chung giả”. Đây là đưa ra chứng cứ để nói rõ với chúng ta, trường hợp như thế cổ kim trong ngoài đều rất nhiều, chỉ cần chúng ta quan sát tường tận là có thể thấy.

Vì sao trong đời tạo tội ác cực lớn, thật sự sám hối thì nghiệp chướng này có thể tiêu trừ, đạo lý ở đâu? Thực tế mà nói, lý này quá sâu sắc, không phải phàm phu có thể lý giải được. Chẳng những phàm phu không thể lý giải, mà trong kinh Đức Phật nói, bậc thánh giả nhị thừa, quyền giáo Bồ Tát đều không cách nào lý giải. Vì sao vậy? Điều này liên quan đến nguyên khởi của vũ trụ hư không pháp giới, khởi nguyên của sanh mạng và nguồn cội của chúng sanh, liên quan đến những đạo lý lớn lao này.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật nói rất thấu triệt rõ ràng, cho nên cổ nhân khen ngợi Kinh Lăng Nghiêm, nói là Lăng Nghiêm khai trí tuệ, Pháp Hoa thành Phật. Tôi tin rất nhiều người đồng học đã nghe qua hai câu này. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng, Đức Phật dạy rằng hư không pháp giới quốc độ chúng sanh vốn là nhất thể. Do đó tội ác cực lớn, chỉ cần quay đầu, gọi là “quay đầu là bờ”, đạo lý này bên dưới có nói đến.

“Vị nhất niệm mãnh lợi”, hai chữ “mãnh lợi” quan trọng vô cùng. “Túc dĩ địch, bách niên chi ác dã”, ở dưới đưa ra một ví dụ nói với chúng ta: “Thí dụ thiên niên u cốc”. Hiện nay chúng ta đi du lịch sẽ gặp rất nhiều sơn động, động có thạch nhũ, đó chính là “thiên niên u cốc”. “Nhất đặng tài chiếu, tắc thiên niên chi ám câu trừ”, chúng ta cầm một ngọn đèn đi vào, bóng tối ngàn năm bị phá trừ. “Cổ quá bất luận cứu cận, duy dĩ cái vi quý”, sai lầm giống như bóng tối vậy, chỉ cần một ngọn đèn là có thể chiếu trừ được nó. Ngọn đèn này ví như trí tuệ, ví với sự giác tỉnh, thật sự đã giác ngộ, mỗi hành động lời nói trong quá khứ điều sai trái. Một niệm giác, một niệm trí tuệ chân thật hiện tiền, tội liền tiêu. Nhưng một niệm

giác, một niệm trí tuệ này rất khó được, vô cùng đáng quý. Vì sao vậy? Vì chúng ta mê trong tình dục thời gian quá lâu, vô lượng kiếp đến nay mê trong tình dục. Sinh mạng là vĩnh hằng, sinh mạng không phải tạm thời là vĩnh hằng. Thân mạng chúng ta rất ngắn ngủi, nhưng tinh thần chúng ta trường tồn. Trong nhà Phật nói, chúng ta có pháp thân huệ mạng, đó là vĩnh hằng. Cho nên vô lượng kiếp đến nay sanh tử luân hồi, mê mất bản tánh. Do đó mù mờ vô tri chấp trước thân này là ta, tham hưởng thụ ngũ dục lục trần, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Như vậy mới tạo thành trong đời này mọi việc không như ý, tạo thành rất nhiều đau khổ trong đời này. Chúng ta muốn tìm điều lành tránh điều dữ, trước tiên phải biết sửa đổi lỗi lầm. Ở đây Liễu Phàm tiên sinh đem kinh nghiệm sửa lỗi của mình nói tường tận cho chúng ta, đặc biệt nhắc nhở chúng ta chỉ cần còn một hơi thở, chỉ cần chịu thay đổi thì dù lỗi lầm lớn đến đâu cũng có thể tiêu trừ.

Tiếp theo ông nói: “đản trần thế vô thường, nội thân dị vẫn, nhất tức bất thuộc, dục cải vô do hĩ”. “Trần thế” là phàm phu thế gian, không những thân mạng này vô thường, quốc độ cũng vô thường. Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác, vừa mở đầu Đức Phật nói với chúng ta: “Thế gian vô thường, quốc độ nguy thùy”. Hai câu này là cảnh cáo, thế gian vô thường, biến hóa trong từng sát na, thân thể này của chúng ta rất dễ mất. Thân người khó được mà dễ mất, một hơi thở không vào lại là kết thúc thân mạng đời này, lúc này có muốn sửa đổi cũng không còn cơ hội, “dục cải vô do hĩ”.

“Minh tắc thiên bách niên, đả phụ ác danh, tuy hiệu tử từ tôn, bất năng tây địch”. Đây là nói theo thế tục, quý vị tạo quá nhiều tội ác, tiếng ác lưu truyền đến đời sau, người đời sau nghe đến tên của quý vị đều sanh tâm chán ghét. Như trong lịch sử, thông thường chúng ta từ nhỏ đọc sách đều biết Tần Cối thời nhà Tống. Đời này làm ác đa đoan, lưu lại tiếng xấu cho muôn ngàn đời sau. Con cháu ông dù hiếu thuận đến đâu, cũng không thể giúp ông rửa sạch tội danh này, đây là một ví dụ.

“U tắc thiên bách kiếp, trảm luân ngục báo, duy thánh hiền Phật Bồ Tát, bất năng tiếp dẫn, ô đắc bất úy”. Sao có thể không sợ hãi? Lưu tiếng xấu cho thế gian, là một việc không vinh dự gì. Người bây giờ thường nói: “vinh dự là sinh mạng thứ hai của con người”, mọi người rất coi trọng vinh dự. Thật ra nó vẫn đứng thứ hai, nghiêm trọng nhất là quả báo của đời sau, tạo ác nghiệp quá nhiều, gọi là tội thập ác ngũ nghịch, trong kinh điển Đức Phật luôn nhắc nhở chúng ta, tội nghiệp này là đọa địa ngục A tỳ. Nói đến địa ngục là điều rất đáng sợ. Trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, Đức Phật nói rất rõ ràng. Tạo tội nghiệp cực nặng, chiêu cảm quả báo của địa ngục, địa ngục từ đâu đến?

Trước đây, khi tôi mới học Phật, cư sĩ Chu Kính Trụ kể cho tôi nghe một câu chuyện, câu chuyện này là thật. Ba vợ của ông là Chương Thái Viêm, lúc đó ở Bắc Kinh. Có một thời gian ông được Đông Nhạc đại đế mời làm phán quan, đây là nói đến quỷ thần, có thật! Đông Nhạc đại đế ở Thái Sơn tỉnh Sơn Đông, khu vực ông quản lý có năm sáu tỉnh, phạm vi quản lý rất lớn. Sanh tử, lành dữ họa phúc của người trong khu vực này ông đều quản lý. Địa vị của phán quan

rất cao, tương đương với bí thư trưởng, ông ta mời Chương Thái Viêm đảm trách công việc này.

Chương Thái Viêm nói, buổi tối có tiểu quý đến, khiêng kiệu đến, lúc đó không có xe, khiêng kiệu đến mời ông lên kiệu đi làm. Sáng sớm ngày mai khi trời sáng ông tan ca, tiểu quý lại đưa ông về nhà, ngày đêm ông đều không nghỉ ngơi. Ban ngày làm việc cho nhân gian, ban đêm làm việc cho âm phủ. Ông cũng thường đem những gì chứng kiến hay nghe được ở âm phủ thuật lại cho bạn bè nghe. Có một lần, ông nói ông hỏi Đông Nhạc đại đế Diêm La vương cao hơn Đông Nhạc đại đế một bậc. Ông nói hình phạt trong địa ngục có một loại gọi là ôm cột đồng cháy. Cột đồng cháy nghĩa là đốt đỏ trụ đồng, bắt tội nhân ôm lấy trụ đó. Chương Thái Viêm nói, hình phạt này quá tàn khốc, hy vọng Đông Nhạc đại đế phát tâm đại từ bi, phế bỏ hình phạt này. Đông Nhạc đại đế nghe lời này gật đầu nhưng không giải thích gì, ông nói người cứ đến đó tham quan trước, người thử đến hình trường xem xem. Đông Nhạc đại đế phái hai tiểu quý dẫn ông đi tham quan hiện trường, ông liền đi. Khi đến nơi tiểu quý nói, ông xem đây chính là hiện trường. Ông không thấy gì cả bỗng nhiên đại ngộ, thì ra hình phạt trong địa ngục không phải do Vua Diêm La tạo ra. Không phải do ông thiết lập, cho nên ông không thể phế bỏ. Hình phạt này từ đâu mà có? Là do ác nghiệp của mình biến hiện ra, giống như người thấy ác mộng vậy, tự làm tự chịu, không phải người khác làm ra rồi bắt ta phải chịu. Ông hoát nhiên đại ngộ, về sau không nhắc đến nữa. Ông mới hiểu đạo lý chân thật trong kinh điển nói, tất cả mọi cảnh giới, cảnh giới vui hay cảnh giới đau khổ, tất cả đều từ tâm mình biến hiện ra. Đây chính là những gì Đức Phật nói trong Kinh Hoa Nghiêm, tất cả pháp, bao gồm thiên đường và địa ngục là “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Tâm là tâm của ta, thức chính là thiện ác nghiệp do ta tạo ra, cho nên tâm ta thiện, hành vi thiện hiện ra cảnh giới tự nhiên là chí thiện mỹ mãn. Tâm ta ác, ý niệm ác, hành vi ác hiện ra cảnh giới tự nhiên là thiên tai thảm họa. Cho nên thiên đường là do tâm ta biến hiện ra, địa ngục cũng do tâm ta biến hiện ra, hoàn cảnh sinh hoạt hiện tại của chúng ta vẫn là tự tâm biến hóa ra.

Nhưng có người nói, tâm tôi sao có thể biến hiện ra cảnh giới này? Đây đúng là một vấn đề then chốt. Tâm là gì? Tâm ở đâu? Tâm nó như thế nào? Đây là vấn đề lớn trong Phật giáo. Nếu giải quyết được vấn đề này, nói cách khác là mọi vấn đề đều được giải quyết, đây gọi là giải quyết tận gốc. Vấn đề này trong Kinh Lăng Nghiêm, nên nói Lăng Nghiêm khai trí tuệ, không sai! Mở đầu Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Tôn giả A Nan thảo luận về chân tâm và vọng tâm. Tâm ở đâu, tâm như thế nào, tâm có tác dụng gì, kinh văn này rất dài, kinh có mười quyển thảo luận về những điều này. Thiên tông nói: “nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ”. Ý câu này nghĩa là một người thật sự hiểu rõ về tâm, hết thấy pháp thế xuất thế gian đều thông đạt vô ngại, đây là thật. Bởi vậy tất cả do tâm tạo, tất cả pháp duy thức sở biến, do vậy chúng ta không thể không sợ hãi. Cảnh giới địa ngục hiện tiền, tuy Phật Bồ Tát đại từ đại bi, có thể độ được ta chăng? Nếu như ta chấp mê không ngộ, dù Bồ Tát Địa Tạng từ bi đến đâu cũng không giúp gì được. Đích thực Phật Bồ Tát thường trú tại địa ngục, giúp những



chúng sanh đau khổ, dốc toàn sức lực giáo hóa. Người thọ giáo nhất định phải giác ngộ, nhất định phải tin, phải hiểu, phải hành trì, họ mới có cơ hội thoát ly khổ báo của địa ngục, sau đó từng bậc từng bậc không ngừng nâng cao. Cho nên ân đức của Phật là lớn nhất, hơn cả ân cha mẹ. Ân đức cha mẹ đối với chúng ta là một đời một kiếp, nhưng ân đức của Chư Phật Bồ Tát đối với chúng ta là đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn không từ bỏ. Chúng ta tạo tội ác nghiêm trọng đến mấy, ngài cũng không từ bỏ chúng ta, điều này quả thật rất vĩ đại, chúng ta cần học tập theo.

Xem tiếp đoạn văn bên dưới: “Đệ tam, tu phát đồng tâm”. Đồng mãnh tinh tấn, sửa đổi lỗi lầm. Nói đến sửa lỗi lầm, Liễu Phàm tiên sinh đưa ra ba loại tâm, chúng ta cần phải ghi nhớ ba tâm này. Thứ nhất là tâm biết hổ thẹn, con người không thể không biết hổ thẹn. Thứ hai là tâm sợ hãi. Thứ ba là tâm đồng mãnh. Nếu ta có thể đầy đủ ba tâm này thì không khó sửa đổi.

Ông nói: “Nhân bất cải quá, đa thị nhân tuần thoái súc”. “Nhân tuần” nghĩa là qua loa, đại khái, bất luận làm gì đều không siêng năng, như vậy rất khó sửa lỗi lầm của mình. “Thoái súc” tức là thoái chuyển, nghĩa là vì sao con người không thể sửa đổi, biết bao nhiêu người muốn sửa đổi mà không sửa đổi được, chính là do “nhân tuần thoái súc”, bốn chữ này chương ngại.

“Ngô tu phần nhiên chán tác, bất dụng trì nghi, bất phiền đặng đãi”. Đây nghĩa là tâm đồng mãnh. Thế nào gọi là “đồng mãnh?” Phải phần chân, tuyệt đối không hoài nghi, lập tức sửa đổi. Không được nói lỗi lầm này thôi đợi ngày mai, đợi sang năm! Như vậy vĩnh viễn không sửa đổi được. Phải sửa ngay lập tức, sửa ngay tức thì.

“Tiểu giả như mang thích tại nhục, tốc dữ quyết dịch. Đại giả như độc xà khiết chỉ, tốc dữ trăm trừ. Vô tư hào ngưng trệ, thử phong lôi chi, sở dĩ vi ích dã”. Lỗi nhỏ giống như kim đâm vào thịt chúng ta, lập tức phải nhổ nó ra, điều này chúng ta có kinh nghiệm. Lỗi lớn giống như rắn độc cắn vào đầu ngón tay chúng ta, lúc này phải lập tức chặt đứt ngón tay. Nếu không chặt đứt, độc rắn chạy vào tim dẫn đến tử vong. Lúc này tuyệt đối không được do dự, phải quyết đoán, “vô tư hào ngưng trệ”. Đây là “phong lôi chi sở dĩ vi ích”. “Phong lôi” là quẻ trong Kinh Dịch. Lấy hiện tượng của nó, gió thổi sấm động. Hiện tượng của mùa xuân là vạn vật sinh trưởng, cho nên nó có ích- “phong lôi ích”. Đây là hình dung sự dứt khoát, tình trạng đồng mãnh sửa đổi.

“Cụ thị tam tâm, tác hữu quá kỳ cải, như xuân băng ngộ nhật, hà hoạn bất tiêu hồ”. Sửa lỗi lầm cần phải đầy đủ ba tâm này, sau đó có lỗi ta mới có thể sửa đổi. Hai câu ở dưới là ví dụ, ví như băng mùa xuân, băng của mùa xuân gặp mặt trời, mặt trời xuất hiện, băng lập tức tan rã. Ví băng như ác nghiệp, ví mặt trời với sự đồng mãnh. Đồng mãnh sửa lỗi, tội của mình tự nhiên tiêu trừ. “Nhiên nhân chi quá, hữu tùng sự thượng cải giả, hữu tùng lý thượng cải giả, hữu tùng tâm thượng cải giả. Công phu bất đồng, hiệu nghiệm diệc dị”. Đây là nói đến ba loại hiệu quả khác nhau, có người sửa từ sự, có người sửa từ lý, có người sửa từ tâm. Nhưng chớ vị nên biết, đều phải đầy đủ ba tâm đã nói ở trước, không có ba tâm này, bất luận từ phương diện nào cũng không thể sửa đổi được, cũng không

có lợi ích. Bên dưới là phân biệt cho chúng ta thấy, trước tiên là nói thay đổi từ sự.

“Nhu tiên nhật sát sanh, kim giới bất sát. Tiên nhật nô lệ, thử tỵ kỳ sự, nhi cải chi giả dã. Cường chế ư ngoại, kỳ nan bách bội, thả bệnh căn chung tại, đông diệt tây sanh, phi cứu cánh, khuếch nhiên chi đạo dã”. Đầu tiên là nói về thay đổi từ sự, sửa đổi từ sự rất khó, đây là một hành vi cưỡng chế, một mục chế chỉ nó. Điều này đích thực có giới hạn, nó có một điểm bảo hòa, sửa đổi không triệt để.

Ở đây đưa ra một trường hợp, ví dụ ngày xưa sát sanh, bây giờ phát tâm trì giới. Quý vị thọ giới, thọ năm giới không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, phát tâm trì giới. Năm giới này là để đoạn trừ năm loại tập khí. Tập khí quá sâu nặng muốn đoạn tận rất khó khăn. Quý vị hiện nay không sát sanh nữa, nhưng có thể duy trì không sát sanh này được bao lâu? Trước đây hay nổi giận, thích mắng người, bây giờ trừ bỏ, không nổi giận nữa. Đưa ra trường hợp này đều là sửa đổi về sự, đây là một loại hành vi cưỡng chế, rất khó khăn.

Bệnh căn luôn tồn tại, vì sao vậy? Tham sân si mạn là gốc của bệnh, những thứ này không cách nào đoạn được, cho nên cảnh giới hiện tiền nó lại khởi hiện hành. Có một số người thiện căn sâu dày, còn có thể cưỡng chế được. Thiện căn mỏng manh luôn luôn gặp nghịch cảnh lớn, họ không thể nào khống chế được. Nghịch cảnh nhỏ thì được, họ có thể khống chế, nhưng nghịch cảnh lớn thì không thể. Bên dưới nói: “đông diệt tây sanh, phi cứu cánh khuếch nhiên chi đạo”. “Khuếch nhiên chi đạo” nghĩa là trừ tận gốc, không cách nào bạt trừ triệt để, đây là sửa về sự.

Chúng ta biết rất nhiều người học Phật đều có thiện tâm, đều muốn sửa lỗi, mọi người phát tâm thọ giới, sau khi thọ giới lại không làm được, tôi gặp không ít người. Thầy ơi, con đã thọ giới, bây giờ không thực hành, lại phạm giới, lại phá giới, phải làm sao? Điều này rất khó!

Tiếp theo Liễu Phạm dạy chúng ta sửa từ lý, lý luận, công phu này cao hơn trước một bậc. “Thiện cải quá giả”. Thiện là biết, người biết sửa lỗi. “Vị cấm kỳ sự, tiên minh kỳ lý”, ví dụ chúng ta muốn không sát sanh, “sự” của không sát sanh chúng ta chưa đoạn, vẫn chưa đoạn, trước tiên phải hiểu vì sao không sát sanh, phải hiểu rõ đạo lý này. “Nhu quá tại sát sanh”, chúng ta có tội sát sanh. “Tức tư viết”, tư là phải thường nghĩ. “Thượng đế hiếu sinh, vật giai luyện mạng, sát bỉ dưỡng kỳ, khởi năng tự an”. Trước đây không ai dạy chúng ta, nên lơ là, xưa nay không hề nghĩ đến điều này. Đến khi tiếp thu giáo huấn của thánh hiền, chúng ta nghe lời dạy này thường để trong lòng, đúng là “trời có đức hiếu sinh”. Tất cả các loài động vật, làm gì có chuyện không quý trọng sinh mạng mình? Đến con trùng con kiến đều tham sống sợ chết. Nếu chúng ta muốn giết nó để nuôi dưỡng mình, tâm chúng ta an được sao? Nếu nói ngược lại, người ta giết mình để nuôi sống họ, chúng ta cam tâm tình nguyện chăng? Thường nghĩ đến đạo lý này.

“Thả bỉ chi sát dã”, quý vị thử nghĩ lại tình trạng khi động vật bị giết. “Ký thọ đồ cát, phục nhập đình hoạch”, đình hoạch là để vào trong nồi nấu. “Chúng chủng thống khổ, triệt nhập cốt tủy”. Nếu chúng ta đứng vào vị trí đó để suy nghĩ,

giả dụ như động vật này là ta, ta bị người giết, sau đó bị đem đi nấu, bị người ăn thịt. “Kỷ chi dưỡng dã, trần cao la liệt, tham quá tức không”. Chúng ta thường nghĩ đến điều này.

Năm tôi 26 tuổi gặp được cuốn sách này, sau khi đọc xong tôi cảm động vô cùng. Cho nên từ khi bắt đầu tiếp xúc, khoảng sáu tháng sau tôi liền ăn chay. Tôi thường nghĩ đến: “không nhân tâm ăn thịt chúng sanh”, nghĩ đến tình trạng này quá đáng sợ. Lại nghĩ đến quả báo của nó, đúng là lạnh người.

Trước đây, khi ba tôi còn sống, ông là một quân nhân, thời kỳ kháng chiến trong nhà tôi có rất nhiều súng. Lúc đó, tôi vẫn còn ghi nhớ rõ ràng, trong nhà tôi súng ngắn súng dài có khoảng tám cây. Ông rất thích săn bắn, lúc nhỏ chúng tôi thường theo ba đi săn, ngày nào cũng săn được thú rừng đem về ăn. Nhưng sau khi kháng chiến thắng lợi, tình trạng lúc ba tôi chết hoàn toàn giống như trong Kinh Địa Tạng nói. Ông bị điên cuồng, thấy núi ông chạy lên núi, giống như dã thú vậy, hình ảnh rất giống dã thú, nhìn thấy nước ông lập tức lặn xuống nước. Trong kinh điển Đức Phật nói về quả báo của sát sanh, tôi tận mắt chứng kiến. Nghĩ đến tình trạng của ba tôi từ lúc bệnh cho đến chết, tôi vô cùng khiếp sợ! Chính tôi cũng từng đi săn bắn ba năm, cũng giết chết không ít sinh mạng. Khi đọc sách này, nghĩ đến những tình hình đó, tôi tuyệt đối không còn dám làm. Từ năm 26 tuổi, tôi bắt đầu ăn chay trường, phóng sanh để chuộc tội, tội sát sanh trong quá khứ quá nặng. Nên sau khi học Phật, tôi chỉ làm ba việc đó là ấn tống kinh điển, tôi học theo đại sư Ấn Quang. Phóng sanh để tiêu trừ tội nghiệp sát sanh của tôi. Bỏ thí thuốc men, thấy nhiều người bệnh hoạn khổ sở, người nghèo khổ không có tiền mua thuốc, mỗi tháng tôi quyên ít tiền bỏ thí thuốc men. Tôi chỉ làm ba việc này, rất đơn giản, rất đơn thuần, ở đây dùng chữ nghĩa rất hay.

“Kỷ chi dưỡng dã”, đây là nói thói quen hằng ngày của chúng ta. “Trần cao la liệt”, nghĩa là thức ăn rất phong phú, quý vị có nghĩ đến “thực quá tức không” chăng? Chúng ta tham đắm vị ngon, tham đắm này là vì ai? Chúng ta sát sanh ăn thịt là vì ai? Vì cái lưỡi có thể phân biệt mùi vị, nhưng cái lưỡi chẳng qua chỉ dài ba tấc mà thôi, nuốt vào trong cổ thì đâu còn biết mùi vị gì nữa. Vì thỏa mãn cái lưỡi ba tấc này, mà tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, không đáng! Đạo lý này, sự thật này chúng ta đã suy nghĩ tường tận chăng?

Nếu nói ăn chay không có dinh dưỡng, ăn chay không có sức khỏe, tôi có thể làm chứng cho mọi người. Tôi ăn chay đến nay đã 50 năm, nhưng trong đời chưa từng bị bệnh, đúng là mạnh khỏe sống lâu. Thể lực của tôi không yếu, có thể duy trì được tình trạng sức khỏe, nguyên nhân là gì? Nhờ ăn chay. Nói thật tôi không rành lắm về phương pháp dưỡng sinh, không hề chú ý đến, quả thật là không hiểu. Điều đáng tiếc nhất trên cơ thể chính là răng không đẹp, tôi không bị rụng răng, răng đều rất tốt, chỉ là chưa đủ tiêu chuẩn. Vì sao vậy? Vì không biết cách bảo vệ răng. Năm trước, có một vị đồng tu dẫn tôi đi khám răng, lấy men răng cho tôi. Bác sĩ lấy men răng nói với tôi, răng của thầy không tệ, giữ rất tốt, đây là nhờ thầy ăn chay. Hơn 70 tuổi, nhưng răng người khác không thể sánh bằng. Ông dạy tôi cách bảo vệ răng, sau mỗi lần ăn xong, nhất định phải súc miệng, đánh răng, không cần dùng kem. Kem chỉ cần dùng hai lần sáng và tối,

bình thường phải luôn súc miệng, đánh răng. Tôi không biết điều này, trước đây tôi chỉ đánh răng một lần vào buổi sáng, buổi tối không đánh, cho nên không chăm sóc tốt cho răng. Nếu tôi gặp bác sĩ này sớm, lúc trẻ hiểu cách bảo vệ răng, răng của tôi bây giờ chắc giống như người hai ba mươi tuổi vậy. Vị bác sĩ này nói với tôi, phải bảo vệ răng thật tốt. Tôi như thế này cũng được coi là tốt, nhưng chưa đủ tốt, bây giờ tôi đã hiểu. Sau mỗi lần ăn xong, tôi lập tức đánh răng, súc miệng, tuyệt đối không để giữa kẽ răng còn thứ gì tồn tại, như vậy rất dễ sinh vi khuẩn. Răng tốt, tức là hệ thống tiêu hóa của chúng ta đều tốt, người không bị bệnh.

Ăn chay rất có lợi cho sức khỏe, đặc biệt là sau tuổi trung niên. Sau tuổi trung niên không biết nhiếp sanh trong ẩm thực, đối với sức khỏe lúc về già sẽ có ảnh hưởng rất lớn. Đây là từ việc ăn ở, thông thường chúng ta gọi là vệ sinh. Người thế gian đều hiểu và chú ý vệ sinh, nhưng còn có điều quan trọng mà mọi người lãng quên, đó là gì? Là vệ tánh, tánh là tánh tình tốt, nó sẽ ảnh hưởng đến sinh lý.

n Đạo Hồi Giáo, ẩm thực của họ có rất nhiều quy củ, có rất nhiều thứ họ không ăn. Tôi từng nghiên cứu giáo nghĩa của họ, vì sao không ăn? Thì ra vì tính tình của những động vật đó không tốt, phạm những loại động vật và thực vật tánh tình không tốt họ đều không ăn, vì sao vậy? Vì sợ ảnh hưởng đến tính tình của mình. Họ hiểu cách vệ tánh, bảo vệ thật tốt tâm trạng mình, bây giờ chúng ta cũng gọi là “tâm trạng”, điều này cao hơn người thông thường chúng ta.

Về sau tôi đọc kinh Phật, Đức Phật càng cao siêu hơn, ngài nói ba điều. Ngoài chú ý đến vệ sinh, vệ tánh, còn chú trọng đến vệ tâm. Bảo vệ tâm từ bi của mình, bảo vệ tâm lương thiện của mình, cho nên không ăn thịt tất cả chúng sanh, điều này rất có đạo lý. Nhà Phật đúng là thông tình đạt lý. Thông thường chúng ta nói, dạy học của Phật giáo hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Phật giáo không phải khi đã hình thành là không thay đổi, mà rất linh hoạt. Chúng ta phải hiểu những đạo lý này.

Trong thức ăn chay, Phật pháp đặc biệt chọn ra năm loại không được ăn, năm loại này gọi là “ngũ vị tanh”. Quý vị thử nghĩ xem, chữ tanh này có bộ thảo, tanh không phải thịt, thịt gọi là hôi, nhà Phật gọi là tanh hôi, không được dùng nó. Loại thịt thuộc về hôi, tanh là chỉ năm loại. Năm loại rau này, hành là một loại, hành củ và hành lá, lá hẹ, hành tây, năm loại này không được ăn. Vì sao không ăn? Vì năm loại này khi ăn sống có tính kích thích sinh lý, dễ nổi nóng, vì nguyên nhân này, phòng chỉ quý vị ít nóng giận, ít nổi cáu, vì thế không được ăn. Khi ăn chín, những thứ này có thể sanh chất kích thích, dễ dẫn khởi tính xung động. Chính là nguyên nhân này, không phải gì khác. Nhưng nếu dùng những thứ này để làm hương liệu, có thể dùng nó để nếm nếm làm hương vị, vì sao? Vì nó không khởi tác dụng. Bởi vậy nhất định phải hiểu dụng ý thật sự của giới luật Phật giáo.

Trong giới luật Phật giáo cấm uống rượu, trong ngũ giới là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Đức Phật nói, rượu vốn không có tội, nhưng khi say rượu sợ quý vị làm ra những việc như sát

đạo dâm vọng. Cho nên cấm uống rượu là phòng chỉ, vốn nó không có tội, chúng ta phải hiểu điều này. Nhưng trong lúc làm thức ăn dùng rượu để nêm nếm thì không sao, dùng rượu nêm nếm nó không làm ta say. Phật pháp chế định những điều này, rất thông tình đạt lý, đặc biệt là giới cấm rượu, khai duyên rất nhiều. “Khai duyên” nghĩa là khai giới không phải phạm giới, trong một thời kỳ nào đó có thể uống rượu. Trong Giới Kinh nói, trên 70 tuổi, tình trạng sức khỏe suy yếu, máu huyết tuần hoàn chậm, mỗi bữa cơm có thể uống một chút rượu thuốc, vì sao vậy? Giúp máu huyết lưu thông, dùng như thuốc. Trong thuốc bắc, có rất nhiều vị dùng rượu làm thuốc dẫn, tất cả đều cho phép dùng. Cho nên không phải nói, tất cả đều không được dùng. Bây giờ có rất nhiều người trì giới, đối với những điều giới nhỏ này trì rất nghiêm khắc, những giới quan trọng lại qua loa. Đây là sai lầm, hoàn toàn sai lầm! Những vấn đề này, nếu không phân biệt tường tận, con người sẽ chết trong giới điều, như vậy sẽ chẳng làm được điều gì cả. Có người nói: “giới điều là giết người”, đó là họ hiểu sai, chết trong giới điều, quả thật người ta hay nói như thế. Họ không biết giới luật của nhà Phật rất linh hoạt, giới luật có khai, giá, trì, phạm, nhất định phải hiểu tinh thần của nó, phải hiểu vì sao Đức Phật chế giới này. Giới này nên vận dùng như thế nào trong cuộc sống hằng ngày, tình huống như thế nào nên vận dùng ra sao, rất linh hoạt. Quý vị mới biết, giới luật là đại tự do, giới luật là đại tự tại, đoạn ác hành thiện. Hiểu rõ đạo lý này, chúng ta tự nhiên chọn cách ăn chay, thích ăn chay. Dưỡng tâm phải dưỡng tâm thanh tịnh, phải dưỡng tâm chân thành, phải dưỡng tâm bình đẳng, phải dưỡng tâm từ bi. Biết cách dưỡng tâm, biết cách dưỡng tánh, lại biết cách dưỡng sinh, dưỡng vệ sinh, thân thể đương nhiên khỏe mạnh, như vậy sao sanh bệnh được?

Như cư sĩ Hứa Triết ở Singapore, năm nay bà 102 tuổi. Bà thường nói, chúng ta phải trường thọ, chúng ta đừng già, đừng bệnh. Đã 102 tuổi, nhưng mỗi ngày vẫn còn chăm sóc cho rất nhiều người bệnh hoạn khó khăn, mỗi ngày đều bận rộn nhưng không có gì vui bằng. 102 tuổi, ngoài mái tóc bạc và rụng một cái răng ra, tôi không nhận ra thêm khuyết điểm nào nữa, Mạnh khỏe, hoạt bát, rất giống người trẻ tuổi. Ở Singapore mọi người đều biết thiếu nữ 102 tuổi này. Điều này đáng để chúng ta học tập, đáng cho chúng ta noi theo.

“Sớ thực thái canh, tận khả sung phúc, hà tất tường bỉ chi sanh, tổn kỹ chi phước tai”. Hà tất giết các loài động vật khác làm tổn giảm phước báo của mình? Đây là tư tưởng và hành vi sai lầm.

Thôi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phạm Tứ Huấn**  
**Tập 9**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 18.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Mời xem tiếp đoạn văn bên dưới: “Hư tư huyết khí chi thuộc, giai hàm linh tri, ký hữu linh tri, giai ngã nhất thể. Tung bất năng cùng tu chí đức, sử chi tôn ngã thân ngã, khởi khả nhật tường vật mạng, sử chi cừu ngã hám ngã, ư vô cùng dã. Nhất tư cập thử, tương hữu đối thực thương tâm, bất năng hạ yên giả hỉ”.

Đoạn này nói rất hay! Chúng ta phải thường nghĩ đến, những động vật này có máu, có hơi thở. “Huyết khí chi thuộc”, đều là nói về động vật, động vật đều có linh tri, đều có tri giác. “Ký hữu linh tri, giai ngã nhất thể”, chúng ta biết vật chất là có giới hạn, linh tri không có giới hạn, không có giới hạn mới biết là nhất thể.

Đức Phật dạy, hư không pháp giới là hiện tượng của tâm chúng ta, là nhất thể với tâm chúng ta. Cũng chính là tâm hiển hiện ra như vậy, là hư không pháp giới. Vọng tưởng phân biệt chấp trước của chúng ta biến hiện ra chính là cõi nước và chúng sanh, bao gồm hiện nay gọi là hiện tượng tự nhiên.

Phàm phu tâm ý thô thiên, rất khó cảm nhận được hư không pháp giới với mình là nhất thể. Vì nó vốn là nhất thể, cho nên tất cả chúng sanh giữa người này với người kia đều có cảm ứng. Mức độ linh mẫn của cảm ứng, với tâm thanh tịnh, tâm ô nhiễm của chúng sanh, có thể nói là một tỷ lệ thuận. Tâm càng thanh tịnh, mức độ lân mẫn của cảm ứng càng mạnh. Cho nên trong cảnh giới của Chư Phật Bồ Tát, tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới đều khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với họ. Có thể nói máy thu sóng của họ rất linh mẫn, dao động cực kỳ vi tế họ đều có thể nhận được. Còn năng lực thu sóng của hàng phàm phu chúng ta rất kém. Năng lực tiếp thu của chúng ta vốn là tương đồng, bây giờ tại sao lại thua kém nhiều đến thế? Máy thu sóng của họ được bảo trì rất hoàn chỉnh, giống như mới vậy. Máy thu sóng của chúng ta, không biết bảo quản, rất nhiều trần cấu bám vào, dơ bẩn vô cùng, cho nên năng lực tiếp thu kém. Chỉ có dao động mạnh chúng ta mới cảm nhận được, dao động vi tế hoàn toàn không nhận được.

Tương tự giống như ví dụ này, nếu chúng ta thật sự có công phu tu dưỡng. Công phu tu dưỡng nghĩa là rửa sạch cấu uế trong tâm, khôi phục đến bản năng của mình, như vậy năng lực tiếp thu của chúng ta không có gì khác với Chư Phật Như Lai. Hư không pháp giới, quá khứ, vị lai, tất cả mọi hiện tượng cực kỳ vi tế, chúng ta đều rõ ràng minh bạch. Công cụ tiếp thu này không cần máy móc, không cần nhục thể. Chư vị phải biết rằng, năng lực tiếp thu không phải nhục thể, mà là linh tri.

Linh tri có tướng chẳng? Thông thường chúng ta nói linh tri không có tướng, trong kinh Đức Phật cũng nói như thế. Cách nói này là nói với phàm phu, phàm phu có thể lý giải. Tức là tùy theo trình độ của họ, thường thức của họ mà nói, không phải Chư Phật Bồ Tát tự nói. Chư Phật Bồ Tát ở cùng nhau nói, linh tri có tướng. Sắc này chính là sắc tướng, sắc tướng này gọi là vô biểu sắc. Hay nói cách khác, nhãn nhĩ tỷ thiệt của chúng ta, cho đến ý đều không thể cảm nhận được, nên đây gọi là vô sắc. Thật ra vô sắc vẫn là có sắc, chúng ta không nhìn thấy sắc này, Phật Bồ Tát thấy được. Lời này rất khó hiểu, chúng ta dùng một ví dụ để nói.

Ví dụ con người đều nằm mộng, tôi hỏi quý vị trong mộng có sắc tướng chẳng? Chúng ta thử nghĩ tường tận xem, không thể nói không có sắc tướng. Vì sao vậy? Vì sau khi tỉnh mộng, hồi ức về cảnh giới trong mộng này rất rõ ràng. Tôi mộng thấy những người nào, họ làm những gì, mộng thấy tình hình sinh hoạt trong cuộc sống, giống như thật vậy, sao không có sắc tướng được? Đã có sắc tướng, khi quý vị nằm mộng, người bên cạnh vì sao không nhìn thấy? Do đó chúng ta có thể lãnh hội được Đức Phật nói về vô sắc giới, vô sắc giới giống như cảnh giới trong mộng, cảnh giới trong định. Bản thân rất rõ ràng minh bạch, nhưng người ngoài không cảm nhận được. Người khác ở cùng với ta, bất luận họ tỉnh hay là cùng ngủ như mình, họ không thể nào đi vào trong mộng của ta, họ không thấy được cảnh giới trong mộng của ta, đạo lý chính là như vậy. Nhưng nếu là người có công phu, nghĩa là nói người tâm địa thanh tịnh, thanh tịnh đến trình độ nhất định, quý vị nằm mộng, họ ở bên cạnh có thể nhìn thấy.

Trong truyện ký hay tiểu thuyết chúng ta thấy, những lời này là thật không phải giả. Mọi người đọc sách có thể đều đã đọc tiểu thuyết truyền kỳ Hoàng Lương Mộng. Lão đạo này là một người tu hành, có định công, lúc ông nhắm mắt ngồi thiền, bên cạnh có vị tú tài đang ngủ say nằm mộng. Sau khi tỉnh mộng, đạo sĩ này nói với anh ta, trong mộng anh ta đã làm gì, làm gì, ông ta biết hết, làm sao biết? Ông ta nhìn thấy. Cảnh giới trong mộng là tâm biến hiện ra, ông nhìn thấy.

Từ những điều này chúng ta có thể lãnh hội được, sắc có sắc thô, có sắc hiển, rất rõ ràng, có sắc cực kỳ vi tế. Phàm phu chúng ta không thể thấy được, không thể lãnh hội được. Như vậy chúng ta mới có thể tin thiên định thậm thâm của Phật Bồ Tát. Tâm thanh tịnh của họ, mức độ thanh tịnh đó chúng ta không thể tưởng tượng được. Trong cảnh giới đó của họ, ý niệm cực kỳ vi tế của tất cả chúng sanh, hiện tượng cực kỳ vi tế, họ đều thấu triệt thông đạt. Cho nên biết linh tri và ta là nhất thể, linh tri đã là nhất thể, sắc tướng cũng là nhất thể.

“Túng bất năng cùng tu chí đức”, bản thân chúng ta không thể đưa tiêu chuẩn đạo đức của mình, tu đến cứu cánh viên mãn, vì sao vậy? Vì khi đạo đức đạt đến trình độ này, những động vật nhỏ này đều tôn trọng quý vị, đều yêu thương quý vị. “Thân ngã” chính là yêu thương, tuyệt đối không đến quấy nhiễu ta, chúng ta phải có đức hạnh để cảm hóa họ.

Sau khi đại sư Ấn Quang 70 tuổi, những loài động vật nhỏ trong phòng đều không còn, trùng, kiến, gián, bọ chét không tìm thấy con nào. 70 tuổi đạo đức tu dưỡng đạt đến tiêu chuẩn này, những loài động vật này đều rất kính ngưỡng đại sư. Đến đến bảo hộ ngài, sao có thể quấy nhiễu được? Chúng ta từng thấy cũng

từng nghe, bản thân cũng phải nỗ lực tu tập. Hiện nay chúng ta tu vẫn chưa đủ, vì sao vậy? Vì trong môi trường sống của chúng ta vẫn còn các động vật nhỏ này. Chính mình cũng có thể nghiệm, có thể chứng minh những gì cổ nhân nói là sự thật. Vì chính mình đoạn ác tu thiện, tâm địa ngày càng lương thiện hơn, ngày càng thành khẩn hơn, ngày càng thanh tịnh hơn, ngày càng từ bi hơn. Chúng ta làm một cách rất siêng năng, rất nỗ lực. Nhìn từ đâu? Nhìn từ các loại động vật nhỏ nơi môi trường sống, chúng ít đến làm phiền chúng ta, số lượng ít, số lần ít. Đây là niềm an ủi lớn đối với chúng ta, thiện đức của mình đang tăng trưởng. Nhưng vẫn chưa đủ, vì sao vậy? Vì chưa hết hẳn. Nhưng mình có niềm tin, hai ba năm sau môi trường sống của chúng ta hết hẳn các loại động vật nhỏ này. Chúng ta tuyệt đối không được khởi ý niệm đuổi chúng đi, đương nhiên càng không có ý giết hại chúng, chúng ta yêu thương động vật. Mỗi ngày ta tụng kinh niệm Phật, tu tập tích lũy công đức cũng đều hồi hướng cho chúng, xem chúng giống như anh chị em của mình. Chúng ta quan tâm chúng, chúng cũng sẽ quan tâm chúng ta, đều có cảm ứng rất rõ ràng. Chúng ta tôn trọng chúng, chúng cũng tôn trọng chúng ta. Chúng ta kính yêu chúng, chúng cũng kính yêu chúng ta. Không chỉ là động vật, đến thực vật như cây cỏ hoa lá đều có cảm ứng. Chúng ta yêu thương chăm sóc chúng, chúng sinh trưởng thật tươi tốt, hoa nở rất đẹp rất thơm, nó dùng cách hồi báo này để cúng dường chúng ta. Rau và hoa quả chúng ta trồng, khi cần chúng ta có thể hái dùng, như vậy là sao? Đó là chúng cam tâm tình nguyện đến cúng dường. Chúng ta phải có tâm thương yêu đối với chúng.

Bây giờ chúng ta phát hiện, người phương tây thường nói, thực vật thích âm nhạc, đúng là như vậy. Cho nên trong vườn rau chúng tôi mở âm nhạc, âm nhạc là để cúng dường cho những thực vật này. Bây giờ chúng tôi đổi từ mở nhạc sang mở niệm Phật, mở băng giảng kinh, chúng cũng biết nghe.

Trên núi Đồ Văn Ba, chúng tôi tự trồng có mướp, đại khái cũng không ít chủng loại, pháp sư Ngô Khiêm chuyên môn chăm sóc chúng. Có một tối mướp thác mộng cho sư nói: mướp rất lớn, rất già sao thầy còn chưa đến hái. Đến ngày thứ hai, thầy Ngô Khiêm đến tìm quả nhiên tìm thấy một trái mướp rất lớn, thật sự nó đã già. Sau khi hái xuống, chỉ còn cách là để làm giống. Mướp cũng có thể thác mộng, kêu Ngô Khiêm đi hái bởi nó đã già. Thực vật đều có linh tánh, hướng gì động vật?

Cho nên chúng ta nhất định phải hiểu, nhất định phải sống trong thế giới yêu thương, phải sống trong thế giới biết ơn, phải sống trong thế giới hợp tác lẫn nhau, cuộc sống này tốt đẹp biết bao! Chân thiện mỹ tuệ không phải là khẩu hiệu, chúng ta có thể thực hiện nó, chúng ta có thể khế nhập vào cảnh giới này, còn niềm vui nào bằng mà không làm? Vì sao ngày ngày sát hại sinh mạng để nuôi sống chính mình? Những động vật này không phải chúng cam tâm tình nguyện để quý vị ăn. Quý vị sát hại chúng, chúng hận quý vị, vậy là đã kết oán thù với chúng, oán thù này đời đời kiếp kiếp không bao giờ dứt.

Trong kinh Đức Phật thường nhắc nhở chúng ta, ăn nó nữa cân đời sau trả tám lạng, người chết vì trâu, trâu chết vì người, đời đời kiếp kiếp trả nợ lẫn nhau, điều này đáng sợ biết bao! Đây là ngu si đến tận cùng. Cho nên một người tu



hành, trên đường đạo bồ đề có rất nhiều chướng ngại. Chướng ngại từ đâu mà có? Đều là từ vô lượng kiếp đến nay, cho đến trong đời này kết rất nhiều oan cừ oán hận với loài hữu tình và vô tình, tạo thành rất nhiều chướng ngại.

Ngày nay chúng ta may mắn, được đọc sách thánh hiền, được nghe giáo huấn của thánh hiền. May còn có một chút thiện căn phước đức, nghe xong, đọc xong, thâm tín không nghi, y giáo phụng hành, chân thành tinh tấn nỗ lực thực hành, mới chứng minh giáo huấn của cổ nhân chân thật bất hư. Đức Phật dạy chúng ta Tín, Giải, Hành, Chứng, sau cùng nhất định phải chứng thật, do đó chân tướng sự thật được rõ ràng. Chúng ta thường nghĩ đến điều này, đặc biệt là lúc ăn uống, quý vị nghĩ đến sẽ không nhẫn tâm ăn thịt chúng sanh, đây là đạo lý nhất định.

Liễu Phàm tiên sinh lại nói tiếp: “Nhu tiên nhật háo nộ, tất tư viết: Nhân hữu bất cập, tình sở nghi căng, bội lý tương can, ư ngã hà dữ, bôn vô khả nộ giả”. Điều này phải nhìn thật cởi mở, vì sao ta hay nổi giận? Đương nhiên là thấy người khác làm việc sai, đắc tội với mình mình mới nổi giận. Vì sao họ làm việc sai? Vì sao đắc tội với ta? Phải suy nghĩ tường tận, người này hủy báng tôi, sỉ nhục tôi, tổn thương tôi, ta nên suy nghĩ xem vì sao họ có những hành vi này? Vì họ không hiểu nên mới hiểu lầm ta, giữa chúng ta không có sự câu thông tốt đẹp, mới sinh ra hiện tượng như thế. Điều này không thể trách họ, chính mình cũng có điều không phải. Dù mình đúng hoàn toàn, lỗi đều do họ, liên quan gì đến ta?

Trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói rất hay, đặc biệt là trong xã hội hiện tại của chúng ta, thấy rất nhiều người làm việc sai quấy, khiến bản thân chúng ta đôi khi cảm thấy không chịu đựng được. Trong kinh Đức Phật dạy chúng ta, vì sao những người này có hành vi như thế? Tiên nhân bất thiện, không biết đạo đức, không có người dạy, không thể trách họ. Đức Phật nói lời này ôn hòa biết bao! Những người này là cha mẹ họ, trưởng bối họ không hiểu nhân nghĩa đạo đức, không dạy dỗ họ thật tốt. Bởi vậy họ mới phạm lỗi lầm, mới làm những việc trái với pháp luật kỷ cương. Chúng ta nhìn thấy, nghe thấy cần phải tha thứ cho họ, đừng trách cứ họ. Tâm như thế hòa bình biết bao, tâm lượng này vĩ đại biết bao! Chúng ta cần phải học tập, không được trách cứ họ. Cho dù đã dạy nhưng họ vẫn phạm lỗi, chúng ta cũng phải tự kiểm điểm lại. Ta dạy chưa tận tâm, ta dạy chưa đủ viên mãn, ta dạy họ vì sao họ không thực hành? Đừng đem hết lỗi lầm đẩy cho người khác, cần phải suy nghĩ kiểm điểm lại chính mình.

Như hiện nay có rất nhiều bậc làm cha mẹ gặp tôi đều nói, thầy ơi bây giờ con cái không biết nghe lời. Rất nhiều thầy cô giáo đến nói với tôi, thầy ơi học sinh bây giờ không chịu nghe lời. Tôi trả lời rằng, tôi nói con cái và học trò của quý vị không có lỗi, do quý vị chưa dạy thật tốt, sao có thể trách chúng được? Không sai, hoàn cảnh xã hội hiện nay vô cùng ác liệt, tà tri tà kiến dẫn đến tà hạnh nhan nhản khắp thế gian, làm gì có chuyện lớp trẻ không bị huân tập sự ô nhiễm? Đây là nhân tố ngoại tại khiến hiện nay lớp trẻ rất khó dạy, nhưng nhân tố ngoại tại này chúng ta làm sao dùng nội tại chân thành để khắc phục nó. Cổ nhân nói không sai: “dùng ý chí chân thành để làm, vàng đá nào mà không tan”. Chúng ta lại suy nghĩ xem, đến những động vật nhỏ như kiến và gián đều có thể

cảm động, cây cỏ hoa lá cũng có thể cảm động, con người há không thể cảm động ư? Không thể cảm động là chân thành của chúng ta chưa đạt. Nếu chúng ta có thể tự kiểm điểm như vậy thì quá tốt, nhất định sẽ nâng cao đức hạnh của mình. Duy chỉ có nâng cao đạo đức của mình, mới có thể cảm hóa lớp thanh niên thời hiện đại này. Chúng ta không có đạo đức thanh cao, một mực trách cứ lớp trẻ, trừng phạt lớp trẻ, đây không phải cách. Phương pháp giáo dục này, trừng phạt không phải là phương pháp tốt nhất, cách tốt nhất là cảm hóa. Là chính mình phải dùng lòng yêu thương chân thành, lòng yêu thương thanh tịnh bình đẳng để cảm hóa tất cả chúng sanh. Phật Bồ Tát đối với súc sanh, ngựa quý, địa ngục đều có thể cảm hóa họ, đều có thể dẫn dắt họ biết quay đầu hướng thiện, huống gì chúng sanh hữu tình của thế gian? Chúng ta phải nghĩ rằng, chỉ trách công phu đức hạnh của mình chưa đủ, tuyệt đối không được trách người khác không tiếp nhận cảm hóa. Như vậy mới có thể thành tựu chính mình, thành tựu người khác.

Trong kinh Đức Phật dạy: chưa tự độ được mà đi độ người, không có chuyện này. Câu này nói rất hay. Muốn hóa độ người khác, cần phải thành tựu đức năng của mình. Duy chỉ có đức năng mới có thể cảm hóa người khác, mới có thể hóa độ chúng sanh. Trong kinh điển Đức Phật nói viên mãn như thế, rất ráo như thế, người đọc tụng kinh điển như chúng ta không được lơ là. Chúng ta không thể thành tựu, đúng như những gì ở đây Liễu Phàm tiên sinh nói, là “qua loa đại khái”, “tâm ý thô thiển”.

Tiến thêm bước nữa ông dạy chúng ta: “Hựu tư thiên hạ, vô tự thị chi hào kiệt, diệc vô vu nhân chi học vấn, hành hữu bất đắc, giai kỷ chi đức vị tu, cảm vị chí dã”. Đây đều là những gì tôi vừa mới nói. Thiên hạ không có ai tự cho mình là hào kiệt, phàm những ai tự cho mình hơn người, ngoan cố, người này tuyệt đối không phải anh hùng hào kiệt. Khen họ là anh hùng hào kiệt, đó chỉ là khen ngợi mà thôi, hữu danh vô thực. Anh hùng hào kiệt thật sự, tuyệt đối không tự cho mình hơn người.

Chúng ta xưng Phật là đại anh hùng trong chùa nơi đại điện thờ Phật gọi là Đại Hùng Bảo Điện, chúng ta xưng ngài là đại anh hùng. Phật có tự cho mình hơn người chăng? Không có. Ngài giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh, nhưng ngài nói bản thân mình không có nói một lời nào. Không nói một lời nào mà nói suốt 49 năm, đây là nguyên nhân gì? Những gì ngài nói đều không phải của ngài, là của ai? Của cổ Phật nói. Khổng phu tử dạy học một đời, cũng nói những gì ông dạy không phải ý của mình. Suốt đời ông chỉ là “thuật nhi bất tác”, những gì ông nói đều là giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Quý vị xem, họ đều khiêm tốn như thế! Tuyệt đối không tự cho mình hơn người, tuyệt đối không thêm ý mình vào trong đó, đây mới thật sự là anh hùng hào kiệt.

“Diệc vô vu nhân chi học vấn”, “vu” nghĩa là oán hận. Học vấn của thánh hiền nhân tuyệt đối không sanh khởi tự tư tự lợi của người khác, tuyệt đối không làm người khác sanh khởi tham sân si mạn, tuyệt đối không dạy quý vị hại người khác để lợi ích mình, học vấn của thánh hiền không có những điều này. Một cái nói từ “nhân”, một cái nói từ “học”. Quay lại chúng ta kiểm điểm bản thân, “hành hữu bất đắc, giai kỷ chi đức vị tu”. Chúng ta phải kiểm điểm lại mình, đích thực

đạo đức của chúng ta không có tu, chúng ta không đủ chân thành, cho nên chúng ta không cảm hóa được người khác. “Ngô tất dĩ tự phản”, chúng ta phải siêng năng kiểm điểm lại những điều này. Muốn giúp xã hội, giúp người khác, giúp xã hội an định hòa bình, giúp tất cả chúng sanh hạnh phúc mỹ mãn. Bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu từ tu đức của mình. Quý vị không có đức học thật sự, làm sao để cảm hóa chúng sanh? Bản thân còn có một chút tự tư tự lợi, chưa buông bỏ ý niệm về danh văn lợi dưỡng, làm sao để cảm động chúng sanh? Làm sao có thể hành Bồ Tát đạo? Những lời này mỗi một câu đều là lời chân thật.

Chúng ta muốn giúp thế gian này giảm nhẹ hoạn nạn, bây giờ mọi người đều biết thế gian có không ít người đều tin vào những lời dự ngôn ngày xưa. Tôi nghe rất nhiều đồng tu từ Âu châu về nói, người Âu châu đều rất tôn kính, tin tưởng nhà dự ngôn Gassonet thế kỷ thứ 16, họ đều xem nhà dự ngôn này như thánh nhân. Dự ngôn của ông nói là nói thế kỷ này của chúng ta có đại thiên tai. Trong Thánh Kinh của Đạo Cơ Đốc gọi là tận thế, trong Kinh Cô-ran của đạo Islam cũng nói đến ngày tận thế, đại khái đều là ở trong giai đoạn này. Chúng ta xem những cuốn sách này, nghe những lời này, cũng âu lo bất an! Chúng ta làm sao có thể may mắn vượt qua thảm họa này, làm sao giúp người thế gian vượt qua cửa ải khó khăn này, có khả năng này chăng? Hôm nay chúng ta đọc Liều Phàm Tứ Huấn, biết rằng đáp án là khẳng định, có thể. Với đạo đức tu dưỡng của mình, chính mình có thể vượt qua. Nhà Phật nói: “trong công nghiệp có bất công nghiệp”, bản thân chúng ta có thể vượt qua. Bản thân chúng ta có năng lực vượt qua, vậy phải giúp rất nhiều chúng sanh khổ nạn. Giúp họ như thế nào? Nhất định phải lấy đức hạnh, phải lấy học vấn để cảm hóa họ, khiến họ giác ngộ, khiến họ thấu triệt, khiến họ sám hối, cũng có thể đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, như vậy có thể hóa giải thiên tai này. Mặc dù không thể hóa giải hoàn toàn, cũng có thể giảm nhẹ mức độ thiên tai, rút ngắn thời gian thiên tai. Hiệu quả này chính là công đức rất lớn, chúng ta cần phải siêng năng nỗ lực thực hành. Làm sao tu dưỡng đức hạnh của mình, trong sách này đưa ra rất nhiều ví dụ. Chúng ta lãnh hội tường tận, không ngừng cân nhắc.

Ở dưới ông lại đưa ra một ví dụ: “Tặc báng hủy chi lai, giai ma luyện ngọc thành chi địa, ngã tương hoan nhiên thọ tự, hà nộ chi hữu”. Điều này mỗi người chúng ta từng giây từng phút đều gặp, chúng ta có thể làm được chăng? Người khác ác ý hủy báng mình, nghe xong ta có thể không hề sanh khởi tâm oán hận chăng? Đây là công phu.

Có người ra bên ngoài nói lời thị phi hủy báng tôi, có đồng tu đến nói với tôi, người đó nói xấu thầy, hủy báng thầy. Họ vừa mở lời, tôi liền không cho họ nói thêm nữa, họ cảm thấy vô cùng kinh ngạc! Họ hỏi, vì sao vậy? Tôi nói với họ, tôi hy vọng tâm mình giữ được ấn tượng tốt nhất đối với người đó. Tôi không hy vọng đem bất thiện và nhiều ngôn hạnh của họ để trong tâm mình, tôi không muốn, tôi vĩnh viễn nhớ ưu điểm của người khác, nhớ điều thiện của người khác. Mắt tôi nhìn thiên hạ đều là người thiện, đều là người tốt. Tuyệt đối không để bất thiện của người khác vào tâm mình, biến tâm mình thành bất thiện, tổn thất này quá lớn. Người nói xấu tôi, người phá hoại tôi, trước đây đối với tôi rất tốt, tôi

mãi mãi cảm ân họ, mang đức họ. Về sau vô số đều bất thiện, đó là có nhân tố khác, trong nhân tố này đa phần là hiểu lầm. Vì sao trước đây họ tốt với tôi, bây giờ lại không tốt với tôi? Vì trước đây tôi đối với họ có lợi ích, bây giờ hình như tôi đối với họ không có lợi ích gì. Từ phương diện lợi và hại, tâm lý, thái độ, ngôn hành đều thay đổi, sự thay đổi này tôi biết rõ. Trước đây tôi tốt với họ, bây giờ đối với họ càng tốt hơn, là do họ không hiểu. Vì sao vậy? Vì trong mắt họ chỉ có lợi và hại của danh văn lợi dưỡng. Hôm nay tôi đã tiến thêm một bước, bây giờ tôi hoàn toàn là nói về đức hạnh. Trên mặt đạo đức được nâng cao, về danh lợi tôi buông bỏ. Tôi đối tốt với họ nhưng họ không hiểu, lại sinh ra hiểu lầm, tôi cần phải tha thứ cho họ. Nói tha thứ cho họ, tâm tôi đã rất nhỏ, đã là sai, hoàn toàn không có như thế. Điều này có thể phát sinh ở nơi khác, trong mắt tôi vĩnh viễn chưa từng phát sinh. Chúng ta mới có thể trở về với tự nhiên, trở về với thiên tánh.

Vì sao cư sĩ Hứa Triết sống đến 102 tuổi mà mạnh khỏe như thế, mà còn trẻ như thế? Vì suốt đời không sanh bệnh, còn có thể phục vụ cho chúng sanh khổ nạn trong xã hội. Bà phục vụ cho những người già, thật ra những người già đó nhỏ hơn bà rất nhiều. Người già bảy tám mươi tuổi, còn bà hơn 100 tuổi lại còn phục vụ cho họ, nguyên nhân là gì? Vì trong tâm bà không xen vào chút ý niệm bất thiện nào, tuyệt đối không cho phép có chút bất thiện nào chạy vào tâm ta, ta cần phải phòng phạm. Trong tâm ta chỉ dung nạp tâm thiện, hành thiện, đức thiện của tất cả chúng sanh, đây mới là tu dưỡng đạo đức chính mình.

Chúng ta gặp người hủy báng, sỉ nhục, hãm hại, ta cảm kích, vì sao vậy? Vì từ trong cảnh giới này, khảo nghiệm công phu mình rốt cuộc đạt đến trình độ nào. Nếu như còn có một niệm tâm xấu ác, có một niệm không vui, bản thân lập tức quay đầu sám hối, mình chưa đủ đức hạnh, vì sao không chịu được thử thách. Cho nên chắc chắn là “hoan hỷ thọ tư, hà nộ chi hữu?” Người ta đối với tôi như thế, tôi dùng thái độ này đối với họ, dần dần truyền đến đối phương, đối phương sẽ cảm kích, sẽ quay đầu hướng thiện. Ta cứu mình, cũng đã cứu người khác. Nếu ta vừa nghe người khác hủy báng liền nổi nóng, liền có tâm báo thù, oan oan tương báo biết bao giờ dứt, tự hại hại người. Đạo lý này không khó hiểu, lợi hại được mất của điều này cũng không khó hiểu lắm. Thử suy nghĩ tư duy nhiều một chút, chúng ta có thể tự cứu cứu người, tự độ độ tha, như vậy còn có gì vui hơn mà không làm?

Một người ở thế gian, hy vọng suốt đời mình đều có thể duy trì được tâm chân thành, đều có thể mãi mãi duy trì lòng yêu thương, yêu thương tất cả chúng sanh. Người yêu thương mình, mình yêu thương họ không khó. Người hận mình, mình yêu thương họ, đây mới gọi là công phu thật sự, đức hạnh thật sự, học vấn thật sự. Chúng sanh tạo tội thập ác ngũ nghịch, ta vẫn chân thành bình đẳng yêu thương họ, vì ta biết họ có Phật tánh. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh nói: “nhân chi sơ, tánh bản thiện”, ta biết tánh họ vốn thiện, chân tâm chân tánh của họ vốn thiện. Ta tôn kính họ, yêu thương họ. Họ nhiễm những tập khí bất thiện, đó không phải thật, điều này có thể sửa. Chỉ cần nhất niệm hồi đầu, họ chính là thiện nhân,

khôi phục bản lai của họ. Những đạo lý và chân tướng sự thật này không thể không biết.

Liễu Phàm tiên sinh nói tiếp: “Hựu văn báng nhi bất nộ”, giống như không có việc gì xảy ra. “Tuy sàm diễm huân thiên, như cử hỏa phân không, chung tương tự tức”. Từ lúc tôi còn trẻ đã học được, tôi hiểu rõ ràng minh bạch. Hình như là năm ngoái, pháp sư Ngô Đạo fax cho tôi một số báo và tạp chí của Đài Loan, viết cho tôi một lá thư. Đây đều là những người xuất gia ở Đài Loan, chỉ thẳng vào tên tôi, hủy báng tôi, nhục mạ tôi. Nói tôi đề xướng bản hội tập Kinh Vô Lượng Thọ là tội rất lớn, khiến rất nhiều người niệm Phật đi vào mê lầm, họ viết một bài văn rất dài. Pháp sư Ngô Đạo tìm một nhóm đồng học viết bài phản bác lại, tôi lập tức gọi điện nói với ông, cứ mặc kệ họ, chúng ta đừng nói gì cả, vì sao vậy? Vì họ nói mệt rồi sẽ không nói nữa, không liên quan đến tôi! Họ viết báo cứ mặc cho họ viết, họ viết rồi cũng có lúc mệt, chúng tôi hoàn toàn không có chút phản ứng nào. Thầy Ngô Đạo cũng nhẫn nhịn, tốt, nghe lời, chúng ta cứ mặc kệ họ, bây giờ không phải không có chuyện gì ư?

Về việc mắng người, nên biết rằng hai người càng mắng càng hăng, nếu một người mắng còn một người không nói gì. Đến sau cùng mắng mệt tự nhiên họ không mắng nữa, còn người kia ngời đó rất thoải mái, ở đó làm gì? Ngời nghe nhạc. Người nào cao, người nào thấp? Người bàng quan nói, người đó có tu dưỡng, người kia kém phong độ, do người phê bình, chúng ta cần gì phải nói? Huống gì mắng người rất mệt, nổi giận tổn thương rất nghiêm trọng cho thân thể. Cư sĩ Hứa Triết nói, một lần nổi giận, ba ngày chưa hồi phục được, vậy tại sao phải nổi giận?

Nghe họ mắng mình quý vị cảm thấy rất khó chịu, vậy họ mắng người khác tại sao quý vị không thấy khó chịu? Họ mắng tôi Tịnh Không, Tịnh Không là giả danh, rất nhiều người đều có thể gọi Tịnh Không, tôi hà tất phải nhận? Người ta mắng, quý vị tiếp nhận, vậy là quý vị đại, ngu si! Nếu quý vị nghe xong, giống như họ mắng người khác vậy, không liên quan đến mình, tâm bình khí hòa. Nổi oan này liền được hóa giải, hiểu lầm đối với mình cũng được hóa giải, không cần để ý đến họ.

Đánh nhau cũng như vậy, hai người càng đánh càng hăng. Nếu một người đánh còn người kia không đánh trả, người kia đánh mấy cái cảm thấy rất ngượng ngùng. Nếu đánh tiếp thì người ta không đánh trả, còn không đánh lại cảm thấy khó coi. Phương pháp này rất có hiệu quả đối với người thích đánh nhau, tôi từng dùng. Lúc trẻ tôi gặp một vài người bạn hay nổi giận, họ đánh tôi tôi không đánh trả. Họ đẩy tôi ngã, tôi liền nằm xuống đất không đứng lên. Người xung quanh nhìn thấy, họ ở đó rất khó coi không biết phải làm gì, muốn đánh cũng không đánh được, không đánh hình như cũng không cách nào thu hồi. Chiêu này của tôi rất cao minh, không cần tranh với người khác, nhất định duy trì tốt tình hữu nghị. Hy vọng thời gian lỗi lầm, ngộ nhận này rút ngắn lại, còn tình hữu nghị được vĩnh viễn trường cửu. Đây là đạo lý làm người, giúp chính mình, thành tựu người khác. Cho nên tất cả những lời sàm bậy đều không còn, không cần chúng ta biện minh.

Càng biện luận càng rắc rối, không được biện minh, tự nhiên sẽ hóa giải, cách này rất hay!

Hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phạm Tứ Huấn**  
**Tập 10**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 18.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_ Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Mời xem tiếp đoạn văn bên dưới: “Vấn báng nhi nô, tuy xảo tâm lực biện, như xuân thiềm tác kiến, tự thủ triền miên, nô bất duy vô ích, thả hữu hại dã”. Điều này chúng ta thường gặp trong cuộc sống hằng ngày, bản thân chúng ta nhất định phải phải đề cao cảnh giác, tuyệt đối không được bị cảnh giới xoay chuyển, như vậy tổn thất rất lớn. Một lần nổi giận, bất luận thời gian dài hay ngắn, cho dù chỉ ngắn trong chừng một phút, tổn thương về mặt tâm lý và sinh lý của chúng ta, cần thời gian ba ngày mới có thể khôi phục bình tĩnh. Chư vị thử nghĩ xem, nếu mỗi ngày đều nổi giận một lần, tổn thất rất lớn đối với sức khỏe của chúng ta, điều này không đáng chút nào.

“Vấn báng”, người ta hủy báng mình, đây là điều không thể tránh. Chúng ta giao tiếp với đại chúng, quả thật không có phương pháp nào khiến tất cả đại chúng cảm thấy mãn ý đối với ngôn hành của mình. Chẳng những phạm phu chúng ta không làm được, đến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không làm được. Lúc ngài còn tại thế, người thường làm phiền phức, hủy báng si nhục, thậm chí hãm hại ngài là Đề Bà Đạt Đa. Trong nội bộ Tăng đoàn có lục quần tỳ kheo gây khó dễ, bên ngoài có lục sư ngoại đạo, đây đều là lúc Đức Thế Tôn tại thế làm tấm gương tốt cho chúng ta. Ngài xử lý sự hủy báng, hãm hại này như thế nào? Dùng tâm bất động, dùng chân thành, bình đẳng, từ bi để xử lý, đây là điều chúng ta nên học tập. Cho nên nếu chúng ta nghe người khác hủy báng mà nổi giận, thậm chí là cực lực biện hộ cho mình, đó là tự tìm phiền não.

Ở đây Liễu Phạm tiên sinh đưa ra một ví dụ: “Như mùa xuân ve thoát, tự thủ triền miên”, thật sự không cần như thế. “Nổi giận không chỉ vô ích, mà còn có hại”, hai câu nói này là danh ngôn chí lý. Do đó, nếu chúng ta hy vọng chính mình suốt đời sống cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn, quý vị phải ghi nhớ, làm sao để trong đời mình không nổi giận, đây là công phu tu dưỡng đạt đến rất ráo.

Nổi giận, lúc này nói nó có hại cho thân tâm, cũng có hại cho đối phương, mình và người đều có hại, song phương đều không có lợi ích. Nếu chúng ta có thể nhẫn chịu, có thể dùng tâm bất động để xử lý, chúng ta sẽ được lợi ích, được lợi ích gì? Định tuệ tăng trưởng. Phước đức trong đời của một người là từ định tuệ phát sinh ra, định tuệ tăng trưởng nghĩa là phước đức tăng trưởng, định tuệ là nhân, phước đức là quả. Đối với đối phương cũng có lợi ích, chúng ta không có tâm oán hận, không có tâm trả thù, không kết oán thù với họ, cho nên mình và người đều lợi. Đây là Bồ Tát đạo, là Bồ Tát học, chúng ta phải siêng năng học

tập. Đương nhiên khi mới học có khó khăn nhất định, nhưng bản thân nhất định phải hiểu đạo lý này. Phải khắc phục khó khăn của mình, dần dần sẽ trở thành tự nhiên. Mới đầu là cố gắng nhẫn nại, làm một thời gian liền trở thành tự nhiên. Đây là đưa ra hai ví dụ để nói.

“Kỳ dư chủng chủng quá ác, giai đương cứ lý tư chi”. Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, xử sự đối nhân tiếp vật có vô số lỗi lầm, vô số hành vi ác. Phải luôn nghĩ đến đạo lý, nghĩ thông suốt lý này. “Thử lý ký minh, quá tương tự chi”, chỉ cần thông suốt minh bạch đạo lý này, lỗi lầm tự nhiên không còn. Đây là phương pháp sửa đổi thứ hai, phương pháp này thù thắng hơn phương pháp trước nhiều.

Xem tiếp Liễu Phạm tiên sinh nói phương pháp thứ ba: “Hà vị tòng tâm nhi cải, quá hữu thiên đoan, duy tâm sở tạo, ngô tâm bất động, quá an tòng sanh”. Đây là đạo lý lớn, là đạo lý rất ráo. Lỗi lầm của con người quá nhiều, nói không cùng tận! Lỗi lầm không cần nói là ta tạo ra, chỉ cần khởi tâm động niệm tội lỗi đã hình thành. Thử hỏi trong một ngày từ sáng đến tối chúng ta khởi bao nhiêu vọng niệm, bao nhiêu ý niệm tự tư tự lợi, bao nhiêu ý niệm tổn người lợi mình? Những lỗi lầm này đều là “duy tâm sở tạo”, tâm ta khởi tâm động niệm.

Tu hành trong Phật pháp, then chốt của tu hành chính là Thiên định. Quý vị tuyệt đối không được hiểu sai ý, trong Phật pháp tu thiên định chỉ có Thiên tông, như vậy là sai. Chỉ cần là Phật pháp, bất luận là đại thừa hay tiểu thừa, Hiền giáo hay Mật giáo, Tông môn hay Giáo môn, rất nhiều tông phái, vô lượng vô biên pháp môn. Nhà Phật thường gọi tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, tóm lại mà nói, đều tu Thiên định. Cho nên Thiên định là tu hành trong nhà Phật, là nguyên tắc chung của mọi pháp môn, chỉ là phương pháp tu thiên định không giống nhau. Ví dụ Mật tông dùng phương pháp trì chú để tu thiên định, Tịnh độ tông dùng phương pháp niệm Phật A Di Đà để tu thiên định, đây là phương pháp trì danh. Cũng dùng phương pháp quán tượng, cũng dùng phương pháp quán tượng. Trong giáo môn dùng phương pháp đọc tụng kinh điển, dùng phương pháp trì giới. Phương pháp rất nhiều, không có phương pháp nào không phải tu thiên định, nếu không phải tu thiên định, như vậy không phải là Phật pháp. Sự thật này chúng ta cần phải hiểu rõ ràng minh bạch.

Nếu thật sự được định, thế nào gọi là định? Tâm ở trong mọi cảnh giới, như thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên\_ thiện duyên, ác duyên là danh từ Phật giáo, là đối với hoàn cảnh nhân sự mà nói. Thiện duyên nghĩa là gần gũi với nhiều người thiện, ác duyên tức là thường giao du với những người làm điều ác, nhân sự hoàn cảnh. Bất luận trong hoàn cảnh nào, chỉ cần mình không khởi tâm không động niệm, như vậy gọi là thiên định.

“Ngô an bất động, quá an tòng sanh”, lỗi lầm từ đâu ra? Khởi tâm động niệm chính là lỗi lầm. Chỉ cần chúng ta ở trong tất cả cảnh giới, rèn luyện cách đối nhân xử sự tiếp vật, luyện tâm bất động, luyện không khởi tâm không động niệm. Trong các phương pháp, thực tế mà nói phương pháp niệm Phật rất hay, tiện lợi nhất, dễ dàng nhất. Vì sao vậy? Vì khi ý niệm vừa khởi lên, lập tức A Di Đà Phật, dùng câu A Di Đà Phật đoạn trừ ý niệm vừa khởi lên, dụng ý của phương pháp



niệm Phật là đây. Nếu vừa niệm Phật vừa vọng tưởng, vậy là sai hoàn toàn. Niệm Phật tức là dùng câu Phật hiệu để đoạn trừ vọng niệm, cũng chính là nói dùng một ý niệm thay thế tất cả vọng niệm. Không thể không khởi ý niệm, nếu ý niệm không khởi quý vị là thánh nhân, không phải phàm phu. Phàm phu đối diện với cảnh giới bên ngoài, sao có chuyện không khởi ý niệm? Các bậc cổ đức thường nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Ta phải giác ngộ thật nhanh, giác ngộ nhanh nghĩa là phải khống chế ý niệm này. Phương pháp của Tịnh độ tông là dùng câu Phật hiệu này để thay thế nó, ý niệm vừa khởi lên, bất luận niệm này là thiện hay là ác, lập tức dùng câu A Di Đà Phật thay thế vào, để trong tâm chỉ có niệm này, không cho phép có niệm thứ hai. Đây gọi là niệm Phật, gọi là công phu. Lâu ngày, ý niệm tự nhiên không khởi, như vậy là công phu đã đắc lực. Nếu còn khởi ý niệm, tức công phu chưa đắc lực. Giống như ngày ngày đọc sách, đọc rất chăm chỉ, nhưng khi thi đều không đạt chuẩn, không lấy được thành tích.

Cho nên người học Phật, người tu hành, tu hành nghĩa là sửa đổi tư tưởng sai lầm, sửa đổi hành vi sai lầm. Ngày nay chúng ta áp dụng phương pháp trì danh niệm Phật, dùng biện pháp này, ở mọi lúc mọi nơi duy trì tâm thanh tịnh của mình. Nói cách khác, giữ cho chúng ta không tạo ác nghiệp.

Bên dưới đưa ra mấy trường hợp: “Học giả”, học giả chính là người học Phật, là đệ tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tuy hiện nay ngài không còn, nhưng kinh điển của ngài vẫn lưu hành tại thế gian. Chúng ta y theo lý luận và phương pháp trong kinh điển để tu, đó đều là đệ tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. “Học giả, ưa háo sắc, háo danh, háo hóa”. “Hóa” tức là hưởng thụ vật chất. “Háo nộ, chùng chùng chur quá”. Phàm phu không sao tránh khỏi những điều này. Cảnh giới này hiện tiền, chúng ta khởi tham tâm, tham sắc, tham danh, tham hưởng thụ, tham sân nhuế và giận dữ khởi lên, tham sân si hiện tiền. Đây chính là tội lỗi, gọi là tạo nghiệp. Lúc này phải làm sao? Vừa có ý niệm này lập tức đổi thành A Di Đà Phật, đánh tan ý niệm háo sắc này, dập tắt ý niệm háo danh, đoạn trừ ý niệm tham hưởng thụ, cũng dập tắt ý niệm nổi giận, công đức niệm Phật là đây. Đương nhiên cũng có thể dùng các phương pháp khác, nhưng phương pháp niệm Phật tiện lợi hơn, đơn giản hơn, cũng có hiệu quả hơn. Trong rất nhiều tông phái và pháp môn của Phật giáo, tôi cũng có nghiên cứu sơ qua, sau cùng tôi vẫn chọn pháp môn niệm Phật này. Pháp môn này đơn giản dễ dàng, cũng rất có hiệu quả, chính là dùng một câu Phật hiệu này thay thế các vọng tưởng và ý niệm, thay đổi nó, vọng niệm sẽ ít dần. Luyện đến khi những cảnh giới này hiện tiền, ta vẫn như như bất động. Không phải nói mắt không thấy, tai không nghe, không tiếp xúc, không phải vậy. Mắt mình vẫn thấy, tai vẫn nghe, vẫn tiếp xúc như thường, tiếp xúc nhưng tâm bất động. Ở thế gian này, lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, cũng giống như xem film, xem tivi vậy. Những cảnh giới này, trong Kinh Bát Nhã Đức Phật nói rất hay: “như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ung tác như thị quán”. Đây là Đức Phật dạy chúng ta quán từ mặt lý, quán từ mặt lý, sửa đổi từ tâm, có hiệu quả vô cùng.

“Chùng chùng chur quá, bất tất trục loại tầm cầu”. Không cần nghĩ đến từng điều một, sửa đổi từng cái một, như vậy phiền phức biết bao, phí công biết bao!

“Đản đương nhất tâm vi thiện, chánh niệm hiện tiền, tà niệm tự nhiên ô nhiễm bất thượng”. Lời này nói rất hay! Chỉ cần chúng ta nắm bắt, giữ vững “nhất tâm vi thiện”. Thế nào gọi là “vi thiện”? Là mỗi niệm đều vì lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, lợi ích quốc gia. Nhất tâm vi thiện nghĩa là tuyệt đối không nghĩ đến lợi ích riêng mình, chư vị nên biết, nếu xen vào một ý niệm lợi ích chính mình, thiện của mình không thuần, trong thiện có xen tạp, xen lẫn bất thiện. Phải hiểu đạo lý này. Tâm mình thuần thiện, hành vi của mình đương nhiên cũng thuần thiện. Muốn đạt đến thuần thiện, tuyệt đối không được có chút ý niệm tự tư tự lợi nào, như vậy mới có thể thành tựu.

Chánh niệm hiện tiền, chánh niệm là đối với tà niệm mà nói. Tà niệm chính là tư tưởng sai lầm, kiến giải sai lầm, hành vi sai lầm. Sai lầm này gây tổn thương cho xã hội, cũng rất bất lợi cho chính mình. Quý vị gây hại cho xã hội, thương tổn người khác, tương lai quả báo trong ba đường ác. Mặc dù trước mắt được một chút lợi ích nhỏ nhoi, nhưng quả báo phải chịu sau này, nếu đem ra so sánh ta sẽ biết, được không bằng mất! Quý vị đạt được quá ít, nhưng giá phải trả quá đắt, không đáng! Phải luôn duy trì chánh niệm, niệm thuần chánh chính là ở trước nói “ngô tâm bất động”. Hoàn toàn thấu triệt cảnh giới bên ngoài, đây là chánh niệm.

Tu chánh niệm, tôi dùng một ví dụ đơn giản để nói. Hiện nay trong mọi gia đình đều có tivi, từ trẻ em đến người lớn ở trong nhà thời gian xem tivi nhiều nhất. Xem tivi có thể tu hành chăng? Có thể. Trước đây tôi dạy không ít người, viết bốn câu kệ của Kinh Kim Cang ra dán bên cạnh màn hình tivi. Bốn câu này là: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ung tác như thị quán”. Chúng ta dùng bốn câu này áp dụng trong lúc xem tivi, đó chính là tu hành. Chúng ta thấy rất rõ ràng hình ảnh trên tivi, âm thanh cũng nghe rất rõ ràng, ta học gì trong này? Học như như bất động, đừng để tình tiết trong tivi xoay chuyển mình. Họ diễn cảnh an vui, họ vui mình cũng vui theo, họ khóc mình cũng khóc theo họ. Như vậy là xong, bản thân mình không làm chủ được, bị họ xoay chuyển. Người tu hành nên như thế nào? Ta không bị họ xoay chuyển, ngược lại ta chuyển họ, vậy là thành công.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “nếu chuyển được cảnh giới, tức đồng với Như Lai”. Cảnh giới hiện tiền, ta không bị họ chuyển, thì ta có thể chuyển họ. Xoay chuyển họ, tức có thể dạy họ, thay đổi họ, giúp họ cải tà quy chánh. Nếu như không có năng lực này, không có định lực này, không có trí tuệ này, chính mình còn không giữ được mình, sao có thể chuyển hóa người khác? Quý vị hiểu được cách xem tivi là tu hành, là tu giới định tuệ, sau đó sẽ biết từng li từng tí trong cuộc sống hằng ngày, tất cả đều là Bồ Tát học xứ, tất cả đều là thành tựu vô thượng đạo. Vấn đề là ta có làm được như vậy hay không. Các bậc cao tăng của Thiền tông, ngày xưa trong Ngũ Lục chúng ta thường thấy, họ trắc nghiệm học trò, thường hỏi học trò: người “biết chăng!”. Ý nghĩa hai chữ này sâu rộng vô biên, nếu như ta hiểu thì từng li từng tí đều là Phật pháp. Tất cả đều là đạo, trái phải đều trở về với nguồn cội, đây mới là thật sự thành tựu. Đây cũng chính là trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”. Tông môn và Giáo môn dùng thuật ngữ không giống nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

Quý vị nghĩ xem, Tông môn nói: “rõ ràng mạch lạc, mọi việc đều suôn sẻ”. Giáo môn nói: “lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”, không phải cùng một ý ư? Pháp môn tuy bất đồng, phương pháp không giống nhau, nhưng trăm sông đổ về một biển. Nếu chúng ta hiểu được điều này, chúng ta đối với tất cả Tông phái, hết thảy pháp môn đều phải đối đãi bằng tâm cung kính. Không có cao thấp, tuyệt đối không được nói tôi theo pháp môn niệm Phật rất hay, pháp môn của quý vị không bằng tôi, vậy là sai! Tâm quý vị không thanh tịnh, tâm không bình đẳng, quý vị rất mê muội, không giác ngộ. Người giác ngộ thật sự là bình đẳng, “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, như vậy là đúng, là chính xác tuyệt đối. Cho nên “Nhất niệm làm thiện, chánh niệm hiện tiền” là điều cần kíp!

Giả dụ xã hội hiện nay, quốc gia hiện nay, mỗi người đều có thể “nhất tâm làm thiện, chánh niệm hiện tiền”, trong xã hội này làm gì có tà giáo? Làm gì có tà tri tà kiến? Tự nhiên biến mất không còn tăm dạng. Cổ đức thường nói: “phá tà hiển chánh”. Ngày nay chúng ta nói ngược lại với câu này, hiển chánh tà không thể tồn tại. Vì sao trong xã hội có nhiều tà tri tà kiến đến thế? Vì không có dạy về chánh tri chánh kiến. Do đó tà tri tà kiến xuất hiện, mọi người hiếu kỳ liền tập theo nó, học theo một cách mù quáng. Ngạn ngữ nói: “không sợ không biết nhận thức vấn đề, chỉ sợ điều này sánh với điều kia”. Nếu có thể đề xướng chánh pháp, nhân dân biết cách phân biệt, biết so sánh. Hai vấn đề đặt ra trước mắt để so sánh, họ sẽ nhận thức được, tự nhiên biết lựa chọn.

Ngày nay tà giáo tràn khắp thế giới, nhan nhản trong xã hội, nguyên nhân gì? Vì trong thời đại này không có người đề xướng chánh pháp. Nho giáo “đã đảo Khổng gia tiếm”. Nho giáo là chánh pháp, là dạy người về hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ, dạy người ngũ luân bát đức, là chánh pháp, hiện nay không cần nữa. Phật pháp là chánh pháp, Phật pháp dạy người hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp. Hiện nay mọi người cho rằng Phật pháp là mê tín, phá trừ mê tín, đập đổ mê tín, đây là một ngộ nhận lớn lao. Phật không mê tín, khẩu hiệu của Phật là “phá mê khai ngộ”. Coi phá mê khai ngộ thành mê tín để đập đổ, vậy thế nào gọi là không mê tín? Vậy nhất định tà pháp là không mê tín, tà giáo là không mê tín, đương nhiên trên xã hội cả tổ ong đều học theo tà giáo. Điều này chúng ta phải suy nghĩ thật tường tận, như thế nào mới có thể “hiển chánh phá tà”. Ngày nay trên toàn thế giới, rất nhiều quốc gia khu vực đều áp dụng.

Xem tiếp đoạn văn bên dưới, đoạn văn này dùng ví dụ để nói. “Như thái dương đương không, vãng lưỡng tiếm tiêu”. Hai câu này là ví dụ, ví “thái dương” như chánh pháp, ví “vãng lưỡng” như tà pháp, “vãng lưỡng” là yêu quái. Giữa ban ngày yêu quái tự nhiên không thể tồn tại, đạo lý này là tương đồng.

Ở sau Liễu Phàm tiên sinh đưa ra kết luận. “Thử tinh nhất chi chân truyền dã”. “Tinh” là tinh thuần, “nhất” là duy nhất, độc nhất. Từ xưa đến nay thánh thánh tương truyền, là chân truyền. “Quá do tâm tạo, diệp do tâm cải”. Đây là sửa tận gốc, sửa đổi như vậy mới rốt ráo, mới triệt để. “Như trăm độc thọ, trực đoạn kỳ căn, hề tất chi chi nhi phạt, diệp diệp nhi trai tai”. Đây là dùng ví dụ nói, ví như chúng ta chặt cây, cây này có độc không phải cây tốt, chúng ta phải nhổ tận

gốc của nó. Phải đoạn tận gốc, không cần chặt từng cành từng lá, tìm từng cành từng lá phiền phức biết bao! Nhỏ tận gốc là xong, cành lá tự nhiên khô héo. Đây là nói sửa lỗi lầm, ở trước là nói sửa từ lý như chặt cây, chặt từ cành của cây. Sửa đổi từ sự như chặt lá cây, điều này rất phiền phức, không dễ. Sửa từ tâm, chính là nhỏ tận gốc cây, như vậy dễ hơn, mà còn làm đến cứu cánh.

Xem tiếp đoạn văn bên dưới, là tổng kết. “Đại để, tôi thượng giả trị tâm, đương hạ thanh tịnh, tài động tức giác, giác chi tức vô”. Chúng ta dụng công học Phật, cũng phải nắm bắt cương lĩnh, nắm được cương lĩnh, bắt đầu tu từ căn bản sẽ không khó.

Hôm nay chúng ta nói đến Phật pháp, kinh điển Phật pháp rất nhiều, cổ nhân hình dung “mênh mông như biển”. Kinh quyển lưu truyền từ Ấn độ đến Trung quốc, theo ghi chép của lịch sử, sớm nhất là vào năm Vĩnh Bình thứ mười của Hán Minh Đế, tức năm 670 công nguyên. Năm nay là công nguyên 2001, điều này lịch sử có ghi chép. Trên thực tế, Phật pháp do tư nhân lưu truyền đến Trung quốc, thời gian đó còn sớm hơn nữa, có thể sớm hơn hai ba trăm năm. Chính thức do quốc gia phái đặc sứ đi thỉnh, nghênh đón là vào năm Vĩnh Bình thứ mười thời Hán Minh Đế, đã hơn 2000 năm lịch sử.

Kinh điển không ngừng truyền vào Trung quốc, trễ nhất khoảng vào thời Nam Tống. Nam Tống phiên dịch khắc in Đại Tạng Kinh hoàn thành, tổng cộng có hơn 7000 quyển. Hiện nay thêm vào trước tác của các bậc cao tăng tổ sư ngày xưa, đều thu thập trong bộ tùng thư này, hiện nay Đại Tạng Kinh tổng cộng có hơn 3 vạn quyển. Nếu chúng ta muốn học Phật, nhiều điển tịch như thế đều phải xem, đều phải nghiên cứu, đều phải học tập, đó chính là tìm cành hái lá, phiền phức biết bao. Như vậy biết đến khi nào mới có thể nhập môn? Người biết học bắt đầu từ gốc rễ, điều này rất quan trọng.

Tôi học Phật được 50 năm, tôi giảng kinh cũng được 42 năm. Trong suốt cuộc đời học Phật, tôi tổng kết tinh túy của Phật pháp thành 20 chữ. Chúng ta giữ tâm, nghĩa là nói đối nhân xử sự tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta dùng tâm như thế nào? Trong kinh điển Đức Phật dạy chúng ta, dùng tâm chân thành. Chân tuyệt đối không có giả, thành tức không hư dối, dùng tâm chân thành. Dùng tâm thanh tịnh, thanh tịnh chắc chắn không có ô nhiễm. Dùng tâm bình đẳng, bình đẳng chính là không có cao thấp. Dùng tâm chánh giác, chánh giác nghĩa là không mê hoặc. Dùng tâm từ bi, yêu thương tất cả chúng sanh, trong tâm từ bi không có tự tư tự lợi. Chúng ta phải dùng năm loại tâm này, năm loại tâm này trong đại thừa Phật pháp gọi là tâm đại bồ đề. Nếu dùng tâm đại bồ đề để nói, rất nhiều người không hiểu lắm. Theo chú giải trong kinh điển mà nói, cũng rất khó hiểu. Tôi nói như vậy mọi người dễ lý giải hơn, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi là tâm Phật! Phật dùng tâm này để xử sự đối nhân tiếp vật.

Hành vi của Phật là gì? Hành vi, tôi cũng dùng mười chữ là nhìn thấu, buông bỏ, tự tại, tùy duyên, niệm Phật. Niệm Phật, Phật nghĩa là giác, chính là niệm niệm giác mà không mê, niệm niệm chánh mà không tà, niệm niệm tịnh mà không nhiễm. Đó gọi niệm Phật, niệm tự tánh Phật. Nắm bắt cương lĩnh này tu hành sẽ rất dễ, quả nhiên có thể khế nhập cảnh giới. Tất cả kinh điển Phật giáo bày ra

trước mắt, ta cũng không cảm thấy khó khăn, đều có thể thông đạt, học tập. Cho nên pháp thế xuất thế gian đều phải biết căn bản, đều phải nắm bắt tinh yếu của nó, cương lĩnh của nó, như vậy chúng ta mới hiểu. Đại khái cao nhất là phải luôn tu từ căn bản, là “trị tâm”, hiệu quả là lập tức thanh tịnh, làm gì có nhiều chuyện phiền phức như thế?

“Tài động tức giác, giác chi tức vô”. Tâm này vừa mới động lập tức cảm nhận được, vừa cảm nhận được ý niệm này liền dừng. Cổ đức nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, ta phải giác thật nhanh, đừng để cho ác niệm tương tục. Ác niệm vừa khởi lên, niệm thứ hai tức là chánh niệm, đây là phương pháp tốt nhất. “Cầu vị năng nhiên”, giả dụ như không làm được, cao nhất không làm được, như vậy bắt đắc dĩ mà áp dụng ở giữa, bắt đắc dĩ mà cầu thứ hai, thứ hai là gì? Là hiểu lý. “Tu minh lý dĩ khiển chi”, hiểu rõ ràng minh bạch đạo lý, tự nhiên xa lìa ác niệm tà tư. “Hữu vị năng nhiên”, điều này cũng không làm được, không làm được thì sao? “Tu tùy sự dĩ cấm chi”, chỉ còn cách hạ công phu từ cảnh lá.

Ba tầng này, thực tế mà nói ba loại này nhà Phật gọi là ba căn tánh khác nhau. Hàng thượng căn hạ thủ từ gốc, từ khởi tâm động niệm, đoạn tất cả ác. Hàng trung căn, dùng “minh lý dĩ khiển chi”. Hàng hạ căn, chỉ có “tùy sự nhi cấm chi”. Đức Phật vì hàng hạ căn chế định rất nhiều giới điều. Chư vị nhất định phải hiểu những giới điều này, là lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, thời Ấn độ cổ 3000 năm trước, là quy phạm cuộc sống của xã hội thời đó. Về phương diện thời gian, cách chúng ta 3000 năm. Về hoàn cảnh địa lý, chúng ta ở đây là Đại lục, ở đó là Ấn độ. Nếu ta hiểu được đạo lý này, sau đó nghiên cứu giới luật mới thật sự có tâm đắc. Cần căn cứ theo từng điều giới luật để thực hành chăng? Không cần, vì sao vậy? Vì rất nhiều phương thức sinh hoạt hoàn toàn bất đồng với chúng ta hiện nay, cần phải biết điều này. Phải hiểu tinh thần của nó là gì. Phải học tinh thần đó, về sự tương nên dùng phương thức sống thời hiện đại, không thể học theo phước thức sống của Ấn độ cổ 3000 năm trước, như vậy là sai! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thấy vậy cũng phải cười, sao quý vị lại ngốc nghếch thế.

Bởi vậy Phật pháp, cho dù là giới luật, mỗi điều đều rất linh hoạt, nó không hề cứng nhắc. Nhưng giới căn bản nó siêu việt thời không, siêu việt thời gian, siêu việt không gian, mọi lúc mọi nơi đều chính xác, không thể thay đổi. Giới căn bản này là gì? Là năm giới, chỉ có năm điều là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Năm điều này bất luận là thời đại nào, bất luận ở khu vực nào, đều có thể áp dụng. Năm điều luật này là siêu việt thời không, cần phải tuân thủ. Rất nhiều các giới luật khác, nhất định phải xem có thích hợp với thời hiện đại của chúng ta hay không. Trong thời hiện tại này của chúng ta, nên làm thế nào để sửa đổi, nhưng không trái với tinh thần của nó. Về mặt sự tương, nhất định phải tu sửa thêm.

Lần đầu tiên ở Trung quốc, làm công tác sửa đổi đại quy mô là thời nhà Đường. Thời nhà Đường đối với Phật pháp mà nói, có người nói Phật pháp thời nhà Đường đã khởi một cuộc vận động cách mạng, cũng có thể là cách nói này. Đó chính là chế độ tông lâm của Trung quốc, đã hưng khởi. Mã Tổ kiến tông lâm,

Bách Trọng lập thanh quy. Hai vị đại sư này đề xướng cộng tu, nương chúng tựa chúng. Hai người này là sư huynh đệ, là tổ sư đời thứ tám của Thiên tông, hai vị đều là đời thứ tám. Theo cách nói thông thường, là đồ tôn của đại sư Huệ Năng.

Kiến lập tùng lâm, chính là chế độ hóa dạy học và tu hành của Phật pháp, chính thức chế độ hóa. Tùng lâm giống như trường đại học hiện nay vậy, tổ chức rất nghiêm mật. Chủ tịch của tùng lâm chính là phương trượng, như hiệu trưởng của trường học vậy. Thủ tọa hòa thượng của tùng lâm, tương đương với trưởng giáo vụ của trường. Duy na hòa thượng của tùng lâm, tương đương với trưởng huấn đạo. Giám viện của tùng lâm, tương đương với tổng vụ trưởng. Danh xưng không giống với lãnh đạo chấp sự của trường học hiện nay, nhưng phân phối công tác của họ hoàn toàn tương đồng. Cho nên giáo vụ, huấn đạo, tổng vụ trong tùng lâm, nó là trường học, lập trường chính quy để dạy học, giúp mọi người cùng nhau cải ác tu thiện, đây gọi là tu hành. Tóm lại mà nói, tu hành chính là cải ác tu thiện mà thôi.

Bây giờ có rất nhiều người ngộ nhận, cho rằng tu hành nhất định phải ăn chay trường, nhất định phải ngày ngày gõ mõ tụng kinh, như vậy là hoàn toàn nghĩ sai. Đó là hình thức, hình thức có thể thay đổi, còn tinh thần và nguyên lý nguyên tắc không thể thay đổi.

Bây giờ có rất nhiều đồng tu thường đến gặp tôi, họ xây dựng chùa chiền nhiều nơi, tôi không tán thành. Vì sao vậy? Vì chùa là thời đại 2000 năm trước, hoặc là trước thời nhà Thanh, như vậy còn có thể nói được. Hiện nay là xã hội dân chủ tự do khai phóng, không thể khiến người ta trở lại thời đại chuyên chế, đây là điều không thể. Đạo tràng hiện nay nên kiến lập như thế nào? Phải kiến lập theo phương thức trường học.

Phật giáo vốn là giáo dục, cần phải trở về với giáo dục, bởi vậy thành lập trường học không nên thành lập chùa, như vậy mới được. Nếu nói hoàng dương Phật pháp, đạo tràng hoàng dương Phật pháp tốt nhất, lý tưởng nhất, đó chính là truyền bá vệ tinh và truyền hình của thời đại này. Chúng tôi giảng kinh thuyết pháp trong phòng thu hình, lợi dụng vệ tinh truyền bá, toàn thế giới đều có thể nghe được, quý vị nói hiệu quả này lớn biết bao! Dùng phương pháp này hoàng dương lợi sanh, đưa giáo dục Phật pháp vào trong mỗi gia đình. Đem những lý luận, phương pháp tu học của Phật pháp, lợi dụng khoa học kỹ thuật truyền đến cho mỗi người muốn học Phật. Đây là điều chính xác, không cần tiếp tục xây dựng chùa chiền, thời đại xây chùa đã qua.

Thôi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 11**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 18.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Chúng ta xem tiếp đoạn văn bên dưới. “Dĩ thượng sự, nhi kiêm hành hạ công, vị vi thất sách, chấp hạ nhi muội thượng, tắc chuyết hi”. Đây là thái độ học tập, cũng rất quan trọng. Hàng thượng căn tuy sửa đổi từ tâm, bắt đầu sửa từ chỗ khởi tâm động niệm, nhưng tuyệt đối không thể lơ là sự tướng. Không thể nói tâm tôi rất thanh tịnh, không cần tuân thủ giới điều, đây là sai lầm. Sai ở đâu? Mặc dù có chân công phu, công phu của quý vị không phải thật sự, vì sao vậy? Vì người có chân công phu, nhất định có từ bi thật sự. Nếu có từ bi thật sự, quý vị nhất định làm nên tâm gương, làm nên mô phạm cho mọi người noi theo. Đây là lợi tha, tự lợi lợi tha, cho nên đây là đúng, là chính xác. Nghĩa là hàng thượng căn nhất định phải từng giờ từng phút chăm sóc hàng hạ căn. Chúng ta đối với giới điều của đức Thế Tôn chế định, phải tuân thủ tất cả. Từ giới điều suy ra là pháp luật của quốc gia, chúng ta nhất định tuân thủ. Trì giới, theo nghĩa rộng mà nói chính là tuân thủ pháp luật.

Trong giới kinh của đại thừa, Đức Phật nói rất rõ ràng minh bạch. Trong Kinh Phạm Võng nói với chúng ta, Bồ Tát nhất định phải tuân thủ “không hủy báng quốc chủ”. Quốc chủ là hiện nay gọi là người lãnh đạo quốc gia, tuyệt đối không được hủy báng. Trong Anh Lạc Bồ Tát Giới Kinh nói: “không trốn thuế nước”. Từ xưa đến nay Trung quốc hay nước ngoài, quốc dân đối với quốc gia có nghĩa vụ nộp thuế, không được trốn thuế. Như những điều này đều thuộc về trì giới. Hiến pháp, pháp lệnh quy chương của quốc gia, đây là có hình. Vô hình là quan niệm đạo đức, phong tục tập quán của chúng ta, đều phải tuân thủ.

Trong xã hội hiện nay, giao thông phương tiện nhanh nhẹn, truyền thông phát triển, chúng ta thường có cơ hội ra nước ngoài du lịch. Đến đất nước người ta, pháp luật của họ không giống với chúng ta, phong tục tập quán của họ không giống chúng ta. Nhập cảnh tùy tục, đến đất nước người ta nhất định phải tuân thủ pháp lệnh quy chương của người ta, tuân thủ phong tục tập quán của người ta, đều ở trong trì giới. Cho nên trong giới luật bao hàm rộng lớn vô biên, chúng ta đều phải hiểu.

Nếu “chấp hạ nhi muội thượng”, chấp trước vào những pháp lệnh quy chương này “tôi tuân thủ mọi thứ”, nhưng không hiểu lý, cũng không hiểu sửa đổi từ tâm. Sửa bằng cách đó rất ngu ngốc, đây không phải là phương pháp thông minh. Nhưng cũng là cách hay, có thể tuân thủ như vậy thường rất ít sai lầm. Sai lầm là điều không thể tránh, nhưng có thể giảm ít lỗi lầm. Cho nên ông nói với

chúng ta, sửa lỗi lầm phải có ba loại tâm, cũng có ba loại công phu khác nhau, điều này nói rất rõ ràng minh bạch.

Đoạn bên dưới nói về hiệu quả sửa lỗi, sau khi sửa lỗi sẽ xuất hiện cảnh giới như thế nào. Cũng chính là nói, chúng ta thấy được hiệu quả như thế nào, thành tích như thế nào.

Mời xem bài văn này: “Cố phát nguyện cải quá, minh tu lương bằng đề tỉnh, u tu quý thần chứng minh, nhất tâm sám hối, trú dạ bất đãi”. Chữ “cố” nói như hiện nay nghĩa là “nhưng”, nhưng phạm phát nguyện sửa lỗi, cần có sự giúp đỡ. “Minh” là rõ ràng, cần “lương bằng đề tỉnh”, phải có bạn tốt luôn nhắc nhở mình. Vì sao vậy? Vì phạm phư hay quên, chớp mắt là quên. Chư vị thử nghĩ xem, nếu có một người ở trước mặt chúng ta, là bạn tốt của mình, luôn nhắc nhở mình, quý vị có chê họ nhiều chuyện chăng? Thật vậy, đúng là chê họ nhiều chuyện, chê họ phiền phức.

Cho nên Phật giáo dạy học, chúng ta không thể không khâm phục sự thông minh trí tuệ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài dùng phương pháp gì? Phương pháp này hiện nay trong trường học gọi là công cụ dạy học. Ngài dùng danh hiệu, ngài dùng nghệ thuật từng giờ từng phút nhắc nhở chúng ta. Danh hiệu, ví dụ danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật, đây không phải là danh hiệu của ngài. Tên chính của ngài, trong kinh điển ghi chép là Tất Đạt Đa, nhưng ngài có thói quen dùng danh hiệu này, danh hiệu này là nhắc nhở chúng ta. Ngày xưa cổ nhân dịch kinh, hoàn toàn dùng âm tiếng Phạn để dịch Thích Ca Mâu Ni Phật, không dịch ý của nó ra. Người thời hiện đại chúng ta, nghe đến danh hiệu này cảm thấy mê hoặc không hiểu ý gì, nhưng cổ nhân hiểu. Ngày xưa nhiều người giảng kinh, nhiều người dạy học, vì đa phần các tự viện đều là trường học. Người xuất gia chính là thầy giáo, họ ngày ngày tự nghiên cứu, rồi giảng dạy, dạy học cho đại chúng. Tự viện là trường học, cho nên mọi người đều hiểu.

Thích Ca nghĩa là nhân từ. Chúng ta đối nhân tiếp vật thiếu nhân từ, thường nghĩ đến tự tư tự lợi, tổn người lợi mình. Đều khởi ý niệm này, làm những chuyện này, như vậy là sai. Cho nên Thế Tôn dùng danh hiệu Thích Ca này, nghe đến danh hiệu này, ta đối nhân phải nhân từ, phải quên mình vì người. Hai chữ Mâu Ni nghĩa là thanh tịnh, phải thanh tịnh đối với mình, phải nhân từ đối với người khác. Dùng danh hiệu này thường nhắc nhở chính mình, chúng ta niệm danh hiệu này để nhắc nhở mình. Nghe người khác niệm danh hiệu này, cũng nhắc nhở mình. Trong nhà mình có nơi thờ Phật, hoặc có một phòng khách, trong phòng khách chúng ta đặt một tượng Phật, viết tên của Phật hai bên giống như câu đối vậy. Đây là tràng phan quý vị thường thấy ở trong các chùa, trên phan viết đều là danh hiệu Phật Bồ Tát, có mục đích gì? Nhắc nhở chúng ta.

Trong Phật giáo dùng phương pháp này, tượng Phật, tượng Bồ Tát cũng là nhắc nhở chúng ta, khiến chúng ta nhìn vào là biết nó tượng trưng ý gì. Thích Ca Mâu Ni Phật tượng trưng nhân từ, thanh tịnh. Ở đất nước chúng ta thờ Bồ Tát Quán Thế Âm nhiều nhất, Bồ Tát Quán Thế Âm tượng trưng từ bi, đại từ đại bi. Đại từ đại bi nói như hiện nay là tâm yêu thương không có điều kiện, yêu thương tất cả chúng sanh. Chúng sanh có khổ nạn, toàn tâm toàn lực giúp họ vô điều kiện,



đây là Bồ Tát Quán Thế Âm. Thấy tượng Bồ Tát Quán Thế Âm liền nghĩ đến, tôi phải từ bi đối với tất cả chúng sanh, cũng vô điều kiện giống như Bồ Tát Quán Thế Âm, giúp đỡ tất cả chúng sanh vậy.

Bồ Tát Quán Thế Âm là ai? Bồ Tát Quán Thế Âm chính là ta. Nhắc nhở mình, dùng tôn tượng này, dùng danh hiệu này nhắc nhở mình, mình phải học theo Bồ Tát Quán Thế Âm, mình phải học làm Quán Thế Âm Bồ Tát, chính là ý này. Cho nên công đức thờ Phật rất lớn, công đức lớn ở đâu? Chính là lớn ở đây, thường nhắc nhở mình.

Thờ tượng Bồ Tát Địa Tạng, Địa Tạng Vương Bồ Tát tượng trưng hiểu, hiểu thân. Địa là đại địa, Tạng là bảo tạng. Chúng ta sống trên địa cầu này, không thể tách rời đại địa, ăn ở của chúng ta đều nhờ đại địa cung cấp. Trên đất, vật sinh trưởng, trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta cần đến ngũ cốc lương thực, đây là bảo tạng do đất sanh. Tài nguyên chôn dưới đất rất nhiều, đều là kim ngân châu bảo, cung cấp nhu cầu cho cuộc sống chúng ta.

Đức Phật dùng Địa tượng trưng “tâm địa” của chúng ta. Tạng trong tâm địa chân tâm của chúng ta có vô lượng trí tuệ, có vô lượng năng lực\_ đức chính là năng lực, có vô lượng tướng hảo, cần chúng ta khai thác. Dùng phương pháp gì để khai thác? Dùng hiểu thân tôn sư, chính là hiểu đạo và sư đạo. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên chính là nói về hiểu đạo và sư đạo, dùng điều này để khai thác. Cho nên chúng ta nhìn thấy tượng Bồ Tát Địa Tạng, nghe đến danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng, chúng ta phải hiểu cách hiểu thân tôn sư, nó luôn nhắc nhở chúng ta.

Bồ Tát Văn Thù nhắc nhở ta về trí tuệ, phải cầu trí tuệ. Bồ Tát Phổ Hiền nhắc nhở ta phải thực hành trong cuộc sống. Như nhân từ và thanh tịnh của Thích Ca, từ bi của Quán Âm, hiểu kính của Địa Tạng, trí tuệ của Văn Thù, tất cả đều phải thực hành trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, thực hành trong công việc, thực hành trong xử sự đối nhân tiếp vật, đó gọi là Phổ Hiền. Quý vị xem Phật giáo dạy học có tuyệt diệu chẳng! Cho nên tất cả hình tượng Chư Phật Bồ Tát trong Phật giáo, tất cả hình tượng của thần minh, tất cả đều là dạy học, là biểu pháp. Tuyệt đối không phải mê tín, tuyệt đối không được xem các ngài như cung phụng thần minh, như vậy là sai hoàn toàn. Dùng phương pháp này nhắc nhở chúng ta. Nếu có một người ngày ngày ở bên cạnh nhắc nhở, chúng ta cảm thấy chán họ, ghét họ, thậm chí hận họ. Nhưng dùng các tác phẩm nghệ thuật này đặt ở trước mắt, có thể thương thức, lại cũng có thể nhắc nhở, như vậy tốt biết bao!

Lần trước tôi phỏng vấn truyền hình Phụng Hoàng, gặp Thường tiên sinh, trong phòng làm việc của ông đặt rất nhiều tượng Bồ Tát Di Lặc. Tôi nhìn lại thấy ông hơi giống Bồ Tát Di Lặc, bụng to, mập mạp. Bồ Tát Di Lặc tượng trưng tâm hoan hỷ. Nhà Phật thường gọi là bình đẳng, từ bi. Sanh tâm bình đẳng, thành tướng hỷ duyệt. Chúng ta xử sự đối nhân tiếp vật, tâm phải bình, sắc phải đoan trang, phải hoan hỷ. Đây là dạy chúng ta làm sao để chung sống với đại chúng, toàn là biểu pháp.

Danh hiệu người xuất gia chúng ta cũng không ngoại lệ, tôi xuất gia sư phụ đặt cho pháp danh Tịnh Không, tôi rất hoan hỷ. Mọi người vừa nhắc đến tên này,

tôi liền nghĩ mình có thanh tịnh không? Mình có buông bỏ không? Buông bỏ là không. Nhắc đến tên này, tôi liền nghĩ xem mình có làm được chăng? Danh có đúng với sự thật chăng? Nếu danh và thực không tương phù, chúng ta phải sanh tâm hổ thẹn, cảm thấy có lỗi với cái tên này.

Danh hiệu của Phật vô lượng vô biên, tượng trưng đức tánh vô lượng vô biên trong chân tâm bản tánh của chúng ta. Danh hiệu Bồ Tát vô lượng vô biên, tượng trưng tu đức của chúng ta. Tánh đức, phàm phu chúng ta mê mất tự tánh, nên tánh đức không hiển, phải dựa vào tu đức. Tu đức có công, tánh đức liền hiện tiền, chính là như vậy. Phật giáo không đơn thuần chỉ là cái tên, trên nghệ thuật tạo tượng là biểu pháp, mọi thứ trang trí đều là biểu pháp. Đến kiến trúc cũng không ngoại lệ, nếu quý vị chú ý, khi đến các ngôi chùa Phật giáo, thấy trong điện thờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, gọi là Đại Hùng Bảo Điện. Quý vị xem kiến trúc của nó, đứng bên ngoài nhìn có hai tầng, ở trong có một tầng, đều là nhắc nhở chúng ta. Bên ngoài hai tầng là dạy chúng ta tùy tục, “Phật pháp tại thế gian, bất hoại thế gian pháp”. Ở trong phải bình đẳng, bên trong không được có hai thứ. Bên ngoài có thể không bình đẳng, bên trong tuyệt đối phải bình đẳng. Bên ngoài bình đẳng, trật tự xã hội này sẽ bị phá hoại. Bên ngoài nhất định phải có tôn ti, có cha con, có anh em, có lớn nhỏ, nó có trật tự, không được phá hoại trật tự này. Bên ngoài hai tầng tượng trưng trật tự xã hội, tuyệt đối phải tuân thủ, bên trong phải bình đẳng, ý nghĩa quá hay!

Những dụng cụ cúng đều là biểu pháp, chúng ta thắp một cây hương cúng Phật, hương tượng trưng điều gì? Trong bài Tán Hương nói: “giới định chân hương”, chân hương không phải hương quý vị thắp, thấy cây hương đó phải biết tôi phải tu giới, phải tu định, phải tu tuệ. Giới định tuệ là hương trong tự tánh chân tâm của mình, dạy ta ngửi thấy mùi hương này, nhìn thấy hương này, nghĩ đến tôi phải tu giới định tuệ, tôi phải đoạn tham sân si, không có điều gì không phải nhắc nhở.

Những dụng cụ cúng Phật, quan trọng nhất, đơn giản nhất là phải cúng một ly nước, các dụng cụ khác như hương hoa đều không có, không thắp hương không sao, nước nhất định phải cúng một ly. Nước tượng trưng điều gì? Nước tượng trưng tâm, thấy ly nước này, tâm tôi có trong sạch như nước chẳng, không nhiễm chút bụi nào. Phải chẳng là bình đẳng như nước vậy, nước bình lặng. Nước tượng trưng thanh tịnh bình đẳng, lấy ý nghĩa này. Nước không phải để Phật uống, là để tôi thấy, để mọi người thấy. Nhìn thấy ly nước này nghĩ rằng tâm tôi phải thanh tịnh, phải bình đẳng. Dùng những phương pháp này để nhắc nhở chúng ta, không có điều gì không phải tận tâm nghĩ ra một số phương pháp để dạy chúng ta. Sau đó chúng ta mới lãnh hội được, ân đức lớn lao của Phật đối với chúng ta, thiết tưởng rất chu đáo, không thể không khâm phục ngài sát đất, làm gì có mê tín! Chư vị phải nhớ rằng, dùng nước cúng Phật, không được cúng trà. Trà có màu, như vậy không sạch, nó tượng trưng trong tâm có ô nhiễm, vì vậy phải cúng nước trong. Nước trong là dùng nước máy hay là dùng nước lọc, đều được cả, chỉ cần nước sạch, trong nước không có dơ bẩn, như vậy là được. Phải hiểu ý nghĩa của nó là tượng trưng. Cũng chính là cần người bạn tốt nhắc nhở, luôn nhắc nhở

chúng ta. Một khắc không nhắc chúng ta sẽ mê, sẽ làm sai việc, sẽ bị hờ đồ. Cho nên thiết bị dạy học trong Phật giáo thật tuyệt.

Chúng ta đến sau nửa thế kỷ 20, sau thế chiến thứ hai, chúng ta thường nghe đến nghệ thuật, ngay đánh trận cũng chú ý nghệ thuật, có khẩu hiệu nghệ thuật hóa. Chúng ta nghĩ đến Phật dạy học trong mấy ngàn năm trước đã đi vào nghệ thuật, dùng phương pháp nghệ thuật để dạy.

“U tu quý thân chứng minh”. Quý thân chứng minh chính là cảm ứng, chuyện về cảm ứng rất nhiều. Trong đời này tôi tự thân thể nghiệm, chư vị đồng học kể cho tôi nghe về chuyện cảm ứng của họ, điều này rất phong phú. Tu học Phật pháp là học làm người tốt, học làm người hiểu biết, vẫn là cần có thiện căn, phước đức, nhân duyên. Nếu không đầy đủ ba điều kiện này, đời này không có duyên gặp được, gọi là không có cơ hội để gặp. Có cơ hội gặp được, chứng minh trong đời quá khứ quý vị có thiện căn, phước đức, nhân duyên.

Trước đây khi tôi ở Mỹ, hội Phật giáo của chúng tôi ở Dallas, có một vị hội trưởng là cư sĩ Thái Văn Hùng, ông nói với tôi về nhân duyên học Phật. Ông thường trú ở nước ngoài, là Hoa kiều, không tin điều này. Năm đó ba ông qua đời, ông đến Đài Loan để tang đưa tiễn ba mình. Khi ba ông lâm chung, ông đứng bên giường, ông nhìn thấy có một tượng Phật, tượng Phật này đặt ở cửa sổ. Cửa sổ giống như bàn thờ Phật vậy, tượng Phật đặt trong đó. Ông nói ít nhất ông nhìn 15 phút, thời gian dài như vậy tuyệt đối không nhìn sai, đem đến cho ông ấn tượng rất sâu sắc, ông cảm thấy rất kinh ngạc! Ông hỏi người mọi người, mọi người không nhìn thấy, ông tin tâm học Phật bắt đầu từ đây, đây là Phật đến độ ông. Về sau ông làm kinh doanh, tiền kiếm được có lúc đi vào tiệm đồ cổ, ông thích mua đồ cổ. Trong tiệm đồ cổ ông nhìn thấy một tượng Phật, điêu khắc bằng đá. Ông vừa thấy tượng Phật này, chính là tượng Phật ngày ba ông chết đặt ở cửa sổ, ông lập tức mua về. Đó là mua ở Trung quốc, sau khi mua xong, đem đến Mỹ. Đầu tiên thờ ở nhà, sau đó đem chuyện này kể với tôi, tôi đến xem, xem xong cũng rất hoan hỷ. Tôi khuyên ông ta đem tượng Phật này thờ trong đạo tràng, vì ông là hội trưởng của đạo tràng này, hội Phật giáo Dallas, hiện nay tượng Phật này vẫn thờ trong đạo tràng đó. Đây là ông kể lại nhân duyên học Phật của mình, “u tu quý thân chứng minh”.

Ông lại nói với tôi một chuyện nữa thật không thể nghĩ bàn. Ông nói có một lần, ông và mấy người bạn ở San Francisco. Họ ở một thành phố nhỏ ngoài San Francisco, khi trên đường trở về San Francisco. Họ lái xe, đi lạc đường, đến một trấn nhỏ. Đích thực trấn này ông chưa từng đến đó lần nào, nhưng khi xe đến gần trấn này, đột nhiên ông cảm thấy trấn này rất quen thuộc, như ông từng ở đây. Ông lập tức nhớ lại, đem tình hình đường sá và kiến trúc ở trong này nói với người ngồi trong xe. Sau đó họ chạy xe vào trấn, hoàn toàn giống với những gì ông nói, ông kinh ngạc vô cùng. Vấn đề này bao nhiêu năm nay, ông không có câu trả lời. Khi gặp tôi ông hỏi, thầy ơi rốt cuộc như vậy là vì sao? Tôi nói, từ đây để thấy chắc đời trước ông từng ở trong thành phố này. Đời trước ông từng ở trong thành này, mà còn ở thời gian khá dài, nếu không không thể biết được tình trạng trong thành này. Ông nghĩ cũng rất có lý, rất có thể đời trước ông làm thợ

mỏ ở San Francisco, là người Trung quốc làm thợ mỏ. Sống ở đó, chết ở đó, coi như là không tệ, không làm việc gì xấu, đời này lại được thân người. Kinh doanh không tệ, lại được học Phật, đây là chứng minh nghiệp nhân của đời trước.

Những chuyện giống như vậy, tôi từng gặp rất nhiều, bản thân tôi cũng có rất nhiều lần, đến một nơi ở nước ngoài mà xưa nay chưa từng đến, vừa đến đột nhiên cảm thấy ở đây rất quen, hoàn cảnh ở đây không xa lạ gì. Nếu không có đời trước thì làm sao lý giải được điều này. Quý vị nói đột nhiên có linh cảm, vậy tại sao không có linh cảm với những nơi khác mà nhất định là ở đây? Do đây có thể biết, con người chắc chắn có đời quá khứ, đã có đời quá khứ chắc chắn có đời vị lai, nhân quả thông ba đời. Cho nên điều này cần quý thần giúp chúng ta.

“Nhất tâm sám hối, trú dạ bất đãi”, đây là công phu tu tập. Sám hối chính là sửa lỗi, mỗi niệm của chúng ta đều có sai lầm, không giác tức là mê, mê liền gây ra sai trái. Vì vậy nhất định phải luôn nhắc nhở, suốt ngày đêm đều không thể gián đoạn. Có người hỏi tôi, chúng tôi có thể thờ tượng Phật trong phòng ngủ ở nhà chăng? Có một số pháp sư nói, thờ tượng Phật trong phòng ngủ, đó là đại bất kính! Nói như vậy chỉ đúng một nửa, không thể đúng hoàn toàn. Sao lại nói đúng một nửa? Quý vị không phải là người tu hành, không chịu nỗ lực sửa đổi chính mình, như vậy thờ tượng Phật trong phòng là bất kính, là sai. Còn nếu quý vị là người tu hành chơn chánh, ngày đêm không gián đoạn, muốn người khác nhắc nhở mình. Như vậy trong phòng ngủ không có tượng Phật, sẽ dễ quên, mê mất. Vậy tôi có thể thờ chăng? Có thể thờ. Đối với người tu hành chơn chánh mà nói, kính hay bất kính là chuyện nhỏ, nhắc nhở tôi giác ngộ mới là chuyện lớn. Nếu thật sự giác ngộ chính là cung kính, còn như mê hoặc đó là đại bất kính. Vấn đề này cần phải thông tình đạt lý, nếu chấp trước vào giáo điều thì không thông suốt được. Quý vị chỉ đúng được một nửa, không thể đúng hoàn toàn. Đối với một người thật sự hạ quyết tâm thay đổi chính mình, phải noi theo Phật Bồ Tát, học tập Phật Bồ Tát, bất kỳ ở đâu đều có thể thờ Phật. Người đồng với tâm này, tâm đồng với lý này, cần phải biết vấn đề là chúng ta có thực hành hay không? Có thực học hay không?

Bên dưới là nói đọi ngày để chứng. “Kinh nhất thất nhị thập”, bảy ngày, trải qua bảy ngày, hoặc là nhị thất, 14 ngày. “Dĩ chí nhất nguyệt nhị nguyệt tam nguyệt, tất hữu hiệu nghiệm”. Nếu thật sự kiên nhẫn sẽ có cảm ứng, những cảm ứng nào? Bên dưới ông đưa ra mấy ví dụ để nói với chúng ta, nghiệp chương chúng ta đã tiêu, tội lỗi không còn. Nó có dự báo, có điềm lành.

Tiếp theo là đưa ra mấy trường hợp: “Hoặc giác tâm thần điềm khoáng”. Trước đây trong lòng luôn không vui, luôn cảm thấy u uất. bây giờ trong lòng luôn rộng mở, thường hoan hỷ, không giống nhau. Đây là cảm ứng, là hiệu quả.

“Hoặc giác trí tuệ đốn khai”. Trước đây xử sự đối nhân tiếp vật luôn cảm thấy mình rất hồ đồ, rất hồ đồ không có trí tuệ. Bây giờ trải qua một thời gian đoạn ác tu thiện, sau giai đoạn tu trì này cảm thấy mình bây giờ có trí tuệ hơn. Sự xử sự đối nhân tiếp vật không còn mê hoặc, có trí tuệ, rất rõ ràng minh bạch, đây đều là hiệu quả.

“Hoặc xử những đạp, nhi xúc niệm giai thông”. “Những đạp” là công việc bận rộn. Trước đây công việc bận rộn, bản thân cảm thấy rất mệt, rất bị quỵen, không có tinh thần, mọi thứ đều có trở ngại. Bây giờ trải qua sự tu tập, sau khi đoạn ác tu thiện, xử lý rất nhiều công việc không như trước đây, cảm thấy mọi việc rất thuận lợi. Dù việc phiền phức đến đâu, bận rộn đến đâu, đều cảm thấy có thứ tự, đâu ra đó, vô cùng nhẹ nhàng. Không cảm thấy phiền phức, cũng không thấy mệt mỏi.

“Hoặc ngộ oán cừu, nhi hồi sân tác hỷ”. Đây là công phu không đơn giản, oan gia đối đầu. Ngày xưa nhìn thấy họ là cảm thấy ghét, thấy hận, phải mắng họ vài câu. Bây giờ thấy những oan gia đối đầu này, chẳng những không mắng, mà còn hoan hỷ, chào hỏi họ, dùng thiện tâm và lễ tiết đối đãi, đây đều là điềm lành, đây là nói về phương diện nhân sự. Tiếp theo là nói về cảnh giới trong mộng, không giống như ngày xưa. Khi chưa tu hành thường gặp ác mộng, điều này tôi có kinh nghiệm. Khi tôi chưa học Phật thường hay gặp ác mộng, thường sợ hãi thức tỉnh sau giấc mộng. Sau khi học Phật, mười năm đầu còn gặp ác mộng, mười năm sau ác mộng không còn. Đây đều là điềm lành, đều là cảm ứng tốt. “Hoặc mộng thổ hắc vật”, trong mộng nôn ra vật màu đen, đen là vật dơ bẩn, đây là đưa ra ví dụ. “Hoặc mộng vãng thánh tiên hiền”, vì tôi thường xuyên giảng kinh, cho nên không ít lần mộng thấy Phật Bồ Tát giảng kinh, tôi tham gia vào pháp hội giảng kinh này. “Đề huê tiếp dẫn”, trong mộng thấy Phật Bồ Tát nói pháp cho chúng ta, giúp chúng ta, dạy chúng ta, đây là một loại.

Bên dưới nói thêm một loại nữa: “Hoặc mộng phi bộ thái không”, mộng này rất tốt, lúc mộng thấy mình bay lên, bay trong không trung, đằng vân giá vụ. “Hoặc mộng tràng phan bảo cái”. Mộng đến cung trời, mộng đến cõi nước Phật, đây đều là điều rất tốt. “Chúng chúng thắng sự”, việc rất thù thắng. Những dự báo này “giai quá tiêu tội diệt chi tượng dã”, mới có hiện tượng này. Chúng ta mặc dù chưa tiêu hết tội nghiệp, nhưng cũng tiêu trừ một phần, nên xuất hiện những hiện tượng này. Xuất hiện những hiện tượng tốt này, tuyệt đối phải ghi nhớ. “Nhiên bất đắc chấp thủ tự cao, họa nhi bất tiến”, sợ nhất là điều này. Vô số tướng tốt xuất hiện, đối với một người tinh tấn tu hành, thấy như không thấy, không cần nói với người khác, không cần khoe khoang thành tựu của mình, khoe khoang như vậy là hoàn toàn sai lầm. Cần nhớ lời trong kinh Phật dạy: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, không để trong lòng. Bản thân vẫn thường nhất tâm sám hối, vẫn ngày đêm không gián đoạn, như vậy công phu mới tiến bộ. Nếu có những cảnh giới này hiện tiền, bản thân cảm thấy mình rất giỏi, cảm thấy mình cao hơn người, sanh khởi tâm cống cao ngã mạn. Chẳng những không thể nâng cao, mà còn lập tức bị đọa lạc. Đây là sai lầm, là sai lầm nghiêm trọng. “Họa nhi bất tiến”, họa là dừng lại, ngay tại đây, họa là không thể tiến về phía trước, quả là đáng tiếc. Khi những cảnh giới thù thắng hiện tiền, như không có chuyện gì xảy ra. Mặc dù cảm thấy trí tuệ mình khai phát, vẫn coi như chưa khai, như vậy mới tốt, chúng ta mới tiến bộ. Liễu Phạm tiên sinh nói nhiều điều như thế, tiếp theo mới đưa ra trường hợp cổ nhân sửa đổi lỗi lầm, khuyên dạy con trai mình.

“Tích Cự Bá Ngọc, đương nhị thập tuế thời, dĩ giác tiền nhật chi tội, nhi tận cải chi hĩ”. Cự Bá Ngọc là đại phu nước Vệ thời Xuân Thu, ông sửa lỗi lầm rất có hiệu quả, trong lịch sử lưu lại cho thế nhân làm điển phạm. Người này cũng thuộc hàng thánh nhân, 20 tuổi, rất trẻ, ông đã biết sự quan trọng của sửa đổi chính mình đoạn ác tu thiện, nên rất siêng năng nỗ lực thực hành. “Chí nhị thập nhất tuế, nãi tri, tiền chi sở cải vị tận dã”. Tuy ngày ngày đều sửa đổi, rất siêng năng nỗ lực, được một năm cảm thấy suốt một năm này sửa đổi chưa triệt để, sửa đổi chưa rốt ráo. “Cập nhị thập nhị tuế, hồi thị nhị thập nhất tuế, do tại mộng trung”, như vậy thêm một năm nữa. “Tuế phục nhất tuế, đệ đệ cải chi, hành niên ngũ thập, nhi do tri, tứ thập cửu niên chi tội”. Đến lúc 50 tuổi hồi tưởng lại tường tận, những gì mình làm trong 49 năm trước vẫn là sai lầm. “

Phương pháp sửa đổi lỗi lầm của cổ nhân là như vậy, đáng cho chúng ta noi theo. Lỗi lầm lớn nhất của một người là gì? Là không biết mình có lỗi, đây là tội lớn nhất. Vì không biết lỗi mình sẽ không có tâm sửa đổi, không có ý niệm sửa đổi. Tích lũy của lỗi lầm này, từ lỗi nhỏ tích lũy thành lỗi lớn, từ lỗi lớn tích lũy thành lỗi cực lớn, quả báo về sau không thể tưởng tượng được. Rất nhiều phạm phu, vì sao sau khi chết bị đọa vào ba đường ác? Nguyên do là đây, không biết lỗi mình, không biết sửa đổi.

Từ đó cho thấy, Liễu Phàm tiên sinh nói ở trước: “cần có bạn tốt nhắc nhở”, điều này vô cùng quan trọng! Quý vị tìm đâu ra một người bạn chịu nhắc nhở mình? Nói thật, cha mẹ cũng không làm được. Nếu cha mẹ nhắc nhở ta mỗi ngày, ta nhất định oán hận họ, cảm thấy ba mẹ quá nhiều chuyện, quá phiền phức. Cho nên Chư Phật Bồ Tát nghĩ ra phương pháp hay, tuyệt diệu! Dùng vô số phương pháp biểu pháp nhắc nhở chúng ta, mà phải hiểu ý nghĩa biểu pháp. Như ở trước tôi nói về cách cúng nước, cúng Phật một ly nước, vừa thấy là biết tâm mình phải thanh tịnh giống như nước vậy, phải bình đẳng như nước vậy, mãi mãi duy trì thanh tịnh bình đẳng. Rồi Phật đường là quên mất rồi, ai nhắc nhở quý vị? Nên biết rằng, chỉ cần nhìn thấy nước ta liền nhớ đến. Bình thường chúng ta uống nước, rót một ly nước ở đây, lập tức nhắc nhở chính mình. Đi làm khách bên ngoài, người ta chiêu đãi, đơn giản nhất cũng là một ly nước trà. Nhìn thấy nước là phải nghĩ đến, tâm chúng ta phải thanh tịnh, phải bình đẳng. Nếu ta chỉ thấy biểu tượng của ly nước cúng Phật, ngoài ra đều không phải. Như vậy ta không học được gì, ta quá ngu ngốc, ta phân biệt chấp trước quá độ.

Ví như đốt hương, quý vị phải biết hương này là tượng trưng giới định tuệ. Trong bất kỳ trường hợp nào, nghe mùi đều phải nghĩ đến giới định tuệ, hương là nhắc nhở tỳ căn. Bất kỳ mùi vị như thế nào, đều dùng chữ “hương” làm tượng trưng. Chỉ cần có mùi vị, nghĩ đến mùi vị, liền nghĩ đến giới định tuệ. Sau đó mới hiểu khắp pháp giới hư không giới nơi nào không phải là Bồ Tát học xứ? Nơi nào không phải là đạo tràng để tu tập? Thì ra mọi lúc mọi nơi đều là đạo tràng. Đạo tràng không phải chỉ ở tự viện am đường, mọi nơi đều là đạo tràng!

Chúng ta cúng Phật hoa quả, hoa tượng trưng “nhân”. Hoa nở đẹp là nhân tốt, nhân tốt quả nhất định tốt. Trái cây tượng trưng “quả”, hoa tượng trưng “nhân”. Thiện nhân được thiện quả, nhân ác kết quả ác, nó tượng trưng ý này.

Chúng ta hiểu ý nghĩa cúng hoa quả cho Phật, bất kỳ lúc nào nhìn thấy hoa, đều phải nghĩ rằng tôi cần tu nhân tốt, bất luận khi nào. Thậm chí thấy người ta mang một chiếc áo, trên áo quần có thêu hoa, nhìn thấy hoa này phải nghĩ rằng, tôi phải biết tu nhân tốt. Bất luận ở đâu nhìn thấy trái cây, chúng ta mong cầu được quả báo tốt, quả báo tốt nhất định phải tu nhân tốt. Đây không phải đều là phương pháp dạy học của nhà Phật ư? Không phải đều là giáo huấn của Như Lai ư? Cần gì phải nói lời nào!

Tận hư không biến pháp giới, mắt nhìn thấy, tai nghe được, mũi ngửi được, lưỡi nếm được, thân thể tiếp xúc được, pháp nào không phải Phật pháp? Thì ra nơi nơi đều là Phật pháp, nhà Phật thường nói, Phật pháp vô biên! Quý vị hiểu ý câu này chăng? Bởi vậy phải biết cách học! Nếu biết cách học, mọi lúc mọi nơi đều không mê, vì sao vậy? Vì nó đang biểu pháp, đều đang nhắc nhở chúng ta, như vậy sao mê được? Người không biết mới mê, người chấp trước mới mê. Chấp trước rằng, nhất định phải là thứ cúng trước Phật mới là biểu pháp, rời khỏi Phật đường thì không hiểu như thế nào là biểu pháp. Học như vậy quả thật quá ngu ngốc.

Không tử nói: “nêu một góc mà không biết xét đến ba góc kia”, Không tử sẽ không dạy, vì quá ngốc nghếch. Nói với quý vị một chuyện thì chỉ hiểu được chuyện đó, không biết suy luận. Phật pháp là dạy một thứ, khi đã hiểu thì hiểu hết tất cả, thông đạt mọi thứ, đây là Phật pháp, Phật pháp dạy học đạt đến cảnh giới nghệ thuật cao nhất.

Về phương diện công phu mà nói, Cự Bá Ngọc là một điển phạm tốt nhất, chúng ta cần học tập theo. Điều này tuyệt đối không được lơ là! Lúc về già Liễu Phàm cũng học! Học Cự Bá Ngọc. Nên tăng công phu này khá vững chắc, mới biết tính quan trọng của đồng mãnh tinh tấn. Phải tăng tốc độ, không ngừng nâng cao cảnh giới của mình, công hiệu ngày càng rõ ràng, ngày càng an vui hơn trong cuộc sống, sự nghiệp ngày càng thuận lợi, đích thực đạt được tiêu tai phước đến, đây là sự thật.

Hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 12**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Minh Tâm**  
**Thời gian: 18.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Mời xem đoạn văn bên dưới: “Ngô bối thân vi phạm lưu, quá ác vị tập, nhi hồi tư vãng sự, thường nhược bất kiến, kỳ hữu quá giả, tâm thô nhi nhân ề dã”. Đến đoạn này, sau khi đưa ra ví dụ, bây giờ mới chính thức nói. Chúng ta thân là phạm phu, lỗi lầm và ác nghiệp quá nhiều. “Vị tập” là ví dụ, giống như kim đâm vậy, tụ tập tại một nơi. “Nhi hồi tư vãng sự”, chúng ta nghĩ lại ngày xưa, thường thường giống như “bất kiến hữu kỳ quá giả”, không cảm nhận được mình có sai lầm gì. Thông thường chúng ta nói: tôi không có tội gì lớn, tôi không có lỗi lầm gì. Điều này đối với bản thân chúng ta, cũng thường có cảm nhận này, đây là nguyên nhân gì? Vì tâm quá thô thiển, mê muội không nhận ra lỗi lầm của mình. Cho nên thực tế mà nói Cự Bá Ngọc, là tấm gương rất tốt của chúng ta.

Đoạn văn bên dưới nói với chúng ta, ác nghiệp cũng có điềm báo: “nhiên nhân chi quá ác, thâm trọng giả”, trong Phật pháp gọi là nghiệp chướng sâu nặng. Nghiệp chướng quá nặng, nhất định có điềm báo không tốt.

“Diệc hữu hiệu nghiệm, hoặc tâm thần hôn tắc, chuyển đầu tức vọng”. Chúng ta quan sát tường tận những người xung quanh, có khi chúng ta phát hiện, người này rất hay quên, hồ đồ, đần độn. Nói với họ chuyện gì họ quên rất nhanh.

“Hoặc vô sự nhi thường phiền não”, những vấn đề này chúng ta thử nghĩ xem, bản thân mình có chẳng? Khi không có việc gì, khi không có ai gây rắc rối, cũng tự sanh phiền não, chỉ cần bình tĩnh quan sát là có thể phát hiện.

“Hoặc kiến quân tử, nhi noãn nhiên tiêu tự”, đây là sợ gặp chính nhân quân tử, gặp chính nhân quân tử, bản thân cảm thấy rất khó chịu. Hiện tượng này, nói thực thì vẫn còn cứu vãn, vì sao vậy? Vì họ còn có tâm hổ thẹn.

“Hoặc văn chánh luận nhi bất lạc”, không vui khi nghe người khác nói lời đúng đắn, vì sao vậy? Vì bản thân tạo ác đa đoan, dưỡng thành tập khí ác, nghe lời đúng hoàn toàn tương phản với những gì mình làm, không thích nghe những lời nói đó.

“Hoặc thí huệ nhi nhân phản oán”, chúng ta bố thí, lấy lễ vật tặng người, người ta còn oán. Trong tình huống họ không thể không nhận, ví dụ họ chịu lạnh, chịu đói, khi đói lạnh bức bách, chúng ta tặng cho họ một ít áo quần hay thức ăn, đương nhiên họ nhận. Sau khi nhận họ không cảm kích, trái lại còn oán hận, có tình hình này. Trong thế gian hiện nay rất thường gặp, đây đều là điềm báo ác nghiệp sâu nặng, chúng ta phải thường suy nghĩ.



“Hoặc dạ mộng điên đảo”, buổi tối gặp ác mộng, gặp ác mộng chắc chắn không phải điềm tốt. Bản thân nhất định phải cảnh giác, do lỗi lầm ác nghiệp rất nặng, nên buổi tối mới gặp ác mộng.

“Thậm tắc vọng ngôn thất chí”, đây là không có tinh thần, không muốn nói gì cả.

“Giai tác nghiệt chi tướng dã”. Đây là nói sơ lược vài ví dụ, đều là tướng không tốt. “Cầu nhất loại thử, tức tu phán phát, xả cự đồ tân, hạnh vật tự ngộ”. Nếu chúng ta tự kiểm điểm như các trường hợp ở trên đưa ra. Bản thân có một điều, hai điều chúng ta phải cảnh giác, lỗi lầm và ác nghiệp nhất định rất nghiêm trọng. Phải cảnh giác, nhanh chóng quay đầu, lập tức phán chán. “Xả cự đồ tân”, nghĩa là phải sửa đổi lỗi lầm. “Hạnh vật tự ngộ”, câu này là khuyến khích chúng ta, hy vọng ta không làm lỗi chính mình. Điều này nhất định phải tự mình phấn đấu, người khác không giúp được.

Phương pháp sửa đổi chỉ nói đến đây, tiếp theo là bài thứ ba: “Phương pháp tích thiện”. Mở đầu bài văn, Liễu Phàm tiên sinh trích dẫn hai câu trong Kinh Dịch để nói rõ với chúng ta.

“Dịch viết: tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh”. Hai câu này có thể dùng lịch sử để chứng minh, từ xưa đến nay phàm là người trung hậu thật thà, người tích thiện, đời sau của họ luôn phát đạt. Cho dù không phát đạt lớn, cũng có thể giữ bình an qua ngày, không đến nỗi gặp những chuyện hung hiểm. Điều này có thể thấy qua lịch sử, trước mắt chúng ta cũng có thể quan sát được, chỉ cần chúng ta lưu ý quan sát tường tận. Hay nói cách khác, nếu tương phản, tổ tiên gia đình này và bản thân họ tích ác, ức hiếp người, làm những việc tổn người lợi mình, gia đình này chắc chắn không hưởng được phú quý lâu dài, mặc dù hiện tại họ rất giàu có. Có một số người thấy hiện tượng này nghĩ rằng, gia đình này không có việc ác gì không làm, vì sao giàu đến thế? Đây là họ không hiểu đạo lý. Điều này là do gia đình đó trong đời quá khứ, hoặc là bản thân họ, tiền bối của họ trong đời quá khứ tu phước báo lớn. Nhà Phật nói: “tu phước không tu tuệ”, vì họ không có trí tuệ, đời này họ mới tạo ra ác nghiệp, tạo ác nghiệp nhất định giảm phước. Ví dụ trong quá khứ họ tu phước, có của cải ức vạn. Đời này tuy phát tài, nhưng tâm bất thiện, luôn đàn áp người, làm những việc tổn người lợi mình. Phước báo của họ bị tổn giảm, của cải ngàn vạn trở thành của cải chỉ còn trăm vạn, tổn thất quá nhiều. Nhưng họ vẫn còn trăm vạn của cải, giàu hơn nhiều so với người bình thường. Nhân quả thông ba đời! Đời này họ hưởng hết dư phước này, tội báo của họ liền hiện tiền. Có một số người đời sau họ mới chịu quả báo, có một số người ngay trong đời này, đến tuổi già mất tất cả, phá sản. Nguyên nhân là gì? Do gia đình họ tích ác, nên họ gặp báo ứng như vậy. Con người phải hiểu đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật. Nhất định phải biết đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức. Đối với cá nhân mình, đối với gia đình mình, đối với dân tộc mình, nhất định có lợi ích lớn.

Bên dưới Liễu Phàm tiên sinh đưa ra một ví dụ: “Tích- tích là đời quá khứ- Nhan Thị, tương dĩ nữ thê Thúc Lương Hột”, nghĩa là Nhan Thị muốn đem con gái mình gả cho Thúc Lương Hột. “Nhi lịch tự kỳ tổ tông tích đức chi trường”,

“Lịch tự” nghĩa là kể rõ tổ tông của Thúc Lương Hột từ đời này qua đời khác, đều là tích đức, đây là gia đình tích thiện. “Nghịch tri kỳ tử tôn, tất hữu hưng gia”. “Nghịch” là dự đoán, dự đoán con cháu gia đình này tương lai nhất định hưng thịnh. Thúc Lương Hột là phụ thân của Khổng tử, cho nên ông ngoại của Khổng tử, ngoại tổ phụ dự đoán tương lai gia đình ông nhất định hưng thịnh. Ông đem con gái mình gả cho Thúc Lương Hột, sau đó sinh ra Khổng tử. Ông xem như thế nào? Thấy tổ tiên của Khổng tử, đời đời tích đức, cho nên gia đình họ xuất hiện đại thánh nhân. Đây là thứ nhất nói về tích đức.

Điều thứ hai, “Khổng tử xưng Thuấn chi đại hiếu”. Người xưa nói về hiếu đạo, trước tiên phải suy tôn Đại Thuấn, người này là mô phạm của hiếu đạo. Chúng ta đọc được trong truyền ký lịch sử, nhất định phải học theo ông ta. Phụ thân của ông, sau khi vợ chết, tức là mẹ của Thuấn (mẹ đẻ), lại cưới thêm người mẹ kế. Sau đó mẹ kế cũng sinh một đứa con, bà đối đãi không tốt với Thuấn. Phụ thân ông bị ảnh hưởng từ mẹ kế, cho nên phụ thân, kẻ mẫu, em trai khác mẹ. Gia đình bốn người này, ba người dùng ác niệm đối đãi với Thuấn, mấy lần dồn Thuấn vào chỗ chết. Hoàn cảnh gia đình này quá ác liệt, nhưng Thuấn vẫn rất hiếu thảo. Trong mắt ông không hề thấy cha mẹ và em trai không tốt với mình, mà luôn cảm thấy mình làm không tốt, khiến phụ thân không thích, mẹ kế không thích, em trai không thích, ngày ngày sửa đổi chính mình. Cứ như vậy suốt mấy năm sau, mới cảm hóa cả gia đình mình. Đây gọi là đại hiếu, là hiếu thảo thật sự. Thuấn thuận từng tất cả, trong thuận từng có trí tuệ cao độ, nhà Phật gọi là: “phương tiện thiện xảo”. Ông có thể tránh thương tổn người nhà đối với mình, có thể bảo toàn tánh mạng mình, nhưng vẫn dùng tâm chân thành và lòng yêu thương chăm sóc cha mẹ anh em. Đây là chuyện người bình thường không làm được, ông làm được. Cho nên Khổng tử xưng tán ông ta rằng: “Viết, tông miếu hưởng chi, tử tôn bảo chi, giai chí luận dã”. Ông ngoại của Khổng tử cho đến Khổng phu tử tán thán Đại Thuấn, đây đều là danh ngôn chí lý. “Thức dĩ vãng sự trung chi”, lại lấy những gia đình tích thiện ngày xưa, quý vị xem sự phát đạt của hậu nhân họ, trên lịch sử có ghi chép. Trong xã hội hiện tại, chúng ta cũng có thể nhìn thấy.

Bên dưới ông đưa ra mười trường hợp. Vị thứ nhất là: “Dương thiếu sư vinh, Kiến ninh nhân, thế dĩ tế độ vi sanh. Cửu vũ kê trưởng, hoành lưu xung hủy dân cư, nịch tử giả thuận lưu nhi hạ, tha chu giai lao thủ hóa vật. Độc Thiếu Sư tăng tổ cập tổ duy cứu nhân, nhi hóa vật nhất vô sở thủ, hương nhân xuy kỳ ngu”. Chúng ta xem đoạn này trước. Dương Vinh làm quan đến Thiếu sư, ngày xưa Thiếu sư là thầy của Hoàng đế, thầy của đế vương có Thái sư, Thiếu sư. Thiếu sư đại đa số là thầy của thái tử, thầy của hoàng đế gọi là Thái sư, thầy của thái tử đa phần gọi là Thiếu sư. Cho nên xưng hô của thầy có Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

Dương thiếu sư- Dương Vinh, người Kiến Ninh, Kiến Ninh hiện nay là Kiến Âu Phúc Kiến. Tôi từng ở đây sáu năm, từng đến nhà của Dương Vinh, là một tư hợp viện ba lớp rất lớn. Bây giờ hình như đổi thành thành phố Kiến Âu. Tổ tiên của họ, đời này qua đời khác đều là “dĩ tế độ vi sanh”, nghĩa là làm nghề đưa đò, theo nghề này. Do đây có thể biết, cuộc sống cũng rất gian khổ. Có một lần gặp mưa lớn, mưa lâu ngày, nước sông dâng cao. Con sông này hình như là thượng

nguồn của Mân giang, nó chảy đến Phúc Châu ra biển. Nước dâng cao nhấn chìm xóm làng, cũng ngập nhấn chìm rất nhiều người. Người chết trôi theo dòng sông, đương nhiên có rất nhiều người chèo thuyền. Đa phần họ chèo thuyền đi vớt những vật dụng giữa sông, không quan tâm người chìm trong nước, đều đi vớt tài vật. Chỉ có tiên nhân của Dương Vinh, chính là ông nội, ông cố của ông, là đi cứu người. Đối với những tài vật trôi nổi theo dòng nước, họ không hề lấy một thứ gì, chỉ có cứu người! Người trong thôn thấy họ làm như thế đều nói họ ngu si, cứu người có lợi ích gì đâu? Rất nhiều của cải của người khác trôi trên sông, nếu vớt được là của quý vị. Họ không cần tài vật, chỉ chuyên tâm cứu người, đây là tích đức.

“Đãi Thiếu sư phụ sanh, gia tiệm dụ”. Khi phụ thân Dương Vinh ra đời, gia đình họ ngày càng giàu có. “Hữu thân minh hóa vi đạo giả, ngữ chi viết: Nhữ tổ phụ hữu âm công, tử tôn đương quý hiển, nghi táng mộ địa. Toại y kỳ sở chỉ, nhi biếm chi, tức kim chi viết bạch thổ phần dã. Hậu sanh Thiếu sư, nhược quan đăng đệ, ví chí tam công, gia tăng tổ- tổ phụ- phụ, như kỳ quan, tử tôn quý thịnh, chí kim thượng đa hiền giả”. Đây là lấy câu chuyện của Dương Vinh để chứng minh, gia đình tích thiện, nhất định có niềm vui về sau. Ông nội, ông cố của ông tuy nghèo khó, nhưng đến đời phụ thân ông hoàn cảnh gia đình dần dần giàu có. Lúc này có một vị đạo trưởng, ở đây ghi chép rằng thân nhân hóa thành đạo trưởng, chúng ta nói có một vị đạo trưởng. Nói với phụ thân ông rằng, ông nội người có âm đức\_ ông nội tức là ông cố của Dương Vinh, từng cứu rất nhiều nhân mạng, có âm đức, con cháu nhất định quý hiển. “Nghi táng mộ địa”, chỉ ông ta\_ chúng ta gọi đây là phong thủy. Có một mảnh đất phong thủy rất tốt, có thể mai táng ở đó. Phụ thân của Dương Vinh, liền đem ông nội mình mai táng nơi mảnh đất đạo nhân chỉ, tức bây giờ gọi là Bạch Thổ Phần. “Hậu sanh Thiếu sư”, sau đó Dương Vinh ra đời. “Nhược quan đăng đệ”. Nhược quan là 20 tuổi, 20 tuổi thi đậu tiến sĩ. Làm quan cho đến Tam công, Thiếu sư là một trong Tam công. Hoàng đế rất cảm kích ông ta, truy phong ông cố, ông nội và phụ thân ông ta như kỳ quan. Quan vị của ông là Thiếu sư, ông cố, ông nội và phụ thân của ông đều được truy phong làm Thiếu sư. “Tử tôn quý thịnh”, mãi đến nay, đến nay tức là lúc Liễu Phàm tiên sinh còn tại thế. Thời đại đó là thời nhà Minh, gia đình họ vẫn còn rất nhiều hiền nhân, đời đời đều có hiền nhân, đây là tổ tông tích đức.

Vị thứ hai: là “Ngân nhân Dương Tự Trùng”, “Ngân” là Ninh Ba Triết Giang hiện nay, ngày xưa gọi là Ngân huyện. Có một người tên là Dương Tự Trùng: “Sơ vi huyện sử”, làm một thư biện ở huyện nha, giống như quan thư ký, quan văn thư hiện nay. Người này “tôn tâm nhân hậu, thủ pháp công bình”, đây là đức hạnh của ông, tâm địa nhân hậu, biết ta biết người. “Thủ pháp công bình”, tuyệt đối không nhận hối lộ của người khác. “Thời huyện tể nghiêm túc”. Thời là đương thời, huyện quan này rất nghiêm túc. “Ngẫu thất nhất tù”, ngẫu nhiên đánh một phạm nhân. “Huyết lưu mãn tiền, nhi nộ do vị tức”, phạm nhân này làm huyện quan nổi giận, huyện quan đánh họ một trận, máu chảy toàn thân, vẫn chưa hết giận. “Dương quy nhi khoan giải chi”, Dương Tự Trùng quỳ xuống đất cầu xin cho phạm nhân. Vị huyện quan này nói: “Tể viết: Châm nại thử nhân, việt pháp

bội lý, bắt do nhân bắt nộ”. Ông cầu xin giúp phạm nhân, quan huyện nói, tù nhân này làm quá nhiều chuyện xấu. “Bắt do nhân bắt nộ”, huyện quan nói ra lý do ông nổi giận. “Tự Trùng khấu đầu viết”, Dương Tự Trùng cúi đầu nói với quan huyện. “Thượng thất kỳ đạo, dân tán cửu hỉ, như đắc kỳ tình, ai căng vật hỷ, hỷ thả bất khả, nhi huông nộ hồ, tể vi chi tế nhan”. Dương Tự Trùng nói rất hay! “Thượng thất kỳ đạo”, câu này không dễ nói ra. Nhìn từ đây, tâm ông quả thật rất nhân hậu, không sợ mình bị mất công việc, ông nói lời thật. “Thượng” là chỉ triều đình, hiện nay bản thân triều đình sai trái, nhân dân mất niềm tin đối với triều đình. Do đây có thể biết, bá tánh phạm pháp, lỗi do đâu? Lỗi do không có ai dạy họ, ai chịu trách nhiệm dạy? Nho giáo dạy học, quan viên địa phương, huyện thị trưởng. Ngày xưa gọi tri huyện là “quan phụ mẫu”, quý vị là cha mẹ của dân ở đây, quý vị là thầy của nhân dân, là lãnh đạo của nhân dân. Nho giáo nói: “tác chi quân, tác chi thân, tác chi sư”. “Chi” là nhân dân. Thủ trưởng trên địa phương là lãnh đạo của nhân dân, là cha mẹ của dân, là thầy của dân. Con cháu của quý vị làm điều sai trái, do quý vị không dạy tốt họ. Trong “thượng thất kỳ đạo” hàm nghĩa rất rộng. Dương Tự Trùng thật sự rất gan dạ, người này bình thường có đức hạnh, có gan dạ, dám nói lời chân thật. Khi ông thăm vấn, hỏi ra được sự tình, thật sự họ làm rất nhiều chuyện xấu, cần phải phán trọng hình. Ông phải thương xót họ, không sanh tâm hoan hỷ thì thôi, “hỷ thả bất khả, nhi huông nộ hồ”, sao ông có thể nổi giận? Quan huyện cũng không tệ, nghe Dương Tự Trùng nói xong, tâm trạng nóng giận cũng hạ thấp, không còn giận dữ nữa.

“Gia thậm bần”, gia đình Dương Tự Trùng rất nghèo. “Quĩ di nhất vô sở thủ”, đương nhiên ông có thể giúp những người khổ nạn, đặc biệt là những người phạm nhân này. Ông có tâm lân mẫn, thường giúp họ, đương nhiên người ta có một số người đem lễ đến trả ơn, ông không nhận một thứ gì. Đại công vô tư, làm việc theo lương tâm của mình, tuyệt đối không nhận hối lộ. “Ngộ tù nhân pháp lương”, có khi phạm nhân thiếu lương thực, “thường đa phương dĩ tế chi”, ông luôn nghĩ cách để giúp họ. Đến những nhà có thể hành thiện quyên góp, để giúp những phạm nhân này, khiến họ có thể ăn no.

“Nhất nhật”, một hôm. “Hữu tân tù số nhân đãi bộ”, phạm nhân mới đến, có vài người không được ăn. “Gia hựu khuyết mễ”, nhà ông gạo không nhiều. “Cấp tù tắc gia nhân vô thực”, nếu đem gạo cho phạm nhân, người trong nhà mình không có ăn. “Tự cố tắc tù nhân kham mẫn”, nghĩ lại thấy phạm nhân rất đáng thương. “Dữ kỳ phụ thương chi”, bèn thương lượng với vợ. “Phụ viết, tù tòng hà lai. Viết, từ Hàng nhi lai, duyên lộ nhữ chi, thái sắc khả cúc”. Vợ ông hỏi: “Phạm nhân này từ đâu đến?” Từ Hàng Châu đến, trên đường đi chịu đói chịu khát, sắc mặt rất kém, xanh xao vàng vọt. “Nhân triệt kỷ chi mễ, chủ châu dĩ thực tù”. Ông đem nửa số gạo của mình chia cho phạm nhân, còn gia đình mình nấu cháo ăn.

“Hậu sanh nhị tử”, về sau Dương Tự Trùng sanh hai người con trai. “Trường viết thủ trần, thứ viết thủ chỉ, vi nam bắc lại bộ thị lang”. Đây là quả báo, bản thân tích thiện tích đức, đến con cháu được quý hiển. Hai người con trai làm quan đến Nam bắc lại bộ thị lang. “Thị lang”, địa vị này tương đương với phó bộ trưởng hiện nay. “Lại bộ”, lúc đó không gọi là bộ trưởng, mà gọi là thượng thư. Thượng

thư là bộ trưởng, thị lang là phó bộ trưởng. “Trưởng tôn vi hình bộ thị lang”. Hình bộ hiện nay chính là bộ pháp vụ, bộ tư pháp, cũng là làm đến thứ trưởng. “Thứ tôn vi Tứ Xuyên liên hiến”. Liêm hiến cũng là tên chức quan ngày xưa, về sau vào thời nhà Minh gọi là Án sát sử, thông thường cũng gọi là khâm sai đại thần. “Hạ câu vi danh thần”, đương thời đều là hiền đức đại thần nổi tiếng.

“Kim Sở Đình, Đức Chính”. Lịch sử trước thuật không tường tận. “Kim” là cùng thời đại với Liễu Phàm tiên sinh, hai người Sở Đình và Đức Chính, “diệt kỳ duệ dã”, cũng là hậu duệ của ông, hậu duệ của Dương Tự Trưng, ông là người làm chức thư biện nhỏ nhoi trong huyện nha. Do đây có thể biết, tích lũy công đức, bất luận hiện tại cuộc sống của chúng ta như thế nào, có địa vị như thế nào trong xã hội, ngành nghề ra sao, đều có thể làm, cơ hội rất nhiều. Chỉ cần giữ tâm lợi ích xã hội, lợi ích nhân dân chính là tích lũy công đức. Làm việc thiện không cầu quả báo, công đức này càng lớn. Không cầu quả báo, nhất định có quả báo càng thù thắng hơn. Tích thiện lớn, tích thiện nhiều, bản thân mình cảm nhận được quả báo. Liễu Phàm tiên sinh là một trường hợp, cùng thời đại với Liễu Phàm tiên sinh như ông Du Tịnh Ý cũng là một ví dụ. Đến lúc lớn tuổi họ hưởng thụ được quả báo, quả báo kéo dài đến thời con cháu họ, đời đời bất tuyệt.

Trường hợp thứ ba: “Tích Chánh Thống gian”. Chánh Thống là niên hiệu của Anh Tông nhà Minh. “Trịnh Mậu Thất, xướng loạn ở Phúc Kiến”, Trịnh Mậu Thất là một đạo phi đương thời, cường đạo, thổ phỉ, ông làm loạn ở khu vực Phúc Kiến. “Sĩ dân từng tặc giả thậm chúng, triều đình khởi Ngân huyện, Trương Đô Hiến Khải nam chinh, dĩ kế cầm tặc”. Hoàng đế Anh Tông sai Trương Khải của Ngân huyện dẫn binh nam chinh, bình định loạn này, bắt Trịnh Mậu Thất, nhưng vẫn còn một số dư đảng. “Hậu ủy bố chánh ty tạ đô sự, sưu sát đông lộ tặc đảng”. Đầu đảng của thổ phỉ bị bắt, nhưng bên dưới vẫn còn dư đảng. Cho nên triều đình lại sai Bố Chánh Ty Tạ Đô Sự, Bố chánh sự tương đương với tỉnh trưởng hiện nay, Đô sự là một chức quan dưới Bố chánh ty. Phái Tạ đô sự tìm giết dư đảng của động lộ, nghĩa là bình định số đạo tặc còn lại. “Tạ cầu tặc trung, đảng phụ sách tịch”. Vị Tạ Đô Sự này rất hiếm có, trước tiên nghĩ cách lấy được danh sách của nhóm đạo tặc. “Phàm bất phụ tặc giả”, trong đám cướp, không có tên trong danh sách này. “Mật thọ dĩ bạch bố tiêu kỳ, ước binh chí nhật, sáp kỳ môn thủ, giới quân binh vô vọng sát, toàn hoạt vạn dân”. Đây là tướng lĩnh thống binh, ông hiểu cách tích đức, không hàm oan người, không lạm sát người. Cho nên ông dùng tâm thu thập tên của nhóm đạo tặc, không phải thực sự phụ thuộc vào đạo tặc, không được hàm oan người. Quan binh vào thành kiểm tra, ông cho những người không liên quan đến đạo tặc một lá cờ trắng nhỏ, để khi quan binh vào thành, thì đem lá cờ này cắm trước cửa, cảm quan binh phiền nhiễu. Như vậy nên sống cả vạn người, đây là công đức ông tích được.

Trong lịch sử, từ xưa đến nay, người làm tướng quân, đại tướng quân, rất ít người bảo toàn được hậu duệ, do nguyên nhân gì? Vì sát hại quá nhiều, cho nên hậu duệ đều không tốt. Trong các bậc Võ tướng, người có hậu duệ tốt quả thật không nhiều, trong lịch sử có thể đếm ra được. Những người làm tướng quân này

đều thương tiếc nhân mạng, tuyệt đối không lạm sát, kỷ luật quân đội rất nghiêm khắc, như vậy mới bảo toàn đến hậu duệ.

“Hậu tạ chi tử thiên, trung trạng nguyên, vi tể phụ, phục trung thám hoa”. Đây là nói quả báo mà hậu duệ của Tạ Đô Sự nhận được, con trai ông là Tạ Thiên đậu trạng nguyên, làm quan đến tể tướng, “tể phụ” là tể tướng. Cháu ông là Phi cũng đậu thám hoa, thám hoa là thứ ba của tiến sĩ. Đây đều là lịch sử chứng minh về những trường hợp gia đình tích phước, chắc chắn về sau có hạnh phúc.

Lại nói với chúng ta ở Bồ Điền có gia đình họ Lâm: “Bồ Điền Lâm thị, tiên thế hữu lão mẫu háo thiện, thường tác phần đoàn thí nhân, cầu thủ tức hưng chi, vô quyện sắc”. Đây là nói tại Bồ Điền ở Phúc Kiến, ông có “tiên thế hữu lão mẫu háo thiện”, tức là tổ tiên của ông có bà nội rất thích hành thiện. Bà thường làm bánh bô thí, bô thí cho những người nghèo khó, ngày nào cũng làm như thế, suốt đời không mệt mỏi. Ngày nào cũng làm bánh bô thí, có người đến xin bà đều cho hết. Hằng ngày bô thí, không hề mệt mỏi, làm việc tốt, lượng sức mà làm.

Đôi đũa tốt với người khác, bản thân nhất định có quả báo thiện. Đừng sợ thiệt thòi, đừng sợ bị lừa gạt, ngạn ngữ thường nói: “thiệt thòi là phước”. Tôi thường nghĩ mình không có cơ duyên này, nếu tôi có cơ hội này, tôi bằng lòng mở một tiệm cơm, mở tiệm cơm miễn phí cúng dường mọi người. Hiện nay ở Cư Sĩ Lâm tại Singapore, tôi đem suy nghĩ của mình nói với cư sĩ Lý Mộc Nguyên, ba năm nay ông thật sự làm được. Hằng ngày cúng cơm, miễn phí, bình quân một ngày có hơn 1000 người đến Cư Sĩ Lâm ăn cơm, những ngày nghỉ lễ đến ba bốn ngàn người, đây là việc tốt! Phải chăng Cư Sĩ Lâm bị ăn đến sập tiệm? Không hề, càng ăn càng hưng thịnh. Số người rất đông, rất nhiều người đến ăn cơm! Nói cho chư vị biết, từ khi mở ra đến nay, chưa từng mua gạo, chưa từng mua dầu, cũng chưa từng mua rau, mà còn ăn không hết. Nguyên nhân là gì? Mọi người biết Cư Sĩ Lâm làm việc tốt này, ngày nào cũng có người đem gạo đến, đem dầu đến, đem rau đến. Đem đến quá nhiều, ăn không hết, ăn không hết thì sao? Chúng ta đem số rau gạo dư cung cấp cho viện dưỡng lão và viện cô nhi. Cho nên ở Singapore, viện dưỡng lão và viện cô nhi của các Tôn giáo khác đều nhận sự cung cấp của chúng ta. Việc tốt! Nên làm.

Thôi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 13**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 19.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Chúng ta tiếp tục giới thiệu về nhà họ Lâm ở Bồ Điền, đây là trường hợp thứ tư về quả báo hiếu thiện tích đức.

Gia đình họ Lâm ở Bồ Điền, ngày xưa có một bà nội, thích hành thiện thích bố thí, thường làm bánh bố thí cho người nghèo. Từ năm này qua năm khác như thế, nhưng bà không hề cảm thấy mệt mỏi, hoan hỷ cứu tế người nghèo khổ.

*Có vị tiên nhân hóa thành đạo nhân*, tiên hóa thành đạo nhân. Chúng ta không cần suy đoán về ông ta, chúng ta chỉ thấy *có một đạo nhân nghèo*, mỗi ngày ông đến đây lấy sáu bảy cái bánh, ngày nào ông cũng đến. Bà lão ngày nào cũng cho ông, ông cần rất nhiều, người khác lấy một hai cái, nhưng ông mỗi ngày lấy sáu bảy cái. *Ba năm như một ngày*, ông ngày nào cũng lấy như vậy suốt ba năm, bà cụ này đều hoan hỷ cho ông. Biết rằng bà cụ bố thí cứu người với lòng chân thành.

*“Nhân vị chi viết”*, hôm nay đạo trưởng nói với bà cụ. *“Ngô thực nhữ tam niên phán đoàn, hà dĩ báo nhữ”*, tôi ăn bánh của bà suốt ba năm, một ngày ăn sáu bảy cái, ăn suốt ba năm, tôi lấy gì để báo đáp bà đây? *“Phủ hậu hữu nhất địa táng chi”*, nhà bà có một mảnh đất quý, ông nói *tương lai sau khi chết đem mai táng ở đó*. *“Tử tôn quan tước, hữu nhất thăng ma tử chi số”*, tương lai nhân số con cháu của bà làm quan nhiều giống như hạt mè vậy. Nhờ thành tâm cứu người!

*“Kỳ tử y sở điếm táng chi, sơ thế tức hữu, cửu nhân đặng đệ, lũy đại trâm anh thậm thịnh, Phúc Kiến hữu vô lâm bất khai bảng chi dao”*. Lời nói này là thật, trước đây tôi từng ở Kiến Âu Phúc Kiến sáu năm, cho đến thời kỳ kháng chiến, trong gia đình họ luôn có hiền nhân. Hậu duệ của bà y theo chỉ điểm của đạo trưởng, đem mai táng bà ở đó. Quả nhiên sau khi mai táng đời thứ nhất, hậu nhân của bà có chín người đậu tiến sĩ, cho nên ở Phúc Kiến có câu: *“Vô Lâm bất khai bảng”*. Mỗi lần có khoa cử, thi trúng cử nhân, trúng tiến sĩ, người nhà họ Lâm chiếm đa số. Đây là tổ tông của họ, bà cụ này thành tâm bố thí cứu người, quanh năm không thấy mệt mỏi.

*“Lũy đại”* là đời này qua đời khác, *“trâm anh”* là nói cái mũ ngày xưa làm quan thường đội. Cái đai trên mũ gọi là anh, sợi dây để thắt mũ gọi là *“anh”*, râu cắm vào hai bên gọi là *“trâm”*. Điều này chứng tỏ họ làm quan rất lớn, gia tộc này rất hưng thịnh, tất cả đều nhờ tổ tông tích đức. Con cháu cũng không ngừng hành thiện tích đức, duy trì gia phong, đời đời không suy yếu.

Trong lịch sử có rất nhiều trường hợp như vậy, nổi tiếng nhất là Phạm Trọng Yêm. Trong văn cổ chúng ta đọc Nghĩa Điền Ký, biết Phạm Trọng Yêm từ nhỏ có chí lớn cứu người cứu đời, suốt đời tích lũy công đức không biết mệt mỏi. Đầu năm dân quốc, đại sư Ấn Quang khen ngợi, đức lớn mà tổ tông tích được, con cháu đời đời sau đều nhận được ân đức của họ, có ba người. Thứ nhất là Khổng tử, hơn 2500 năm gia đạo không suy, đế vương các triều đại đều tôn kính Khổng phu tử. Hôm nay vào thời đại dân quốc, hậu duệ của Khổng tử ở nước ngoài đều nhận được sự tôn kính của người nước ngoài, đây là dư phước của Khổng tử. Thứ hai là Phạm Trọng Yêm, đến đầu năm dân quốc, 800 năm không suy yếu, ông là người thời nhà Tống. Vị thứ ba là Diệp Trang Nguyên, là đầu nhà Thanh cho đến cuối nhà Thanh, 300 năm không suy yếu. Đại sư Ấn Quang lấy trường hợp ba người này, tổ tông tích đức dày.

Xem tiếp người thứ năm: “*Phùng Trác Am thái sử chi phụ, vi áp tường sanh*”. “Áp” là huyện, tại nơi trường huyện, “tường” là trường học, cũng coi như là công lập. Khi làm học sinh trường huyện, “*tường sanh*” thông thường gọi là tú tài. “*Long đông tảo khởi phó học*”, mùa đông dậy sớm đến học đường. “*Lộ ngộ nhất nhân, đảo ngoạ tuyết trung, môn chi bán cương hỉ*”. Trên đường đi thấy có một người té nằm trong đồng tuyết, ông đến sờ xem thấy chưa chết, nhưng cũng sắp đông cứng.

“*Toại giải kỷ miên cừu y chi*”, trên thân ông quàng tơ tằm hoặc là mang áo quần, áo khoác ngoài, ông lập tức cởi ra đắp cho người này. “*Thả phù quy cứu tô*”, dìu người này về nhà cứu sống, đây là cứu một mạng người. Nhà Phật thường nói: “Cứu một mạng người hơn xây tháp bảy tầng”. Ý câu này rất thâm sâu. Thông thường người ta chỉ biết xây chùa, “phù đồ” là bảo tháp, “thất cấp” là bảo tháp bảy tầng, xây tháp bảy tầng công đức rất lớn. Hiện nay lại tạo tượng Phật lớn, đại khái tạc tượng Phật lớn công đức lớn hơn xây bảo tháp. Tôi suy nghĩ mãi câu nói này của cổ nhân, cứu một mạng người, hơn tạo tượng Phật Bồ Tát 100 mét, không chỉ là bảo tháp bảy tầng. Quý vị tạo tượng Phật Bồ Tát lớn như vậy để làm gì? Thế gian hiện nay, người khổ nạn quá nhiều, biết bao nhiêu người đang đói khát. Không có cái ăn, không có cái mặc, bệnh không có thuốc men, đáng thương biết bao! Đắp một tượng Phật lớn, xây một bảo tháp mất hết bao nhiêu tiền. Nếu đem số tiền này cứu tế nhân dân gặp khó khăn, những người sống trong đói khát, tôi tin rằng công đức này vô lượng vô biên. Cứu một mạng người, quả báo không thể nghĩ bàn, được phước báo rất lớn. Nếu có thể cứu ngàn vạn sinh mạng, tôi tin rằng hậu duệ của quý vị đều làm quan lớn, như ở trước vị đạo trưởng nói, nhân số nhiều như hạt mè vậy, vì sao không làm?

Chúng ta phải tư duy thật nhiều, thế nào là công đức chân thật, thế nào là công đức giả. Trong này có một tiêu chuẩn, phạm những gì khiến cho tất cả chúng sanh khổ nạn có lợi, đạt được lợi ích, công đức này là thật. Nếu khiến tất cả chúng sanh không đạt được lợi ích bằng thực chất, công đức này là giả. Tôi không tán thành tạo những tượng Phật lớn, có người nói tượng Phật lớn này ngồi ở đó, người ở đây đều được bình an. Chưa chắc, đây là thuộc về mê tín. Vừa được phước, vừa bình an dựa vào điều gì? Dựa vào việc giáo hóa, dựa vào việc thay đổi nhân tâm.



Nhân tâm trong thế gian hiện nay, toàn thế giới hầu như đều không ngoại lệ, tự tư tự lợi ngày càng tăng trưởng, tham sân si mạn ngày càng tăng trưởng, đây là căn nguyên của thiên tai. Tạc một tượng Phật lớn có thể trấn áp được thiên tai, làm gì có chuyện này! Có thể hóa giải kiếp nạn, phải đề xướng giáo dục, giáo dục Phật giáo. Giáo dục Phật giáo là giáo dục của trí tuệ, là giáo dục của từ bi, là giáo dục của yêu thương. Dạy mọi người buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, hy sinh phụng hiến vô điều kiện, giúp xã hội này, giúp tất cả nhân dân khổ nạn, Đức Phật dạy chúng ta như vậy. Chúng ta hiểu, thật sự y giáo phụng hành, bản thân được độ, cũng có thể tạo phước cho xã hội, tạo phước cho nhân quần, đây là giáo huấn của Phật.

Giả như nói tạo bảo tháp, tạo tượng Phật công đức lớn như vậy. Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, vì sao không tạo tượng Phật lớn? Vì sao không xây đại bảo tháp? Chúng ta xem truyện ký của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc ngài tại thế, giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm. Ngoài giảng kinh thuyết pháp dạy học ra, ngài không làm việc gì khác. Ngài cũng chưa từng tổ chức những hoạt động pháp hội, cũng chưa từng bái sám. Thậm chí bây giờ nói đả Phật thát, đả Thiên thát, trong kinh điển hoàn toàn không thấy. Toàn là do người đời sau bày ra, Phật Bồ Tát không làm những việc này. Chúng ta học Phật nhất định phải học theo Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát ở đâu? Ở trong kinh điển, chúng ta nhất định tu hành theo lý luận và phương pháp trong kinh điển. Học theo Chư Phật Bồ Tát, noi theo Chư Phật Bồ Tát, đây mới là học trò đúng nghĩa của Đức Thế Tôn.

Ở đây chúng ta thấy Phùng Trác Am cứu một mạng người, ông đạt được cảm ứng: *“Mộng thần cáo chi viết”*, buổi tối nằm mộng, thấy một vị thiên thần đến nói với mình. *“Nhữ cứu nhân nhất mạng, xuất chí thành tâm, ngô khiển Hàn Kỳ vi nhữ tử”*, đây là nói về luân hồi. *“Hàn Kỳ”* là người thời nhà Tống, thời vua Anh Tông và Thần Tông. Ông từng làm tể tướng mười năm, cũng từng làm nguyên soái, là một vĩ nhân văn võ song toàn. Trong lịch sử chúng ta đọc về ông, rất được người đương thời và hậu thế tôn kính. Thời đó ông và Phạm Trọng Yêm nổi tiếng như nhau, cả hai chức vị văn võ đều rất cao.

Phụ thân của Phùng Tác Am làm việc tốt này, thần nhân nói: *Ta phái Hàn Kỳ làm con trai ngươi. “Cập sanh Trác Am tại danh Kỳ”*, Trác Am là tự của ông, tên gọi là Kỳ. Phụ thân ông lấy tự này, chính là do mộng thấy như thế. Quả nhiên ông làm quan đến Thái sử, Thái sử ngày xưa là Hàn lâm.

Xem tiếp ví dụ thứ sáu: *“Thái Châu Ứng thượng thư”*, ở Thái Châu tỉnh Triết Giang có một người tên là Ứng Đại Do làm thượng thư. *“Thượng thư”* chính là bộ trưởng hiện nay, làm quan đến chức bộ trưởng. *“Tráng niên tập nghiệp ở Sơn Trung”*, *“tập nghiệp”* là đi học, đi học ở Sơn Trung. Ngày xưa người đọc sách đa phần đều gửi ở trong chùa, tự viện quả thật là môi trường học tập tốt nhất cho người đọc sách. Ngày xưa không có nhiều trường học, thông thường một huyện chỉ có một trường, học huyện, cho nên môi trường đọc sách rất khó tìm. Ngoài chùa ra là các nhà giàu có, trong các gia đình giàu có cất giữ rất nhiều sách, mời thầy giáo đến nhà dạy cho con cháu mình, đây gọi là tư thực. Số lượng trong Tàng thư này không nhiều lắm, tàng thư có quy mô lớn đều ở Tàng Kinh Các của

tự viện, Tàng Kinh Các này giống như thư viện ngày nay vậy. Tàng kinh của tự viện không chỉ cất giữ kinh Phật, mà của Nho giáo, Đạo giáo, Bách Gia Chư Tử hầu như đều được cất giữ ở đây. Người xuất gia có học vấn thật sự, thật sự tu dưỡng thân tâm và đức hạnh của mình, cho nên họ đều là những người thầy rất tuyệt vời. Ngày xưa người đọc sách, tú tài thông thường đều thích đến chùa thân cận người xuất gia. Tự viện có kinh sách phong phú, nếu có điều gì không hiểu, đều có thể thỉnh giáo người xuất gia, mà người xuất gia hướng dẫn họ là trách nhiệm. Đây là công đức mà nhà Phật tu tập tích lũy, và thiện hành tích lũy được. Nhưng tự viện Phật giáo hiện nay đã biến chất, hoàn toàn khác với ngày xưa. Ngày xưa tự viện là nơi dạy học, hiện nay biến thành nơi tổ chức kinh sám Phật sự, nơi giao tiếp với ma, chúng ta cần phải phân biệt rõ ràng.

Ông học tập tại Sơn Trung, Sơn Trung nhất định là ở trong tự viện. “*Dạ quỷ khiếu tập*”, những nơi này buổi tối rất nhiều ma. “*Vãng vãng kinh nhân, công bất cụ dã*”. Nơi hoang dã đúng là có yêu ma, người nhát gan đều không dám ở. Ứng tiên sinh rất gan dạ, tâm địa chánh trực, không sợ tà ma quỷ quái. Ông không sợ, vẫn đọc sách ở Sơn Trung. “*Nhất tịch văn quỷ vân*”, có một tối nghe quỷ nói chuyện. Nói nhà nào đó, “*mỗ phụ, dĩ phu cứu khách bất quy, ông cô bức kỳ giá nhân, minh dạ đương ái tử u thử, ngô đắc đại hi*”. Đây là nghe quỷ đang nói chuyện, họ nói có một nhà đó, người phụ nữ này vì người chồng rời quê hương đi lâu ngày chưa về. Cha mẹ chồng bà tưởng con trai mình đã chết, liền ép người con dâu này cải giá. Con dâu không bằng lòng khởi lên ý niệm, ngày mai đến đây thắt cổ tự tử.

Chúng ta biết, quỷ này là thắt cổ chết, quỷ thắt cổ muốn tìm thể thân, nếu không tìm được thể thân thì không thể đầu thai. Điều này trong Phật pháp nói không nhiều, nhưng trong Đạo giáo nói đến rất nhiều, nói rất nhiều về vấn đề này. Phàm những người chết bất đắc kỳ tử, tự sát đều phải tìm thể thân. Bởi vậy tự sát rất thống khổ, tuyệt đối không được làm điều ngu ngốc này!

Đạo giáo nói với chúng ta, người tự sát cứ bảy ngày họ phải biểu diễn lại một lần, cho nên khổ vô cùng. Thắt cổ tự tử, cứ bảy ngày họ phải thắt một lần như vậy, khi nào tìm được thể thân khi đó họ mới được thoát thân. Nhảy lầu chết, bảy ngày họ phải nhảy một lần, quý vị nói như vậy có đáng thương chăng? Cho nên con người dù bất đắc dĩ đến đâu, cũng không được có ý niệm tự sát, đây là hành vi sai lầm triệt để, tuyệt đối không được! Đến khi tìm được thể thân, đi đầu thai vẫn là tùy nghiệp lưu chuyển, khổ không thể tả! Con quỷ thắt cổ chết này cũng rất khó được, ngày mai có người đến thắt cổ họ tìm được thể thân, có thể đi đầu thai. “*Ngô đắc đại hi*”, họ có người thay thế. “*Công tiềm mai điền, đắc ngân tứ lưỡng, tức ngụy tác kỳ phu chi thư, ký ngân hoàn gia*”. Ứng thượng thư nghe được những lời quỷ nói chuyện, trong lòng ông liền có chủ ý. Sáng sớm ngày mai lập tức về nhà bán ruộng, bán mấy mẫu ruộng được bốn lạc bạc. Viết thêm một lá thư, ngụy tạo con trai họ viết thư gửi về nhà, cùng với bốn lạc bạc này lập tức gửi về nhà. Ba mẹ ông ta vừa nhìn thấy, con trai gửi thư về, chưa chết. “*Kỳ phụ mẫu kiến thư, dĩ thủ tích bất loại, nghi chi*”, thấy nét bút không đúng nên hoài nghi. “*Kế nhi viết, thư khả giả, ngân bất khả giả, tướng nhi vô dạng, phụ toại bất*

giá, kỳ tử hậu quy, phu phụ tương bảo như sơ”. Ứng thượng thư đã cứu được một mạng người, ba mẹ chồng thấy có người gửi thư về nhà, lại gửi tiền về. Tuy nét bút này không giống, nhưng nghĩ lại tiền là thật, không thể vô duyên vô cớ có người gửi tiền về cho mình. Nghĩ lại nhất định là con trai bình an vô sự, nên không còn ép con dâu cải giá, cứu được mạng cô con dâu, Ứng thượng thư cứu được một mạng người. Chẳng những cứu một mạng, mà còn thành tựu cho hai vợ chồng này, bảo toàn không đến nỗi phân ly. Sau đó con trai họ quả nhiên quay về. Ứng tiên sinh đã tích được một chuyện âm đức, ông làm việc này không hề có người biết.

Sau khi làm việc này, “*công hựu văn quý ngữ viết, ngã đương đắc đại, nại thử tú tài hoại ngô sự*”. Vốn đã tìm được thể thân, ai ngờ bị vị tú tài này phá hoại, tú tài này là chỉ Ứng Đại Do, bị ông phá hoại. “*Bàng nhất quý viết, nhĩ hà bất họa chi*”, con quý bên cạnh nói vì sao người không hại ông ta?. “*Viết, thượng đế dĩ thử nhân tâm hảo, mệnh tác âm đức thượng thư hỉ, ngô hà đắc nhi họa chi*”. Con quý tự tử này nói: ông trời biết tâm người này rất tốt, đã cho ông ta làm âm đức thượng thư, tôi làm sao có thể hại ông ta?

“*Ứng công nhân thử, ích tự nỗ lệ, thiện nhật gia tu, đức nhật gia hậu*”. Ứng Đại Do nghe quý nói chuyện, bản thân càng nỗ lực hơn, biết việc này mình làm đúng. Ông trời cho ông làm âm đức thượng thư, bản thân ông đâu biết được? Hay nói cách khác, tương lai ông có mệnh làm bộ trưởng. Đây là quý cho ông biết tin tức này, càng không ngừng nỗ lực đoạn ác tu thiện, cho nên thiện ngày ngày tăng trưởng, đức ngày ngày thêm dày.

“*Ngộ tuế kỷ, triếp quyên cốc dĩ chấn chi, ngộ thân thích hữu cấp, triếp ỷ khúc duy trì, ngộ hữu hoành nghịch, triếp phản cung tự trách, di nhiên thuận thọ*”. Đây đều là biết quay đầu hướng thiện, biết phải làm việc tốt như thế nào. Năm mất mùa, gặp lúc đói khát, ông quyên lương thực cứu tế, cứu người. Gặp thân thích có việc cấp bách, ông luôn “*ủy khúc*”, “*ủy khúc*” là uyên chuyên mình, giúp người khác, giải quyết khó khăn cho người khác. Gặp phải sự ngang ngược, người ta sỉ nhục mình, hủy báng mình, gặp những chuyện như thế ông đều tự kiểm điểm lại mình. Đây là học Đại Vũ, tuyệt đối không trách người khác. Do tôi làm chưa tốt, không thể khiến người khác sanh tâm hoan hỷ. Lỗi lầm không phải do người, đều là tại mình, như vậy bản thân mới có thể tu thiện, mới có thể tăng trưởng đức hạnh của mình. Cho nên những việc ngang tàng đều có thể “*di nhiên thuận thọ*”, “*di nhiên*” là hoan hỷ, nhẫn nhục chịu đựng. Đây đều là sự thật về tu thiện tích đức, về sau ông làm thượng thư, làm đến bộ trưởng. “*Tử tôn đặng khoa đệ giả, kim lũy lũy dã*”, hậu duệ của ông\_ “*đặng khoa đệ*” là thi đậu tiến sĩ, rất nhiều! Con cháu đời sau đều tốt.

Trường hợp thứ bảy là phụ thân của Từ Phụng Trúc. “*Thường thực*”, đây là huyện Thường Thực tỉnh Giang Tô, có một người tên là Từ Phụng Trúc. “*Từ Phụng Trúc thức, kỳ phụ tố phú, ngẫu ngộ niên hoang, tiên quyên tô, dĩ vi đồng áp chi xướng, hữu phân cốc, dĩ chấn bản pháp*”. Đây là một bậc thiện nhân, gia đình ông khá giả. Ngẫu nhiên gặp năm mất mùa, hoặc là hạn hán, hay là lũ lụt, thu hoạch không tốt, ông quyên góp tất cả lợi ích ông thu được từ việc cho thuê

ruộng. Ngày xưa gia đình giàu có thường có quan niệm trị hằng sản, tức ngày nay chúng ta gọi là bất động sản. Bất động sản đáng tin hơn, nhưng bây giờ người có quan niệm này không nhiều. Ngày xưa có tiền là mua đất, mua núi, đây gọi là hằng sản. Bất luận gặp thiên tai như thế nào, ruộng đất của họ vẫn còn, sản nghiệp của họ không mất. Không như hiện nay, bây giờ công thương nghiệp rất bạc nhược, vừa gặp phải chút nguy cơ kinh tế, là tổn thất vô cùng nghiêm trọng. Cho nên quan điểm ngày xưa của cổ nhân, chúng ta nghĩ lại thấy rất chính xác.

Năm ngoái tôi đi Malaysia, ở tại sơn trang của cư sĩ Lý Kim Hữu, ông còn giữ được quan niệm truyền thống xưa, mua đất khắp nơi. Ông nói với tôi ông không cất tiền, tuyệt đối không để tiền trong ngân hàng. Ông nói để tiền trong ngân hàng là chuyện ngu ngốc, tiền của mình để trong ngân hàng để nó tự kiếm, tôi chỉ được chút lợi tức nhỏ nhoi, ông không làm như thế. Tôi hỏi: Vậy ông làm sao? Ông ta nói: Tôi mua đất, mua đất khắp nơi. Cho nên ở Kuala Lumpu, ông ở một khách sạn sáu sao, diện tích mảnh đất đó là 3000 hecta. Một mẫu của phương tây bằng sáu mẫu của Trung quốc. 3000 mẫu anh là 3 nhân 6 bằng 18000 ngàn, mẫu Trung quốc là 18000 mẫu, một mảnh đất lớn như thế. Ở Cổ Tấn ông mua một quả đồi, diện tích bao nhiêu? 50 ngàn hecta, 5 nhân 6 bằng 3 vạn, là ba vạn mẫu Trung quốc, rất lớn, quản lý rất tốt. Ông ta nói với tôi, ở Úc châu ông cũng mua mấy mảnh đất, tôi hỏi lớn bao nhiêu? Ông nói lớn khoảng bằng Singapore, tôi hỏi ông phát triển nó như thế nào? Ông nói, hiện nay vẫn chưa khai phát. Lần này tôi đến, ông ta nói với tôi mảnh đất này tổng cộng là 8 vạn mẫu Anh. 8 vạn nhân 6, điều này không tưởng tượng được! Đây là mảnh đất lớn nhất. Còn hai mảnh nhỏ hơn là một vạn hecta. Có một mảnh nhỏ nhất, ở đó phong cảnh rất đẹp, ông chuẩn bị ưu tiên khai phát, có hơn 2000 hecta. Tôi nghe xong rất hoan hỷ, tôi nói ông đến Úc châu khai phát, tôi đến xem thử.

Ngày xưa cổ nhân mua đồi, mua đất làm bất động sản, đây là khái niệm rất đúng đắn. Quý vị có nhiều đất như thế, nhất định là cho nông dân thuê để trồng trọt. Nông dân không có đất đai, họ đến địa chủ thuê đất. Mỗi năm trồng trọt nộp thuế, sau khi thu hoạch xong, thu hoạch ngũ cốc phân một phần cho địa chủ, địa chủ nhận tiền thuê. Phụ thân của Từ Phụng Trúc là một địa chủ, gặp năm mất mùa, ông liền đem phần thuế đó, hoặc là giảm miễn, hoặc là quyên góp tất cả để cứu giúp thiên tai. *“Hựu phân cốc dĩ chấn bản phạp”*, lúa gạo trong kho của gia đình, ông đem ra tất cả để cứu tế cho người bản cùng, thường làm những việc thiện này. *“Dạ văn quý xướng ư môn viết”*, đêm về từng nghe quý hát ở trước cửa nhà, hát điều gì? *“Thiên bất cuồng, vạn bất cuồng, Từ gia tú tài tác đảo liễu cử nhân lang, tương tục nhi hồ, liên dạ bất đoạn”*. Quý ở trước cửa nói: Tú tài nhà họ Từ lúc đó chính là Từ Phụng Trúc, Từ Phụng Trúc là tú tài. Nghĩa là nói phụ thân ông làm những việc thiện, ông hưởng được quả báo, ông đi thi nhất định đậu cử nhân.

*“Thị tuế, Phụng Trúc quả cử ư hương”*, Phụng Trúc quả nhiên trong năm này thi đậu cử nhân. *“Kỳ phụ nhân nhi, ích tích đức, tư tư bất đãi, tu kiêu tu lộ, tế tăng tiếp chúng, phàm hữu lợi ích, vô bất tận tâm”*. Phụ thân ông nghe quý hát, quả nhiên con trai thi đậu cử nhân, đúng là rất hiệu nghiệm, cho nên ông nỗ lực

hành thiện hơn nữa. “*Ích*” ích là tăng trưởng, đặc biệt nỗ lực làm việc thiện, chăm chỉ không ngừng.

“*Tu kiều tu lộ*”, đây là đưa ra mấy ví dụ, lợi ích phương tiện người tu hành. “*Trai tăng tiếp chúng*”, “*trai tăng*” là mời người xuất gia dùng cơm, “*tiếp chúng*” là tiếp tế đại chúng. Ở đây đã nói đến “*trai tăng*”, lợi ích của trai tăng là gì? Vì sao phải làm những việc này? Vào thời nhà Minh và thời nhà Thanh, nếp sống này rất thịnh, ở Trung quốc hay nước ngoài đều rất thịnh hành. Cư sĩ tại gia lấy tài vật cúng tăng, mong cầu tu phước. Mà những người xuất gia tiếp thu cúng dường, phải thuyết pháp cho họ. Hay nói cách khác, cần phải dạy dỗ họ. Người tại gia đối với người xuất gia là bố thí tài, người xuất gia đối với người tại gia là bố thí pháp, trai tăng là cầu pháp.

Trong Kinh Lăng Nghiêm chúng ta thấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tiếp nhận quốc gia đại thần cúng tăng. Thông thường sau khi cúng tăng xong nhất định phải giảng kinh thuyết pháp. Ngày hôm đó Đức Phật sau khi tiếp nhận trai tăng xong không có thuyết pháp, đứng dậy ra về. Những vị trai chủ này cứ đi theo Phật, ngài chưa nói pháp, chúng con đi theo ngài. Thì ra Đức Thế Tôn có việc cần, việc gì? Tôn giả A Nan gặp nạn, đi cứu ngài trước, pháp hội Lăng Nghiêm do đây mà có. Những người cúng tăng đều tham gia pháp hội Lăng Nghiêm này. Đây là công đức chân thật, lợi ích chân thật của việc trai tăng. Những người xuất gia này có đạo đức, có học vấn, có tu dưỡng, là đạo sư của xã hội đại chúng. Nói như hiện nay là giáo sư của nền văn hóa đa nguyên, họ làm được hy sinh phụng hiến triệt để. Vì cầu học vấn, vì giáo hóa chúng sanh, phụng hiến suốt cuộc đời.

“*Tiếp chúng*” là gặp người khôn khéo. Tiếp là tiếp tế, họ nghèo khó, hoặc là thất nghiệp. Họ thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu dùng. Phụ thân của Phụng Trúc, gia đình họ giàu có, chỉ cần gặp đều vui vẻ giúp đỡ. “*Phàm hữu lợi ích, vô bất tận tâm*”, chỉ cần là việc đem lại lợi ích cho xã hội, có lợi ích cho đại chúng, đều tận tâm tận lực làm. Số mệnh có của cải, cần phải làm người như thế mới đúng. Của cải không phải cung cấp cho một người hưởng thụ, tuyệt đối không phải cung cấp cho một gia đình hưởng thụ. Số mệnh có của cải, cần phải biết mình có sứ mạng, có chức trách giúp tất cả người cùng khổ trong thế gian, như vậy quý vị đời đời kiếp kiếp hưởng không hết của cải! Của cải từ đâu mà có? Của cải do bố thí mà có, càng thí càng nhiều.

Ông làm như thế, sau đó lại nghe quỷ hát trước cửa nhà mình, hát rằng: “*Thiên bất cuồng, vạn bất cuồng, Từ gia cử nhân, trực tác đạo đồ đường*”, chức quan ngày càng cao. “*Phụng Trúc quan Chung, lưỡng Triết tuần phủ*”, “*tuần phủ*” là tỉnh trưởng hiện nay, làm đến tỉnh trưởng của Triết Giang. Cho thấy tổ tiên tích lũy công đức, quả báo thù thắng vô cùng.

Chúng ta thấy, con cháu ông đều hưởng phước báo lớn như vậy, vậy bản thân ông thì sao? Bản thân phước báo nhất định càng lớn, nhưng bản thân ông không còn ở đời, quả báo của ông ở đời sau. Phàm những người tích lũy công đức như thế, nếu họ ở thế gian, phước báo đó của họ ở đời sau quả thật không thể nghĩ bàn. Nếu đời sau không ở thế gian, nhất định sanh lên cõi trời hưởng phước trời. Còn phước báo mà con cháu đời sau của họ hưởng, đây gọi là dư phước.

Chư vị nhất định phải hiểu ý này. “*Gia đình tích thiện, nhất định có hạnh phúc trong tương lai*”, đó là dự phước cho con cháu. Phước báu của mình so với phước con cháu hưởng thụ, nhất định vượt qua rất nhiều lần. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Thiện không thể không tu, không thể không tích, tích thiện chắc chắn có quả báo tốt.

Hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 14**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 19.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Mời xem tiếp đoạn kinh văn này, đây là trường hợp thứ tám: “Gia hung đồ khang hi công, sơ vi hình bộ chủ sự, tức ngục trung, tế tuần chư tù tình trạng, đắc vô cô giả nhược can nhân, công bất tự dĩ vi công, mật số kỳ sự, dĩ bạch đường quan. Hậu triều thâm, đường quan trích kỳ ngữ, dĩ tấn chư tù, vô bất phục giả, thích oan ức thập dư nhân, nhất thời liền hạ, hàm tụng thượng thư chi minh”. Chúng ta xem đoạn này.

“Gia Hung” ở tỉnh Triết Giang, những trường hợp mà Liễu Phàm tiên sinh đưa ra, đại đa số đều là những câu chuyện tại khu vực Triết Giang. Do đây có thể biết, nguyên tắc đưa ra ví dụ nhất định phải ở chỗ gần nhất. Khi nghe mọi người đều biết, như vậy sức tin mới mạnh. Còn về thời đại, càng gần càng tốt. Đồ Khang Hi làm quan trong hình bộ. “Chủ sự” là tên chức quan đương thời. Một hôm ông ngủ trong giám ngục, cùng một nơi với các phạm nhân, đi nghe ngóng tình trạng của những phạm nhân này, vì vậy biết được trong số phạm nhân có không ít người bị oan, bị người hãm hại. Đồ tiên sinh không phải muốn lập công, ông đem tình hình này bí mật viết vào giấy đưa lên cho đường quan, đường quan là cấp trên của ông, cũng chính là hình bộ thượng thư, hình bộ thượng thư tương đương với bộ trưởng hiện nay.

“Hậu triều thâm”, mấy ngày sau tra hỏi lại những phạm nhân này, đường quan trích lục mấy tình tiết của Đồ Khang Hi để tra hỏi những phạm nhân này, phạm nhân không ai không phục, nhờ vậy đã giải oan cho khoảng mười mấy người. “Nhất thời”, đương thời chuyện này được truyền ra. “Liễn hạ”, liễn là xe hoàng đế ngồi, liễn hạ nghĩa là nói thủ đô, kinh thành, nơi hoàng đế ở. “Liễn hạ hàm tụng thượng thư chi minh”. Mọi người không ai không khen ngợi đối với sự công chánh liêm minh của hình bộ thượng thư.

Đồ tiên sinh lại nghĩ đến một vấn đề, bên dưới nói: “Công phục bảm viết, liễn cốc chi hạ, thượng đa oan dân, tứ hải chi quảng, triệu dân chi chúng, khởi vô uổng giả. Nghi ngữ niên, sai nhất giảm hình quan, hạch thật nhi bình phản chi”. Đây là kiến nghị của ông, kiến nghị lên thượng thư. Ông nói ở kinh thành này còn có nhiều người hàm oan đến thế, vậy ngoài kinh thành, trên toàn quốc dân chúng rất nhiều, sao có chuyện không hàm oan được? Chắc chắn rất nhiều người bị hàm oan. “Nghi” là cần, cần phải phái một vị giảm hình quan năm năm điều tra lại những vụ án này, đây là việc tốt.

“Thượng thư vi tấu”, trưởng quan của ông, hình bộ thượng thư chấp nhận ý kiến đó, đưa ý kiến này tấu lên hoàng đế. “Duẫn kỳ nghị”, hoàng đế bằng lòng. “Thời, công diệc sai giảm hình chi liệt”, Đờ Khang Hi Công cũng bị phái làm một trong các vị quan giảm hình, giải oan cho rất nhiều người bị oan khuất. “Mộng nhất thân cáo chi viết, nhữ mệnh vô tử, kim giảm hình chi nghị, thâm hợp thiên tâm”. Đây là cảm ứng, bản thân tu đức tích thiện, trên hợp ý trời, thượng đế thương yêu tất cả chúng sanh, gọi là “trời có đức hiếu sinh”. Cách làm của ông, kiến nghị của ông, rất tương ứng với ý trời.

Số mệnh ông không có con trai, hiện nay “thượng đế tư nhữ tam tử”, ông không cầu con trai, không cầu con trai, nhưng ông được cảm ứng này. “Giai y tử yêu kim, thị tịch phu nhân hữu thần. Hậu sanh Ứng Huân, Ứng Khôn, Ứng Tuấn, giai hiển quan”. Đây là thiện nhân thiện quả. Trong đoạn văn “y tử yêu kim”, là nói mặc quan phục màu tím, thắt đai lưng bằng vàng, đây là quan cao. Chúng ta biết lễ phục ngày xưa, hoàng tộc mặc long bào màu vàng, chỉ giới hạn trong hoàng tộc. Văn võ bá quan, trong quan văn “tử bào” là tước vị cao nhất. Đại khái là thượng thư trở lên, bộ trưởng trở lên quan phục mới là màu tím, đây là một trường hợp.

Tiếp theo là trường hợp thứ chín là Bao Bằng, người này thường bỏ tiền của tu sửa chùa chiền, cũng được cảm ứng. “Gia Hưng Bao Bằng, tự Tín chi. Kỳ phụ chi trì dương thái thủ, sanh thất tử, Bằng tối thiểu. Chuế bình hồ viên thị, dữ ngô phụ vãng lai thâm hậu, bác học cao tài, lũy cử bất đệ, lưu tâm nhị thị chi học”. Chúng ta xem đoạn này. “Gia Hưng nhân Bao Bằng”, ở đây đến tự của ông là Tín Chi cũng viết ra. Do đây có thể biết, Bao Bằng và Liễu Phàm tiên sinh khá thân. Phụ thân của Bao Bằng làm Thái thú Trì Châu. Thái thú cao hơn Tri huyện một bậc, cùng một cấp quan với Tri phủ. Trì Châu là ở huyện Quý Trì tỉnh An Huy. Ông sinh bảy người con trai, Bao Bằng nhỏ nhất. Đại khái là ông nhiều con cái, cho nên đứa trẻ này ở rể trong nhà họ Viên tại Bình Hồ, làm người một nhà với Viên Liễu Phàm, ở rể trong nhà họ.

“Dữ ngô phụ vãng lai thâm hậu”, phụ thân của Liễu Phàm tiên sinh và Bao Bằng thường tới lui, đây là mối quan hệ của bạn bè. Người này “bác học cao tài”, nhưng “lũy cử bất đệ”, mỗi lần đi thi đều không đậu. Do đó “lưu tâm nhị thị chi học”, “nhị thị” là Phật giáo và Đạo giáo, ông đi học Phật, học Đạo.

“Nhất nhật đông du mảo hồ, ngẫu chí nhất thôn tự trung, kiến Quan Âm tượng, lâm li lộ lập, tức giải thác trung đắc thập kim, thọ chủ tăng, linh tu ốc vũ. Tăng cáo dĩ công đại ngân thiểu, bất năng tuần sự, phục thủ tùng bố tứ thất, kiểm khiếp trung y, thất kiện dữ chi, nội trữ triệp, hệ tân trí, kỳ bộc thỉnh kỹ chi. Bằng biết, đàn đặc thánh tượng vô dạng, ngô tuy lửa trình hà thương”. Chúng ta xem đoạn này. Một hôm, ông đi du ngoạn bên ngoài, du ngoạn ở Mảo Hồ, đột nhiên trong ngôi chùa của một thôn trang, thấy tượng Bồ Tát Quán Âm. Lúc đó trời mưa, phòng ốc trong chùa bị mưa dột, tượng Bồ Tát Quán Âm bị mưa ướt. Ông thấy vậy rất đau lòng, liền “giải thác trung”, thác là ví tiền. Mở ví tiền ra xem, trong đó còn mười lạng bạc, “thập kim” chính là mười lạng bạc. Lấy ra hết, giao cho người xuất gia trong chùa, nhờ thầy tu sửa lại phòng ốc, đừng để Bồ Tát bị



mưa ướt. Vị xuất gia này nói với ông, công trình tu sửa nóc nhà này rất lớn, mười lạng bạc quá ít, sợ không thể làm được. Ông dẫn theo người tùy tùng, đi du ngoạn thường mang theo vài thứ tùy thân như áo quần. Trong này có bốn bộ Tùng Bồ. Mở rương ra xem còn có bảy bộ áo quần, đây đều là áo quần mới chưa mặc. Còn có thêm vài thứ quý trọng, “trữ triệp” là sợi dây, áo quần chế bằng sợi dây. “Trữ” là cấp y. Có đơn y, có cấp y đều là đồ mới. Người tùy tùng của ông nói, thôi vậy! Cần gì phải quỵên nhiều như thế! Bao Bằng nói chỉ cần thánh tượng không sao, có thể sửa được nóc nhà này, tượng Bồ Tát Quán Âm không bị dầm mưa, cho dù tôi không có áo quần mặc cũng không sao. Đây là một tấm chân thành!

“Tặng thù lệ viết, xả ngân cấp y bố, do phi nan sự. Chỉ thử nhất điểm tâm, như hà dị đắc”. Người xuất gia nghe ông ta nói, cảm động vô cùng! Ông nói bố thí tiền bạc và những bộ áo quần này, đây không phải việc khó, nhưng tâm chân tâm này thật hiếm có. “Hậu công hoàn, lập lão phụ đồng du, túc tự trung. Công mộng già lam lai tạ viết, nhữ tử đương hưởng thế lộc hi. Hậu tử Biện, tôn Sanh Phương giai đăng đệ, tác hiển quan”. Đợi đến khi chùa sửa xong, Bao Bằng kéo theo phụ thân ông đi xem, buổi tối cũng ở trong chùa này. Tối đến Bao Bằng mộng thấy thần già lam, già lam là thần hộ pháp, thần hộ pháp đến cảm ơn ông. Họ nói, con cái người được hưởng lộc ở đời, được phước báo. Quả nhiên về sau con trai ông là Biện và cháu là Sanh Phương, đều đăng đệ. Đăng đệ là nói thi đậu học vị tiến sĩ, làm quan lớn, đây là quả báo con cháu quý hiển. Đây là công đức tu sửa đạo tràng tự viện và tạo tượng Phật rất lớn.

Trong Đại Tạng Kinh, có một bộ kinh gọi là Kinh Công Đức Tạo Tượng. Bây giờ chúng ta thấy rất nhiều nơi tạo tượng Phật lớn, hiện nay Trung quốc đã hưng khởi, nước ngoài cũng có. Ở thành phố của Malaysia, năm ngoái Chùa Cự Lạc tạo một tượng đứng Bồ Tát Quán Thế Âm, cao hơn 30 mét. Chúng ta muốn hỏi rốt cuộc tạo tượng có công đức gì? Thấy trường hợp của Bao Bằng là biết, tạo tượng đích thực công đức rất lớn, nhưng công đức cần phải đầy đủ điều kiện. Nếu chỉ tạo hình tượng Phật Bồ Tát, không hoằng pháp lợi sanh, thông thường người ta nhìn thấy tượng Phật dễ sinh mê tín. Như vậy tạc bức tượng này chẳng những không có lợi ích, trái lại khiến rất nhiều chúng sanh tạo nghiệp, như vậy là sai. Cho nên hoằng pháp lợi sanh rất quan trọng!

Một đạo tràng nhất định phải giảng kinh, nhất định phải tu hành. Cái gọi là Giải môn và Hành môn, “hành giải tương ưng” mới quan trọng. Trong Giải môn có rất nhiều tông phái, đạo tràng thuộc tông phái nào, nhất định phải y theo kinh điển tông phái đó để tu hành. Những kinh điển này phải đọc tụng, phải nghiên cứu, phải giảng giải thấu triệt thực hành trong cuộc sống của mình, như vậy mới đầy đủ công đức.

Tượng Phật, ở trước từng nói với chư vị, nó có nghĩa biểu pháp. Nhà Phật dùng phương thức này để thường nhắc nhở chúng ta. Đa phần quần chúng thấy tượng Bồ Tát Quán Âm, là biết mình phải phát tâm từ bi, phải từ bi giống như Bồ Tát Quán Thế Âm, giúp tất cả chúng sanh khổ nạn trong thế gian, thì công đức của pho tượng này rất lớn. Nếu không hiểu đạo lý này, xem tượng Phật giống như

thần minh, đến đó đốt hương lễ lạy, cầu phước, cầu tuệ, cầu con cái, cầu thăng quan phát tài, như vậy gọi là mê tín, sai lầm hoàn toàn.

Tôi nói đến đây, chư vị chắc có thể lãnh hội được, trong xã hội hiện nay của chúng ta, nên học Phật như thế nào, như thế nào mới đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp? Trong Hành môn cũng rất nhiều điều khác nhau, như Thiên Thai hộ tu chỉ quán. Trong Thiền Tông hộ tham thoại đầu, hoặc dùng quán tâm. Trong Mật tông dùng phương pháp trì chú. Trong Tịnh độ tông dùng phương pháp trì danh niệm Phật. Chọn một phương pháp nhất định, công phu không được gián đoạn, đều đạt được tâm thanh tịnh, đều có thể thành tựu giới định tuệ. Đây là công đức lợi ích thật sự của đạo tràng.

Xem tiếp trường hợp thứ mười: “Gia thiện chi lập chi phụ”, đây cũng là người Gia Thiện Triệt Giang, ông ta họ Chi, tên là Lập. Phụ thân ông “vi hình phòng lại”, quản lý án kiện hình sự trong nha môn. “Hữu tù vô cô hãm trọng bích”, ông biết có một phạm nhân bị oan khuất, bị phán trọng hình, có thể là tử hình. “Ý ai chi”, trong lòng ông biết rõ, rất đồng tình với phạm nhân. “Dục cầu kỳ sanh”, ông giúp phạm nhân thoát tội. Người phạm nhân này biết được tấm lòng của phụ thân Chi Lập, đã biện hộ thay họ.

“Tù ngữ kỳ thê viết, Chi công gia ý, quý vô dĩ báo, minh nhật diên chi hạ hương, nhữ dĩ thân sự chi, bị hoặc khảng dụng ý, tắc ngã khả sanh dã”. Phạm nhân thương lượng với vợ mình, ông nói Chi công có ý giúp tôi thoát khỏi tội hình. Ông nói, tôi rất hổ thẹn, không biết lấy gì báo đáp, đây là ân cứu mạng. Ông nói ngày mai nàng có thể mời ông ấy về quê, họ là người nông thôn. Mà còn bàn với vợ, muốn vợ mình “dĩ thân sự chi”. Ông nói, hoặc là Chi công càng dụng tâm, như vậy tôi mới có thể thoát tội. “Kỳ thê khắp nhi thính mệnh”, người vợ này cũng vô cùng hiền lương, làm theo lời chồng. “Cập chí, thê tự xuất khuyên tửu, cụ cáo dĩ phu ý. Chi bất thính, tốt vi tận lực bình phản chi”. Vợ của phạm nhân này tự ra mời rượu, nói rõ ý của chồng mình với Chi công, Chi công nghe vậy không đồng ý. Tuy không đồng ý, nhưng vẫn toàn tâm toàn lực lật lại vụ án này. “Tù xuất ngục, phu thê đăng môn khẩu tạ viết, công như thử hậu đức, văn thế sở hi”. Đây là một việc rất khó khăn, ông có thể làm được đại công vô tư, dùng tâm chân thành để lật lại vụ án oan. Khi vợ chồng người phạm nhân này đến lạy tạ, họ nói hiện tại ngài không có con trai, đã lớn tuổi những vẫn chưa có con. “Kim vô tử, ngô hữu nhược nữ, tổng vi ki trừu thiếp, thử tắc lễ chi khả thông giả”. Ông nói tôi có một cô con gái, nó cũng đã lớn, tôi muốn đưa đến cho ông làm thiếp, hy vọng tương lai sanh cho ông vài người con. Điều này về lễ nghĩa có thể được. “Chi vi bị lễ nhi nạp chi, sanh lập”. Chi tiên sinh đồng ý, tiếp nhận, sau đó sanh ra Chi Lập. Đây là việc thiện mà phụ thân của Chi Lập làm.

“Nhược quan trung khôi, quan chí hàn lâm khổng mục, Lập sanh Cao, Cao sanh Lục, giai công vi học bác, Lục sanh đại Luân, đăng đệ”. Con cháu đời sau dần dần phát đạt. Chi Lập “nhược quan trung khôi”, là 20 tuổi đậu tiến sĩ, quan làm đến “Hàn lâm khổng mục”, quan thư ký của viện Hàn lâm. “Chi Lập sanh Cao”, đây là cháu của Chi tiên sinh. “Cao sanh Lục”, là mấy đời sau, mấy đời này “giai công vi học bác”\_ học vị này ở trước có giải thích, đây là công sanh. “Học

bác” là giáo quan trong trường huyện, châu. “Lục sanh đại luận, đặng đệ”, là đậu tiến sĩ.

Họ đều có rất nhiều quả báo rất rõ ràng, nơi ở của những người này đều cách Gia Hưng Triết Giang không xa. Do đây có thể biết, đương thời Liễu Phạm tiên sinh nói những người này, mọi người đều biết, đều rất quen thuộc, đủ để chứng minh “gia đình tích thiện, nhất định về sau được hạnh phúc”.

Đoạn văn ở sau là tổng kết: “Phàm thử thập điều, sở hành bất đồng, đồng quy u thiện nhi dĩ”. Điều là làm việc thiện, sau khi chúng ta đọc xong suy nghĩ kỹ, đều là việc lợi ích người khác. Toàn tâm toàn ý lợi ích người khác, lợi ích xã hội, lợi ích quốc gia. Ngày nay tâm lượng chúng ta càng phải mở rộng hơn, mỗi niệm phải nghĩ đến lợi ích toàn thế giới. Chúng ta làm gì có bản lĩnh lớn như thế, có thể lợi ích toàn thế giới? Mặc dù là việc thiện nhỏ, chúng ta có một nguyện vọng, hy vọng làm tấm gương tốt cho người trên toàn thế giới, đây chính là lợi ích thế giới. Việc, bất luận là lớn hay nhỏ, chỉ xem quý vị dụng tâm. Cho nên ngạn ngữ thường nói: “lượng lớn phước lớn”. Nếu tâm lượng chúng ta lớn, dù chút việc thiện nhỏ cũng trở thành vô lượng vô biên thiện đức. Nếu như tâm lượng nhỏ, dù làm nhiều việc thiện, phước báo cũng không lớn lắm. Do đây có thể biết, tâm chuyên cảnh giới là thật.

Bên dưới Liễu Phạm tiên sinh tiến thêm bước nữa giáo huấn con trai mình, nói với con mình như thế nào là thiện, điều này rất quan trọng! Cần phải có năng lực phân biệt. Mời xem nguyên văn: “Nhược phục tinh nhi ngôn chi, tắc thiện hữu chân hữu giả, hữu đoan hữu khúc, hữu âm hữu dương, hữu thị hữu phi, hữu thiên hữu chánh, hữu bán hữu mãn, hữu đại hữu tiểu, hữu nan hữu dị”. Một hơi nói tám cặp đối lập. “Giai đương thâm biện”, đều cần phải phân biệt, cần phải rõ ràng, làm thiện mà không cùng lý. “Vi thiện nhi bất cùng lý, tắc tự vị hành trì, khởi tri tạo nghiệp, uổng phí khổ tâm, vô ích dã”. Thế gian hiện nay có rất nhiều người đang tu thiện, người trong nhà Phật càng nhiều hơn. Học Phật nhiều năm, hành thiện nhiều năm, không có quả báo tốt. Do đó hoài nghi Phật pháp không linh, quay lại học các pháp môn khác, học các Tôn giáo khác. Như vậy quý vị có thể được quả báo tốt chăng? Chưa chắc, vậy tại sao có tình huống này phát sinh? Chính là đối với thiện rốt cuộc là thật hay giả, là tà hay chánh, là méo hay tròn đều không biết, nhưng tự cho là thiện. Thông qua những người có trí tuệ đức hạnh này phân tích cho chúng ta biết, thì ra là tội nghiệp. Nếu chúng ta muốn tu thiện tích đức, trước tiên phải hiểu rõ những điều này. Bây giờ chúng ta cùng nhau nghiên cứu từng vấn đề.

Bên dưới đoạn thứ nhất: “Chân giả, hà vị chân giả”, điều này cần phải phân biệt. Ông đưa ra ví dụ rằng: “Tích hữu nho sinh số bối”, nho sinh là người đọc sách. “Yết Trung Phong hòa thượng”. Hòa thượng Trung Phong người thời nhà Nguyên, là vị cao tăng nổi tiếng, ông trước thuật rất nhiều. Chúng tôi thành lập Tịnh tông học hội, có khi cũng không tránh khỏi tùy thuận tập tục, làm pháp hội siêu độ. Nhưng chúng tôi siêu độ không giống với các tự viện khác, chúng tôi chỉ áp dụng một phương pháp. Đa phần là một ngày sau khi Phật thất viên mãn, chúng tôi tổ chức một khóa Phật sự Tam Thời Hệ Niệm. Nghi thức Phật sự Tam Thời

Hệ Niệm này do thiền sư Trung Phong viết, là tác phẩm của ông, Phật sự này âm dương đều lợi. Những năm lại đây, chúng tôi tuyên dương khắp nơi trên thế giới. Chư vị học Tịnh độ không ai không biết thiền sư Trung Phong.

“Vấn viết”, có một vài người đọc sách thỉnh giáo thiền sư Trung Phong. “Phật thị luận thiện ác báo ứng, như ảnh tùy hình”. Phật giáo và Đạo giáo thường nói: “thiện ác báo ứng, như bóng theo hình”. “Kim mỗ nhân thiện, nhi tử tôn bất hưng, mỗ nhân ác, nhi gia môn long thịnh, Phật thuyết vô khê hỉ”. Cách nói của Phật không đáng tin! Vì sao thấy người này làm thiện, nhưng con cháu họ không phát đạt? Còn người này làm ác, gia đạo họ lại rất hưng thịnh? Trong xã hội hiện nay có trường hợp như vậy, chẳng những chúng ta nghe nói, mà còn tận mắt chứng kiến.

Thiền sư Trung Phong gait thích với họ như thế nào? “Trung Phong vân, phạm tình vị địch, chánh nhãn vị khai, nhận thiện vi ác, chỉ ác vi thiện, vãng vãng hữu chi. Bất hám, kỷ chi thị phi điên đảo, nhi phản nộ, thiên chi báo ứng hữu sai hồ”. Lời của thiền sư Trung Phong nói rất thâm thúy, người thường không hiểu. Chúng ta là phạm phu, phạm phu chưa rửa sạch tình nhiễm. Pháp nhãn, huệ nhãn của chúng ta chưa khai phát, cho nên thường thấy sai, thấy vấn đề một cách đảo lộn. Coi thiện thành ác, coi ác thành thiện, có như vậy chăng? Có thật! Ta không cảm nhận được thị phi điên đảo của mình, trái lại đi trách cứ ông trời báo ứng không công bằng, như vậy tội càng nặng hơn.

“Chúng viết”, những người đọc sách này nói: “Thiện ác hà trí tương phản”, vì sao chúng ta xem thiện ác lẫn lộn như thế? “Trung Phong linh thức ngôn kỳ trạng”, thiền sư có trí tuệ, ngài có phương pháp dạy học. Không cần giải thích, dạy họ tự nói thử. Quý vị nói thử thiện là gì, ác là gì? Nói ra nghe thử xem. “Nhất nhân vị, lệ nhân ẩu nhân thị ác, kính nhân lễ nhân thị thiện”. Có một người nói, mắng người, đánh người là ác. Cung kính người, lễ kính người là thiện. “Trung Phong nói, vị tất nhiên dã”, lời người nói cũng chưa chắc.

Lại có một học trò nói: “Nhất nhân vị, tham tài vọng thủ thị ác, liêm khiết hữu thủ thị thiện. Trung Phong vân, vị tất nhiên dã. Chúng nhân lịch ngôn kỳ trạng, Trung Phong giai vị bất nhiên, nhân thỉnh vấn”. Rất nhiều học trò, mỗi người đều nói cách nhìn của mình về thiện và ác, thiền sư Trung Phong đều không đồng ý. Cho thấy những người trẻ tuổi này kiến thức nông cạn, nhìn vấn đề chỉ nhìn bên ngoài, không có nghiên cứu sâu xa, nên luôn nhìn sai vấn đề. Thiền sư Trung Phong phủ định tất cả tư tưởng của họ. Những học trò này lại thỉnh giáo thiền sư, rốt cuộc như thế nào là thiện, như thế nào là ác? “Trung Phong cáo chi viết, hữu ích ư nhân thị thiện, hữu ích ư kỷ thị ác”. Đây là đặt ra tiêu chuẩn của thiện và ác, nếu khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác là lợi ích người khác, lợi ích xã hội, lợi ích đại chúng là thiện, còn như tự tư tự lợi là ác. “Hữu ích ư nhân, tắc ẩu nhân lệ nhân, giai thiện dã”. Quý vị đối với người này có lợi, dù đánh họ mắng họ cũng là thiện! Cha mẹ dạy con cái có khi đánh, có khi mắng, vì sao vậy? Vì tốt cho con, đó không phải ác, mà là thiện. Học trò không giữ phép tắc, thầy giáo xử phạt chúng, ngày xưa có xử phạt về thể xác, hiện nay ở trường hình như không còn nữa. Khi tôi đi học từng bị phạt về thể xác, thầy đánh bàn tay, phạt

quỳ, chúng tôi từng bị phạt. Đây không phải ác, đây là thiện. “Hữu ích ư kỷ, tắc kính nhân lễ nhân, giai ác dã”. Nếu vì tự tư tự lợi, cung kính người khác, lễ kính người khác, đó là gì? Đó là nịnh bợ, đó là ác không phải thiện. Đây là thiền sư Trung Phong dạy nhóm thanh niên này.

“Thị cố nhân chi hành thiện, lợi nhân giả công, công tắc vi chân, lợi kỷ giả tư, tư tắc vi giả”. Nhất định phải hiểu rõ thiện thật và thiện giả. Tuyệt đối không có tư tâm, tuyệt đối không có tư lợi, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều là lợi ích xã hội, lợi ích đại chúng, ngày nay chúng ta gọi là lợi ích thế giới. Lợi người, đại công vô tư, công là thật, thiện này là thật. Lợi mình, đó là tư tâm, tư tâm thiện này là giả, không phải thật. “Hựu căn tâm giả chân, tập tích giả giả”, thêm một bước nữa nói, nếu tâm này là phát ra từ chân tâm, lợi ích đại chúng, đây là thật. Nếu thấy người khác làm chúng ta cũng bắt chước, “tập tích” là làm theo, đây là giả, không phải phát ra từ chân tâm, làm việc thiện quan trọng nhất là chân tâm. Ở trước chúng ta đọc qua mười trường hợp, mười người này tu thiện, về sau đều có quả báo tốt, nguyên nhân là gì? Nhờ vào chân tâm. Chỉ biết giúp người khác, tuyệt đối không cầu chút tự tư tự lợi nào, thật hay giả đều phân biệt từ đây.

“Hựu vô vi nhi vi giả chân, hữu vi nhi vi giả giả, giai đương tự khảo”, tự mình phải khảo sát tường tận. “Vô vi nhi vi” chính là những việc thiện chúng ta làm, không lộ dấu vết, không cần để người khác biết, việc thiện này là thật, đây gọi là âm đức. Nếu là “hữu vi nhi vi”, như vậy là có ý đồ, có mục đích mới làm việc thiện này, vậy việc thiện này là giả. Những vấn đề này đều phải tự mình nỗ lực phản tỉnh, quan sát.

Thứ hai là đoạn khúc. “Hà vi đoạn khúc”. Liễu Phàm tiên sinh nói: “Kim nhân kiến cần nguyện chi sĩ, loại cung vi thiện nhi thủ chi, thánh nhân tắc ninh thủ cuồng quyền, chí ư cần nguyện chi sĩ, tuy nhất hương giai hảo, nhi tất dĩ vi đức chi tặc. Thị thể nhân chi thiện ác, phân minh dữ thánh nhân tương phản, suy thử nhất đoạn, chủng chủng thủ xả, vô hữu bất mậu”. Đoạn này nói như thế nào gọi là đoạn, như thế nào gọi là khúc. Người bây giờ, nhìn thấy người cần thận, không quật cường, đều nói họ đây là người thiện, trong xã hội đều rất tôn trọng họ. Nhưng thánh hiền ngày xưa, họ thà thương thức người này có chí khí, có tiền thủ, hoặc là người an phận thủ thường, không làm chuyện sai trái. Vì người như vậy mới có gan, họ mới thật sự có thể phục vụ cho quần chúng, gánh vác trọng trách cho quốc gia. Nếu người trong xóm làng này tuy rất cần thận, tuy là người tốt, nhưng cá tánh rất nhu nhược, gió chiều nào theo chiều đó, không có chí khí, không có trách nhiệm. Người như vậy, Phu tử gọi là “hương nguyện”, cho đó là “đức chi tặc”. “Đức chi tặc”, là họ không phải là tấm gương tốt, mọi người đều học theo họ, như vậy là hư hỏng. Người thế gian đối với tiêu chuẩn về người thiện, người ác hoàn toàn tương phản với thánh nhân. “Suy thử nhất đoạn, chủng chủng thủ xả, vô hữu bất mậu”, “mậu” là sai lầm. Thánh nhân lấy và bỏ như thế nào? Thánh nhân là người hiểu biết, người có học vấn, có đức hạnh, có kinh nghiệm, họ có thể phân biệt người thiện, kẻ ác.

Mấy câu bên dưới nói rất hay: ‘Thiên địa quý thần chi, phúc thiện họa dâm, giai dữ thánh nhân đồng thị phi, nhi bất dữ thế tục, đồng thủ xả’. Đây là nói đến

thiên địa quỷ thần, kiến giải của họ tương đồng với thánh hiền nhân, nhưng đích thực không giống với tư tưởng của người thế tục. Quỷ thần “phước thiện họa dâm” như thế nào? Ở trước đưa ra những ví dụ này, chúng ta đều có thể quan sát được. Chúng ta muốn hỏi, phải chăng quỷ thần có quyền đem phước họa giáng xuống cho con người? Không có, cần phải hiểu điều này, quỷ thần không có quyền. Như người thế gian chúng ta, có người làm việc thiện, có người làm việc ác. Nhân viên chấp pháp, cảnh sát hình sự đưa hình phạt cho quý vị, phải chăng họ có quyền? Không phải. Là vì quý vị phạm tội, họ mới lấy cớ ra còng tay chân quý vị. Nếu quý vị không phạm tội, họ không dám xâm phạm quý vị. Trời đất quỷ thần cũng giống như cảnh sát hình sự vậy, là vì quý vị tạo thiện và bất thiện. Cho nên họ đến khen thưởng quý vị, họ đến trừng phạt quý vị. Khen thưởng hay trừng phạt đều là tự làm tự chịu, nhất định phải hiểu đạo lý này.

Hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 15**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Minh Tâm**  
**Thời gian: 19.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Chúng ta xem tiếp đoạn văn bên dưới: “Phàm dục tích thiện, quyết bất khả tuần nhĩ mục, duy tùng tâm nguyện ẩn vi xứ, mặc mặc tẩy địch. Thuận thị tế thể chi tâm, tắc vi đoan. Cầu hữu nhất hào, mị thể chi tâm, tức vi khúc. Thuận thị ái nhân chi tâm, tắc vi đoan. Hữu nhất hào phần thể chi tâm, tức vi khúc. Thuận thị kính nhân chi tâm, tắc vi đoan. Hữu nhất hào ngoan thể chi tâm, tức vi khúc, giai đương tế biện”.

Đoạn này nói với chúng ta về sự phân biệt giữa “đoan” và “khúc”. Chúng ta phát tâm muốn tu thiện, phát tâm muốn tích đức, tuyệt đối không để bị mất và tai lừa gạt. Mắt thích nhìn, tai thích nghe, nếu tùy thuận tham tâm này, như vậy là sai. Cần phải từ chỗ ẩn mật vi tế của khởi tâm động niệm, đem tâm mình rửa sạch sẽ. Hay nói cách khác, tuyệt đối không để cho ý niệm tà ác làm ô nhiễm tâm thanh tịnh.

Trong kinh Phật thường nói, trong Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Đức Phật dạy cho chúng ta cương lĩnh tu học. Phật dạy ngày đêm thường nghĩ đến thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, không dung nạp chút bất thiện nào xen tạp vào, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với ở đây nói. Như vậy mới có thể khiến tâm mình hoàn toàn thanh tịnh, toàn là tâm tế thể cứu nhân, đây gọi là trực. Trong này tuyệt đối không xen tạp chút uẩn chuyển nào, uẩn chuyển này chính là tự tư tự lợi.

Bên dưới có ví dụ rất hay, nếu có tâm nịnh hót của thế tục, đó là khúc, không phải trực. “Đoan” là đoan trực, nhà Phật nói: “trực tâm là đạo tràng”. Ở đây Liễu Phàm tiên sinh dùng đoan, đoan chính là trực, đoan tâm tức là trực tâm. Phản diện của đoan là “khúc”, trong tâm còn một chút tâm nịnh bợ của thế tục, như vậy là sai. Toàn là tâm thương người, thương người trong nhà Phật gọi là đại từ đại bi. Trong thương yêu này không có tình, nếu có cảm tình là sai. Yêu này là tâm yêu thương của thanh tịnh, yêu thương của bình đẳng, yêu thương của chân thành, đây là đoan. Nếu trong này còn có chút oán hận bất bình, những điều này vô cùng vi tế, chúng ta cần phải khảo nghiệm trong cuộc sống hằng ngày. Ta xử sự đối nhân tiếp vật, còn có sự ghét bỏ chằng? Còn có điều gì không thích hay chán ghét chằng? Nếu như còn những ý niệm này, tâm chúng ta phát là khúc, tâm này không đoan, nghĩa là không phải trực tâm. Tâm thể của tâm bồ đề là trực tâm, trong Khởi Tín Luận nói: “trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm”, đây gọi là tâm bồ đề. Bồ đề

nghĩa là giác ngộ, người thật sự giác ngộ tâm họ là trực tâm. Tự thọ dụng là thâm tâm, thâm tâm là háo thiện háo đức.

Thiện này ở trước có nói, như thế nào gọi là háo thiện? Niệm niệm lợi ích người khác, niệm niệm lợi ích chúng sanh, đây là thiện. Nếu trong đó xen vào ý niệm tự lợi, đây là bất thiện. Nếu như không hiểu rõ ràng minh bạch tiêu chuẩn này, quả thật như cổ nhân nói, quý vị tưởng rằng là tu thiện, đâu ngờ là đang tạo ác! Cho nên ta tu hành bao nhiêu năm, đều không thể thay đổi được vận mệnh, đều không đạt được thành tích tốt. Rốt cuộc khuyết điểm phát sinh ở đâu, bản thân không hề hay biết. Liễu Phàm Tứ Huấn là một cuốn sách hay, đọc tường tận. Sau khi đọc xong, suy nghĩ tường tận, nỗ lực tự kiểm điểm mình. Do đó bản thân hiểu rõ, biết được làm sao tu thiện, làm sao tích đức.

Toàn là tâm cung kính người khác hai ba năm lại đây chúng ta đề xướng sống trong thế giới biết ơn. Bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, đều không đề nó trong tâm. Để trong tâm chỉ có lòng yêu thương, chỉ có lòng biết ơn, đây là đoan. Nếu như có một chút tâm bồn chồn thế nhân, đó chính là khúc. Những điều này cần phải phân biệt tỉ mỉ.

Bên dưới nói với chúng ta như thế nào gọi là âm dương. “Hà vị âm dương”. Thiện có “âm thiện” có “dương thiện”. “Phàm vi thiện nhi nhân tri chi, tắc vi dương thiện, vi thiện nhi nhân bất tri, tắc vi âm đức. Âm đức thiên báo chi, dương thiện hưởng thế danh, danh diệc phước dã”. Bây giờ quý vị tu, bây giờ đã hưởng hết phước. “Danh giả, tạo vật sở ky, thế chi hưởng thịnh danh, nhi thật bất phó giả, danh hữu kỳ họa. Nhân chi vô quá cửu, nhi hoành bị ác danh giả, tử tôn vãng vãng sâu phát, âm dương chi tế vi hĩ tai”, đoạn này nói rất hay! Dương thiện và âm thiện dễ hiểu, dễ hiểu hơn nhiều so với “đoan khúc” ở trước.

“Dương” là hoàn toàn hiển lộ ra, việc tốt quý vị làm mọi người đều biết, báo chí biểu dương quý vị, chương trình truyền hình cũng phát sóng tán dương quý vị, những việc tốt ta làm đều được báo đáp hết. “Âm thiện”, việc thiện ta làm không có ai hay biết, bản thân cũng không nói với bất kỳ ai. Điều này rất hay, đây gọi là âm đức, tích âm đức. “Âm đức thiên báo chi”, tương lai được quả báo sâu dày, được quả báo thù thắng, được quả báo lâu xa. Nếu là “dương thiện”, người ta khen ngợi tán thán quý vị, cung kính quý vị, đây cũng là quả báo, đều đã nhận được hết.

Ngày nay trong xã hội nói: “tri danh độ cao”, khi nhắc đến không ai không biết. Đây cũng là phước, những điều báo hết, thực tế mà nói, đây không phải là một việc tốt. Nhưng cổ nhân có nói: “thật chí danh quy”, nếu có đức thật, tự nhiên có người khen ngợi. Dù che đậy kín đáo đến đâu, sẽ có ngày bị người phát hiện. Bị người phát hiện, người ta sẽ tán dương.

Ví dụ đại sư Ấn Quang trong thời cận đại, suốt đời ngài tu thiện tích đức, tích âm đức, không ai biết đến ngài. Đến lúc ngài 70 tuổi, có mấy vị cư sĩ như Từ Uất Như, các đại cư sĩ của đầu năm dân quốc, đều là người có học vấn, có đạo đức. Họ lên núi Phổ Đà, ở Tàng Kinh Các núi Phổ Đà gặp được đại sư Ấn Quang, cảm thấy phong độ và ngôn đàm của đại sư không giống với những người xuất gia khác. Do đó thường thân cận ngài, thường thỉnh giáo ngài, mới biết vị pháp



sư này là người có đức hạnh. Họ trở về Thượng Hải, viết không ít bài văn phát biểu trên báo và tạp chí, do vậy danh tiếng của đại sư Ân Quang cũng từ đó được truyền ra. Đây không phải đại sư nhờ họ, là những người này thật sự thấy được một vị cao tăng như thế, liền giới thiệu rộng rãi phổ biến khắp quần chúng. Đây gọi là “thật chí danh quy”, danh này không phải hư danh, đúng là có thật đức, chúng ta cần phải hiểu.

Liễu Phàm tiên sinh nói tiếp: “danh giả tạo vật sở ky”, trời đất quý thần đều cảm ky. Cho nên danh không phải điều hay, nổi tiếng không phải chuyện tốt. “Thế chi hưởng thịnh danh, nhi thật bất phó giả, đa hữu ký họa”. Trong lịch sử chúng ta thấy được điều này, trong xã hội hiện nay, nếu quan sát tường tận, là báo hiện đời! Người quá nổi tiếng, họ không có thật đức, họ thường gặp những tai họa không ngờ. Hưởng danh vọng lớn ở thế gian, dễ nổi tiếng nhất là những người nào? Mọi người đều biết trên khắp mọi nơi, diễn viên điện ảnh dễ nổi tiếng nhất. Họ nổi tiếng, đó cũng là phước báo. Nếu họ không có thật đức, đích thực họ thường hay gặp những tai nạn bất ngờ. Chúng ta thấy những diễn viên nổi tiếng của các nước, diễn viên nổi tiếng, người có cái chết được yên lành không nhiều.

Câu nói này của Liễu Phàm tiên sinh có hiệu nghiệm, không chỉ là thế giới điện ảnh, mà trong bất kỳ ngành nghề nào. Nếu không có đức hạnh chơn chánh, danh vọng của họ càng cao thì ẩn chứa cơ hội tai họa bất ngờ càng nhiều, chúng ta phải biết điều này.

“Nhân chi vô quá cửu, nhi hoành bị ác danh giả”. Người này không có sai lầm, là bậc thiện nhân, một người tốt hành thiện tích đức. Họ bị người khác sỉ nhục, bị người hiểu lầm, tiếng xấu truyền xa. Mọi người nhắc đến người này, đều mắng họ vài câu. Trái lại đây là việc tốt, tốt ở đâu? Tội chướng của họ đều báo hết. Mỗi người thấy họ đều trừng một cái, mắng vài câu, đây cũng là quả báo, khiến cho tội chướng vô thì kiếp đến nay của họ được báo hết. “Từ tôn vãng vãng sâu phát”, con cháu họ thường đột nhiên phát đạt. Cũng có số ít lúc bản thân lớn tuổi phước báo hiện tiền. “Âm dương chi tế vi hi tai”, quả báo của âm đức và dương đức, vô cùng vi diệu! Không thể không phân biệt rõ ràng. Chúng ta đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức nên làm như thế nào, tự mình sẽ hiểu.

Bên dưới đoạn thứ tư: “Hà vị thị phi”, thiện có “thị”, có “phi”. Liễu Phàm tiên sinh đưa ra một ví dụ trong lịch sử. “Lỗ quốc chi pháp”, nước Lỗ là quê hương của Khổng tử thời Xuân Thu. “Lỗ nhân hữu, thực nhân thần thiệp ư chư hầu, giai thọ kim ư phủ”. Đây là pháp luật của nước Lỗ, người nước Lỗ gặp lúc khó khăn, bị người ta bán đến nước khác làm nô tỳ. Có người đứng ra chuộc những người này về, chính phủ nước Lỗ ban phần thưởng cho họ.

“Từ công thực nhân, nhi bất thọ kim, Khổng tử văn nhi ác chi, viết tư thất chi hĩ”. Từ Công là học trò của Khổng tử, ông chuộc người, sau khi chuộc về, không nhận phần thưởng của chính phủ, Khổng tử nghe vậy trách cứ ông. “Tu” là tên của Từ công, “thất chi”, người sai rồi! Sai ở đâu? Bên dưới nói: “Phu thánh nhân cử sự, khả dĩ di phong dịch tục, nhi giáo đạo, khả thí ư bá tánh, phi độc thích kỷ chi hành giả”. Khổng phu tử giáo huấn nói vì sao Từ Công sai? Thánh hiền nhân làm việc, họ có một nguyên tắc, nguyên tắc này là nhất định có thể thay đổi

phong tục. Nói cách khác, là giúp xã hội cải thiện phong tục không tốt, việc này có thể làm. Có thể giáo hóa bá tánh, làm gương cho bá tánh.

Hiện nay chúng tôi đi giảng kinh các nơi, đưa ra tiêu đề: “Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”, chính là ý này. Những gì chúng ta học được, nhất định làm tấm gương cho xã hội, chúng ta cần phải học. Không thể làm gương cho đại chúng xã hội, chúng ta không nên học. Chúng ta không lãng phí thời gian, không lãng phí tinh lực vào đó. Nói cách khác, nhất định là lợi ích xã hội, lợi ích chúng sanh, chúng ta cần siêng năng nỗ lực học tập. Có thể làm gương, làm mô phạm cho xã hội đại chúng, điều này chúng ta phải làm.

Tử Cống chuộc người mà không nhận tiền, chưa đủ làm tấm gương cho thế nhân, cho nên Khổng phu tử trách cứ ông ta. “Phi độc thích kỷ chi hành dã”, không được tùy theo sở thích của mình. “Tôi thích làm như thế nào”, không được như vậy, phải chú ý đến đại chúng xã hội. “Kim Lỗ quốc phú giả quả, nhi bản giả chúng”. Ông nói đến tình hình trước mắt, xã hội nước Lỗ nhà giàu có rất ít, già đình nghèo khó lại nhiều. “Thọ kim tắc vi bất liêm”, Tử Cống chuộc người, nhận phần thưởng của chính phủ cảm thấy mình không liêm khiết, ảnh hưởng này quá lớn. “Hà dĩ tương thực hồ”, còn có ai dám đi làm việc chuộc người? Bị Tử Cống phá hoại. Nói cách khác, cần phải hiểu ý của thánh nhân, Tử Cống chuộc người nhất định phải hoan hỷ nhận thưởng của chính phủ. Khuyến khích người có tiền trong xã hội, chuộc con dân của đất nước mình đang làm nô lệ bên ngoài trở về, như vậy mới là việc tốt. Hôm nay ông chuộc người không nhận thưởng, tưởng rằng mình rất liêm khiết, còn nhận thưởng là không liêm khiết. Đối với bản thân ông mà nói thì không sao, nhưng đối với toàn thể phong tục xã hội mà nói, thì ông đã sai.

“Tự kim dĩ hậu, bất phục thực nhân, ư chư hầu hĩ”. Chư hầu là chư hầu của nước khác, còn có ai đi chuộc người? Do đây có thể biết, tiêu chuẩn đúng và sai của thánh nhân, khác với tiêu chuẩn đúng và sai của người bình thường.

Bên dưới lại đưa ra một ví dụ nữa: “Tử Lộ chứng nhân ư nịch, kỳ nhân tạ chi dĩ ngư, tử Lộ thọ chi. Khổng tử hỷ chi, tự kim Lỗ quốc, đa chứng nhân ư nịch hĩ”. Đây là nhãn quang của Khổng phu tử, Tử Lộ cũng là học trò của Khổng phu tử, ông thấy một người rơi xuống nước, sắp chết đuối. Ông xuống cứu người này, người này rất cảm kích ông, tặng một con trâu để cảm ơn, Tử Lộ tiếp nhận. Tử Lộ không cự tuyệt, tiếp nhận, Khổng phu tử nghe xong rất hoan hỷ. Khổng Phu Tử nói, từ nay về sau nước Lỗ có rất nhiều xuống nước để cứu những người sắp chết đuối. Vì sao vậy? Nhận sự trả ơn của người khác.

Hai việc này, “tự tục nhân quan chi, Tử Cống bất thọ kim chi ư”, điều này đáng khen ngợi. “Tử Lộ chi thọ ngư vi liệt”, người này không sánh bằng Tử Cống. Nhưng “Khổng tử tắc thủ do, nhi truất tư yên”. Quan niệm của Khổng tử không giống với chúng ta, ông khen ngợi Tử Lộ. “Do” là tên của Tử Lộ, “Tu” là tên của Tử Cống. Ông khen ngợi Tử Lộ, trách cứ Tử Cống.

“Nãi tri nhân chi vi thiện, bất luận hiện hành, nhi luận lưu tề, bất luận nhất thời, nhi luận cửu viễn, bất luận nhất thân, nhi luận thiên hạ”. Ba câu này rất quan trọng! Chúng ta phải ghi nhớ thật kỹ. Chúng ta hành thiện, đây là ảnh hưởng của

thiện. Phạm vi phải rộng, thời gian phải dài, điều thiện này là “thị”, đây là thiện lớn. Nếu phạm vi ảnh hưởng nhỏ, thời gian ảnh hưởng ngắn, đây là thiện nhỏ. Trong đoạn này nói về “thị phi”. “Bất luận hiện hành nhi luận lưu tộ”. “Lưu tộ”, nói như hiện nay gọi là ảnh hưởng. “Bất luận nhất thời nhi luận cửu viễn”, tuyệt đối không phải nhất thời, thời gian ảnh hưởng của nó rất dài. “Bất luận nhất thân nhi luận thiên hạ”, lợi ích đạt được không chỉ riêng mình, mà là người thiên hạ được lợi ích, cái thiện này là “thị”.

“Hiện hành tuy thiện, nhi kỳ lưu tộ dĩ hại nhân, tắc tợ thiện nhi thật phi dã”. Trường hợp của Tử Công chính là như vậy, việc thiện ông ta làm hình như là thiện, nhưng ông để lại ảnh hưởng không tốt. Ảnh hưởng này làm ảnh hưởng rất nhiều người chuộc người về nước. Trở ngại người khác, không phải là hại người ư? Cho nên đây là giống như là thiện nhưng thật không phải thiện. Lý này rất sâu sắc, không nhiều người nhận ra điều này, chỉ thánh nhân thấy được.

“Hiện hành tuy bất thiện, nhi kỳ lưu tộ dĩ tế nhân, tắc phi thiện nhi thật thị dã”. Tử Lộ chính là như vậy, Tử Lộ cứu một người, người ta tặng ông một con trâu ông tiếp nhận. Hình như là không thiện, nhưng ông có thể ảnh hưởng người khác. Khiến những người khác nghe hành vi của Tử Lộ, khi thấy người rơi xuống nước, cũng rất dũng cảm xuống cứu người. Điều này xem ra như bất thiện, nhưng thực tế nó là thiện.

“Nhiên thử tự nhất tiết, luận chi nhĩ”, đưa vấn đề này ra để nói. “Tha như phi nghĩa chi nghĩa, phi lễ chi lễ, phi tín chi tín, phi từ chi từ, giai đương quyết trách”. Việc đúng và sai quá nhiều, chúng ta cần phải hiểu. Như thế nào gọi là “nghĩa”? Như thế nào gọi là “bất nghĩa”? Chúng ta đều phải có năng lực phân biệt. Như thế nào là “lễ”? Như thế nào là “tín”? Như thế nào là “từ bi chân thành”? Trong này, ví dụ có người làm việc xấu, làm việc ác, nhất định phải trừng phạt họ, tuyệt đối không thể tha thứ. Có người tha thứ cho người có tội này, việc này có gọi là nghĩa chăng? Nhất định phải quan sát người này, nếu người này làm sai được tha thứ, trái lại gan họ càng lớn, tương lai họ làm càng nhiều chuyện xấu, khiến rất nhiều người bị hại, vậy tha thứ của quý vị là sai lầm. Nếu cảnh cáo họ, trừng phạt họ, về sau họ không giáo làm những điều phi pháp, đây là việc nghĩa thật sự, gọi là “nghĩa trong phi nghĩa”.

“Lễ” là mỗi người đều có, nhưng cần phải có mực thước. Dùng lễ phép đối với người là lễ. Nếu cung kính, khen ngợi quá đáng, người này dần dần khởi tâm ngạo mạn, đây gọi là “phi lễ”. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta không thể không cẩn thận, không thể không tỉ mỉ. Chữ tín rất quan trọng, nhưng cũng phải xem tình huống. Nếu chú ý niềm tin nhỏ, đây là tín, nhưng vì chú ý niềm tin nhỏ nhất mà mất đi niềm tin lớn, như vậy là sai. Thánh nhân chú ý niềm tin lớn, đôi khi có thể bỏ qua niềm tin nhỏ, đây gọi là “tín của phi tín”.

“Từ” là từ ái, từ ái không được quá đáng, từ ái quá thường biến thành không nhân từ, “từ trong phi từ”. Đây đều là nói, vốn quý vị rất tốt, nhưng dùng phương pháp không thích đáng. Nghĩa là tốt, nhưng áp dụng sai. Lễ là tốt, quý vị cũng áp dụng không đúng cách. Chữ tín là tốt, quý vị cũng dùng sai. Từ bi là tốt, quý vị cũng đã dùng sai. Nhà Phật thường nói: “từ bi đa họa hại, phương tiện xuất hạ

lưu”. Từ bi và phương tiện là phương pháp dạy học quan trọng nhất trong Phật giáo. Nhà Phật thường nói: “Từ bi vi môn, phương tiện vi môn”, sao từ bi lại biến thành họa hại, phương tiện thành ra hạ lưu? Dùng không được thích hợp. Từ của phi từ, phương tiện trong phi phương tiện, dùng sai.

Đoạn thứ năm nói về “thiên chánh”. “Hà vị thiên chánh, tích Lữ Văn Ý Công”, đây là nói Lữ Nguyên. “Sơ từ tướng vị quy cố lý, hải nội ngưỡng chi, như thái sơn bắc đầu. Hữu nhất hương nhân, túy nhi lệ chi, Lữ công bất động, vị kỳ bộc viết, túy giả vật dữ giáo dã, bế môn tạ chi. Du niên, kỳ nhân phạm tử hình nhập ngục, Lữ công thi hồi chi viết, sử đương thời sảo dữ kế giáo, tổng công gia trách trị, khả dĩ tiểu trùng nhi đại giới. Ngô đương thời, chỉ dục tồn tâm ư hậu, bất vị dưỡng thành kỳ ác, dĩ chí ư thử, thử dĩ thiện tâm, nhi hành ác sự giả dã’.

Lữ Văn Ý Công, Văn Ý là thụy hiệu, tên gọi là Nguyên, Lữ Nguyên, hiệu là Phùng Nguyên. Ông người huyện Tú Thủy tỉnh Triết Giang, sanh vào Anh Tông Chính Thông triều nhà Minh, từng làm Tể tướng. Người này rất tốt, là một người tốt, một bậc trưởng giả trung hậu. Khi ông từ chức Tể tướng trở về quê, “sơ từ tướng vị”, đây là cáo lão hồi hương. Sau khi từ chức trở lại cố hương, khi hoàn hương. Tuy từ chức vụ Tể tướng, nhưng đức hạnh và sự nghiệp của ông, “hải nội ngưỡng chi, như thái sơn bắc đầu”, được đại chúng xã hội tôn kính, ngưỡng mộ ông như thái sơn bắc đầu, đây là từ hình dung. Có lần ông gặp một người ở quê, người đồng hương, say rượu đến mắng ông. “Lữ công bất động”, nghe người say rượu này chửi mắng, tâm ông bất động. Nói với tùy tùng của mình, ông ta say, đừng so đo tính toán làm chi. Không để ý đến ông ta, “bế môn tạ chi”. Một năm sau, người này phạm tội tử hình bị giam vào ngục. Lữ tiên sinh nghe vậy cảm thấy rất hối hận, ông nói giả như năm ngoái khi ông ta say rượu mắng mình, tôi bắt ông ta đưa đến quan phủ trị tội. Trùng phạt tội nhỏ này có thể khiến ông ta sanh cảnh giác, bây giờ không đến nỗi tạo ra lỗi càng lớn. Ông nói, lúc đó tôi chỉ nghĩ đến giữ tâm nhân hậu, không ngờ lại dưỡng thành tội ác cho ông ta, như ngày hôm nay. Vấn đề này là thiện tâm đã tạo nên việc ác.

“Hựu hữu dĩ tâm ác, nhi hành thiện sự giả”, lại nói một trường hợp tương phản. “Như mỗ gia đại phú”, có một gia đình giàu có. “Trực tuế hoang”, gặp năm mất mùa. “Cùng dân bạch trú, thương túc ư thị”, “túc” là lương thực, lúa gạo. Gặp năm mất mùa, người nghèo cướp lương thực ban ngày. Gia đình giàu có này, nhà họ có lương thực, người nghèo đến nhà họ cướp lương thực. “Cáo tri huyện, huyện bất lý”, nhà giàu này cáo trạng lên tri huyện, quan huyện không để ý đến. “Cùng nhân dụ dị”, những người nghèo này đến cướp đoạt càng không coi ai ra gì. “Toại tư chấp nhi khốn nhục chi, chúng thi định, bất nhiên kỷ loạn hĩ’. Người nhà giàu này không còn cách nào khác, tự thiết hình đường trong nhà mình, bắt những người trộm cắp này về thẩm phán, trừng phạt, nhờ vậy mà bình định được chuyện trộm cắp này. Nếu không họ sẽ biến thành bạo dân, làm nhiều loạn trật tự trị an của xã hội. Đây là đưa ra một trường hợp, ông ta dùng ác tâm để làm một việc tốt.

“Cố thiện giả vi chánh, ác giả vi thiên, nhân giai tri chi”, điều này mọi người đều biết. “Kỳ dĩ thiện tâm, nhi hành ác sự giả, chánh trung thiên dã, dĩ ác tâm,

nhi hành thiện sự giả, thiên trung chánh dã, bất khả bất tri dã”. Nếu chưa hiểu thấu triệt đối với chân tướng sự thật của những đạo lý này, chúng ta thường cho đây là việc thiện, nhưng chưa chắc là chân thiện. Cho nên hành thiện phải chú ý rất nhiều điều.

Đoạn bên dưới nói: “Hà vị bán mãn”, quý vị hành thiện, phải chăng công đức của việc thiện này là viên mãn? Hay chỉ có một nửa? “Dịch viết, thiện bất tích, bất túc dĩ thành danh, ác bất tích, bất túc dĩ diệt thân”. Đây là trích dẫn hai câu trong Kinh Dịch, thiện và ác đều dựa vào tích, báo ứng mới hiện tiền. “Thư viết, thương tội quán doanh”, đây là một câu trong Kinh Thư. Cuối triều đại nhà Thương tạo quá nhiều tội nghiệp, cho nên Võ Vương khởi nghĩa diệt Ân Thương.

Bên dưới dùng ví dụ để chứng minh. “Nhu trử vật ư khí”, cất giữ đồ vật trong khí huyết. “Cần nhi tích chi, tắc mãn”, chúng ta rất cần mẫn, thường thường tích lũy nó sẽ đầy. “Giải nhi bất tích, tắc bất mãn”, “giải” là giải đãi, không thường tích lũy nó sẽ không đầy. “Thử nhất thuyết dã”, đây là một cách nói về “bán thiện” và “mãn thiện”. Cần phải hiểu cách nói này, đó nghĩa là cần mà tích, việc thiện của quý vị là viên mãn. Nếu như giải đãi, đôi lúc phải làm một chút việc thiện, không để tâm vào việc lợi ích tất cả chúng sanh, việc thiện này là bán thiện, không được viên mãn, đây là một cách nói.

Bên dưới lại đưa ra thêm một cách nói nữa, ông đưa ra một ví dụ: “Tích hữu mỗ thị nữ nhập tự”. Ngày xưa có một cô con gái của gia đình nợ đến chùa. “Dục thí nhi vô tài, chỉ hữu tiền nhị văn, quyên nhi dữ chi, chủ tịch giả thân vi sám hối”. Đây là một cô gái nghèo, trên người chỉ có hai đồng bạc, cô ta cúng dường hai đồng bạc này cho chùa. Trụ trì của chùa, “chủ tịch” là hòa thượng trụ trì, đích thân đến tụng kinh sám hối cho cô ta. “Cập hậu nhập cung phú quý, huê số thiên kim, nhập tự xả chi”. Mấy năm sau, cô gái này được tuyển vào cung làm phi tần, hưởng thụ phú quý của nhân gian. Cô ta mang “số thiên kim nhập tự xả chi”, lần này cô ta đến chùa đại khái là để hoàn nguyện. Lúc trẻ thường đến chùa này thắp hương cầu nguyện, đời này quả nhiên được phú quý. Lần này đến chùa thắp hương, đem theo rất nhiều tài vật để bố thí. “Chủ tăng duy linh kỳ đồ, hồi hướng nhi dĩ”, vị hòa thượng trụ trì không đích thân hồi hướng cho cô ta, chỉ bảo đệ tử thay mình hồi hướng cho cô ta mà thôi. “Nhân văn viết”, cô gái này hỏi. “Ngô tiền thí tiền nhị văn, sư thân vi sám hối”. Cô ta nói, lúc tôi còn trẻ đến đây, tôi bố thí hai đồng bạc, thầy lại đích thân sám hối cho tôi. “Kim thí số thiên kim, nhi sư bất hồi hướng, hà dã”. Hôm nay tôi đến đây, mang theo mấy ngàn lạng bạc để cúng dường, nhưng thầy không hồi hướng cho tôi, như vậy là vì sao?

“Viết”, hòa thượng nói rằng: “Tiền giả vật tuy bạc, nhi thí tâm thậm chân, phi lão tăng thân sám, bất túc báo đức. Kim vật tuy hậu, nhi thí tâm, nhược bất tiền nhật chi thiết”. Trước đây cô đến chùa thắp hương lạy Phật cúng dường hai đồng bạc, nhưng tâm cô chân thành. Tôi không đích thân sám hối, không thể báo đáp đức của cô. Hôm nay tuy cô đem rất nhiều tài vật đến cúng dường, nhưng tâm cô không chân thành khẩn thiết như trước đây. “Linh nhân đại sám túc hỉ”, tôi để đệ tử mình thay tôi sám hối cho cô là được. Chúng ta cần suy nghĩ tường tận điều này.

“Thử thiên kim vi bán, nhi nhị văn vi mãn dã”. Việc thiện này là chân tâm, bỏ thí tuy ít nhưng phước thiện mà cô đạt được là viên mãn. Không thành tâm, khi cô ta làm phi tâm\_Tục ngữ thường nói làm được nương nương, không sao tránh khỏi mang theo tập khí cống cao ngã mạn của người phú quý, đức của cô bị tổn giảm. Lúc này cô đến lễ Phật, tiền hô hậu ủng, không phải một lần. Trên thực tế, phước mà cô tu mới một nửa thiện mà thôi.

Bên dưới Liễu Phàm tiên sinh lại kể một câu chuyện: “Chung ly thọ đan ư Lữ tổ”. Hán Chung Ly là một trong tám vị tiên, ông muốn độ Lữ Động Tân, dạy Lữ Động Tân “điểm thiết vi kim, khả dĩ tế thế”. Nếu muốn cứu người cùng khổ cần phải có tiền, ông có một chiêu pháp thuật có thể “hóa sắt thành vàng”. “Lữ vấn viết, chung biến phủ”, tôi biến sắt thành vàng, có bị hoàn nguyên chăng, vàng có biến thành sắt lại chăng? Hán Chung Ly nói: “Viết, ngũ bách niên hậu, đương phục bản chất”, ông ta nói 500 năm sau sẽ bị hoàn nguyên. “Lữ viết, như thử tác hại, ngũ bách niên hậu nhân hỉ, ngô bất nguyện vi dã”, tôi không làm việc này, không cần. “Viết”, Hán Chung Ly nói: “Tu tiên yếu tích, tam thiên kiếp hạnh, nhữ thử nhất ngôn, tam thiên kiếp hạnh dĩ mãn hỉ, thử hựu nhất thuyết dã”. Ông nói về “bán” và “mãn” đã đưa ra ba trường hợp để chứng minh, ba cách nói. Chúng ta phải suy nghĩ tường tận, chúng ta tu thiện tích đức, rốt cuộc thiện của mình là mãn thiện hay là bán thiện? Hiện tại chúng ta được quả báo là viên mãn hay là có khiếm khuyết? “Bán” nghĩa là khiếm khuyết, chúng ta không thể không hiểu điều này.

Người học Phật, thông thường bản chất đều tốt, tâm đều thiện, thật đáng tiếc, họ không có trí tuệ này, không có kiến thức này. Cho nên trên phương pháp và lý luận đều có sai lệch, vì thế tu thiện thường đạt được quả báo không viên mãn, đạo lý chính là như vậy. Chúng ta không đọc những cuốn sách này làm sao có thể nghĩ đến được? Hy vọng sau khi chúng ta học xong, kiểm điểm lại xem hành vi tạo tác trong cuộc đời mình, đáng được quả báo như thế nào.

Thôi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 16**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Minh Tâm**  
**Thời gian: 19.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_ Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Chúng ta xem tiếp một đoạn sau cùng về “bán mãn”. “Hựu vi thiện, nhi tâm bất trước thiện, tắc tùy sở thành tựu, giai đắc viên mãn. Tâm trước u thiện, tuy chung thân cần lợi, chỉ u bán thiện nhi dĩ. Thí như dĩ tài tế nhân, nội bất kiến kỷ, ngoại bất kiến nhân, trung bất kiến sở thí chi vật, thị vi tam luân thể không, thị vi nhất tâm thanh tịnh. Tắc đầu sửu khả dĩ, chủng vô nhai chi phước. Nhất văn khả dĩ, tiêu thiên kiếp chi tội. Thặng thử tâm vị vọng, tuy hoàng kim vạn dật, phước bất mãn dã, thử hựu nhất thuyết dã”.

“Bán mãn” nói đến đoạn này mới xem là rõ ràng, nhưng vấn đề này không phải phàm phu có thể làm được. Do đây có thể thấy, chúng ta nói bán hay mãn, bán mãn vẫn có cấp bậc, không thể nhất loạt như nhau. Nếu dùng tiêu chuẩn ở đây, những gì ở trước nói về mãn đều là bán, đều không phải viên mãn thật sự. Đến “tam luân thể không” mới thật sự viên mãn. Ai có thể làm được “tam luân thể không”? Pháp thân Bồ Tát mới có thể làm được. Không những lục đạo chúng sanh không làm được, mà Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát trong tứ thánh pháp giới cũng không làm được, vì sao vậy? Vì con người không thể vô tâm. Nói cách khác, họ có vọng tưởng phân biệt chấp trước, không thích hợp với tiêu chuẩn này. Khi nào đoạn tận vọng tưởng phân biệt chấp trước, mới đạt được tiêu chuẩn này, tiêu chuẩn này là tiêu chuẩn của pháp thân Bồ Tát, chúng ta cần phải biết, biết mới có lợi ích, lợi ích gì? Hành thiện không tự thấy đầy đủ, có lợi ích này. Bất luận tích bao nhiêu công đức, trong lòng mình luôn cảm thấy chưa đủ nhiều, vẫn còn rất ít, như vậy rất tốt. Không tự thấy vừa lòng mới siêng năng nỗ lực cần cầu tu thiện. Hiểu được đạo lý này, mới biết thiện hạnh của Chư Phật Bồ Tát niệm niệm viên mãn. Bất luận họ tu điều thiện là lớn hay nhỏ, tất cả đều viên mãn. Vì sao vậy? Vì họ không có vọng tâm, họ dùng chân tâm, dùng bản tánh, chân tâm bản tánh là viên mãn. Dùng chân tâm bản tánh làm việc, không có gì mà không viên mãn, đạo lý là như vậy. Đây là nguyên nhân vì sao chúng ta phải học Phật, vì sao phải phát nguyện làm Phật. Bây giờ chúng ta giải thích sơ lược đoạn văn này.

“Vi thiện nhi tâm bất trước thiện”, không có phân biệt, không có chấp trước. “Tắc tùy sở thành tựu, giai đắc viên mãn”, đều là viên mãn, đều là mãn thiện. Nếu tâm chấp trước vào điều thiện, “tuy chung thân cần lợi, chỉ u bán thiện nhi dĩ”, nếu chấp trước vào tướng tu thiện, dù suốt đời cần mẫn phấn đấu tích tu, vẫn là bán thiện mà thôi. Nguyên nhân vì sao? Vì trong thiện tâm có xen tạp, trong tâm

có chấp trước chính là xen tạp, xen tạp sự bất thiện, cho nên công đức thiện không thuần, chỉ đạt được bán thiện mà thôi.

Bên dưới đưa ra một ví dụ để chứng minh. “Thí như dĩ tài tế nhân”, tu tài bố thí, phải “nội bất kiến kỷ”. Sau khi tu bố thí tài vật, không chấp trước có cái tôi. Tôi có thể bố thí, tôi dùng bao nhiêu tài vật để bố thí, như vậy là chấp trước có cái “tôi”. Tâm như vậy không chân, không thuần. “Ngoại bất kiến nhân”, cũng không để người mình bố thí trong lòng. Tôi có thể bố thí, họ nhận tôi bố thí, ta vĩnh viễn không quên điều mình làm. Đây chính là vọng tưởng phân biệt chấp trước, làm phá hoại tâm thuần thiện của mình. Cần phải “trung bất kiến sở thí chi vật”, quý vị bố thí bao nhiêu tiền tài đừng so đo tính toán, thường hành bố thí. Nếu thường cảm thấy tôi bố thí, người đó nhận bố thí của tôi, tôi bố thí bao nhiêu tài vật. Tâm hành bố thí như vậy, dù bố thí suốt đời cũng chỉ là bán thiện. Phải như thế nào mới là “mãn thiện”?

Ở Singapore có một vị cư sĩ tên là Hứa Triết, bây giờ rất nhiều người biết đến bà. Chúng tôi đến phỏng vấn bà, có làm thành CD, bây giờ cùng lưu thông cùng các CD khác của chúng tôi trên khắp thế giới. Năm nay bà 102 tuổi, suốt đời tu bố thí, bố thí của bà là mãn thiện. Tài vật bà bố thí không nhiều, nhưng ngày nào cũng làm, không có lúc nào nghỉ ngơi, bà được quả báo mãn thiện. Mọi người thấy vậy, vô cùng ngưỡng mộ. 102 tuổi, thân thể mạnh khỏe, không hề có bệnh hoạn gì. Tôi quan sát tỉ mỉ, bà chỉ rụng một cái răng, tình trạng thể năng của bà như người ba bốn mươi tuổi vậy. Bà thường nói, chúng ta phải trường thọ, chúng ta đừng già, chúng ta không được bệnh. Suối đời bà chưa từng sanh bệnh, sống đến 102 tuổi, tinh thần bảo mãn. Ngày ngày phục vụ cho những người già, người bệnh, phục vụ này chính là bố thí. Ngoại tài bố thí, nội tài bố thí, quả thật bà đã đạt được “tam luân thể không”. Bà không biết đến cái tôi, bà cũng không để người mình bố thí, người nhận ân huệ của mình trong tâm, không có. Tâm địa bà trống trải, sạch sẽ. Cũng không nghĩ đến, hôm nay mình làm bao nhiêu việc thiện, làm bao nhiêu việc tốt, không có ý niệm này. Bà thật sự làm được tam luân thể không, nên quả báo của bà rất thù thắng, không ai có thể sánh được, tâm địa chân thành thanh tịnh từ bi. Như trong Pháp Bảo Đàn nói: “bồn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”.

Ba năm nay tôi ở Singapore, tôi đưa ra trường hợp của cư sĩ Hứa Triết, là hiện thân thuyết pháp, quý vị có tin chăng? Phải chăng quý vị rất ngưỡng mộ? Ngưỡng mộ thì cần phải học! Chúng ta xả phải xả cho triệt để. Có rất nhiều người không hiểu đạo lý này, không hiểu chân tướng sự thật, không dám xả, cho rằng vì sao? Tôi đều bố thí hết, xả bỏ hết, ngày mai tôi phải như thế nào? Ai chịu bố thí cho tôi? Cho nên mỗi niệm họ không quên cái “tôi”, không dám buông bỏ. Buông bỏ thì buông bỏ, nhưng chỉ buông bỏ một nửa, còn một nửa kia vĩnh viễn không buông được. Do đó thiện họ tu được chỉ có bán thiện, không thể đạt được viên mãn. Quả báo của họ chỉ đạt được một nửa, không thể đạt được viên mãn. Vấn đề này chúng ta không thể không tư duy tường tận, nếu không hiểu thấu triệt đạo lý này, ta hành thiện không triệt để. Muốn cầu quả báo viên mãn, đó là điều không thể.



Trong tất cả kinh luận, Đức Phật thường dạy chúng ta, của cải trong đời của một người từ đâu mà có? Của cải ta đạt được là quả báo, có quả tất phải có nhân, nhân của tài phú là gì? Là do tài bố thí, càng thí càng nhiều. Không phải nói, tôi bố thí, sau khi tôi bố thí của cải này, sau đó không có thu hoạch, như vậy không được. Bố thí là trồng nhân, “trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu”. Nếu trồng nhiều, nhất định thu hoạch được nhiều, đây là đạo lý nhất định. Cho nên người càng bố thí tài, người này càng phát tài, tài nguyên của họ đến cuồn cuộn không dứt, nhưng tâm phải chân thành.

Tôi bố thí không phải vì cầu phát tài mà muốn bố thí, nếu như cầu phát tài mà hành bố thí, đây là nhân địa không chân, có phát tài chăng? Phát, nhưng không nhiều, nhiều hơn một chút so với thứ ta bố thí ra, vì sao vậy? Thêm một chút lợi tức. Nếu không có ý niệm vì phát tài mà bố thí tài, thì của cải đó không thể đo lường, của cải này sẽ nhiều vô tận. Của cải đến, của cải này không phải hưởng thụ riêng mình, nhất định phải đem của cải này cứu tế cho tất cả chúng sanh khổ nạn. Như vậy quả báo của công đức này ngày càng thù thắng, quả báo tuyệt đối không phải ở nhân gian, nhân gian không có phước báo lớn như thế. Quả báo ở cõi trời, quả báo ở thế giới Hoa Tạng, quả báo ở thế giới Cực Lạc. Cho nên ta phải hiểu, phải biết cách làm. Bố thí pháp được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy được mạnh khỏe sống lâu. Của cải, thông minh, mạnh khỏe trường thọ đều là quả báo. Nếu không hiểu cách tu nhân, nếu nhân không thuần, nếu nhân không chánh, làm sao đạt được quả báo này?

Trong chư vị đồng tu, những lời này chúng ta không được miến cưỡng khuyên người khác. Miến cưỡng khuyên người khác, người ta còn cho rằng mình có ý đồ. Chúng ta khuyên họ tu tài bố thí, họ tưởng rằng ông thầy này tham tài, ông ta có ý đồ muốn tiền của tôi, không được nói! Chỉ có lúc giảng kinh thuyết pháp giải thích thêm một vài điều, để họ nghe được tự mình giác ngộ. Tôi không cần tiền của người khác, nếu nói tôi dùng tâm gạt tiền của quý vị. Không sai, quý vị đã tu bố thí, quý vị sẽ được phước, còn tôi phải gặp nạn. Tôi gạt người, tạo nghiệp, tôi phải bị đọa lạc, sao tôi có thể làm điều này? Tôi khuyên quý vị, tôi phải làm triệt để hơn quý vị, cho nên quả báo tôi đạt được viên mãn hơn quý vị. Của cải viên mãn, sự viên mãn này không phải nói tôi có rất nhiều tài phú, không phải vậy. Mỗi ngày tôi sống không thiếu thốn, đây chính là viên mãn. Quý vị có tài sản vạn ức, mỗi ngày quý vị cũng là ngày ba bữa cơm, đêm ngủ sáu giờ, bất quá cũng chỉ là như vậy mà thôi. Tôi không có đồng nào, mỗi ngày cũng không thiếu bữa cơm nào, đêm về cũng ngủ rất ngon, không có khác gì với quý vị. Phải hiểu đạo lý này, phước này chính là “mãn”. Thân thể mạnh khỏe sống lâu, không có bệnh khổ, không có phiền não, không có ưu tư, không có vương bận. Đây thật sự là phước đức viên mãn.

Tôi tiếp xúc Phật pháp, tu học Phật pháp đến nay là tròn 50 năm. Trong 50 năm này, tôi được thầy dạy bảo, để tôi phá mê sanh tín, tiếp theo là y giáo phụng hành. Khi mới tiếp xúc, thầy nói với tôi tu học Phật pháp là hưởng thụ cao nhất của đời người, tôi thật sự đạt được, thầy không gạt tôi, tôi cảm kích vô cùng. Trong đời tôi, nếu không gặp được pháp môn này, tôi biết đời này sẽ sống rất đau

khổ, cũng không sống đến ngày hôm nay. Không cần tính đến thọ mạng, dài hay ngắn đều như nhau, nhưng khác biệt giữa vui và khổ quá lớn. Sự khác biệt của quả báo sau khi chết, điều đó rất khó tưởng tượng. Gặp Phật pháp, mang đến cho tôi cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Dem đến cho đời sau, tôi tin phước báo nhất định hơn hẳn đời này rất nhiều lần. Nhất định phải hiểu đạo lý này, phải thấu hiểu chân tướng sự thật.

“Tam luân thể không” rất quan trọng, dù làm nhiều việc thiện đến đâu cũng đừng để trong lòng. Đôi lúc người khác nhắc đến, trong lòng nghĩ lại có điều này, không ai nhắc đến thì không hề nhớ, như vậy là đúng. Đạo đức cơ bản của nó là “nhất tâm thanh tịnh”. Chúng ta học Tịnh độ tông, tu học chủ yếu của Tịnh độ chính là câu này. Trong Kinh Di Đà nói: “nhất tâm bất loạn”, đây là mục tiêu tu học chính yếu của người học Tịnh độ. “Nhất tâm” là chân tâm, trong nhất tâm không có giới hạn, cho nên là khắp hư không biến pháp giới. Như vậy dù một chút việc thiện cũng lớn giống như tâm lượng chúng ta vậy.

Cho nên “đầu sủu khả dĩ chủng vô nhai chi phước”, một đầu gạo không nhiều, nhưng bố thí một đầu gạo trồng được phước báo vô lượng vô biên. Vì sao vậy? Vì ta dùng nhất tâm thanh tịnh bố thí, là do bố thí mà không chấp tướng, cho nên phước báo lớn như thế. Con người đạt đến không chấp tướng, chính là Bồ Tát, không phải phàm phu. Trong Kinh Kim Cang nói: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, người này là Bồ Tát. Nếu người này chấp tướng, trong kinh nói: “hữu ngã tướng, hữu nhân tướng, hữu chúng sanh tướng, hữu thọ giả tướng”, tức không phải Bồ Tát. Sự khác nhau giữa Bồ Tát và không phải Bồ Tát, Kinh Kim Cang đưa ra tiêu chuẩn quá hay. Trong tâm còn có ta, còn có người, còn có thị phi, đó là phàm phu, không phải Bồ Tát. Còn như trong tâm không có ta, cũng không có người, cũng không có chúng sanh, cũng không có thọ giả\_ thọ giả là quan niệm về thời gian, quá khứ, hiện tại, vị lai đều không có. Phân biệt chấp trước này đều không còn nữa, người này là Bồ Tát. Người này bố thí một đầu gạo, phước báo là vô lượng vô biên, bố thí một đồng tiền có thể “tiêu ngàn kiếp tội”. Chúng ta phải tinh tấn nỗ lực nâng cao cảnh giới của mình, cảnh giới càng cao càng dễ tu phước. Muốn nâng cao cảnh giới phải bắt đầu từ việc đoạn ác, phải đoạn ác thật triệt để. Thông thường chúng ta đều hạ thủ công phu ở đây, nhưng vẫn chưa được triệt để. Họ có đoạn, nhưng đoạn không sạch, do đó quả báo không thù thắng. Hứa triết đã đoạn tận, cho nên quả báo thù thắng, quả báo viên mãn.

Mấy câu sau cùng nói: “Thẳng thử tâm vị vọng”, nghĩa là không quên cái tôi, cũng không quên người, cũng không quên những việc tốt mình đã làm. “Tuy hoàng kim vạn dật”, tức là nói quý vị bố thí tiền tài rất nhiều. “Phước bất mãn dã”, chỉ được bán phước, không được mãn phước. “Thử hựu nhất thuyết dã”, đối với “bán” và “mãn” Liễu Phàm tiên sinh nói rất nhiều, chúng ta phải biết tu phước báo viên mãn.

Tiếp theo nói với chúng ta “hà vị đại tiểu”, như thế nào là phước lớn? Như thế nào là phước nhỏ? “Tích Vệ Trọng Đạt vi quản chức”, Vệ Trọng Đạt hình như là người thời nhà Tống, câu chuyện về ông trong trước tác của cô nhân trích

dẫn rất nhiều. Do đây có thể biết, ông đúng là một người có thật, không phải là hư cấu. “Quản chức” là nhậm chức tại Viện hàn lâm, chức vị chắc cũng không lớn. “Bị nhiếp chí minh ty”, câu này là nói ông bị tiêu quỹ dẫn đến âm tào địa phủ. “Chủ giả mệnh lại, trình thiện ác nhị lục”, bị quỹ bắt đi. “Chủ giả” là Vua Diêm La, Vua Diêm La “lại” là phán quan, kêu phán quan đem sổ thiện ác của Vệ Trọng Đạt. Ông ta làm ác hay làm thiện, ở âm gian đều ghi chép lại, tức là nói đều lưu lại tài liệu, lấy tư liệu về ông ta ra xem. “Thử chí”, khi đưa đến. “Tắc ác lục doanh đình, kỳ thiện lục nhất trực”, Vệ Trọng Đạt suốt đời tạo việc ác, tư liệu về việc ác đầy khắp mặt đất, đều là tạo ác. Còn điều thiện, thiện chỉ có một quyển, quá ít. “Cẩn như trước nhi dĩ”, “như trước” tức giống như đôi đũa chúng ta ăn rất nhỏ, cuốn lại một quyển. Vua Diêm La thấy vậy, được, đem đến cân thử xem. “Sách xứng xưng chi, tắc doanh đình giả phản khinh, nhi như trước giả phản trọng”. Khi cân thử, sổ ghi tội ác sắp đầy khắp phòng lại nhẹ, còn một quyển sổ ghi việc thiện rất mỏng, giống như một tờ giấy cuốn lại vậy lại nặng hơn. “Trọng Đạt viết”, Vệ Trọng Đạt nói: “Mỗ niên vị tứ thập”, ông chưa đến 40 tuổi. “An đắc quá ác, như thị đa hồ”, tôi làm sao có nhiều tội ác đến vậy?

“Viết”, Vua Diêm La nói: “Nhất niệm bất chánh tức thị, bất đãi phạm dã. Nhân vấn trực tâm, sở thư hà sự”. Trong đời ông tạo ác quá nhiều, khởi một ác niệm, âm gian liền đem sổ thiện ác, ghi vào một tội trong sổ ác, không đợi đến người phạm. Nếu như phạm, đó là đại ác, còn ý niệm vừa mới khởi đó là ác nhỏ. Sổ ghi chép về điều ác nhỏ lớn đầy khắp mặt đất, nên mới có nhiều như vậy. Khởi tâm động niệm không được không cẩn thận. Ông ta lại hỏi, ông nói thiện trong quyển đó là những gì? Quý vị ghi gì trong đó? Vua Diêm La nói: “Viết, triều đình thưởng hưng đại công”, triều đình muốn làm một công trình lớn. “Tu tam sơn thạch kiều”, trong thành Phúc Châu có ba ngọn núi, trong chú giải có, đó là Cửu Tiên Sơn, Mân Sơn, Việt Vương Sơn, nên gọi là “Tam sơn”, muốn làm một cây thạch kiều trong Tam sơn này. “Quân thượng số gián chi, thử số cáo dã”, người từng thượng số kiến nghị lên hoàng đế, đừng làm công trình này, khổ dân tổn tài. Vì công trình này không cần thiết, không phải cần phải làm, có thể không cần làm.

“Trọng Đạt viết, mỗ tuy ngôn, triều đình bất tòng, ư sự vô bổ, nhi năng hữu như thị chi lực”. Tôi có kiến nghị như vậy thật, nhưng triều đình không tiếp nhận ý kiến, Tam Sơn thạch kiều vẫn làm. Bản tấu chương của tôi vẫn có sức mạnh lớn đến thế ư? Vua Diêm La nói với ông ta: “Viết, triều đình tuy bất tòng, quân chi nhất niệm, dĩ tại vạn dân, hướng sử thánh tòng, thiện lục cánh đại hĩ”. Điểm này chúng ta phải suy nghĩ tường tận, vì một niệm của ông ta không phải vì bản thân, là vì tất cả nhân dân. Chính phủ muốn làm công trình này, tiền này là do trăm họ nộp thuế, là tiền mồ hôi nước mắt của biết bao nhân dân vất vả mới có. Lúc không phải việc cấp thiết, triều đình đã sử dụng nó, dùng tiền không thỏa đáng, cho nên ông ta đứng ra can gián. Tâm của ông là nghĩ cho nhân dân, thiện này rất lớn. Nếu triều đình tiếp thu ý kiến, thiện của ông càng lớn. Tuy không tiếp thu, nhưng tâm ông là vì nước vì dân, thiện này rất lớn.

Bên dưới tổng kết: “Cố chí tại thiên hạ quốc gia, tắc thiện tuy thiếu nhi đại. Cầu tại nhất thân, tuy đa diệc tiểu”. Nếu chỉ để ý đến lợi ích cá nhân và gia đình mình, dù làm nhiều đến đâu, làm việc lớn đến mấy cũng là thiện nhỏ. Đạo lý này như trong Phật pháp nói: “cảnh tùy tâm chuyển”, chúng ta nhất định phải giữ tâm vì chúng sanh. Cảnh giới ta vì chúng sanh càng lớn, thì sức mạnh của thiện càng lớn. Mỗi niệm của tôi vì thành phố Thâm Quyển này, thiện này rất lớn, thành phố Thâm Quyển có hơn 400 vạn cư dân, hôm nay tôi thấy trên báo viết. Nếu bao gồm những người đến kinh doanh ở đây, những người du lịch không phải định cư, nhân khẩu lên đến 700 vạn. Chúng ta giữ tâm, niệm niệm nghĩ đến phúc lợi cho 700 vạn dân, thiện này rất lớn. Nhưng nếu ta nghĩ cho toàn thể tỉnh Quảng Đông, nghĩ cho cả đất nước, nghĩ cho toàn thế giới, thiện này càng không thể tưởng tượng. Nhưng nếu so với pháp thân Bồ Tát, thiện lớn của chúng, thiện vì nghĩ cho nhân dân trên toàn thế giới, chỉ là một nửa vẫn chưa viên mãn. Vì sao vậy? Vì pháp thân đại sĩ khởi tâm động niệm là tận hư không biến pháp giới, không phải vì một thế giới, không phải vì một tinh cầu. Chúng ta nói hệ thái dương, hệ ngân hà, không phải, như vậy vẫn còn nhỏ. Pháp thân Bồ Tát khởi tâm động niệm là vì tận hư không biến pháp giới, cho nên một chút thiện của họ đều không thể nghĩ bàn, đều vô lượng vô biên. Đạo lý và chân tướng sự thật này, chúng ta nhất định phải hiểu. Làm sao để học cổ thánh tiên hiền, Chư Phật Bồ Tát tu tập tích lũy đại thiện.

Đoạn sau cùng nói đến “nan dị”. “Hà vị nan dị”, nói đến điều này Liễu Phàm tiên sinh trích dẫn công phu tu tâm dưỡng tánh mà Nho giáo nói. “Tiên Nho vị khắc kỷ, tu tòng nan khắc xứ, khắc tương khứ. Phu tử luận vi nhân, diệc viết tiên nan”. Trước tiên phải bắt đầu từ khó, dễ tự nhiên đều làm được. Ông nói, ngày xưa Nho giáo chú trọng công phu khắc kỷ. “Khắc kỷ” là khắc phục tập khí phiền não của mình. Bắt đầu làm từ đâu? Phải bắt đầu khắc phục từ chỗ khó khắc phục nhất.

Ví như con người chúng ta, có người tham tài, yêu tài. Có người háo sắc, tham sắc. Có người háo danh, tham danh, tập khí phiền não của mỗi người không giống nhau. Làm sao để khắc phục tập khí, khuyết điểm của mình? Tập khí của mình điều gì nặng nhất. Ví dụ chúng ta xem trọng của cải nhất, ý niệm tập khí phiền não về tham tài nặng nhất. Ta phải bắt đầu hạ thủ từ điều này, những điều khác đều dễ hơn.

“Phu tử luận vi nhân”, Khổng lão phu tử nói đến “vi nhân”, cũng nói đến “tiên nan”. Hay nói cách khác, làm sao có thể làm được nhân, cũng cần phải hạ công phu từ chỗ khó, khó ở đâu? Khó ở chỗ ta muốn làm một người có đức hạnh, cần phải khắc phục tự tư tự lợi, có tự tư tự lợi, khó! Có tự tư tự lợi, nhân không có. Chữ “nhân” này, văn tự này là một phù hiệu, quý vị xem phù hiệu này như thế nào. Một bên là “nhân”, một bên là ‘nhị’, đây là chữ hội ý. Dạy chúng ta từ nơi phù hiệu này để lãnh hội ý nghĩa của nó, phải làm được tự tha không hai. “Những gì mình không muốn, đừng đem cho người khác”, đây là ý của chữ nhân. Nghĩ đến người khác lập tức nghĩ đến mình, nghĩ đến mình lập tức nghĩ đến người khác, đây gọi là nhân. Trong Phật pháp nói: “tự tha không hai”, tự tha là một

không phải hai. Hay nói cách khác, nếu chúng ta có tư tâm, có tự tư tự lợi, chữ “nhân” này liền không có. Cho nên xưng Bồ Tát là “nhân giả”, trong kinh luận Phật pháp, Phật thường xưng Bồ Tát là nhân giả. Nhân giả là Bồ Tát, không có tự tư tự lợi. Ở trước có đưa ra ví dụ với quý vị, trong Kinh Kim Cang nói: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”. Hạng người này là nhân giả, tiêu chuẩn này rất cao. Cho nên Phu tử nói: “tiên nan”, khắc phục ý niệm tự tư tự lợi của chính mình rất khó, phải hạ thủ từ đây. Phật pháp nói vô ngã, phải hạ thủ từ “vô ngã tướng”.

Bên dưới Liễu Phạm tiên sinh đưa ra một ví dụ, đương nhiên mấy ví dụ này chưa đạt đến tiêu chuẩn Phu tử nói về nhân, tiêu chuẩn này quá cao, đây là tiêu chuẩn của thánh nhân, là tiêu chuẩn của Phật Bồ Tát, không phải phàm nhân. Bây giờ chúng ta bỏ qua điều này, chúng ta xem đến phàm nhân.

“Tất như Giang Tây Thư Ông”, ở Giang Tây có Thư tiên sinh. “Xả nhị niên, cần đắc chi thúc tu, đại thường quan ngân, nhi toàn nhân phụ phụ”. Có một cặp vợ chồng rất nghèo, thiếu thuế của quốc gia, không thể nộp hết thuế, họ gặp được Thư tiên sinh. Thư tiên sinh cũng không đơn giản, ông là một người dạy học, thầy giáo dạy tư thực. Hai năm có được một ít tiền học phí của học sinh, nghĩa là một ít tiền lương, không nhiều. Ông gặp những người nghèo khổ, không thể nộp được tiền thuế, chúng ta gọi là tiền phạt, ông đem tất cả ra nộp thay, bảo toàn cho cặp vợ chồng này. Điều này không đơn giản! Người có tiền làm việc này không khó, ông không có tiền, thu nhập hai năm trong việc dạy học vất vả, ông đều giúp người khác.

Câu chuyện thứ hai. “Dữ Hàm Đan Trương Ông”, Trương tiên sinh ở Hàm Đan. “Xả thập niên sở tích chi tiền đại hoàn thực ngân, nhi hoạt nhân thế tử”. Ông cũng gặp một gia đình rất đáng thương, đem tiền bạc tích lũy mười năm giúp người khác trả hết tiền chuộc, giúp đỡ cho gia đình này. “Giai sở vị, nan xả xứ năng xả dã”, điều này không phải người bình thường có thể làm được. “Nhược trần Giang Cận Ông, tuy niên lão vô tử, bất nhẫn dĩ ấu nữ vi thiếp, nhi hoàn chi lân”. Đây là một người lân cận, thấy ông lớn tuổi không có con, đưa con gái mình đến cho ông làm thiếp, cô gái còn rất trẻ, ông không nỡ đành trả cô ta về.

“Thử nan nhẫn xứ năng nhẫn dã, cố thiên hàng chi phước diệc hậu. Phàm hữu tài hữu thế giả, kỳ lập đức giai dị”, làm việc tốt dễ. “Dị nhi bất vi, thị vi tự bạo”, không có chí tiên thủ, bỏ qua cơ hội tu phước tích thiện tích đức, họ không chịu làm, nếu họ làm thì quá dễ. “Bản tiện tác phú giai nan, nan nhi năng vi, tư khả quý nhĩ”. Nghèo khó làm được mới đáng quý. Đưa ra ví dụ đều rất nghèo cùng, trong xã hội không có tiền tài, không có địa vị. Nhưng thấy người khác có việc cấp thiết, họ không suy nghĩ gì thêm, đem tất cả tài sản tích trữ của mình ra giúp người khác, giải quyết khó khăn cho người khác, đây là khó mà làm được mới đáng quý! Cho nên quả báo của họ rất sâu dày. Nhưng chúng ta cần phải biết, lúc họ làm điều này chỉ biết giúp người khác giải quyết khó khăn, không hề nghĩ đến quả báo của mình. Nếu nghĩ đến quả báo của mình, có thể họ không làm.

Đọc xong tám đoạn văn này, chúng ta nhất định phải biết, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, 16 chữ này cần phải khắc phục.

Không khắc phục được 16 chữ này, đời này chúng ta đoạn ác, ác đoạn không triệt để. Tu thiện, thiện tu không được viên mãn, chỉ làm được những việc thiện nhỏ, hoặc bán thiện, có được quả báo ở đời sau. Chỉ có đại thiện, mãn thiện mới có thể thay đổi nghiệp báo của mình. Như Liễu Phàm tiên sinh ông thực hành việc thiện, và thay đổi vận mệnh của mình. Có rất nhiều người tu thiện tích đức, nhưng vẫn bị vận mệnh xoay chuyển, không thay đổi được vận mệnh, chính là vì nguyên nhân này. Họ đoạn ác chưa triệt để, tu thiện chưa viên mãn, đạo lý là như vậy. Nếu học Phật, mục đích học Phật là muốn khai ngộ, là cầu minh tâm kiến tánh, cầu vãng sanh Tịnh độ. Nếu không khắc phục 16 chữ này, 16 chữ này tạo thành chướng ngại nghiêm trọng. Không chỉ chướng ngại minh tâm kiến tánh, mà nó còn chướng ngại sự đại triệt đại ngộ. Không chỉ như vậy, mà chúng ta cầu vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, cũng bị nó chướng ngại, chúng ta không thể không biết. Vì thế người niệm Phật nhiều, nhưng người vãng sanh lại ít, nguyên nhân ở đâu chúng ta đã biết.

Hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 17**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 19.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Mời xem tiếp đoạn sau cùng: Phương pháp tích thiện. “Tùy duyên tế chúng, kỳ loại chí phồn, ước ngôn kỳ cương, đại ước hữu thập”. Đây là Liễu Phàm tiên sinh dạy chúng ta, trong cuộc sống hằng ngày phải biết tùy duyên, tận lực đi hành thiện. Việc thiện là những gì? Ông đưa ra mười ví dụ.

“Đệ nhất dĩ nhân vi thiện, đệ nhị ái kính tôn tâm, đệ tam thành nhân chi mỹ, đệ tứ khuyến nhân vi thiện, đệ ngũ cứu nhân nguy cấp, đệ lục hưng kiến đại lợi, đệ thất xả tài tác phúc, đệ bát hộ trì chánh pháp, đệ cửu kính trọng tôn trưởng, đệ thập ái tích vật mạng”.

Sau khi chúng ta đọc mười điều này, suy nghĩ tận tường quả thật rất cần thiết. Mười điều này trong xã hội hiện nay, có thể nói là thiếu sót trầm trọng, vì thế xã hội động loạn bất an, nhân tâm hoang mang, quả thật có đạo lý. Mười điều này giúp ích rất lớn cho chúng ta.

Bên dưới Liễu Phàm tiên sinh nói rõ từng điều cho chúng ta, trước tiên là nói “dĩ nhân vi thiện”. “Hà vị dĩ nhân vi thiện”, ông đưa ra một trường hợp ngày xưa. “Tích Thuấn tại Lôị Trạch, kiến ngư giả giai thủ, thâm đàm hậu trạch, nhi lão nịch tắc ngư ư, cấp lưu thiển than chi trung, trắc nhiên ai chi, vãng nhi ngư yên”. Đây là nói Vua Thuấn, Đại Thuấn lúc còn trẻ. “Lôị Trạch” là tên cái hồ, bên bờ hồ ở Sơn Đông, đương nhiên người đánh cá rất nhiều. “Ngư giả” chính là người đánh cá, những người này trẻ tuổi sức mạnh đều chọn những nơi tốt để bắt cá. Nhưng những người già yếu không thể tranh được với họ, chỉ đành đến nơi bờ sông cạn, nước chảy xiết, là nơi cá không nhiều, không dễ bắt được cá. Thuấn thấy thế sanh tâm xót thương, đây là người trẻ tuổi hiếp đáp người già, có lỗi với người lớn tuổi, ông ta như thế nào? Ông ta cũng đi bắt cá, ông ta cũng đi. Lấy thân mình làm gương, làm tấm gương cho người khác noi theo.

“Kiến tranh giả, giai nặc kỳ quá nhi bất đàm. Kiến hữu nhượng giả, tắc du dương nhi thủ pháp chi”, phương pháp này rất hay! Thấy mọi người tranh dành nhau bắt cá, không nhường nhau. Ông không nói gì, không nói lỗi làm của họ. Đôi lúc thấy có người nhường nhịn lẫn nhau, ông liền lớn tiếng khen ngợi. “Kỳ niên”, một năm sau. “Giai dĩ thâm đàm hậu trạch, tương nhượng hĩ”, một năm sau, do Thuấn cảm hóa, mọi người đều nhường nhịn lẫn nhau.

“Phu dĩ Thuấn chi minh triết, khởi bất năng, xuất bất ngôn giáo chúng nhân tai, nãi bất dĩ ngôn giáo, nhi dĩ thân chuyên chi, thử lương công khổ tâm dã”. Thuấn quả thật có đại trí tuệ, vì sao ông không dùng ngôn giáo để dạy đại chúng,

mà dùng thân thể hành động của mình để làm gương cho mọi người? Đạo lý trong này chúng ta phải suy nghĩ thật nhiều. Ngôn giáo không bằng thân giáo, nếu dạy người khác làm mà tự mình không làm được, như vậy không ai tin. Đặc biệt là xã hội hiện nay, tập khí tham sân si của mọi người, ô nhiễm so với cổ nhân không chỉ là gấp mười lần, 100 lần. Vào thời đại đó, chúng ta có thể nói là nếp sống của nhân dân khá thuận hậu. Phương pháp của Thuấn, một năm có thể nhận được hiệu quả. Ngày nay chúng ta học theo tinh thần của Đại Thuấn, nếu áp dụng phương pháp “lấy thân làm gương” của Đại Thuấn, một năm không thu được hiệu quả, ít nhất phải mười năm. Nếu mười năm thu được hiệu quả, đó là điều rất may mắn. Mười năm không có hiệu quả, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm, kiên nhẫn duy trì, nhất định có thể cảm hóa được chúng sanh. Đây là lấy từ bi của Thuấn, dùng phương tiện thiện xảo của Thuấn, làm ví dụ.

Bên dưới nói: “Ngô bối xứ mạt thế”. “Mạt thế”, trong Phật pháp gọi là thời kỳ mạt pháp. Pháp vận của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng ta thấy trong kinh điển nói là 12 ngàn năm. 1000 năm đầu tiên gọi là thời kỳ chánh pháp, 1000 năm thứ hai gọi là thời kỳ tượng pháp, tượng pháp giống như đã biến chất. Mười ngàn năm về sau đều gọi là thời kỳ mạt pháp, hiện nay thời kỳ mạt pháp đã qua 1000 năm. Liễu Phạm tiên sinh là người thời nhà Minh, nhà Minh đã là thời kỳ mạt pháp. Lúc này nhân tâm dần dần suy thoái, không còn thuận hậu như trước. Đây là đặc biệt nhắc nhở, chúng ta hiện tại đang sống trong thời mạt thế.

“Vật dĩ kỹ chi trường, nhi cái nhân. Vật dĩ kỹ chi thiện, nhi hình nhân. Vật dĩ kỹ chi đa năng, nhi khôn nhân”. Đây là Liễu Phạm tiên sinh khuyên chúng ta, trong mười ngàn năm thời mạt thế đừng lấy sở trường của mình áp đảo người khác. Người khác có điều bất thiện, trong xã hội hiện nay người làm điều bất thiện rất nhiều. Bản thân chúng ta tuy hành thiện, tuyệt đối không được dùng thiện để so sánh, tính toán với họ, không được. Người khác năng lực không bằng tôi, không được đem năng lực của mình để làm khó người khác.

Đạo tràng này của chúng tôi có một pháp sư tên là Ngô Thiên, người này rất có năng lực. Trước đây khi quản trưởng Hàn còn tại thế thường nói với tôi, một mình Ngô Thiên có thể làm việc của năm người. Nhưng không thể chung sống với người khác, sống với ai cũng không được. Tôi cũng tìm giúp cô ta vài chỗ ở nhưng đều không ở được, không chung sống được với người khác. Sau cùng tôi đưa cô ta đến núi Đồ Văn Ba, để cô ta đến chăm nom bên đó. Tôi đổi tên cho cô ta, quản trưởng đặt tên cho cô ta là Ngô Thiên, là thiên của đại thiên thế giới. Hình trạng của chữ thiên đó giống như một bảo kiếm, luôn đâm bị thương người khác. Cho nên tôi nghĩ cái tên này không hay, tôi đổi tên cô ta thành khiêm của khiêm tốn, để cô ta học khiêm tốn, học nhẫn nhường. Cô ta ở trên núi hơn 1 năm, không tệ, đúng là ngày ngày đều tự kiểm điểm. Sau cùng cô ta hiểu, biết vì sao mình không chung sống hòa thuận với người khác. Chính là tốc độ làm việc của cô ta quá nhanh, siêng năng có trách nhiệm, nhìn thấy người khác không vừa mắt. Đây chính là người cảm thấy mình đa năng nên làm khó người khác, cho nên người khác đều không thích cô ta. Khi nhận ra được khuyết điểm của mình, mọi người đều thích, đều khen ngợi cô ta, đều thích chung sống cùng cô ta.



Con người quý ở chỗ tự biết mình, nhất định phải biết khuyết điểm của mình ở đâu, sau đó sửa đổi khuyết điểm của mình là được, đó mới là thiện nhân thật sự.

“Thu liễm tài trí, nhược vô nhược hư, kiến nhân quá thất, thả hàm dung nhi yểm phú chi. Nhất tắc linh kỳ khả cải, nhất tắc linh kỳ, hữu sở cố kỵ, nhi bất cảm túng”. Đây là dạy chúng ta thái độ bình thường xử sự đối nhân tiếp vật. Bản thân có tài trí, nhất định phải thu liễm, phải biết cách thúc liễm. Có tài phải thường nghĩ mình không có tài, đây là thật. Mặc dù chúng ta có tài trí, so với cổ thánh tiên hiền thì chúng ta thua xa, căn bản không xứng. Chút tài trí nhỏ nhoi này có đáng là gì? Người bây giờ hơi có một chút năng lực, liền cảm thấy “đáng để kiêu ngạo”, như vậy là sai. Khởi ý niệm “đáng để kiêu ngạo”, đức hạnh của mình bị hủy diệt hoàn toàn, đây là lỗi lầm rất lớn. Nhất định phải thúc liễm, phải rất mực khiêm tốn. Thấy lỗi lầm của người khác nhất định phải bao dung, phải che đậy, gọi là “ẩn ác dương thiện”. Giáo huấn của cổ nhân là chân lý, chúng ta đối với người như vậy là “nhất tắc linh kỳ khả cải”. Khiến họ dần dần giác ngộ, dần dần quay đầu, cho họ cơ hội sửa đổi. Nhất tắc là nói cho họ biết có điều cấm kỵ, họ làm ác không phải người khác không biết. Họ biết nhưng không nói ra, mà bao dung họ, để khiến họ sanh tâm hổ thẹn, không dám phóng túng. Đây là thái độ tốt để đối nhân xử thế.

“Kiến nhân hữu vi trường khả thủ, tiểu thiện khả lực, phiên nhiên xả kỷ nhi tùng chi”. Đây là bí quyết tùy duyên độ chúng, người ta có sở trường rất nhỏ, việc thiện rất nhỏ. Chúng ta thấy vậy, có thể bỏ đi lập trường của mình, toàn tâm toàn lực giúp họ. Như vậy việc thiện của mình còn lớn hơn họ, làm còn tốt hơn họ. Ta tạm thời buông bỏ để tùy thuận theo họ, khiến họ sanh tâm hoan hỷ, giúp họ, thành tựu họ, như vậy mới thật sự là cùng người làm thiện.

“Thả vi diễm xung, nhi quảng thuật chi”, “diễm xung” là mỹ xưng, tán thán, khiến điều thiện của họ ngày ngày tăng trưởng. “Phàm nhật dụng gián, phát nhất ngôn, hành nhất sự, toàn bất vi tự kỷ khởi niệm, toàn thị vi vật lập tắc”. Như thế nào gọi là “vi vật lập tắc”? Nếu chúng ta nói “người”, phạm vi của người có hạn. “Vật”, vật có thể bao gồm cả người, ngày nay chúng ta nói “động vật”, động vật có thể bao gồm cả con người, nhưng nói “người” không bao gồm động vật. Cho nên nghĩa của “vật”, rộng hơn rất nhiều so với nghĩa của “người”. Không những là làm mô phạm cho tất cả mọi người \_ “tắc” chính là mô phạm, chính là tấm gương. Làm một tấm gương tốt, phải làm gương tốt cho tất cả chúng sanh. “Tất cả chúng sanh”, phạm vi bao gồm rất rộng rãi.

“Thử, thiên hạ vi công chi độ dã”, ngày nay chúng ta phải sửa đổi, nói tu thiện, nói tích thiện, nhất định phải hiểu đạo lý này, phải bắt đầu từ chỗ mở rộng tâm lượng. Khởi tâm động niệm đừng vì mình, hãy vì thiên hạ, vì thế giới, vì xã hội, vì chúng sanh, tuyệt đối không có ý niệm cho riêng mình. Người này được gọi là “đại nhân”, đây thật sự là “thiên hạ là của chung”.

Đoạn thứ hai nói “hà vị ái kính tồn tâm”, điều này rất quan trọng! Xã hội hiện nay của chúng ta, nói thật chính là thiếu lòng yêu thương, người bây giờ hầu

như quên đi như thế nào gọi là lòng yêu thương, điều này thật đáng lo ngại. Trong Phật pháp nói: “từ bi vi bốn, phương tiện vi môn”, từ bi nghĩa là lòng yêu thương.

Năm nay là năm 2001, năm mới chúng tôi ở Singapore, theo thường lệ chúng tôi tổ chức buổi tiệc tối ấm áp năm Thiên Hỷ. Tôi nghĩ đến tiệc năm nay tôi tặng quà gì cho mọi người? Nghĩ đến khắp nơi trong xã hội hiện nay không có lòng yêu thương, tôi liền viết một chữ “yêu”, photo ra 2 vạn tờ tặng lòng yêu thương đến toàn thế giới. Trang gốc tặng cho thủ tướng Ngô Tác Đông của Singapore, tặng lòng yêu thương đến toàn thế giới. Có người đồng tu đem chữ này tặng khắp nơi, tôi nghe thế rất hoan hỷ.

Tôi biết đã tặng cho ba vị tổng thống, tổng thống Nạp Đan của Singapore, tặng cho tổng thống Ngõa Tư Đức của Indonesia, cũng tặng một trang cho tổng thống Bush của nước Mỹ. Tặng lòng yêu thương khắp nơi nhắc nhở mọi người yêu thương rất quan trọng. Chỉ có chân thành yêu thương người khác, yêu thương tất cả chúng sanh, thế giới này của chúng ta mới có thể an định, mới có thể hòa bình, nhân dân mới có thể sống cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn.

Chúng ta xem đoạn văn bên dưới: “Quân tử dữ tiểu nhân, tự hình tích quan, thường dị tướng hỗn”. Thế gian này như thế nào gọi là quân tử? Như thế nào gọi là tiểu nhân? Nếu xem trên phương diện hình tướng rất khó nhận ra. “Duy nhất điểm tồn tâm xứ, tác thiện ác huyền tuyệt, phán nhiên như, hắc bạch chi tương phản”. Nếu từ trên phương diện giữ tâm mà nói, quân tử và tiểu nhân hoàn toàn khác nhau. Về hình tướng rất khó phân biệt, nhưng chỗ giữ tâm rõ ràng minh bạch, giống như đen và trắng vậy, tuyệt đối không lẫn lộn. “Cố viết, quân tử sở dĩ dị ư nhân giả, dĩ kỳ tồn tâm dã”, giữ tâm không giống nhau. “Quân tử sở tồn chi tâm, chỉ thị ái nhân kính nhân chi tâm”. Điều này chúng ta cần phải biết, đại thánh đại hiền, chư Phật Bồ Tát có gì khác với chúng ta? Nếu nhìn trong cuộc sống hằng ngày, nói thật thì không có gì khác, chỉ có giữ tâm khác nhau. Chư Phật Bồ Tát đại thánh đại hiền, họ giữ tâm kính yêu, kính yêu chân thành, kính yêu bình đẳng. Lòng yêu thương của Phật Bồ Tát là biến hư không pháp giới.

Văn bên dưới nói: “Cái nhân hữu thân sơ quý tiện, hữu trí ngu hiền bất tiếu, vạn phẩm bất tề, giai ngô đồng bào, giai ngô nhất thể”, ai có thể hiểu được đạo lý này? Vì sao nhân gian “vạn phẩm bất tề”? Đây là tập khí ô nhiễm bất đồng, tập tánh không giống nhau. Tập tánh từ đâu mà có? Do thiện ác tâm hành từ vô lượng kiếp biến hiện ra, Phật pháp gọi là “nghiệp lực”, nghiệp lực không giống nhau, cho nên mới có sự khác nhau giữa hiền và ngu. Nhưng phải biết, những người này với chúng ta là nhất thể.

“Giai ngô đồng bào”, điều này nếu như không phải đại thánh nhân dạy chúng ta, chúng ta không thể nào lãnh hội được. Trong Di\_Hệ Từ Truyện Không tử nói: “Người sống theo loại, vật phân theo đàn”. Lại nói với chúng ta “tinh khí là vật, du hồn là biến”. Những câu này đều nói rõ với chúng ta về nguồn gốc của vạn vật, nguồn gốc của sanh mạng, cho đến nguồn gốc của tộc loại, đây là Nho giáo nói. Đạo giáo cũng nói “thiên địa với tôi đồng căn, vạn vật và tôi là nhất thể”. Cách nói và ngôn từ không giống nhau, nhưng ý nghĩa tương đồng. Nhà Phật nói “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Quý vị xem cách nói của ba nhà Nho Thích

Đạo, nói về nguồn gốc của vũ trụ, nguồn gốc của sinh mạng, vạn vật phẩm loại khác nhau, hình thành như thế nào, những câu này đều nói rất rõ ràng minh bạch.

Tôi học Phật bao nhiêu năm nay, đã quy nạp giáo huấn của Phật Bồ Tát và Thánh hiền thành hai câu: “Tâm tánh huyền hóa hư không pháp giới”, hư không pháp giới từ đâu đến? Do tâm tánh huyền hóa, trong Kinh Kim Cang nói: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. “Căn thân ảnh hiện quốc độ chúng sanh”, thân thể này của chúng ta\_ quốc độ, ngày nay gọi là tinh cầu giữa vũ trụ, cho đến tất cả chúng sanh và thân căn của chúng ta là một không phải hai. Cho nên tâm tánh hư không pháp giới nhất như, sắc thân, quốc độ, chúng sanh bất nhị. Do đó kính yêu vạn vật là thật sự biết thương yêu mình, biết thương yêu mình ngày nay có mấy người hiểu được? Con người phải biết thương yêu mình, muốn thương yêu mình phải yêu thương tất cả chúng sanh. Thật sự lãnh hội được “vạn vật không giống nhau, đều là đồng bào của tôi, đều là nhất thể với tôi”, câu này rất quan trọng!

“Thực phi đương kính ái giả”, ai không phải đối tượng kính yêu của chúng ta? “Ái kính chúng sanh, tức thị ái kính thánh hiền, năng thông chúng nhân chi chí, tức thị thông thánh hiền chi chí. Hà giả, thánh hiền chi chí, bản dục tư thế tu nhân, các đặc kỳ sở”. Chúng ta từ những điều này để lãnh hội đạo lớn của thánh hiền. Có thể “yêu kính mọi người”, Liễu Phạm tiên sinh nói chính là “yêu kính thánh hiền”, chính là yêu kính Phật Bồ Tát, tôi nói một cách thân thiết hơn, chính là “biết yêu thương mình”.

“Năng thông thánh hiền chi chí”, “thông” là hiểu rõ, thông đạt thấu triệt. “Có thể hiểu thấu chí của mọi người” chính là “thông đạt chí của thánh hiền”. “Chí của mọi người” là gì? Đều hy vọng đạt được cuộc sống hạnh phúc viên mãn, bất luận là người xưa hay người bây giờ, chúng ta hay người phương tây. Đích thực không kể quốc gia nào, dân tộc nào, tôn giáo nào, có ai không hy vọng mình được hạnh phúc mỹ mãn? Chí của thánh hiền cũng như vậy, các bậc đại thánh hiền họ chỉ có một nguyện vọng, đó chính là hy vọng thế giới này, mỗi người đều được hạnh phúc mỹ mãn.

Cổ thánh tiên hiền\_ chúng ta xem giáo huấn của Phật Bồ Tát, lại quan sát tường tận kinh điển của các tôn giáo trong thế gian. Tôi xem qua rất nhiều, thần thánh mà họ sùng bái, giáo chủ sáng lập Tôn giáo, không ai không hy vọng mong cầu giúp chúng sanh trong thế gian này, đều được sống cuộc đời hạnh phúc viên mãn. Chẳng những đời này được lợi ích, lợi ích đời sau càng thù thắng hơn. Các Tôn giáo khác đời sau sanh lên cõi trời, Phật giáo khuyên người vãng sanh Cực Lạc. Đây là chí của thánh hiền.

“Ngộ hợp ái hợp kính, nhi an nhất thế chi nhân, tức thị vi thánh hiền, nhi an chi dã”. Câu này nói rất hay, chí của thánh hiền cần chúng ta phổ biến, cần chúng ta thực hành. Chúng ta nhất định phải hiểu “hợp ái hợp kính”, hợp với ai? Hợp với sự kính yêu của Chư Phật Bồ Tát, hợp với sự kính yêu của các bậc thánh hiền, hợp với sự kính yêu của thần minh các Tôn giáo, để làm “an đời sống của con người”. Người trong thế gian hiện nay, chúng ta toàn tâm toàn lực giúp họ, đây chính là vì thánh hiền mà an dân.

Những năm lại đây, tôi tiếp xúc với rất nhiều lãnh tụ tôn giáo trên thế giới, tôi thảo luận với họ về “thần yêu thế nhân”, điều này trong Tôn giáo thường nói. Thần ở đâu? Thần yêu thế nhân như thế nào? Người trong thế gian hiện nay khổ như thế, suy nghĩ tường tận câu này quá trống rỗng, quá trừu tượng. Chúng ta phải suy nghĩ lại, thần yêu thế nhân như thế nào? Tôi là tín đồ của tôn giáo, tôi nhận tình yêu thương của thần, thần yêu tôi. Tôi phải đem tình yêu thương của thần đối với tôi, từ trong tâm tôi tiếp tục mở rộng ra để yêu thương thế nhân. Tôi biểu trưng cho thần yêu thương thế nhân, như vậy mới có thể thực hiện thần yêu thương thế nhân. Nếu tôi không phát tâm biểu trưng thần yêu thương thế nhân, thần yêu thương thế nhân vĩnh viễn là nói suông, vĩnh viễn là một danh từ trừu tượng. Họ nghe cách nói của tôi cũng gật đầu đồng ý.

Tôi nói Phật đại từ đại bi, đại từ đại bi của Phật ở đâu? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lia thế gian chúng ta đã 3000 năm, nếu nói lúc ngài còn tại thế rất đại từ đại bi, chúng ta còn có thể nói được. Nhưng bây giờ ngài không còn tại thế, vậy đại từ đại bi của ngài ở đâu? Cho nên học trò của ngài, đệ tử của ngài, chúng ta đã nhận từ bi của Phật, chúng ta nhận bằng cách nào? Tiếp nhận từ trong kinh điển, mỗi ngày đọc kinh, nghiên cứu kinh điển, y giáo phụng hành, chúng ta đạt được từ bi của Phật gia hộ, gia trì bảo hộ. Chúng ta đạt được từ nội tâm của mình, đem tâm từ bi của Phật biến thành tâm từ bi của mình, để đối đãi với tất cả chúng sanh, thực hành đại từ đại bi của Phật Bồ Tát, cần chúng ta thực hành!

Chúng ta thấy Bồ Tát Quán Thế Âm, tuyệt đối không phải khấn cầu Bồ Tát Quán Thế Âm từ bi với con, đây là điều không thể. Tượng Bồ Tát nặn bằng đất khắc bằng gỗ, vẽ bằng tranh làm sao họ gia hộ quý vị được? Có câu: “Bồ Tát bằng đất qua sông, tự thân khó an toàn”. Chúng ta phải phát triển rộng rãi tâm hành cứu khổ cứu nạn đại từ đại bi của Bồ Tát Quán Thế Âm. Thấy Bồ Tát Quán Thế Âm liền nghĩ đến tôi chính là Bồ Tát Quán Thế Âm, tôi học tập Bồ Tát Quán Thế Âm, tôi noi theo Bồ Tát Quán Thế Âm, ý nghĩa chính là như vậy. Đây là chân lý dạy học của Phật pháp, cần phải hiểu. Tôi không làm Bồ Tát Quán Thế Âm, tạo một tượng Bồ Tát Quán Thế Âm cho rằng đó là Bồ Tát thật sự, sai hoàn toàn!

Ở đây nói về mười loại thiện, giữ tâm yêu kính là nền tảng. Không giữ tâm yêu kính, mười điều còn lại đều không làm được. Làm chín điều đó đều là thiện giả, không phải thiện thật. Ở trước Liễu Phạm tiên sinh nói với chúng ta tám điều, đó là giả không phải thật, đó là cong không phải thẳng, đó là một nửa không phải viên mãn, đó là nhỏ không phải lớn. Cho nên mấu chốt ở chỗ giữ tâm, giữ tâm nhất định là vô tư vô ngã, chân thành bình đẳng yêu kính tất cả chúng sanh. Đạo lớn của Chư Phật Bồ Tát, chư vị thánh hiền, chúng ta đạt được chân truyền. Chân truyền chính là lòng yêu thương chân thành.

Đoạn thứ ba. “Hà vị thành nhân chi mỹ”. Trước tiên ông đưa ra một ví dụ. “Ngọc chi tại thạch”, “ngọc” người thế gian đều rất quý trọng nó. Chúng ta thích ngọc, người phương tây thích kim cương. Ngọc và kim cương khi chưa khai thác, “đề trịch tắc ngỗ lịch”, đó là một viên đá, không khác gì miếng gạch, không đáng

một đồng. “Truy trác tắc khuê chương”, trải qua sự mài dũa nó biến thành bảo vật. “Quý chương” là ngọc khí, mọi người đều thích.

“Cổ phàm kiến nhân, hành nhất thiện sự, hoặc kỳ nhân chí khả thủ, nhi tư khả tiến, giai tu dụ dịch, nhi thành tựu chi”. Chúng ta thấy một người làm việc thiện, việc thiện này có thể thành tựu. Nhìn thấy người này rất có chí hướng, thiên bẩm rất tốt, khiêm tốn, cung kính có thể tiếp thu giáo huấn của người khác, người như vậy chính là nhân tài. Chúng ta phải hiểu biết về nhân tài, phải yêu nhân tài, phải quý trọng nhân tài, phải thành tựu nhân tài. Đây là việc thiện lớn nhất trong các việc thiện, công đức lớn nhất trong công đức tích lũy được, chúng ta phải hiểu. Chí hướng người này đáng khen, tố chất rất đáng quý, chúng ta cần phải giúp họ. “Dụ dịch” là giúp đỡ họ, khuyến khích họ, nâng đỡ họ.

“Hoặc vi chi tướng tá, hoặc vi chi duy trì, hoặc vi bạch kỳ vu, nhi phân kỳ báng, vụ sử chi thành lập, nhi hậu dĩ”. Người thiện không dễ sinh tồn trong xã hội này! Vì sao vậy? Người thiện nhất định đối lập với người bất thiện, không phải người thiện muốn đối lập với người bất thiện, không phải vậy. Người thiện có thể bao dung người bất thiện, nhưng người bất thiện không thể bao dung người thiện, cho nên người bất thiện đối lập với người thiện. Sự đối lập này đương nhiên không tránh khỏi sự ngộ nhận, hủy báng, thậm chí là hãm hại, khiến người thiện này không có chỗ đứng trong xã hội. Điều này rất bi ai!

Chúng ta biết, phát hiện có những điều này, “vi bạch kỳ vu”, chúng ta phải nghĩ cách giúp họ, thậm chí thay họ nói rõ sự thật này, làm giảm nhẹ sự hủy báng của người khác đối với họ. Cổ nhân gọi là chia sẻ sự hủy báng, “phân kỳ báng”, điều này bậc chí sĩ có đạo đức mới có thể làm được, người bình thường không làm được. Điều cần thiết là khiến họ sống vững vàng trong xã hội, có thể phát triển rộng rãi thiện nghiệp của mình về sau, chúng ta mới coi là tận tâm tận lực.

Tiếp theo nói với chúng ta “đại để, nhân các ác kỳ phi loại, hương nhân chi thiện giả thiếu, bất thiện giả đa, thiện nhân tại tục, diệc nan tự lập”. Tình hình này từ xưa đến nay đều như vậy. Tôi nghe có vài vị đồng tu nói, hiện nay học sinh ở trường thường bắt nạt học sinh mới đến, bắt nạt học sinh khác dân tộc. Điều là phạm vào khuyết điểm này, tâm lượng quá nhỏ bé.

Ví dụ, nếu phát hiện bạn học này rất có đức hạnh, có trí tuệ, cũng rất có tài năng. Họ bị người bài xích, chúng ta cần phải giúp họ. Trong số học sinh, có một lớp người hiểu biết, chúng ta thường gọi là bên vực kẻ yếu. Những người này đứng ra, giúp họ chia sẻ sự hủy báng này, chia sẻ áp lực người khác gây cho họ, khiến họ yên tâm ở trong trường học hành, hoàn thành sự nghiệp học tập, đây là một trường hợp.

Bên dưới nói: “Thả hào kiệt tranh tranh, bất thậm tu hình tích, đa dị chỉ trích”. Đúng là như vậy, người có trí tuệ thường không để ý về bên ngoài của mình, đối với sự giao tiếp giữa người với người hơi tùy tiện. Trong trường hợp này dễ bị người khác chỉ trích, người chỉ trích, gọi là “tìm xương trong trứng gà”. Quý vị không có sai lầm, người ta vẫn đồn đại. Có vài điều không đoan chánh, liền bị người ta mượn điều này tuyên truyền ra, rồi hủy báng, sỉ nhục, tổn thương

quý vị. Những điều này từ xưa đến nay chúng ta thường nhìn thấy, thường nghe thấy.

“Cố thiện sự thường dị bại”, muốn làm một việc tốt, việc tốt gặp nhiều khó khăn, rất nhiều người ngăn trở chúng ta. Ở Singapore, chúng tôi hy vọng thành lập một Thôn Di Đà để chăm sóc những người già, để họ mỗi ngày có cơ hội nghe kinh, có cơ hội niệm Phật. Tìm địa điểm suốt ba bốn năm, sau cùng đều bị người phá hoại, quả thật là việc tốt thường dễ thất bại.

“Nhi thiện nhân thường đắc báng”, người tốt thường gặp người hủy báng. Cuộc đời tôi trưởng thành trong sự hủy báng, mấy mươi năm nay chưa từng rời xa sự hủy báng của người khác. Tuy tôi đều rất kính trọng đối với người hủy báng, nhưng tuyệt đối không biện bạch, vì họ không trở ngại việc giảng kinh thuyết pháp mỗi ngày của tôi. Chư vị đồng học nghe những lời hủy báng này, họ không đến nghe giảng, đó là việc của họ. Ở đạo tràng này “không cự tuyệt người đến, không lưu giữ người đi”, tất cả đều do nhân duyên. Đọc đoạn này tôi thể nghiệm một cách sâu sắc.

Thôi, hôm nay tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 18**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 20.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Chúng ta xem tiếp đoạn văn “phương pháp tích thiện”. “Cố thiện sự thường dị bại, nhi thiện nhân thường đắc báo”. Chúng ta đọc đến hai câu này có cảm xúc rất sâu sắc. “Duy nhân nhân trưởng giả, khuông trực nhi phủ dục chi, kỳ công đức tối hoằng”. Tình hình này chỉ dựa vào người có đức hạnh, họ đứng ra uốn nắn lại những tà ác sai lầm này, dạy họ cải tà quy chánh, bảo hộ và giúp đỡ người thiện, khiến họ thành tựu, công đức này lớn nhất.

Bên dưới là đoạn thứ tư. “Hà vị khuyến nhân vi thiện, sanh vi nhân loại, thực vô lương tâm, thế lộ dịch dịch, tội dị một nịch. Phàm dữ nhân tương xứ, đương phương tiện đề ty, khai kỳ mê hoặc, thí do trường dạ đại mộng, nhi linh chi nhất giác”, như thế nào gọi là “khuyến người làm thiện?” Liễu Phàm tiên sinh nói, một người sanh trong thế gian này sao lại không có lương tâm? “Lương tâm” thực tế chính là mở đầu Tam Tự Kinh nói: “nhân chi sơ, tánh bản thiện”, “tánh bản thiện” chính là thiên lý lương tâm. Nhưng “thế lộ dịch dịch”, “dịch dịch” là hình dung thế gian này rất tất bật. “Tội dị một nịch”, đặc biệt là xã hội hiện đại, sức mê hoặc quá lớn. Con người vốn có thiện tâm trời cho, bị những thứ này dụ dỗ, mê hoặc.

Trước đây khi tôi ở Đài Loan, có một lần ở nhà thầy Phương Đông Mỹ, gặp mấy vị quan viên của bộ giáo dục. Họ đến thỉnh giáo thầy về vấn đề làm thế nào phục hưng nền văn hóa xưa, họ nói rất nhiều, chúng tôi cũng ngồi nghe. Trong đó có một vị đưa ra một vấn đề khác, nước Mỹ hiện nay là một đất nước mạnh nhất thế giới. Nhìn từ kinh nghiệm lịch sử, quốc gia mạnh đến mấy cũng có ngày diệt vong. Thời nhà Chu 800 năm cũng bị diệt vong, La Mã của phương tây 1000 năm cũng diệt vong. Họ hỏi, tương lai nước Mỹ diệt vong, nhân tố đầu tiên là gì? Thầy Phương rất nghiêm túc, trầm mặc khoảng năm phút sau đó nói hai chữ, đó là truyền hình. Thầy nói nguyên nhân sau này nước Mỹ mất nước, nhân tố đầu tiên là truyền hình. Truyền hình là một loại công cụ, không có thiện ác sao có thể khiến đất nước diệt vong? Nội dung trong truyền hình phát sóng là gì? Toàn là sát đạo dâm vọng. Bất luận là người lớn hay trẻ con, mỗi ngày đều đối diện với những hình ảnh này, đây là “dễ diệt vong nhất”, bị nó ô nhiễm nghiêm trọng nhất. Cho nên thầy Phương nói, nước Mỹ diệt vong không phải do nhân duyên của nước khác. Không có ai xâm lược hay đánh nước Mỹ, mà là do tự nó diệt vong. Lúc đó ông cũng đưa ra lời cảnh báo, Đài Loan tuyệt đối phải chú ý, nếu không nắm bắt tốt chương trình truyền hình, để nó đi đến tự do khai phóng như nước Mỹ, xã hội tương lai của Đài Loan không thể cứu vãn. Hầu như đều bị thầy

Phương nói đúng. Hiện nay ngoài truyền hình ra còn có mạng internet, điều này rất đáng sợ!

Xem tiếp đoạn văn bên dưới: “Phàm dữ nhân tương xứ, đương phương tiện đề ty, khai kỳ mê hoặc”. Chúng ta cùng người giao tiếp, phải giữ tâm nhân từ, tâm yêu thương, phải luôn giúp người khác, nhắc nhở người khác. Khiến họ phá mê khai ngộ, quay đầu là bờ. “Thí do trường dạ đại mộng, nhi linh chi nhất giác”, họ đang chìm đắm trong mộng, chúng ta nghĩ cách khiến họ tỉnh lại. “Thí do cửu hãm phiền não, nhi bạt chi thanh lương, vi huệ tối phổ”. “Phổ” là truyền bá. Ví dụ người này chìm đắm trong phiền não, đây hình như là hiện tượng rất phổ biến trong xã hội hiện nay, chúng ta làm sao đem đến cho họ sự mát mẻ, đây là ân huệ lớn nhất. “Hàn Dũ vân, nhất thời khuyên nhân dĩ khẩu, bách thế khuyên nhân dĩ thư, giáo chi dữ nhân vi thiện, tuy hữu hình tích, nhiên đối chứng phát dục, thời hữu kỳ hiệu, bất khả phế dã. Thất ngôn thất nhân, thường phản ngô trí”. “Hàn Dũ” là người thời nhà Tống, lúc đó trực tiếp khuyên người, đây là dùng ngôn ngữ. Nếu khuyên rộng ra giữa đại chúng xã hội, chỉ có trước thuật sách mới có thể làm được. Cho nên giúp người làm việc thiện tuy có hiệu quả nhưng khác nhau, nhưng nhất định phải hiểu “tùy bệnh cho thuốc”, mới nhận được hiệu quả tốt. Xã hội hiện nay thường mắc bệnh gì? Người thiện ví như thầy thuốc giỏi, nhất định phải hiểu rõ căn nguyên của bệnh, làm sao để trị liệu, công đức này rất lớn.

“Thất ngôn”, là ta nói ra điều không nên nói, đây gọi là “thất ngôn”. “Thất nhân” là ta dạy người không nên dạy, ví dụ có rất nhiều thầy giảng kinh, tôi nghe nói cũng từng nghe họ giảng. Những gì họ giảng đều là chú giải của các bậc cổ đức thời Đường và Tống, giảng điều này có người nghe gọi là “thất nhân”. Họ là những người trong thời hiện đại, bệnh họ mắc phải không giống với bệnh của người thời nhà Đường Tống. Đem phương thuốc thời Đường Tống cho người bây giờ uống, không có hiệu quả. Đây là người giảng kinh “thất ngôn”, đối tượng là “thất nhân”.

Hiện nay, khoa học kỹ thuật phát triển, không trước tác sách cũng được, ngày nay trước thuật sách hình như hiệu quả không lớn. Ngày nay hiệu quả lớn nhất, không gì bằng truyền bá qua truyền hình vệ tinh, truyền bá qua mạng internet, hiệu quả này rất lớn. Chúng ta không thể không hiểu, không thể không biết cách vận dụng những phương tiện khoa học kỹ thuật cao này để truyền bá. Dùng nó để khuyên tất cả đại chúng trong thế gian, có thể không cần ấn tống sách, chúng ta đem những hình ảnh này, đem những giảng giải này làm thành CD, lưu thông rộng rãi lợi ích quần chúng, đây là việc tốt!

Đoạn bên dưới. “Hà vị cứu nhân nguy cấp”. Chúng ta xem đoạn văn này. “Hà vị cứu nhân nguy cấp, hoạn nạn điên bái, nhân sở thời hữu, ngẫu nhất ngộ chi, đương như đồng quan chi tại thân, tốc vi giải cứu”. Con người ở thế gian không sao tránh khỏi hoạn nạn khốn khó, đặc biệt là sống trong thời đại này. Mỗi ngày chúng ta đều nhận được tin tức từ báo chí và truyền thông, thiên tai ngày càng nhiều, ngày càng nghiêm trọng, đây đều là điềm báo rất hung dữ, không phải việc tốt!



Năm trước một vị đồng tu ở Mỹ gọi cho tôi một phần tài liệu, là con số do nước Mỹ thống kê. Mỗi ngày mức độ thanh thiếu niên phạm tội đạt đến 6900 vạn lần, đây là có báo án, còn chưa báo án không biết bao nhiêu. Tôi từng đem vấn đề này thỉnh giáo tổng kiểm soát trưởng ở vùng Los Angeles, tôi hỏi: Phải chăng đây là sự thật? Ông ta nói: Là thật. Tôi hỏi: Hiện nay tình hình như thế nào? Ông ta nói, hiện nay đang tăng trưởng, chưa có cách nào không chế nó. Điều này đã hai năm rồi. Tôi suy đoán hiện nay mức độ thanh thiếu niên ở Mỹ phạm tội nhất định hơn 7000 vạn lần, mỗi một ngày! Quý vị nói sao có thể! Đáng sợ biết bao! Quả thật “như đồng quan chi tại thân”, “đồng quan” là mọt độc, trên thân người sanh mọt độc, quý vị xem đau đớn biết bao. Làm sao để giúp họ cứu vãn?

Đây là dùng ví dụ để nói: “Hoặc dĩ nhất ngôn, thân kỳ uất ức”, người này bị oan ức, chúng ta giúp họ, có thể nói ra một lời để minh oan giúp họ. “Hoặc dĩ đa phương, tế kỳ điên liên”, cuộc sống lưu lạc gian nan, khổ! Chúng ta từ trên nhiều phương diện nghĩ cách cứu tế giúp đỡ họ. “Thôi tử viết: Huệ bất tại đại, phó nhân chi cấp khả dã, cái nhân nhân chi ngôn tai”. Ân huệ không phải ở chỗ lớn, quan trọng là cứu trong lúc nguy nan. Người có nạn gấp, như lúc gặp mưa, phải nhanh chóng giúp họ. Việc cấp bách trước mắt, tôi nghĩ việc cấp bách nhất, cấp nạn nghiêm trọng nhất không gì hơn nguy cơ tư tưởng. Nguy cơ này đã phổ biến trên toàn thế giới, bất cứ khu vực quốc gia nào. Chúng ta bình tĩnh lắng nghe người xung quanh nói, họ nói gì? Từ trong lời nói của họ, chúng ta lãnh hội được họ đang nghĩ gì, họ đang nói gì và đang làm gì. Vô số lỗi lầm của hành vi đều sinh ra từ tư tưởng không tốt, cho nên nguy cơ về tư tưởng mới là căn nguyên! Vì sao sinh ra nguy cơ này? Do hoàn toàn đánh mất giáo huấn đạo đức của thánh hiền, không có ai đề xướng.

Giáo hóa chúng sanh, giáo hóa chúng sanh trên toàn thế giới, có hiệu quả nhất chính là truyền bá qua truyền hình vệ tinh và mạng internet. Chúng ta xem nội dung truyền hình là gì, nội dung trong mạng internet là gì, như vậy sẽ biết. Truyền hình và mạng không có dạy học về đạo đức, nhân nghĩa, chỉ có sát đạo dâm vọng, chỉ có tranh danh đoạt lợi. Dạy người cạnh tranh như thế nào, đấu tranh như thế nào, sau cùng là chiến tranh như thế nào. Phát triển đến chiến tranh, đó chính là sự hủy diệt của toàn thế giới. Ngày nay toàn bộ xu hướng là như thế, đây là nạn lớn của nhân gian. Chỉ có bậc chí sĩ có đạo đức cứu vãn được kiếp vận của thế giới là những người nào? Là người có quyền lực thao túng công cụ truyền bá. Họ có năng lực hủy diệt thế giới này, họ cũng có năng lực cứu vãn thế giới. Rốt cuộc thế giới này đi đến hủy diệt, hay đi đến cứu vãn? Điều này chỉ trong một niệm của họ.

Đoạn bên dưới. “Hà vị hưng kiến đại lợi. Tiểu nhi nhất hương chi nội, đại nhi nhất áp chi trung”, “nhất áp” là một thành phố. “Phàm hữu lợi ích, tối nghi hưng kiến”, đây là ngày xưa vào thời nhà Minh, trong tình trạng xã hội đó. “Hoặc khai cự đạo thủy”, mở dòng sông để dẫn công trình thủy lợi. “Hoặc trúc đê phòng hoạn, hoặc tu kiêu lương, dĩ tiện hành du, hoặc thí trà phạn, dĩ tế cơ khát, tùy duyên khuyên đạo, hiệp lực hưng tu, vật ty hiềm nghi, vật từ lao oán”. Từ cổ nhân, họ làm những việc phúc lợi cho xã hội, chính là ngày nay chúng ta đề xướng

công việc từ thiện xã hội. Cần phải nỗ lực thực hành, nhưng phải xem nhu cầu của xã hội hiện tại. Ngày nay, lợi ích lớn nhất trong xã hội là dạy về luân lý đạo đức. Điều này nói khó cũng không khó, vào thời xưa đích thực là khó khăn. Nếu xã hội diễn biến thành hiện tượng như hiện nay, quả thật Chư Phật Bồ Tát, chư vị thần tiên cũng không cứu được, không có khả năng. Ngày nay ai có sức để cứu vãn? Như tôi vừa mới nói, người có quyền thao túng vệ tinh, mạng internet, những người này có quyền lực. Nếu họ vận dụng quyền lực của mình, mỗi ngày có thể dùng một hai tiếng đề xướng nhân nghĩa đạo đức, phổ biến giáo huấn của thánh hiền. Tôi tin rằng thế giới này chưa đến một năm, nửa năm sẽ thay đổi được nếp sống. Vì sao vậy? Vì con người đều có lương tâm, đáng tiếc không có ai thức tỉnh. Chỉ cần có người thức tỉnh, hằng ngày ở đây nói, lương tâm của họ sẽ phát khởi. Lương tâm phát khởi, quay đầu là bờ, đây là lợi ích lớn nhất trước mắt, không có lợi ích nào lớn hơn.

Đoạn thứ bảy, “Hà vị xả tài tác phú. Thích môn vạn hạnh, dĩ bố thí vi tiên, sở vị bố thí giả, chỉ thị xả chi nhất tự nhĩ”. “Thích môn” là nói đến nhà Phật. Nhà Phật nói “Bồ Tát hạnh”, phương pháp và thiện xảo vô lượng vô biên, nhưng quy nạp lại không ngoài “bố thí”. Sáu nguyên tắc chung của Bồ Tát hạnh, điều đầu tiên là bố thí. Thế nào gọi là bố thí? “Bố thí” chính là xả, quên mình vì người. “Đạt giả nội xả lục căn, ngoại xả lục trần, nhất thiết sở hữu, vô bất xả giả”. Đây không phải là người bình thường, “đạt giả”, đạt là thông đạt, ai là người thông đạt? Trong nhà Phật nói, pháp thân Bồ Tát mới là người thông đạt, vì sao vậy? Vì họ đã xả bỏ hoàn toàn, những lời nói này là sự thật, không phải hư cấu, nhưng phàm phu không làm được. Phàm phu có thể xả tài, có thể xả vật ngoài thân, như vậy đã là không tệ. Nếu khiến họ nội ngoại đều xả, tất cả mọi thứ không gì không xả, họ không làm được điều này.

Bên dưới nói: “câu phi năng nhiên”, nếu không làm được, lục đạo phàm phu không làm được. “Tiên tòng tài thượng bố thí”, trước tiên chúng ta hạ thủ từ đây. “Thế nhân dĩ y phục vi mạng, cố tài vi trọng yếu, ngô tòng nhi xả chi, nội dĩ phá ngô chi xan, ngoại dĩ tế nhân chi cấp. Thỉ nhi miễn cưỡng, chung tắc thái nhiên, tôi khả đẳng địch tư tình, khư trừ chấp lận”. Người học Phật bắt đầu tu hành từ đâu? Từ bố thí. Tôi học Phật, lần đầu tiên gặp người xuất gia là đại sư Chương Gia. Câu đầu tiên tôi thỉnh giáo ngài, tôi nói con biết Phật pháp rất hay, con rất muốn học, có phương pháp nào khiến con nhanh chóng khế nhập chăng? Đại sư Chương Gia nói: có! đó chính là nhìn thấu và buông bỏ. Tôi tiếp tục thỉnh giáo ngài: Bắt đầu từ đâu? Đại sư nói với tôi từ bố thí, khuyên tôi học bố thí. Tôi rất nghe lời, trở về là bắt đầu thực hành, vì thế thầy rất thương tôi. Những gì thầy dạy tôi đều thực hành, thực hành quả nhiên có hiệu quả. Trước tiên bắt đầu từ tài bố thí, hiệu nghiệm này là gì? Giảm nhẹ tâm tham lam keo kiệt xưa nay của chúng ta, đoạn đương nhiên không dễ, chỉ giảm nhẹ. Nghĩa là tham lam, keo kiệt không còn nghiêm trọng như trước nữa. Đối với bên ngoài lại có thể giúp người khác, đây là bố thí ân huệ. Khi mới thực hiện bố thí rất miễn cưỡng, về sau trở thành tự nhiên. Bố thí miễn cưỡng, bản thân tôi có mười năm kinh nghiệm! Mười năm đầu đều rất miễn cưỡng, mười năm sau dần dần trở thành thói quen, đến nay hầu như

dấu vết cũng không còn, tâm địa thanh tịnh. Đem tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn đều bỏ thí hết.

Xem tiếp đoạn thứ tám bên dưới. “Hà vị hộ trì chánh pháp”. Chúng ta nói đến đây, đặc biệt tại Trung quốc hiện nay, điều này rất quan trọng! Xã hội Trung quốc hiện nay bị một số tà tri tà kiến tà giáo nhiễu loạn khiến mọi người cảm thấy nghi hoặc không biết làm sao. Làm sao để phá trừ tà tri tà kiến? Làm sao để cấm chỉ tà giáo? Duy chỉ có hộ trì chánh pháp, cổ nhân nói: “phá tà hiển chánh”. Phá tà là mục đích, làm sao để đạt được mục đích phá tà? Như vậy cần phải hiển chánh, hiển chánh mới có thể phá tà, nếu không thể hiển chánh, tà tuyệt đối không phá được!

“Pháp giả, vạn thế sanh linh, chi nhân mục dã, bất hữu chánh pháp, hà dĩ tham tán thiên địa, hà dĩ tài thành vạn vật, hà dĩ thoát trần ly phược, hà dĩ kinh thế xuất thế”. Đây là đem lợi ích của chánh pháp, nói sơ lược thành bốn điểm. “Chánh pháp”, giáo huấn của Phật Bồ Tát là chánh pháp, giáo huấn của Nho giáo là chánh pháp, giáo huấn của Đạo giáo là chánh pháp. Trên thế giới còn có rất nhiều Tôn giáo, cũng là chánh pháp. Chánh pháp của các Tôn giáo này lưu truyền tại thế gian suốt mấy ngàn năm.

Ấn độ giáo lưu truyền đến nay, người thế gian công nhận nó có 8500 năm lịch sử. Đạo do thái có 4000 năm lịch sử. Đạo thờ thần lửa, hình như cũng có người viết trong tiểu thuyết gọi là Minh Giáo, nhưng thông thường chúng ta gọi là Đạo thờ thần lửa, đạo này cũng có khoảng hơn 3500 năm, đều sớm hơn Phật giáo. Phật giáo, theo ghi chép của lịch sử Trung quốc, năm nay là ba ngàn không trăm hai mươi mấy năm. Hiện nay người nước ngoài thừa nhận là hơn 2500 năm. Tiếp tục truy tìm, Đạo thiên chúa, Đạo cơ đốc, ngày nay chúng ta dùng Tây lịch là năm 2001. Tây nguyên chính là của Đạo cơ đốc và Đạo thiên chúa. Hồi giáo có hơn 1700 năm lịch sử, Đạo Sikhism cũng có sáu bảy trăm năm lịch sử. Gần nhất như Đạo Bahaism cũng có hơn 150 năm lịch sử.

Chúng ta xem tường tận, lịch sử càng lâu dài, chánh pháp của nó càng chánh. Truyền qua nhiều năm như vậy, thế giới này rất nhiều người vẫn xem nó là chân lý, học tập theo nó, y giáo phụng hành, đây là chánh pháp. Nếu không có những chánh pháp này, làm sao có thể “tham tán thiên địa?” “Tham” là tham dự, “tán” là giúp đỡ, ngày nay gọi là đại tự nhiên. Chúng ta làm sao để tham gia giúp đỡ đại tự nhiên này? Làm sao có thể “tài thành vạn vật?” Giúp tất cả vạn vật. Đây đều là nói văn minh vật chất, hai câu bên dưới là nói về văn minh tinh thần. “Hà dĩ thoát trần ly phược”, siêu phàm nhập thánh, đây là cuộc sống tinh thần. “Hà dĩ kinh thế xuất thế”, phổ biến pháp thế xuất thế. “Cố phàm kiến thánh hiền miếu mạo”, miếu là nơi thánh hiền hoằng pháp lợi sanh, chúng ta đã thấy. Thấy được đạo tràng, thấy được hình tượng của thánh hiền, kinh sách điển tịch. Đây chúng ta gọi là Pháp Bảo. “Giai đương kính trọng, nhi tu sức chi”. Chúng ta phải tôn trọng nó, phải coi trọng nó, có tổn hoại phải lập tức sửa lại. “Chí ư cử dương chánh pháp, thượng báo Phật ân, vuu đương miễn li”, đây là việc chúng ta phải làm.

Tổng hợp ý nghĩa ở đây, thứ nhất là chúng ta nhất định phải tôn trọng đạo đức. Đạo, là một con đường lớn đường đường chính chính mà đời người cần phải đi. “Đạo đạo” là gì? Ngày nay chúng ta gọi là “trật tự”, trật tự xã hội, trật tự gia đình. Giữa vũ trụ, chúng ta biết rất nhiều tinh cầu trong hư không, hành tinh chúng ta chạy có trật tự quanh mặt trời, không lộn xộn. Mặt trời chạy có trật tự quanh hệ ngân hà, đây là trật tự tự nhiên, là thiên đạo. Nhân đạo và thiên đạo có thể hợp nhất. Nhân đạo là gì? Nho giáo gọi là luân thường, luân thường là nhân đạo và thiên đạo hợp nhất. Vợ chồng, cha con, anh em, quân thần, bạn bè, có trật tự, không hề lộn lộn. Quan hệ giữa người và người có trật tự, không loạn, thiên hạ thái bình, xã hội an định. Nếu cha không ra cha, con không ra con, vua không ra vua, thần không ra thần, đạo của chúng ta đã mất. Đạo mất xã hội sẽ động loạn, thiên hạ không thái bình. Giáo huấn của thánh nhân, dạy chúng ta những đạo lý này. Nếu chúng ta giao tiếp thật tốt mối quan hệ giữa người với người, xử lý tốt quan hệ giữa người với trời đất quý thật, xử lý tốt quan hệ giữa người và trời đất vạn vật. “Tham tán thiên địa, tài thành vạn vật”, chính là xử lý tốt những mối quan hệ này. Xử lý tốt mối quan hệ, đó chính là thánh hiền. Nơi dạy học của thánh hiền, kinh điển dạy học của thánh hiền, chúng ta nhất định phải tôn trọng, chúng ta phải biết tôn trọng đạo đức. Phải tôn sùng hành thiện, phải hành nhân nghĩa, phải coi trọng giáo dục của thánh hiền, phải coi trọng giáo dục của chánh pháp. Sau cùng nói “phải nên khuyến khích”, đặc biệt là trong xã hội hiện tại này.

Đoạn thứ chín: “Hà vị kính trọng tôn trưởng”. Đây là nói về luân lý. “Gia chi phụ huynh, quốc chi quân trưởng, dữ phạm niên cao, đức cao, vị cao, thức cao giả, giai đương gia ý phụng sự”. Người xưa thường nói: “Trung hiếu truyền gia”. Đức hạnh của chúng ta biểu hiện ở đâu? Biểu hiện ở chỗ biết coi trọng người lớn. Trong gia đình cha và anh là tôn trưởng của chúng ta, phải tôn trọng. Người lãnh đạo của quốc gia, nhất định phải tôn trọng.

Trong Kinh Phạm Vọng, đây là kinh giới của đại thừa Bồ Tát, trong này dạy chúng ta. Điều thứ nhất nói: “không làm quốc tặc”, tuyệt đối không được làm điều tổn thương đến quốc gia xã hội. Điều thứ hai là “không hủy báng quốc chủ”, tuyệt đối không được hủy báng người lãnh đạo quốc gia. Trong Kinh Anh Lạc Bồ Tát Giới dạy chúng ta: “không trốn thuế nhà nước”, nhân dân có nghĩa vụ nộp thuế, tuyệt đối không được trốn thuế, trốn thuế. Điều thứ tư là “không phạm quốc chế”, quốc chế là pháp luật của quốc gia, tuyệt đối không được trái phạm pháp luật nhà nước. Quý vị xem bốn điều này quan trọng biết bao, thực hành được bốn điều này chính là kính trọng tôn trưởng, kính trọng xã hội, kính trọng quốc gia.

“Tại gia nhi phụng thị phụ mẫu, sử thâm ái uyển dung, nhu thanh bất khí, tập dĩ thành tánh, tiện thị hòa khí, cách thiên chi bôn”. Hiện nay gia đình không còn dạy những điều này nữa, vì vậy trẻ em không hiểu những đạo lý này. Rất nhiều người nói: “con cái không nghe lời, không nghe quản giáo”. Quý vị không dạy, làm sao có thể quản giáo? Không những quý vị không dạy, mà cha mẹ quý vị cũng không dạy quý vị. Trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật nói rất hay: “Tiên nhân bất thiện, không biết đạo đức, không có người dạy, sao trách họ được”. Tuy câu này nói rất nhu hòa, nhưng chúng ta nghe xong rất khó chịu, rất đau lòng.

Dạy con cái bắt đầu từ đâu? Ngày xưa bắt đầu dạy từ Đệ Tử Quy, dạy từ chỗ ứng đối, bây giờ ai hiểu điều này?

Đài Loan có mấy vị chí sĩ có đức hạnh đang đề xướng đọc kinh, khiến những học sinh tiểu học và trung học đọc sách cổ của Trung quốc, rất khó được, vô cùng hiếm có! Hy vọng việc đề xướng này có hiệu quả. Ngày nay ở Úc Châu chúng tôi kiến lập một đạo tràng nhỏ, yêu cầu mọi người xuất gia học Đệ Tử Quy, đem nó đặt thành thời khóa đầu tiên của chúng ta. Phải thuộc, phải giảng được, và phải thực hành được, bắt đầu từ cách học làm người. Làm người chưa tốt làm sao có thể thành Phật? Những lời của Liễu Phàm tiên sinh đều ở trong Đệ Tử Quy.

“Xuất sự nhi quân hành nhất sự, vô vị quân bất tri nhi tự tư dã”. “Quân” tức bây giờ gọi là lãnh đạo. Bất luận ta ở trong đơn vị nào, người lãnh đạo đơn vị chính là “quân”. Chúng ta làm việc gì, tuyệt đối đừng cho rằng người lãnh đạo không biết, rồi tự mình làm những điều sai trái, vậy là sai. “Hình nhất nhân, vô vị quân bất tri, nhi tác oai dã”. Nếu chúng ta trừng phạt một người, tuyệt đối đừng tưởng rằng người lãnh đạo không biết, rồi có thể tùy ý bắt nạt người, đàn áp người, như vậy là sai.

“Sự quân như thiên, cô nhân cách luận, thử đẳng xứ tối quan âm đức. Thức khán trung hiếu chi gia, tử tôn vị hữu, bất miên viễn nhi xướng thanh giả, thiết tu thận chi”. Dạy chúng ta phải cẩn thận làm việc, những nơi này là cánh cửa âm đức quan trọng nhất. Ta làm việc tốt người khác không biết, đây là tích âm đức. Người lãnh đạo không biết ta ở đó tác oai tác quái, đây là tổn âm đức của chúng ta, không được làm điều này, quả báo rất đáng sợ!

Xem tiếp đoạn sau cùng: “Hà vị ái tích vật mạng”. Đây là vun bồi lòng nhân từ. “Phàm nhân chi sở dĩ vi nhân giả, duy thử trắc ản chi tâm nhi dĩ”. “Trắc ản” là tâm thương xót, đồng tình. Cách làm người của con người, nói thực chính là ở điểm này. “Cầu nhân giả cầu thử, tích đức giả tích thử”. Tất cả đều là tăng ích lòng trách ản của chúng ta, đây chính là nhân giả, là tích đức. “Chu lễ, mạnh xuân chi nguyệt, hy sinh vô dụng tẫn”. “Chu Lễ” là do Chu Công đặt ra, “mộng xuân” là chánh nguyệt. Chánh nguyệt nếu té kỹ, té kỹ đều là sát sanh động vật để tế thần minh, đừng dùng con vật cái. Vì sao vậy? Vì đây là lúc nó mang thai, phải thương xót chúng.

“Mạnh tử vị, quân tử viễn bào trù, sở dĩ toàn ngô, trắc ản chi tâm dã”. “Nghe tiếng nó, không nỡ ăn thịt nó”, Nho giáo nói như thế. Nhà Phật tuy không cấm ăn thịt, nhưng Đức Phật khuyên đệ tử nên ăn “tam tịnh nhục”. “Tam tịnh nhục” là gì? “Không thấy giết”, khi giết chúng ta không thấy. “Không nghe giết”, khi giết chúng ta nghe tiếng kêu. “Không vì tôi mà giết”, đây là không phải giết vì tôi. Đều là bảo toàn “tâm trắc ản” mà thôi.

Phật giáo truyền vào Trung quốc cho đến thời Lương Võ Đế. Lương Võ Đế đọc Kinh Lăng Nghiêm, đứng là khởi lòng trắc ản lớn, ông bỏ luôn ăn thịt. Chư vị nên biết, Phật giáo ăn chay không ăn thịt. Ăn chay là do Lương Võ Đế đề xướng, không phải là giáo nghĩa vốn có của Phật giáo. Lương Võ Đế là hộ pháp của Phật giáo, ông dùng sự tôn nghiêm của Quốc Vương đề xướng việc ăn chay, hình thành cuộc vận động ăn chay. Lúc đó người xuất gia đều hưởng ứng, truyền

mãi đến nay cư sĩ tại gia cũng hưởng ứng, đây là một việc tốt, ăn chay chắc chắn có lợi ích cho sức khỏe. Đặc biệt là bây giờ ăn thịt, bây giờ ăn thịt bao hàm rất nhiều bệnh khuẩn, rất nghiêm trọng, “bệnh vào từ miệng”. Nếu chúng ta cho rằng ăn chay không có sức khỏe, ăn thịt mới có sức khỏe, tôi có thể làm chứng cho quý vị. Tôi đã ăn chay được 50 năm, chưa từng sanh bệnh, sao có thể nói ăn chay không có sức khỏe? Cư sĩ Hứa Triết ở Singapore năm nay 102 tuổi, bà ăn chay từ trong bụng mẹ. Bà vừa ra đời là không ăn đồ có mùi tanh, ăn thức ăn có mùi tanh là muốn nôn, bà ăn chay được 102 năm. Thân thể mạnh khỏe, không hề có chút bệnh hoạn nào, ở Singapore mọi người đều biết “cô gái 102 tuổi”, sao có thể nói ăn chay không có sức khỏe? Đều là quan niệm sai lầm đang quá phá.

Bên dưới nói: “Cố tiên bồi hữ, tứ bất thực chi giới, vị văn sát bất thực, kiến sát bất thực, tự dưỡng giả bất thực, chuyên vi ngã sát giả bất thực”. Ở đây nhiều hơn Đức Phật Thích Ca Mâu ni một điều, thêm một điều “tự dưỡng giả”. “Học giả vị năng đoạn nhục, thả đương tòng thử giới chi”. Đây là việc tốt. Chúng ta có một thân thể mạnh khỏe, không thể không chú ý điều này.

Sau cùng Liễu Phạm tiên sinh tổng kết: “Tiệm tiệm tăng tiến, từ tâm dụ trường, bất đặc sát sanh đương giới, xuân động hàm linh, giai vi vật mạng, cầu ty chữ kiến, sừ địa sát trùng, niệm y thực chi do lai, giai sát bỉ dĩ tự hoạt”. Thường nghĩ đến điều này, trong lòng chúng ta rất khó chịu, vì cuộc sống không thể không sát sanh. Biết được đạo lý này, người có tâm từ bi khẩn thiết họ không mặc áo dệt bằng lông, vì sao vậy? Vì cảm thấy đau lòng, may một chiếc áo biết bao nhiêu sinh mạng trong đó, sao nhẫn tâm được? Mặc áo da đều là sát sanh, lấy da của chúng, không nhẫn tâm. Làm ruộng, trồng trọt, rất nhiều côn trùng trên đất đều chết, chúng ta mới được một ít lương thực.

Gần đây tôi có tham quan một nông trường ở Sydney, do người xuất gia khai thác, họ trồng rau xanh trong túi ni lông. Tôi hỏi họ “vì sao không trồng xuống đất?” Trồng xuống đất khi canh tác chết rất nhiều côn trùng. Chúng tôi trồng vào trong túi ni lông, chi phí công trình tốn hơn nhiều, nhưng không sát sanh. Tôi nghe xong rất cảm động, quả là hiếm có, đáng được phổ biến. Họ vẫn dùng đất để trồng, nhưng lấy đất bỏ vào túi ni lông, túi ni lông lớn, tránh việc sát sanh.

“Cố bảo điển chi nghiêm”, chúng ta ăn thức ăn không thương tiếc, thức ăn thừa là vất. Đây là tạo nghiệp, tội này rất nặng! “Đương dự sát sanh đẳng”, tội này không khác gì tội sát sanh. “Chí ư thủ sở ngộ thương, túc sở ngộ tiền giả, bất tri kỳ kỷ, giai đương ủy khúc phòng chi”, chúng ta cần phải luôn đề phòng. “Cổ thi vân, ái thử thường lưu phạm, lân nga bất điểm đặng, hà kỳ nhân dã, thiện hành vô cùng, bất năng đàn thuật”, nói không cùng tận. “Do thử thập sự, nhi suy quảng chi, tác vạn đức khả bị hi”. Ở đây Liễu Phạm tiên sinh đưa ra mười trường hợp, hy vọng chúng ta suy ra từ mười trường hợp này, siêng năng nỗ lực học tập, tự nhiên thiện hành có thể đầy đủ viên mãn.

Thôi, hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 19**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 20.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Mời xem Liễu Phàm Tứ Huấn, bài thứ tư “Hiệu quả của khiêm đức”. Ở trước đều nói đến sửa lỗi tích thiện, có thể sửa đổi tích thiện đương nhiên rất tốt, nhưng người sống trong xã hội không thể không giao tiếp với quần chúng rộng rãi, do đó làm người quan trọng nhất là khiêm tốn. Nếu vẫn còn ngạo mạn, thì rất khó làm được. Cho nên Liễu Phàm tiên sinh đem “khiêm đức” đặt ở sau cùng trong bốn bài văn, giống như phần lưu thông trong kinh Phật vậy, ý nghĩa rất quan trọng.

Xin xem nguyên văn: “Dịch viết, thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm, địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm, quý thần hại doanh nhi phước khiêm, nhân đạo ác doanh nhi háo khiêm”. Đây là mấy câu trong Kinh Dịch. “Thị cố khiêm chi nhất qua, lục hào giai kiết”. Quý vị xem 64 quẻ trong Kinh Dịch, mỗi hào đều may mắn thuận lợi mà không có hung tướng. Duy nhất quẻ khiêm, chỉ có quẻ này. “Thư viết, mẫn chiêu tôn, khiêm thọ ích”, hai câu này nói trong Kinh Thư. “Dữ lữ đồng chư công ứng thức, mỗi kiến hàn sĩ tương đạt, tất hữu nhất đoạn, khiêm quang khả cú”. Ở sau Liễu Phàm tiên sinh nói, có rất nhiều lần ông cùng tham gia thi cử với mọi người, thường gặp các học sinh nghèo khó. Sắp phát đạt, cũng chính là lúc họ sắp thi đậu, trước đó họ có điềm báo, nhất định phải rất khiêm tốn. Cho nên xử sự đối nhân tiếp vật, quan trọng nhất là thật khiêm tốn. Có thể tiếp nhận người khác, có thể thành tựu người khác.

Bốn câu này trong Kinh Dịch, chúng ta nói đơn giản một chút. “Khuy” là tổn thất, “doanh” là tự mãn, “thiên đạo” cũng chính là đạo lý tự nhiên. Phàm là người tự mãn, luôn gặp những chuyện thiệt thòi, thiếu thốn. Người khiêm tốn nhất định được lợi ích, đây là thiên đạo.

“Địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm”. “Địa” là rộng lớn, “biến” là biến động, “lưu” nghĩa là tụ tập tại một nơi. Giống như dòng nước, nước thường chảy đến nơi thấp nhất, không chảy đến nơi cao. Cho nên “biến doanh nhi lưu khiêm”, như nước, chỗ cao là đầy, tự mãn, cống cao ngã mạn. Không đạt được lợi ích, không đạt được sự thâm nhuận, thâm nhuận luôn ở chỗ thấp. “Quý thần hại doanh”, đối với người tự mãn, người ngạo mạn, quý thần luôn gây phiền phức cho họ, trêu đùa họ. Còn đối với người khiêm tốn, quý thần tôn kính, quý thần giúp đỡ, cõi người sao có thể ngoại lệ!

“Nhân đạo ác doanh nhi háo khiêm”. Đối với người tự mãn, người tự đại, người kiêu ngạo, mọi người hay ghét họ, đối với người khiêm tốn thường hay

thích họ. Cho nên quẻ khiêm này, chỉ có kiết tường thuận lợi mà không có hung dữ. Đây là nguyên tắc làm người quan trọng. Bên dưới Liễu Phàm tiên sinh đưa ra năm người làm ví dụ, chúng ta quan sát từ đây, cách nhìn của ông không sai, quan sát rất chuẩn xác.

Ví dụ thứ nhất: “Tân vị kế giai, ngã gia thiện đồng bào, phạm thập nhân, duy đình kính vĩ tân, niên tối thiểu, cực kỳ khiêm hư. Dữ cáo Phí Cẩm Ba viết, thử huynh kim niên tất đệ. Phí viết hà dĩ kiến chi. Dữ viết, duy khiêm thọ phước. Huynh khán thập nhân trung, hữu tuân tuân khoản khoản, bất cảm tiên nhân, như kính vũ giả hồ, hữu cung kính thuận thừa, tiểu tâm khiêm úy, như kính vũ giả hồ, hữu thọ vũ bất đáp văn báng bất biện, như kính vũ giả hồ. Nhân năng như thử, tức thiên địa quý thân, do tương hựu chi, khả hữu bất phát giả. Cập khĩa bãng, Đình quả trung thức”.

Năm nay Liễu Phàm tiên sinh 37 tuổi, ông đi thi tiến sĩ, cùng với mười người khác, huyện Gia Thiện tất cả có mười người. Trong mười người này ông nhận ra, Đình Kính Vũ, Kính Vũ là tự của ông ta, tên ông ta gọi là Đình Tân. Trong số mười người, người này tuổi nhỏ nhất, “niên tối thiểu”, rất khiêm tốn. Liễu Phàm nói với người bạn khác là Phí Cẩm Ba, cũng tham gia thi lần này, nói với ông ta, Liễu Phàm nói Đình Kính Vũ năm nay nhất định thi đậu, thi đậu tiến sĩ. Phí Cẩm Ba nói: Từ đâu để nhận ra? Liễu Phàm tiên sinh nói: Do khiêm tốn nên được phước báo, câu này là định luận từ trong Kinh Dịch.

“Huynh khán thập nhân trung”, anh xem trong mười người chúng ta, có ai khiêm tốn như Đình Kính Vũ? “Tuần tuân khoản khoản”, là nói uy tín, trung hậu, thành thật. “Bất cảm tiên nhân”, luôn đứng sau người khác. Điều này rất hiếm có, không dám hơn người khác. “Hữu cung kính thuận thừa, tiểu tâm khiêm úy”, đối với mỗi người đều có thể cung kính thuận theo. Nói cách khác, trong đại chúng ông ta không giữ thành kiến của mình, có thể tùy thuận người khác, rất khó được! “Hữu thọ vũ bất đáp”, ông bị người khác sỉ nhục cũng không nói câu nào, nghe người khác hủy báng ông cũng không biện bạch. Đình Kính Vũ đều làm được, con người ông có thể như thế, trời đất quý thân đều gia hộ ông ta, làm gì có chuyện thi không đậu? Khi treo bảng, ông ta quả nhiên thi đậu, Liễu Phàm tiên sinh không đậu. Liễu Phàm thi tiến sĩ ba lần, hai lần trước đều không đậu, đây là lần đầu tiên, năm 37 tuổi ông đi thi, không thi đậu.

Vị thứ hai ông ta đưa ra là Phùng Khai Chi, năm đó Liễu Phàm tiên sinh 43 tuổi. “Đình sửu tại kinh”, năm Đình sửu là năm 1577 công nguyên. Chúng ta dùng công nguyên để tính, khái niệm của chúng ta rõ ràng hơn. Năm đó ông lại đi thi tiến sĩ, đây là thi lần thứ hai. Lần thứ nhất năm 37 tuổi, lần thứ hai 43 tuổi, đây là lần đi thi thứ hai. “Dữ Phùng Khai Chi đồng xứ”, Phùng Khai Chi cùng đi thi với ông, cũng là người Triết Giang, là đồng hương với nhau. “Kiến kỳ hư kỷ liễm dung, đại biến kỳ ấu niên chi tập”, tập khí của ông khi còn trẻ hoàn toàn không còn, lần này Phùng Khai Chi tham gia thi đậu Trạng nguyên, đây là vị trí đầu tiên của tiến sĩ. “Lý Tế Nham, trực lượng ích hữu, thời diện công kỳ phi, đản kiến kỳ bình hoài thuận thọ, vị thưởng hữu nhất ngôn tương báo”. Lúc đó có một người tên là Lý Tế Nham, là một người bạn rất thẳng thắn, thấy người khác sai



làm lập tức phê bình. Ông Thấy Phùng Khai Chi cũng không hề khách sáo, lập tức phê bình, nhưng Phùng Khai Chi “bình hoà thuận thọt”, ông nghe xong rất bình tĩnh, hoàn toàn tiếp thu. “Vị thường hữu nhất ngôn tương báo”. “Tương báo” chính là biện bạch, không hề biện bạch câu nào, hoàn toàn tiếp thu những gì người khác chỉ trích. “Dữ cáo chi viết”, ông nói với Phùng tiên sinh. “Phước hữu phước thi, họa hữu họa tiên”, họa phước điều có đi kèm báo, “thi” và “tiên” gọi là dự báo. “Thử tâm quả khiêm”, ông ta khiêm tốn không phải giả, là thật, xuất phát từ tâm chân thành. Người khiêm tốn như thế “thiên tất tương chi”, “tương” là tương trợ, ông trời cũng sẽ giúp đỡ ông ta. “Huynh kim niên quyết đệ hỉ”, ông phán đoán, năm nay người này chắc chắn thi đậu. “Dĩ nhi quả nhiên”, không những ông ta thi đậu, mà còn đứng đầu bảng. Về sau làm quan đến biên tu của Viện hàn lâm. Đây là lần thứ hai Liều Phàm tiên sinh tham gia thi tiến sĩ, gặp Phùng tiên sinh là người đồng hương.

Trường hợp thứ ba: “Triệu Dụ Phong, quang viễn, sơn đông quan huyện nhân, đồng niên cử u hương, cửu bất đệ”. “Đồng niên” là chưa tròn 20 tuổi, 20 tuổi gọi là “nhược quan”, 19 tuổi trở xuống gọi là “đồng niên”, cho thấy người này rất thông minh. Lúc đồng niên ông thi đậu cử nhân, thi trúng cử nhân, về sau thi tiến sĩ thì không được, thi rất nhiều lần đều không đậu. “Kỳ phụ vi Gia Thiện tam doãn”, phụ thân ông là tam doãn của huyện Gia Thiện, địa vị của tam doãn đứng vị trí thứ ba trong huyện. Thông thường chúng ta gọi đại doãn, đại doãn là huyện trưởng. Nói như hiện nay, nhị doãn tương đương với bí thư trưởng, bí thư chủ nhiệm. Tam doãn là trưởng khoa, đây là tổ chức của chính phủ huyện. “Tùy chi nhậm”, ông đi theo phụ thân đến Gia Thiện nhậm chức, địa vị của phụ thân ông tương đương với trưởng khoa của chính phủ huyện. “Mộ tiên minh ngô”, Tiên Minh Ngô là một vị học giả đương thời, là một người rất có học vấn và đức hạnh. “Nhi chấp văn kiến chi”, ông tự viết văn, đem bài văn của mình viết cho Tiên tiên sinh xem. “Minh ngô tất mật kỳ văn”, Tiên tiên sinh phê bình chỉnh sửa bài văn của ông rất nhiều, gạch bỏ rất nhiều nơi. “Triệu bất duy bất nô, tả tâm phục nhi tốc cải yên”. Thông thường tập khí của văn nhân, luôn thấy văn mình hay. Người khác sửa văn chương của mình, trong lòng luôn thấy không phục. Nhưng Triệu Dụ Phong không như vậy, Tiên tiên sinh sửa văn của ông, chẳng những không hề có chút nổi giận nào, mà còn thật sự tâm phục, tâm phục khẩu phục, đích thực có thể đỉnh chính. “Minh niên, toại đăng đệ”, đến năm thứ hai ông tiếp tục tham gia thi tiến sĩ, ông ta thi đậu, khiêm tốn rất quan trọng!

Vị thứ tư là Hạ Kiến Sở. “Nhâm thìn tuế, dữ nhập cần, ngô Hạ Kiến Sở”. Năm đó Liều Phàm tiên sinh 58 tuổi, “nhập cần” là gặp hoàng đế, ở kinh thành gặp được Hạ Kiến Sở. “Kiến kỳ nhân khí hư ý hạ, khiêm quang bức nhân”, rất khiêm tốn, thật sự làm được tự hạ thấp mình mà tôn trọng người khác. “Quy nhi cáo hữu nhân viết”, ông trở về nói với những người bạn của mình. “Phàm thiên tương phát tư nhân dã, vị phát kỳ phước, tiên phát kỳ tuệ, thử tuệ nhất phát, tắc phù giả tự thật, dị giả tự liêm. Kiến Sở ôn lương nhược thử, thiên khai chi hỉ, cập khai bảng, quả trúng thức”. Năm Nhâm thìn ông gặp Hạ Kiến Sở, ông quan sát rất chuẩn. “Phàm thiên tương phát tư nhân dã”, câu này nghĩa là nói, người này

trước khi sắp phát đạt, phước báo chưa xuất hiện nhưng trí tuệ đã lộ ra. Khi trí tuệ hiển lộ “tác phù giả tự thật”, “phù” là tùy tiện, họ tự nhiên rất chân thật, tính phóng túng tự nhiên thu lại. “Kiến Sở ôn lương nhược thử, thiên khái chi hĩ”, đây là ông trời khai phát ông ta, trí tuệ ông ta tăng trưởng. Khi treo bảng lần thi này, quả nhiên ông ta đã đậu.

Vị thứ năm là Trương Úy Nham, đây là trường hợp phản diện. “Giang âm Trương Úy Nham, tích học công văn, hữu thanh nghệ lâm”. Ông học giỏi, viết văn hay, nói như hiện nay ông rất có danh tiếng trong giới học thuật, mọi người đều rất khen ngợi ông. “Giáp ngộ, Nam Kinh hương thức”. “Hương thức” là thi cử nhân, Trương Úy Nham là một vị tú tài đi thi cử nhân. “Ngụ nhất tự trung”, ở trong một ngôi chùa. “Khê hiệu vô danh, đại mạ thức quan, dĩ vi mị mục”, sau khi thi xong, khi thông báo kết quả ông ta không đậu. Thi không đậu nên ông mắng quan coi thi, văn tôi viết hay như thế, vì sao không trúng? Trong lòng rất bất bình. “Thời hữu nhất đạo giả, tại bàng vi tiểu”. “Đạo giả” là một vị đạo trưởng. Vị đạo trưởng ở bên cạnh, nghe ông ta mắng quan coi thi, tỏ thái độ bất bình, oán hận! Vị đạo trưởng này ở một bên cười. “Trương cự di nô đạo giả”, Trương Úy Nham mắng quan coi thi, đạo trưởng ở bên cạnh cười, ông ta liền chuyển qua mắng vị đạo trưởng này. “Đạo giả viết, tướng công văn tất bất giai”. Đạo trưởng nói ông này, văn của ông chắc chắn không hay. “Trương ích nô viết”, Trương càng nổi giận hơn. “Nhữ bất kiến ngã văn, ô tri bất giai”, ông không thấy văn tôi viết, làm sao biết nó không hay? “Đạo giả viết, văn tác văn, quý tâm khí hòa bình, kim thính công mạ li, bất bình thậm hĩ, văn an đắc công”. Vị đạo trưởng này nói rất có lý, viết văn nhất định phải tâm bình khí hòa, tâm bình khí hòa mới viết văn hay được. Bây giờ nghe ông mắng quan coi thi, tâm ông rất bất bình, như vậy làm sao viết văn hay cho được. Trương Úy Nham cũng là một người rất khó được, ông nghe đạo trưởng nói rất có đạo lý. “Trương bất giác khuất phục, nhân tự nhi thỉnh giáo yên”. Ông không giận dữ nữa, ngược lại còn thỉnh giáo đạo trưởng. Hành động này rất hiếm có, không đơn giản! “Đạo trưởng viết, trung toàn yếu mệnh, mệnh bất cai trung, văn tuy công vô ích dã, tuy tự kỷ tác cá chuyển biến”. Vị đạo trưởng này nói với Trương Úy Nham, thi đậu hay không đó là số mệnh, nếu số mệnh không đậu, văn ông viết hay đến đâu cũng vô ích. Ngày xưa thi cử, không ai không coi trọng âm đức. Trên là tổ tông tích đức, dưới là bản thân phải có âm đức. Tích âm đức, làm những việc thiện không để người khác biết, quỷ thần luôn âm thầm gia hộ, khi tham gia thi cử cơ hội đậu rất cao. Cho nên đạo trưởng nói với ông ta, bản thân ông phải thay đổi, giống như Liễu Phàm tiên sinh gặp thiền sư Vân Cốc vậy. “Trương viết”, Trương Úy Nham nói. “Ký thị mệnh, như hà chuyển biến”. Đã là số mệnh không thi đậu, tôi nên thay đổi như thế nào? “Đạo giả viết, tạo mệnh giả thiên, lập mệnh giả ngã, lực hành thiện sự, quang tích âm đức, hà phúc bất khả cầu tai”. Vị đạo trưởng này nói, vận mệnh tuy là do trời sắp đặt, nhưng “người nắm giữ vận mệnh là mình”. Ý của ông hoàn toàn giống với cách nói của thiền sư Vân Cốc. Khuyến ông ta “ra sức làm việc thiện, tích thật nhiều âm đức”, có cầu tất ứng! “Trương viết, ngã bản sĩ, hà năng vi”. Tôi là một thư sinh nghèo, ông khuyến tôi đi làm việc thiện làm sao có điều kiện. Mặc

dù trong tâm muốn làm, gọi là lực bất tòng tâm, tâm có thừa mà sức không đủ. “Đạo giả viết, thiện sự âm công, giai do tâm tạo, thường tồn thử tâm, công đức vô lượng. Thả như khiêm hư nhất tiết, tịnh bất phí tiền, nễ như hà bất tự phản, nhi mạ thức quan hò”. Dạy ông ta phương pháp tu thiện tích đức, việc thiện âm đức đều do tâm tạo. Phải thường giữ thiện tâm, phải thường giữ tâm giúp người khác, như vậy là vô lượng công đức. Đây là đưa ra trường hợp hiện tại, sự khiêm tốn này không cần tốn tiền, ta có thể làm được. Vì sao ông không tự phản tỉnh mà lại đi mắng vị quan coi thi này, đây là lỗi lầm của ông. “Trương do thử chiết tiết tự trì”, Trương Úy Nham từ đó về sau sửa đổi dần tập khí ngạo mạn. “Thiện nhật gia tu, đức nhật gia hậu”, thật thà đoạn ác tu thiện, ngày ngày tự kiểm điểm mình, cho nên thiện đức của ông ngày ngày tiến bộ. “Đinh đậu, mộng chí nhất cao phòng, đắc thức lục nhất sách, trung đa khuyết hành, vấn bàng nhân. Vấn, thử kim khoa thức lục, vấn, hà đa khuyết danh”. Năm Đinh đậu, có một hôm ông nằm mộng, thấy mình sống trong ngôi nhà rất cao. Ngôi nhà cao lớn này, nhất định là cơ cấu làm việc của chính phủ, không phải là ngôi nhà bình dân ở, xây dựng rất cao. Trong này ông ta thấy một cuốn danh sách, trong danh sách này có rất nhiều ô để trống. Ông rất hiếu kỳ hỏi người bên cạnh, đây là gì? Người ta nói, đây là danh sách năm nay thi đậu. Ông ta lại hỏi, vì sao trong danh sách có rất nhiều ô để trống? “Viết, khoa đệ, âm gian tam niên nhất khảo giáo”, tức là nói ba năm thẩm tra lại một lần. “Tu tích đức vô cử giả, phương hữu danh”. Vốn có tên trong danh sách, nếu trong ba năm này họ tích đức, không có lỗi lầm, tên của họ mới bảo toàn. “Như tiền sở khuyết”, ông thấy ô trống ở đây. “Giai hệ cựu cai trung thức”, đáng là lần này họ thi đậu. “Nhân tân hữu bạc hạnh, nhi khứ chi giả dã”, vì trong ba năm này họ tạo nhiều ác nghiệp nên danh sách bị xóa bỏ. Sau đó chỉ vào một hàng nói, “nhữ tam niên lai”, ông ba năm lại đây. “Tri thân phả thận, hoặc đương bổ thử, hạnh tự ái”. Họ nói, ba năm lại đây nếu ông có thể hạ mình, mỗi ngày tu thiện tích đức, hoặc là có thể bổ sung vào chỗ khuyết này, hy vọng ông biết lo cho mình. “Thị khoa quả trúng, nhất bách ngũ danh”, lần đó ông tham gia thi cử, chính là tham gia thi năm Đinh đậu, quả nhiên ông được thi đậu, đứng thứ 105. Sửa đổi lỗi lầm đích thực có hiệu nghiệm.

Bên dưới là đoạn thứ hai, đây là tổng kết. “Hư tâm khuất kỷ, thọ phước chi cơ”. “Do thử quán chi, cử đầu tam thước, quyết hữu thần minh”. Con người chúng ta làm sao để chung sống với trời đất quỷ thần? Trong thế gian hiện nay, mọi người không tin, không tin có quỷ thần, hoàn toàn không quan tâm đối với vấn đề quỷ thần. Có quỷ thần chẳng? Có quỷ thần, quỷ thần có quan tâm chúng ta chẳng? Không còn quan tâm nữa, tuy có quỷ thần nhưng đều đã rời xa. Con người không tin Phật Bồ Tát, không tin trời đất quỷ thần. Trời đất quỷ thần chỉ đành đứng một bên yên lặng quan sát, xem quý vị tạo tội, xem quý vị thọ báo. Khi nào quý vị quay đầu, hồi tâm chuyển ý, biết sám hối, trời đất quỷ thần vẫn đến quan tâm chúng ta. Người đồng với tâm này, tâm đồng với lý này, quỷ thần cũng không ngoại lệ.

“Xu kiết ty hung, đoạn nhiên do ngã”, bản thân nhất định phải tạo nhân, điều này quỷ thần không thể giúp ta được. “Tu sử ngã tồn tâm chế hành, hào bất đắc

tội ư thiên địa quỷ thần, nhu hư tâm khuất kỷ, sử thiên địa quỷ thần thời thời lân ngã, phương hữu thọ phúc chi cơ”. Mấy câu này rất quan trọng, chúng ta nhất định phải giữ thiện tâm, nhất định phải chế chỉ hành vi không chánh đáng của mình. Thiên địa quỷ thần rất lương thiện, chúng ta làm điều bất thiện là đắc tội với họ. Chúng ta tu thiện tích đức, là đồng tâm đồng việc tốt với thiên địa quỷ thần, thị hiếu giống nhau. “Hư tâm khuất kỷ”, “khuất” là phải hạ mình, phải uyển chuyển chính mình, chúng ta thường gọi là uyển chuyển cầu toàn, như vậy trời đất quỷ thần tự nhiên gia trì quý vị. Bất luận ở đâu, bất luận đối với ai, bản thân có thể nhân nhượng một chút, uyển chuyển một chút, rất tốt! Đây mới là “thọ phúc chi cơ”, cơ là cơ sở. “Bĩ khí doanh giả, tất phi viễn khí”, người này ý thể hiếp người, công cao ngã mạn, tiền đồ của họ không cao xa được. “Tất phi viễn khí”, khí chính là độ lượng, độ lượng có lớn nhỏ. Người này độ lượng không lớn, độ lượng không lớn thành tựu cũng không lớn. “Túng phát diệc vô thọ dụng”, cũng chính là nói người như vậy dù phát đạt, cũng không hưởng thụ phúc báo lâu dài. “Sảo hữu thức kiến chi sĩ, tất bất nhân tự hiệp kỳ lượng, nhi tự cự kỳ phúc dã”. Đây là nói người có một chút kiến thức, nhất định không nhân tâm khiến sự độ lượng của mình trở thành nhỏ bé như thế, bản thân rời xa phúc báo của mình. Nhưng trong xã hội hiện nay, chúng ta thấy người như vậy không ít.

“Huống khiêm tắc thọ giáo hữu địa, nhi thủ thiện vô cùng, vu tu nghiệp giả, sở tất bất khả thiếu giả dã”. Câu này rất quan trọng, huống gì một người có thể khiêm tốn, họ có thể tiếp thu lời dạy của người khác. Nếu như tự mãn công cao, ai chịu dạy quý vị. Còn nếu như biết khiêm tốn, những bậc có học vấn, có đạo đức gặp quý vị, đều hoan hỷ dạy và hoan hỷ giúp quý vị, đều hoan hỷ thành tựu quý vị, quý vị lấy điều thiện không bao giờ cùng! Đặc biệt là người tu nghiệp, người đọc sách, người đi theo con đường học vấn, đây là điều không thể thiếu.

Xem tiếp bên dưới: “Cổ ngữ vân, hữu chí ư công danh giả tất đắc công danh, hữu chí ư phú quý giả tất đắc phú quý. Nhân chi hữu chí, như thọ chi hữu căn, lập định thủ chí, tu niệm niệm khiêm hư, trần trần phương tiện, tự nhiên cảm động thiên địa, nhi tạo phúc do ngã”. Đây là Liễu Phạm tiên sinh mượn lời cổ nhân để nói, có chí cầu công danh, có cầu tất ứng. Mạnh tử nói nhất định được công danh. Có chí cầu phú quý nhất định được phú quý. Trong này cầu phải có đạo, vì sao tôi cầu công danh? Chư vị phải biết, công danh tức là ngày xưa thi đậu cử nhân, thi đậu tiến sĩ, mục đích là để làm quan, mục đích làm quan là vì nhân dân phục vụ. Hay nói cách khác, là hy vọng tìm được cơ hội phục vụ cho nhân dân, mục đích là như vậy, tuyệt đối không phải lợi ích chính mình. Nếu vì vinh hoa phú quý của mình, vậy quý vị cầu không phải là đạo. Trong số mệnh ta có công danh, có phú quý, là do đời trước tu được. Trong đời này số mệnh không có công danh, không có phú quý, ta cầu công danh, cầu phú quý, không phải cầu cho mình. Cầu cho riêng mình không cầu được. Người ta cầu là vì điều gì? Cầu là vì xã hội, vì chúng sanh, hy vọng tôi cầu chức vị này có thể phục vụ cho nhân dân. Tâm này, nguyện này trời đất quỷ thần đều tán thành, cho nên trời đất quỷ thần sẽ giúp quý vị.

Ngày xưa đọc sách và hiện nay đọc sách, quả thật không giống nhau. Sinh viên hiện nay, học đại học, học nghiên cứu sở, quý vị hỏi họ vì sao đi học, vì sao lấy học vị này? Đều là vì bản thân, vì danh văn lợi dưỡng của mình, vì hưởng thụ ngũ dục lục trần của bản thân, điều này hoàn toàn không giống trước đây. Chúng ta đọc cuốn sách này, có trời đất quý thần chăng? Tôi nói với chư vị, nhất định có. Giống như xã hội này của chúng ta, tuy xã hội này người ác rất nhiều, nhưng vẫn có người thiện. Người thiện ví như trời đất quý thần, người ác giống như yêu ma quỷ quái. Trong xã hội hiện nay yêu ma quỷ quái không ít.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật nói với chúng ta, nói đến thời kỳ mạt pháp, cũng chính là nói xã hội hiện nay: “Tà sư thuyết pháp, như hằng hà sa”. Tà sư chính là chỉ yêu ma quỷ quái. Điểm khác nhau của yêu ma quỷ quái và Phật Bồ Tát là gì? Chư Phật Bồ Tát dạy người chánh pháp, dạy người đoạn ác tu thiện. Yêu ma quỷ quái dạy người tà pháp, dạy người tăng trưởng tham sân si mạn, điều họ dạy không giống nhau.

Chúng ta thử nghĩ xem, người thế gian hiện nay, vì sao rất nhiều người tin theo tà giáo, tiếp nhận tà pháp? Rất đơn giản, họ dạy chúng ta tham sân si mạn, dạy ta hưởng thụ ngũ dục lục trần, dạy ta có thể không từ thủ đoạn, đó chính là đúng với hoài bão của mình, nên tự nhiên đi theo. Cho nên tà sư thuyết pháp như hằng hà sa, sức mạnh của tà ác tràn khắp xã hội. Chánh pháp, chánh pháp chỉ còn ẩn mình lại, chánh pháp hy vọng không bị tà pháp diệt tuyệt, như vậy chỉ còn thu mình lại cầu sinh tồn. Đây gọi là “pháp nhược ma cường”, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Trong hoàn cảnh này, chúng ta nhất tâm hướng thiện, tự nhiên được Chư Phật Bồ Tát, thiện thần gia hộ. Không nên nhìn thấy hiện tượng xã hội hiện nay, khắp nơi đều khiến ta nản lòng. Nếu chúng ta thật sự nản lòng tiêu cực, không chỉ bất lợi cho chính mình, bản thân không thể phấn đấu hướng thượng, không thể nâng cao cảnh giới của mình. Đã không thể nâng cao, nhất định đọa lạc. Chúng ta cũng có lỗi với chư vị thánh hiền, có lỗi với lịch đại tổ sư truyền thừa chánh pháp, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Cho nên mặc dù sống trong xã hội ngày nay, chúng ta vẫn phải lập chí, phải hướng thượng, chúng ta phải làm tấm gương tốt cho mọi người noi theo. Gian nan, khôn khó là điều tất nhiên, sức mạnh này chắc chắn rất lớn, chúng ta phải đột phá. Khi sức mạnh tà ma bên ngoài quá lớn mạnh, chúng ta phải biết tránh né. Phương pháp của cổ đức là ẩn cư, ẩn cư trong rừng sâu, tuyệt đối không sinh xung đột lợi ích với họ, như vậy chánh pháp vẫn có thể kéo dài. Các bậc tổ đức gặp phải kiếp nạn như vậy, thường ẩn cư trong núi sâu, dạy một hai người đệ tử, mạng mạch Phật pháp vĩnh viễn không đoạn tuyệt. Đến khi chúng sanh có phước báo, những truyền nhân này truyền đến đời sau chắc chắn khai hoa kết trái.

Ví dụ như Thiên tông là một trường hợp rất hay, Tổ Sư Đạt Ma đến Trung quốc truyền pháp, không ai biết đến ngài. Khi ngài gặp Lương Võ Đế, trong lúc nói chuyện khiến Lương Võ Đế không vui, ông ta không hộ trì ngài. Ngài đành phải đến Thiệu Lâm Tự diện bích, suốt đời chỉ truyền được một người, là ngài Huệ Khả. Suốt đời Huệ Khả cũng chỉ truyền một người, là truyền cho Tăng Xán. Chỉ cần truyền cho một người là được, như vậy pháp này sẽ không đoạn diệt. Đến

đời thứ sáu, nhân duyên của đại sư Huệ Năng đã thuần thực. Ngũ tổ Hoàng Nhẫn truyền pháp cho ngài Huệ Năng, suốt đời ngài Huệ Năng đã truyền cho 43 người, mà còn đem Thiền tông truyền khắp Trung quốc. Trong Phật pháp gọi đây là “nhân duyên thời tiết”, nhân duyên không thuần thực không thể miễn cưỡng, miễn cưỡng chắc chắn không được lợi trái lại còn bị nó hại.

Hôm nay chúng ta tạm dừng tại đây.

**Liễu Phàm Tứ Huấn**  
**Tập 20**  
**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**  
**Chuyên ngữ: Hạnh Chơn**  
**Biên tập: Bình Minh**  
**Thời gian: 20.04.2001**  
**Địa điểm: Đài Truyền Hình Phụng Hoàng**  
**Thâm Quyển\_Trung Quốc**

Chư vị đồng học, xin chào mọi người!

Mời xem đoạn sau cùng của bài “hiệu quả của khiêm đức”, chúng ta đọc lướt qua đoạn văn này.

“Cổ ngữ vân, hữu chí ư công danh giả tất đắc công danh, hữu chí ư phú quý giả tất đắc phú quý”. Mục đích cầu công danh phú quý, ở trước đã nói với chư vị, đại khái đều không ngoài mục đích tìm cầu một cơ hội phục vụ cho chúng sanh.

Trong xã hội hiện nay, có thể nói về phương diện bản chất, so với ngày xưa đã sản sinh sự biến hóa rất lớn. Bây giờ chúng ta muốn tìm một cơ hội phục vụ xã hội, phục vụ chúng sanh, có rất nhiều cơ hội. Không cần cầu công danh, cũng có thể đạt được hưng kiến đại lợi cho tất cả chúng sanh, mỗi ngành nghề hầu như đều có cơ hội như nhau. Trong công thương nghiệp, hiện nay chúng ta thấy rất nhiều công ty đa quốc gia. Những xí nghiệp này, có thể nói ngày xưa công danh và phú quý họ đều có đủ, đây là trong đời quá khứ tu tập tích lũy được phước đức nhân duyên lớn, mới có quả báo thù thắng như vậy. Trong kinh Phật thường nói với chúng ta, phải phước tuệ song tu quả báo mới chân thật. Nếu tu tuệ không tu phước, hay nói cách khác, tuy có trí tuệ thông minh, nhưng cuộc sống vật chất rất khó khăn. Giả như tu phước không tu tuệ, cơ hội tạo nghiệp rất nhiều. Đời này hưởng hết phước báo, đời sau đi về đâu.

Sống trong xã hội hiện nay, tiếp thu giáo dục thời hiện đại, mọi người đều cho trời đất quý thân là mê tín. Sau khi mình được giàu sang, thường không có kiêng kỵ gì cả, mặc tình hưởng thụ, không ngờ mình đã tạo ra vô số tội nghiệp. Họ có biết chăng? Họ biết. Tôn người lợi mình, đặc biệt như các xí nghiệp lớn, ngành kinh tế hiện hay trên toàn thế giới, đều nằm trong sự thao túng của họ. Cổ phiếu, tỷ giá hoán đổi, họ muốn tăng là tăng, họ muốn giảm là giảm, gọi là làm những trò không chính đáng.

Hai năm nay Á Châu gặp khủng hoảng kinh tế, rất nhiều quốc gia hầu như phá sản. Nhân dân của quốc gia này mặc dù may mắn được của cải, nhưng thật ra rất nhiều tiền của là dùng mồ hôi và nước mắt của mình mới tranh về được. Sau khủng hoảng kinh tế, sự nghiệp vất vả một đời đều bị người khác lấy mất. Tạo nghiệp này quá nặng! Nghiệp nặng vô cùng, tổn thương biết bao nhiêu nhân mạng và tài sản của con người. Trong này sao lại liên quan đến sanh mạng? Rất nhiều người sau khủng hoảng kinh tế, một khi tài sản mất giá, giá hạ quá thấp, họ chịu không nổi cú sốc này, cho nên có người tự sát, nhảy lầu, chúng ta thường nghe thấy. Trên thế giới hiện nay, có rất nhiều đồng tu nói với tôi, người tự sát

rất nhiều. Người già chán đời tự sát, cảm thấy xã hội này không có tiền đồ, không có hy vọng. Lớp thanh niên gặp lúc bất đắc dĩ cũng tự sát, thậm chí hiện nay đến học sinh tiểu học và trung học, chúng ta cũng thường nghe nói tự sát. Nguyên nhân tự sát là gì? Vì thi không đậu, điểm không bằng người khác. Quý vị nói đây là thế giới gì! Nếu là một người có lương tâm, là người từng tiếp thu giáo huấn của thánh hiền, nhất định phải phát tâm cứu vãn kiếp vận này. Đừng để kiếp vận này thật sự bị nhà dự ngôn nói đúng, đó là bất hạnh lớn nhất của nhân loài. Suy nghĩ tường tận vấn đề này, khó! Khó vô cùng! Nhưng khó đến mấy cũng phải làm, không thể không làm. Cổ nhân nói: “biết nó không thể làm nhưng cũng phải làm”, đây mới là bậc chí sĩ có đạo đức. Nhà Phật nói trí tuệ viên mãn, phương tiện thiện xảo. Ngày nay người ta gọi là trí tuệ cao độ, thủ đoạn linh hoạt, thủ đoạn linh hoạt tức nhà Phật gọi là phương tiện thiện xảo. Giúp xã hội này, giúp từ đâu? Đây là vấn đề quan trọng hiện nay của chúng ta.

Chúng ta quan sát xem, bệnh của chúng sanh hiện nay là gì? Bệnh mê mất tự tánh, mê mà không giác. Vì mê, mê mất tự tánh, mê mất lương tâm. Lương tâm là chân tâm, làm việc bằng vọng tâm, vọng tâm chính là nói làm việc theo cảm tính, chân tâm là lý trí. Người mất đi lý trí, làm việc theo cảm tính, điều này không đáng sợ ư? Như vậy mới biến thành tà mà không chánh, nhiễm mà không tịnh. Trong tâm là ô nhiễm, không phải thanh tịnh, đây là nguyên nhân của căn bệnh.

Con đường cứu vãn, như Nho giáo nói phải dạy họ. Ngày nay con đường cứu vãn không gì khác ngoài giáo dục, dạy học. Cũng có thể có người nói, giáo dục hiện nay rất phát triển, thành thị hay nông thôn đều có trường học, so với ngày xưa không biết vượt qua bao nhiêu lần. Về hình thức nói như vậy không sai, nhưng nếu nói về thực chất thì hiện nay không có giáo dục. Tuy trường học rất nhiều, nội dung của trường học là gì? Chúng ta có suy nghĩ tường tận, có bình tĩnh quan sát chăng? Rốt cuộc như thế nào gọi là giáo dục?

Các bậc cổ đức đối với chữ “giáo” này, họ có một định nghĩa, thế nào gọi là “giáo?” Giác trước giác ngộ người giác sau gọi là giáo, biết trước giác ngộ người biết sau gọi là giáo, biết trước giác trước gọi là thánh nhân, trong Phật giáo gọi là Phật Bồ Tát. Họ biết trước giác trước, chúng ta không biết không giác. Họ dạy chúng ta, chúng ta cũng giác ngộ, cũng biết, chúng ta tức là người biết sau giác ngộ sau. Nếu không có những người này dạy chúng ta, làm sao chúng ta giác ngộ được?

Nội dung dạy học của thánh hiền nhân, có thể chia thành mấy phương diện để nói. Thứ nhất, nội dung dạy học của họ là dạy chúng ta nhận thức về chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Trong Kinh Bát Nhã Đức Phật nói: “thật tướng các pháp”, bốn chữ này nói như hiện nay, chư pháp là toàn bộ nhân sinh vũ trụ, thật tướng nghĩa là chân tướng, làm gì có mê tín? Làm gì có sai lầm? Nếu chúng ta hiểu rõ chân tướng của nhân sinh vũ trụ, nhân sanh là con người của chúng ta, vũ trụ là môi trường sống của chúng ta. Ngày nay chúng ta mê muội không nhận ra chính bản thân mình, không biết chính mình. Thiên tông gọi là “bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sanh ra”, chúng ta không biết! Chúng ta đối với môi trường sống



của mình, cũng là mê mà không giác, cho nên mới làm điều sai trái. Phá hoại sinh thái tự nhiên, phá hoại môi trường sống của chúng ta. Vì sao ta phá hoại? Vì ta mê, không biết chân tướng sự thật. Cổ nhân nói lại với chúng ta, giữa vũ trụ nó lớn không có bên ngoài. Tình trạng trong đó rất phức tạp\_nhà Phật nói mười pháp giới, mười pháp giới là phần lớn, đại thể chia nó thành mười loại lớn, phần nhỏ là vô lượng vô biên, chúng ta hoàn toàn không biết gì về nó. Không biết thì thôi, đấng này còn phủ nhận tất cả, nói đây là mê tín. Đây chính là Liễu Phàm tiên sinh nói, chúng ta tự cho mình hơn người, cống cao ngã mạn, không hề có chút khiêm tốn nào, đến cơ duyên tiếp thu giáo dục cũng không có. Cho dù có thánh hiền đến, có Phật Bồ Tát đến, cũng không nói với quý vị một câu nào, vì sao vậy? Vì quý vị không tiếp thu nổi, không thể tiếp thu, điều này không đáng sợ sao?

Nhưng trong nửa thế kỷ này, chúng tôi cũng đi qua rất nhiều quốc gia khu vực. Chúng tôi tiếp xúc, đương nhiên đa số đều là dân của các đất nước Đông nam á. Chúng tôi cùng nhau giao tiếp, đều là người Châu á, đều là dân da vàng. Những người này mặc dù trong đời này không được tiếp thu giáo huấn của thánh hiền, nhưng trước họ một đời, trước đó một đời nữa từng tiếp thu. Hay nói cách khác, họ vẫn còn những tập khí chủng tử này. Chúng tôi đem giáo nghĩa của ba nhà Nho Thích Đạo, giới thiệu sơ lược cho mọi người nghiên cứu thảo luận, đều có thể sanh tâm hoan hỷ. Điều này trong Phật pháp gọi là “phát hiện thiện căn”. Không chỉ là người Trung quốc, hiện nay rất nhiều người phương tây, chúng tôi ở Mỹ từng gặp, ở Úc châu càng nhiều hơn. Chúng tôi nói với họ về luân lý đạo đức, nói với họ về giáo huấn của thánh hiền, đều tiếp thu rất hoan hỷ. Do đó chúng ta khẳng định, Khổng Mạnh dạy học phải chăng là học thuyết của Khổng tử? Người bây giờ đều nói đây là học thuyết của Khổng tử, đây là những gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói. Quan niệm này quá sai lầm! Những gì Khổng tử nói, những gì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói đều là người của hơn 2500 năm trước, sao tôi có thể tin? Sao tôi có thể tiếp thu? Vì sao tôi chịu ảnh hưởng của họ? Tự cho mình thông minh, tự thị rất cao. Thật ra họ nghĩ sai, thấy sai. Chính Khổng lão phu tử nói, suốt đời ông không có sáng tạo, người bây giờ gọi là sáng tác, Khổng Phu tử không có sáng tác. Ông nói bản thân mình “thuật nhi bất tác”, suốt đời ông không có sáng tác, những gì ông nói đều là thuật lại giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, không phải của chính mình. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng sanh thuyết pháp suốt 49 năm, cũng không phải tự ngài nói ra, ngài cũng không có sáng tác. Những gì ngài nói từ đâu ra? Là những lời của cổ Phật nói. Nếu chúng ta hỏi cổ thánh tiên hiền là ai? Cổ Phật là ai? Truy cứu đến sau cùng mới bỗng nhiên đại ngộ, thì ra là tâm tánh của mình, là chân tâm của mình. Trong kinh điển Đức Phật nói rất rõ ràng, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, nói quá hay! Trong chân tâm bản tánh của tất cả chúng sanh, vốn đầy đủ trí tuệ, năng lực, tướng hảo, phước báo giống như tất cả chư Phật và thánh hiền vậy. Cho nên đức Phật đối với chúng sanh rất bình đẳng, Phật rất tôn kính chúng sanh. Chúng ta coi thường Phật Bồ Tát, các ngài không coi thường chúng ta. Họ biết chúng ta không khác gì họ, chỉ là hiện nay mê mất chân tâm, mê mất tự tánh biến thành như vậy, chúng ta sẽ có ngày tỉnh ngộ. Khi tỉnh ngộ chúng ta không có gì khác với các

ngài. Ngày nay chúng ta trở thành như thế này, Đức Phật nói rất hay, do vì vọng tưởng phân biệt mà không thể chứng được. Bệnh của chúng ta là do có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, những thứ này hại chúng ta, khiến chúng ta mê mất chân tâm, mê mất tự tánh. Như vậy mới biết trí tuệ của các bậc thánh hiền, Chư Phật Bồ Tát, cùng năng lực của họ, giáo huấn của họ đều từ trong chân tâm hiển lộ ra, tuyệt đối không thêm ý mình vào trong đó. Ý mình tức là vọng tâm, không thêm vào chút tư tưởng nào tức hoàn toàn không có vọng tâm. Tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Tôi nói mười chữ này, hình dung chân tâm bản tánh của chúng ta, từ đây hiển lộ ra.

Giáo huấn của Thánh hiền, kinh giáo của Phật Bồ Tát nó vốn đầy đủ trong chân tâm bản tánh của mình. Không phải của người khác, không phải từ bên ngoài vào. Nếu có thể lãnh hội được ý này, tự nhiên sẽ hoan hỷ tiếp nhận, vì sao vậy? Vì đây không phải là thứ của người khác. Ta đọc sách Nho giáo, không phải của Khổng tử, là trong tâm tánh của mình. Ta đọc kinh Phật, không phải của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là kinh điển được hiển lộ ra từ trong tự tánh, không có gì khác với những điều Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, ta sẽ tình nguyện tiếp thu, đây là chân tướng sự thật.

Hôm nay chúng ta nói đến hưng đại lợi, trông đại phúc, phải trông ở đâu? Nếu trong tình trạng xã hội hiện thực này, ta đều có thể thấu triệt, đều có thể minh bạch, mới biết cứu người không gì hơn xóa bỏ tri kiến sai lầm của họ. Làm sao giúp đỡ chúng sanh buông bỏ tư tưởng và cách nhìn sai lầm, học theo quan niệm đúng đắn của thánh hiền nhân. Do đây có thể biết, vấn đề này là giáo dục. Ngày xưa trong Lễ Ký nói: “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Kiến lập một đất nước, lãnh đạo nhân dân toàn quốc, quan trọng nhất là gì? Giáo dục quan trọng nhất. Cùng một đạo lý, thanh niên thành gia lập thất, kết hôn sanh con, gia đình điều gì quan trọng nhất? Dạy học quan trọng nhất. Giáo dục gia đình là nền tảng căn bản của các nền giáo dục. Làm cha mẹ không dễ! Giáo dục gia đình bắt đầu từ khi nào? Bắt đầu từ ngày người mẹ mang thai. Biết mình mang thai, tức là phải dạy con mình, dạy như thế nào? Tâm mình phải chánh, hành vi mình phải đoan trang. Không phải lễ đừng xem, không đứng lễ đừng nghe, không đứng lễ đừng nói. Vì người mẹ khởi tâm động niệm, động tác hành vi của thân thể đều ảnh hưởng đến thai nhi. Ngày nay nói cha mẹ yêu thương con cái, nếu không chăm sóc được như thế, tức chưa phải yêu con cái của mình. Sau này con cái mình lớn lên ra ngoài đời không biết nghe lời, bản thân mình phải chịu trách nhiệm, do không dạy tốt chúng, bắt đầu dạy từ lúc mang thai. Sau khi trẻ sinh ra, mắt chúng vừa mở ra liền có thể nhìn thấy bên ngoài, chúng ta phải cho chúng thấy điều gì? Phải cho chúng nhìn thấy pháp thuần chánh, tuyệt đối không để chúng tiếp xúc với tà ác. Không để chúng nhìn thấy hình ảnh tà ác, không để chúng nghe những âm thanh tà ác. Từ nhỏ vun bồi cho chúng sự chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, đây mới là tình yêu thương bảo vệ thật sự của cha mẹ đối với con cái.

Năm sáu tuổi phải dạy chúng đọc sách, dạy chúng học lễ nghĩa, học lễ nghĩa chính là có quy củ, đây là tiểu học ngày xưa. Nói thật ngày nay chúng ta vô cùng đáng thương, đáng bi ai, chúng ta không được tiếp thu nền giáo dục này. Thấy

trong sách cổ ghi chép, chúng ta ngưỡng mộ vô cùng. Cổ nhân dạy từ lúc nhỏ, ấn tượng đó rất sâu sắc, có câu nói rằng: “tuổi nhỏ thành thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”. Từ nhỏ nuôi dưỡng thành tập quán, suốt đời họ không thay đổi.

Sáu bảy tuổi dạy chúng những quy củ làm người, có một cuốn sách nhỏ đó là *Đệ Tử Quy*. Những nguyên lý nguyên tắc trong sách này nói, suốt đời họ đều phụng hành, không trái phạm. Đây là dạy từ mẫu giáo, hiện nay gọi là giáo dục mầm non. Ngày xưa bảy tuổi đi học, đi học lớp tư thực. Thầy dạy lớp tư thực phụ trách dạy học sinh, tiếp thu giáo dục chính quy. *Đệ Tử Quy* là giáo dục trước lúc đi học, không có nền tảng này không thể tiếp thu giáo dục chính quy. Giáo dục chính quy, thầy giáo dạy những gì? Dạy hiếu, dạy trung, dạy hiếu để trung tín, đây là việc của thầy giáo. Cha mẹ dạy con cái tôn sư trọng đạo, dạy như thế nào? Chỉ nói bằng miệng thôi không được, ấn tượng không sâu sắc, phải tự mình thể hiện để học sinh thấy, cha mẹ phải làm cho con cái thấy.

Khi tôi khoảng bảy tám tuổi, lúc đó ở quê nhà, trong từ đường của một người bà con, có một thầy giáo dạy tư thực ở đó, học sinh có khoảng hai ba mươi người. Phụ thân tôi đưa tôi đến lớp, đã hẹn trước với thầy giáo, ngày đầu tiên đi học phụ thân đưa tôi đến lạy thầy. Phụ thân mang theo lễ vật, đây là học phí, lễ vật tặng thầy giáo. Đền đại điện của từ đường, ở giữa thờ một bài vị rất lớn, là Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Thần Vị, đó là bài vị của Khổng tử. Trước tiên hành lễ ba quỳ chín lạy trước bài vị Khổng Tử, phụ thân ở trước, tôi ở sau, ở sau lạy theo. Lạy xong, mời thầy giáo ngồi lên vị trí, thầy ngồi một bên bài vị của Khổng tử. Phụ thân tôi ở trước, tôi ở sau, tiếp tục hành đại lễ ba quỳ chín lạy với thầy. Thầy ngồi yên ở đó để nhận lễ của chúng tôi, học sinh chúng tôi nhìn thấy phụ thân tôi hành lễ ba quỳ chín lạy với thầy. Quý vị thử nghĩ xem, chúng ta làm học trò dám không nghe lời thầy chẳng? Dám không tôn trọng thầy giáo chẳng? Phụ thân tôi tôn trọng thầy giáo như vậy, đương nhiên tôi phải tôn trọng, tôn sư trọng đạo là phụ thân dạy. Thầy tiếp nhận đại lễ long trọng như vậy của gia trưởng, nếu họ không chuyên tâm dạy học sinh, làm sao họ xứng đáng với cha mẹ người ta? Nhận lễ lớn như vậy, nhận cúng dường, cúng dường nhiều ít không quan trọng, nhưng các bậc gia trưởng đem con cái nhờ cậy chân thành như thế, nếu như không dạy dỗ thật tốt, rất có tội! Dạy tôn sư trọng đạo như thế nào? Do phụ thân dạy, phụ thân không còn, nhất định là trưởng bối trong gia đình, thay thế phụ thân dạy ta tôn sư trọng đạo. Chúng ta tôn trọng đối với thầy, đối với ân đức của thầy, sống đến lớn như vậy, nhưng niệm niệm không quên! Vì sao niệm niệm không quên? Nhờ phụ thân dạy lúc nhỏ.

Trong lớp tư thực thầy dạy chúng tôi, họ cũng lấy thân làm gương. Dạy cho chúng tôi giáo dục cuộc sống, quét dọn ứng đối cũng như ăn mặc, thầy dạy những điều này. Thầy giáo làm gương, học sinh cùng sống chung với thầy giáo. Sau khi “hành hữu dư lực” mới học văn, hành hữu dư lực, hành là gì? Là giáo dục cuộc sống, đều thể hiện không tẻ, đều rất có quy củ. Đi có phong cách của đi, đứng có phong cách của đứng, đối với người biết lễ nghĩa, đối với trưởng bối phải như thế nào, đối với người ngang hàng nên như thế nào, đều phải hiểu. Từ nhỏ nuôi dưỡng thành thói quen, sau đó mới dạy học văn.

Văn là gì? Là học chữ, đều là học sách cổ. Những sách cổ này thầy chỉ dạy chấm câu, chỉ dạy đọc. Ngày xưa sách chúng tôi học, không có dấu chấm phẩy. Khi đi học, học sinh phải cầm theo sách của mình, thầy cầm theo bút đỏ để làm dấu câu cho chúng tôi, dấu chấm câu. Dạy chúng tôi đọc, nghĩa là đọc chữ thật chính xác, không được đọc sai. Câu đọc thật rõ ràng, không được đọc phá câu, như vậy là sai. Chỉ dạy câu, chỉ dạy biết chữ. Học sinh tuổi tác không đồng nhau, tôi nhớ lúc đó các bạn lớn tuổi, có người mười sáu mười bảy tuổi, lớn hơn tôi rất nhiều. Nhỏ khoảng bảy tám tuổi, chúng tôi rất nhỏ. Sách mỗi người đọc không giống nhau, có người đọc cổ văn, có người đọc Tứ Thư. Tôi nhớ lúc đó tôi đọc Âu Học Cổ Sự Quỳnh Lâm, đó thuộc về kiến thức thông thường, hiện nay gọi là sách thường thức. Có người học Thiên Gia Thư, có người đọc Bách Gia Thư. Thầy giáo chỉ dạy câu, không giảng ý nghĩa trong sách, không giảng giải. Đến khi nào mới giảng giải? Khi lớn lên, như trong đồng học của chúng tôi, có một số người lớn tuổi. Mười sáu mười bảy tuổi, họ đọc cổ văn, đọc Tả Truyện, thầy giáo giảng giải cho họ. Đây là lúc thời đại của tôi, người nhỏ hơn tôi khoảng hai tuổi, không có cơ hội này, về sau đều biến thành trường học. Ở nông thôn cũng thành lập trường học ngăn ngày, lớp học tư thực không còn nữa, tôi cũng không còn nghe lại nữa. Giáo dục ngày xưa rất hay! Giáo dục cắm rễ, thâm căn cố đế.

Tôi ở trong thời kỳ đó, trong mấy mươi năm này không bị hoàn cảnh làm ô nhiễm, đều dựa vào một năm giáo dục lúc còn nhỏ, thời gian không dài. Về sau xã hội động loạn, chiến tranh quân phiệt đối với kháng chiến người Nhật bản. Lúc kháng chiến Trung Nhật, tôi 11 tuổi. Bây giờ chúng ta hồi tưởng lại, nền tảng giáo dục đó quan trọng biết bao, thầy giáo dạy chúng tôi tất cả đều là giáo huấn của thánh hiền. Tuy đã đọc những sách này, nhưng không biết nghĩa của nó, không hiểu nghĩa của nó. Nhưng sau khi tuổi lớn, đối với những cuốn sách này vẫn rất yêu thích. Bản thân đọc nhiều, nghiên cứu nhiều, thường thỉnh giáo người khác, dần dần hiểu được những ý nghĩa này, hiểu càng nhiều càng hoan hỷ.

Lại quan sát bệnh trạng của xã hội ngày nay, nhiều ít cũng có thể nhận ra một chút căn do. Vì sao ngày nay xã hội lại biến thành như vậy? Chúng ta ngày nay làm sao để giúp chính mình? Làm sao giúp xã hội đại chúng? Cho nên hôm nay vẫn nói thật một câu, không gì bằng đề xướng giáo dục luân lý, nhân quả, đại thừa. Lời này không phải tôi nói, tôi không có trí tuệ lớn như thế, đây là đại sư Ấn Quang nói. Tôi khẳng định cách nói này của đại sư, tôi tán dương cách nói này của đại sư. Trong xã hội này nay, nếu không có luân lý, không có nhân quả, không có đại thừa, động loạn của xã hội này rất khó bình lặng, rất khó khôi phục trật tự.

Không chỉ đại sư Ấn Quang có trí tuệ này, có kiến thức này. Tôi nghe một vài người bạn nói, vào niên đại 70, nghĩa là trước và sau năm 1970, nhà triết học trong lịch sử nước Anh là tiến sĩ Townenbe. Có một lần Úc châu mở một hội nghị quốc tế, đặc biệt mời ông đến diễn giảng, ông đã đến đó. Trong lúc diễn giảng ông đưa ra lời cảnh báo, giải quyết vấn đề phân tranh trên thế giới của thế kỷ 21, ông nói chỉ có học thuyết Không Mạnh và Phật pháp đại thừa, đây là người Anh nói. Ông diễn giảng lần này, phát sinh hiệu quả ảnh hưởng rất lớn, lúc đó tôi ở

Đài Loan. Thiên chúa giáo Đài Loan đột nhiên đề xướng tế tổ, tôi cảm thấy vô cùng kinh ngạc! Trước đây Cơ đốc giáo, Thiên chúa giáo không cho phép người tế tổ, đều đem bài vị của tổ tông đốt hết, sao họ lại đề xướng tế tổ? Tôi hoài nghi không hiểu, nghe ngóng khắp nơi. Sau đó cư sĩ Triệu Mặc Lâm nói với tôi, ông nói chủ giáo Vu Bản Xu Cơ tham dự hội nghị này từ Úc châu trở về, chắc là nghe được lời diễn giảng của này của Townerbe. Không những ông cảm động, mà giáo đình cảm động. Giáo đình của Thiên chúa giáo chính là giáo hoàng của họ, lúc đó hạ một mệnh lệnh, khiến nhân viên thần chức của Thiên chúa giáo trên toàn thế giới, chủ động đến đối thoại với Phật giáo. Quan hệ của Thiên chúa giáo với Phật giáo dần dần gần gũi hơn, đây là một nguồn gốc.

Khi tôi ở Đài Loan, viện Thần học của Thiên chúa giáo mời tôi đến dạy học, liên quan đến những điều diễn giảng của Townerbe. Càng khó được, ba năm gần đây, đồng tu ở Anh nói với tôi, bộ giáo dục của nước Anh hạ lệnh trong sách của tiểu học, trung học đại học của họ đều có nội dung của Phật giáo, đất nước chúng ta vẫn chưa có. Họ đã đọc kinh điển của Phật giáo, môn học chính quy ở trường. Cách một năm, năm trước chính phủ Úc Châu cũng quy định học sinh phải đọc kinh Phật, họ dịch kinh Phật sang tiếng Anh. Sách giáo khoa này, khi tôi ở Úc châu, đồng tu ở đó tặng cho tôi hai cuốn, cuốn sách đó rất hay.

Hiện nay người phương tây tinh tấn học Phật, siêng năng nghiên cứu sách tịch của Nho giáo. Họ học những thứ này để làm gì? Để cứu vãn tư tưởng và nếp sống con người trong xã hội. Cho nên bây giờ tôi vẫn có ý đến nước Anh phỏng vấn, xem nước Anh đối với giáo dục luân lý và đại thừa. Chúng ta không thể không chú ý.

Bây giờ chúng ta xem hai hàng sau cùng: “Lập định thử chí, tu niệm niệm khiêm hư, trần trần phương tiện”. Vì chúng ta khiêm tôn, phương tiện mới có thể tiếp thu lời dạy của người khác. Người nước Anh khiêm tốn, người Úc châu khiêm tốn, có thể tiếp thu học thuyết Không Mạnh, có thể tiếp thu giáo lý đại thừa.

“Tự nhiên cảm động thiên địa, nhi tạo phước do ngã, kim chi cầu đặng khoa đệ giả, sơ vị thưởng hữu chân chí”. Mới đầu chưa chắc đã có chân tâm. “Bất quá nhất thời ý hưng nhĩ”, một lúc cao hứng, tham gia cuộc thi. “Hưng đáo tắc cầu, hưng lan tắc chí”, khi có hứng thì cầu, không có hứng thì thôi. “Mạnh tử viết, Vương chi háo lạc thậm, tề kỳ thứ kỷ hồ”. Mạnh tử nói hai câu như thế, hai câu này là nói với đại vương nước Tề. Đại vương nước Tề thích âm nhạc, nhưng ông ta là cá nhân thích âm nhạc. Nếu có thể cùng vui với dân, thì nước Tề sẽ hưng thịnh.

“Dữ ư khoa danh diệc nhiên”, tôi đối với khoa cử, tâm cầu khoa cử cũng như vậy, cũng giống như Mạnh tử nói. Nhất định phải thực hiện phổ biến rộng rãi đến tích đức hành thiện, phải tận tâm tận lực mà làm. Đạt được công danh này, đạt được địa vị này, giống như ông đạt được huyện trưởng này, có cơ hội này để phục vụ cho dân chúng. Chỉ cần giữ tâm như thế, làm việc như vậy, vận mệnh và phước báo đều có thể do mình làm chủ.

Thôi, Liễu Phàm Tứ Huấn chúng ta giảng đến đây, cảm ơn mọi người đã xem.